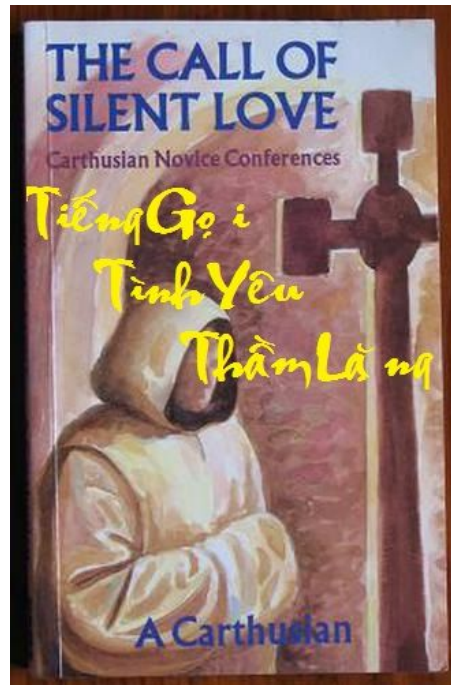




Tiếng Gọi Tình Yêu Thầm Lặng

Nguyên tác bằng Tiếng Pháp do một Đan Sĩ Dòng Thánh Bruno,

Bản dịch Anh Ngữ do một Ân Sĩ Anh Giáo với tựa đề:

The Call Of Silent Love

Chuyển ngữ: Piô Phan Văn Tĩnh

First published: 1995 do Darton, Longman and Todd Ltd London

And Cistercian Publications Inc WMU Station Kalamazoo, Michigan 49008

Những quyển sách cùng tác giả:

The Way Of Silent Love (1993)

The Wound Of Love (1994)

MỤC LỤC

Chương 1. Brunô: Một Thời Điểm, Một Nơi Chôn, Một Con Người

Chương 2. Tu Luật

Chương 3. Ôn Gọi

Chương 4. Lời Mời Gọi

Chương 5. Hãy Bán Những Gì Bạn Có

Chương 6. Hãy Theo Thầy

Chương 7. Bạn Sẽ Được Nhìn Thấy

Chương 8. Xin Vâng Trong Thời Đại

Chương 9. Trường Học Chúa Thánh Thần

Chương 10. Vị Thầy Thiêng Liêng

Chương 11. Phân Định Các Thần Khí

Chương 12. Phân Định Các Thần Khí Trong Truyền Thống Đan Tu

Chương 13. Thanh Luyện Các Đam Mê

Chương 14. Thanh Luyện Các Đam Mê II

Chương 15. Thanh Luyện Các Đam Mê III

Chương 16. Thanh Luyện Các Đam Mê IV

Chương 17. Phân Định Các Thần Khí Trong Truyền Thống Sau Đây

Chương 18. Phân Định Các Thần Khí II

Chương 19. Trưởng Thành Tâm Lý

Chương 20. Hành Trình Vĩ Đại

CHƯƠNG 1

BRUNÔ: MỘT THỜI ĐẠI, MỘT KHÔNG GIAN, MỘT CON NGƯỜI

Trước hết, hãy có cái nhìn bao quát về đời sống của thánh Brunô, bởi bạn vốn có liên hệ với ngài trong từng sự kiện. Khoảng năm 1028: Ngài sinh ra và được giáo dục sớm ở Cologne thuộc nước Đức.

A. Đời Sống Hoạt Động (1043-1076):

33 năm học tập nghiên cứu, rồi dạy học và phục vụ Giáo Hội trong các trường lớn của Rheims.

1043: Là sinh viên ở tuổi 15, rồi phó giáo sư, giáo sĩ thuộc kinh sĩ đoàn nhà thờ chính tòa.

1056: Écolatre, là chủ nhiệm và hiệu trưởng trường đại học được 20 năm.

1069 hoặc 1070:

Là viện trưởng danh dự, tranh luận và lên án Manasseh, tổng giám mục Rheims.

B. Bước Ngoặt (1076-1080): 4 năm

1076: Bị quyền lợi chức vụ và tài sản của Manasseh cản bước, ngài đã cùng với Count Ebal de Ronci lánh đi, nguyện từ bỏ thế gian để sống đời đan tu.

1080: Manasseh bị truất phế: Brunô được đề cử làm tổng giám mục, nhưng Brunô đã từ bỏ mọi sự.

C. Đời Sống Chiêm Niệm (1080-1101): 21 năm.

1081-1084: 4 năm.

Thử nghiệm sống đời sống ẩn tu cùng với hai người bạn tại Sèche-Fontaine.

1084-1090: 6 năm.

Đặt nền móng trên núi Chartreuse (Brunô và 6 anh em: 4 tu sĩ (1 linh mục và 2 anh em tân tông).

1090-1101: 11 năm.

Đức Urbanô II gọi Brunô về Roma làm cố vấn. Ngài vâng phục và ở lại vài tháng. Ngài theo Đức Giáo Hoàng dời về miền nam nước Italy đặt nền tảng tại thung lũng đá Santa Maria thuộc Calabria.

1099: Viết thư cho Raoul le Verd và cho anh em của ngài ở cộng đoàn Chartreuse.

1101: Ngài đã tuyên xưng đức tin của mình bằng cái chết.

Ba mươi ba năm sống đời hoạt động - một cái nghề chuyên nghiệp. Hai mươi lăm năm sống đời chiêm niệm - một giao ước mới của cuộc đời. Bốn năm cho sự chuyển đổi từ hình thức sống thứ nhất sang hình thức sống thứ hai. Ngài có sức chịu đựng lớn lao, nhờ ơn Thiên Chúa.

Brunô là ai? Kiến thức khả dĩ giúp chúng ta hiểu biết Brunô là quá ít nhưng chi tiết riêng tư đáng quý đó có thể làm nên một khuôn mặt sinh động. Brunô rất ít nói về mình. Hai lá thư riêng của ngài mà chúng ta quen dùng mang tính hình thức và luật lệ, dù vậy những lá thư ấy cũng rất nồng ấm. Đương thời Brunô rất đề cao ý thức nhân vị nhưng các bản văn của ngài đều không được biết đến.

Tuy nhiên, chúng ta có những nét phác họa rộng lớn về đời sống của ngài, đủ để vẽ nên một hình tượng mạnh mẽ và rắn chắc như pho tượng mà Houdon đã mô tả về ngài. Sẽ là cần thiết để phác họa một Brunô chiêm niệm, ẩn mình hơn là một Brunô cá biệt; không kém phần chân thật, tuy vẫn còn đó một chút “hoàn hảo.” Dường như thiếu vắng những ‘phần tối’ nơi con người và cuộc sống Brunô. Chúng ta sẽ yêu mến Brunô một cách tự nguyện nếu chúng ta biết nhiều hơn về những cuộc chiến trong nội tâm của ngài - ngay cả về những yếu đuối của ngài.

Tất cả những cố gắng muốn hiểu biết rõ về kinh nghiệm riêng của ngài đều khởi đi từ những thông tin ít ỏi mà chúng tôi có, những thông tin ấy sẽ phát sinh những ảnh hưởng sâu sắc trên cảm nhận của người muốn hiểu biết về ngài. Chúng tôi sẽ diễn tả rõ ràng về ngài. Tuy nhiên, có phần hơi mạo hiểm. Vì chúng ta được gọi đi vào ơn gọi này, nên tiếng vọng từ trái tim chúng ta sẽ bắt gặp những con người sống đời sống Brunô và nhờ đó có thể giúp chúng ta nhận ra tinh thần của ngài.

Đồng thời, điều quan trọng hơn cả là Brunô đã hoàn toàn thoát ra khỏi sự tò mò của chúng ta. Nhờ ơn gọi này, ngài đã dần thân trong bí mật của Thiên Chúa. Nét mặt của ngài quang tỏa ánh sáng thiêng liêng. Mầu nhiệm phủ bóng trên con người ngài có sức hùng biện còn hơn cả lời nói của ngài. Ngài không viết một quy luật sống nào, nhưng đời sống của ngài chân thật và sâu thẳm dường nào đến mức nó trở thành nguồn phát sinh hoa trái mới còn hiện hữu cho đến thời đại chúng ta, không chỉ trong Dòng Chartreuse mà còn trong tất cả những Dòng được chia sẻ tinh thần của ngài như: anh chị em Dòng Bêlem.

MỘT THỜI ĐẠI

Một sử gia thế kỷ XI mô tả thế kỷ này như một thế kỷ của xích xiềng. Xích xiềng của guơm đao, luật của những người có quyền lực mạnh mẽ nhất thường là để phục vụ cho sự tham lam. Giáo Hội và quyền lực thế gian bận rộn trong những cuộc chiến chết chóc. Đó là một vấn nạn của sự tồn vong đối với Giáo Hội để tự giải thoát mình ra khỏi sự can thiệp của quyền lực trần thế trong sự hứa hẹn thắng chức giáo sĩ, giám mục, ngay cả Giáo Hoàng để rồi từ đó những giá trị thiêng liêng bị hạ thấp trước những thú vui thế gian.

Những cuộc chiến giữa vua Henry IV và Giáo Hoàng Grêgôriô Hildebrand được diễn tả và dừng lại nơi những chiếc cột được dựng lên để thiêu sống. Một mặt, cải cách các công đồng, tự phê phán nghiêm khắc đối với việc đánh tráo Giáo Hoàng, tự do được xác định và quyền tự trị không còn bị những vua chúa xâm phạm vào những lãnh vực thiêng liêng; mặt khác, vẫn còn những cuộc chiến tranh, những cuộc xâm lược và những chống phá các công đồng, các Giáo Hoàng, phát sinh các cuộc ly giáo. Giáo Hội ở trong một thời điểm khủng hoảng ghê gớm.

Tuy nhiên, đây cũng là thời điểm bùng phát mãnh liệt sức sống tu trì. Có một cuộc trở về nguồn và đứng trước cảnh tượng một Giáo Hội bị tục hóa, nhiều người đã có những chọn lựa quyết liệt. Tất cả những cuộc canh tân Kitô Giáo đều được diễn tả bằng một cuộc xuất hành đi vào sa mạc. Đó là quy luật. Cũng như trong thời Constantina, nhiều người đã tìm kiếm sự thanh luyện triệt để nơi cô tịch, chính nơi đây đã giúp họ đối diện với Thiên Chúa. Thế giới Biển Đức chứng minh sức mạnh này với những cuộc cải tổ khác nhau (Cluny nổi bật nhất). Những quy luật mới của Xitô và Camaldolese đều nhấn mạnh những luật khó nghèo và cô tịch. Trong các khu rừng và những nơi cô tịch, đâu đâu cũng thấy các nhà ẩn tu. Lý tưởng đan tu không còn dành riêng cho vô số các vị ẩn sĩ ở Ai Cập nữa! Sau thời gian dài thấm nhuần đời sống chung Biển Đức hay Xitô, họ đạt tới đích mà họ đã theo đuổi.

Chọn lựa của Brunô được biết đến sớm hơn trong nội dung này. Chọn lựa của ngài không phải là một tình trạng cách ly, mà đúng hơn là một sự canh tân. Có ít nhất sáu mươi lăm năm bằng chứng của nhiều cuộc thử nghiệm trong thế kỷ XI.

Chúng ta chỉ thấy được tính chất lâu bền của nó khi đem ra so sánh với Dòng khác. Một hạt lúa sự sống được chôn vùi trong lòng đất của sự cô tịch và thỉnh lặng, trong một hành động của đức tin sống động, trong sự sinh sôi nảy nở của cây Thánh Giá đời đời, và trong hành động siêu việt của Thiên Chúa trên hành động của con người, thiêng liêng vượt trên vật chất. Trước hết là Thiên Chúa rồi mới đến vương quốc của Người. Yên nghỉ là lý lẽ của tình yêu. Phi thường hơn khi tìm trong một tu viện nhỏ ở Chartreuse, không bao giờ có chuyện tìm kiếm một địa vị. Sau khi thánh đường được con người xây dựng, thì một nơi chốn được Thiên Chúa an bài, ấy là sa mạc Sèche-Fontaine, Chartreuse, Calabria. Chúng ta hãy nói về Chartreuse bởi lẽ chúng ta sống ở đây.

CHARTREUSE

Thung lũng hẹp nhưng có một vẻ đẹp rực rỡ quang tỏa từ nơi cung thánh của một thánh đường: một vòm sáng bao phủ lấy những bức tường nghiêng vươn cao hơn cả ngàn thước (1000m) tựa như những cánh tay đang dang ra trong cầu nguyện.

Đan viện đầu tiên được xây dựng một nơi cao hơn thung lũng, một nơi đủ kín và thánh thiêng. Những cây đại thụ vươn mình chót vót dưới vòm trời. Nước chảy ra từ con suối trong vắt tựa pha lê. Khói mịt mù từ từ bốc lên nơi những đám củi cháy. Những âm thanh nhỏ của thế giới tự nhiên lại làm tô điểm thêm sự thỉnh lặng, phải hết sức chăm chú lắng nghe thì mới bắt gặp được. Một không gian cầu nguyện, một nơi ở của Thiên Chúa. Không ai có thể sống được ở đó nếu Đấng hằng cư ngụ ở đó không tuyển chọn.

MỘT KHÔNG GIAN

Ba mươi ba năm là cuộc đời ngắn ngủi của Chúa Giêsu, Brunô là con người của một thánh đường tráng lệ nhất ở nước Pháp - hay cả Châu Âu, vì lý do: thánh đường ở Rheims, nơi các vị vua nước Pháp được phong vương từ những thế kỷ trước. Sinh viên, giáo sĩ, giáo sư, hiệu trưởng, viện trưởng danh dự - nói chung là nơi này có ảnh hưởng lớn trên tinh thần của ngài. Truyền thống Kitô Giáo vừa rất sống động vừa bền chắc như đá và được tô điểm muôn màu muôn vẻ. Sự hiện diện của một tinh thần đơn điệu, một sự thật bị đóng đinh miên trường, sự hiện hữu xuyên thời gian của một tinh thần, của một sự thật, của cả thế giới. Một cách đơn sơ, lời dạy là âm vang của những đá tảng này, âm vang của những thực tại này sẽ không bao giờ phai tàn. Ngài cũng không được miễn sống một nơi chịu hao mòn, thiệt thòi. Một nơi nấn đúc nên chúng ta trong khuôn hình riêng của nó, nó diễn tả trí tưởng tượng của chúng ta, nó hiện hữu trong cảm nhận của chúng ta. Đức tin của Brunô chứa đầy những mâu nhiệm mà chỉ có thể diễn tả bằng hình ảnh loại suy. Phải chăng đây là bí ẩn của sự kết hợp hài hòa mà chúng ta cảm nhận được về hình ảnh của Brunô, sự hài hòa này tạo cho ngài một chút khách quan và “tính nghệ thuật điêu khắc?” Bí ẩn của sự tĩnh lặng và cao quý trong lời ngài và điềm đạm trong tính khí của ngài...

“Semper vultu festo,” “luôn thể hiện niềm vui trên khuôn mặt?” Con người của ngài bám rễ sâu như một cây đại thụ trong thực tại trần gian và là hiện thân của Ngôi Lời Thiên Chúa nơi Giáo Hội. Chúng

ta cần những con người có sức mạnh chiêm niệm như ngài biết chừng nào khả dĩ làm vững vàng một Giáo Hội đang non trẻ!

MỘT CON NGƯỜI

Một nhà quý tộc, một giáo sư lỗi lạc, quen sống trong một bầu khí trí thức và một mức sống xã hội cao cũng như với những tiện nghi vật chất khá đảm bảo. Ngài không có một đóng góp lớn nào cho nền thần học (như thánh Alselmô đã làm trong thời đại của ngài); nhưng không có bài viết nào của ngài mà không dựa trên Thánh Vịnh và thánh Phaolô. Dù còn trẻ nhưng ngài đã trở thành một giáo sư có chỉ số thông minh phi thường. Sự tôn trọng và thanh danh mà ngài hướng tới nằm trong khả năng dạy và học tập một cách rất hợp lý. Ngài đã trở thành tường lũy kiên vững cho truyền thống hơn là một nền tri thức mang tính lý thuyết, là đá tảng để lại âm vang. Những gì Brunô quang tỏa ra đều mang tính quân bình và khôn ngoan.

Việc tranh cãi với Manasseh và việc dứt bỏ trách vụ mà ngài đã thi hành cho thấy ngài có cái nhìn đúng đắn và lập trường luân lý vững vàng. Ngài không phải là đối tượng để người ta khai thác. Sự trung thực của Brunô cùng với sức mạnh của đức hạnh, làm cho ngài có khả năng vượt thắng được mọi rào cản và nhiều nguy hiểm phát sinh từ lập trường sống của ngài. Con người của ngài trước sau như một nhưng đối với người khác thì lại rất kiên nhẫn, mềm dẻo, cụ thể với người bạn Raoul le Verd của mình, có vẻ như ngài có phần hơi nghiêm khắc và cả độc đoán nữa.

Tất cả sự trôi vượt này đều được hài hòa nhờ một tình cảm nồng nàn, luôn quan tâm đến người khác, một khả năng mềm dẻo. Thế nên mọi người đều tin cậy ngài.

Dù Brunô có bản lĩnh của một nhà lãnh đạo, nhưng nếu như mọi người có đi theo ngài là vì họ được dẫn dắt bằng chính trái tim của họ. Ngài đã nhận được phần thưởng của tình bạn. Ngài yêu thích sự cô tịch chứ không phải ghét người, bỏ đời. Xuyên suốt hành trình của mình, từ khi có quyết định trong vườn của Adam cho tới khi qua đời tại Calabria, chúng ta đều thấy bên ngài luôn có những người bạn. Nhóm đầu tiên được lập ở Chartreuse bao quanh con người của ngài đến nỗi sự hoang mang lo sợ và chia ly cứ bám lấy ngài trong hành trình tới Rôma sau sáu năm sống trong cộng đoàn. Brunô là một người bạn hơn là một người thầy, người cha. Tuy nhiên, họ đã vực dậy tinh thần sau mấy tháng đồng thời cộng đoàn quy tụ lại làm một cuộc cải tổ dưới sự hướng dẫn của Lanuin, nhưng với một vai trò hoàn toàn khác. Brunô vẫn luôn là cha chung dù khi ngài vắng mặt. Trong khi đó, cộng đoàn phải tự đảm trách đời sống riêng của mình. Phải chăng hành trình của Brunô là chất xúc tác cho cộng đoàn nguyên thủy, để rồi có thể làm cho cộng đoàn quân bình hơn trong sự hiện hữu của mình? Sự hiện diện của Brunô có khả năng duy trì một sự tin cậy quá lớn. Ai biết được sẽ ra sao? Trong mọi trường hợp, chỉ vì sự hiếu kỳ mà cộng đoàn được lập ở Calabria bao quanh Brunô và lợi ích phát sinh do sự hiện diện của ngài suốt 11 năm là không tốt lắm. Bởi lẽ đời sống đan tu Chartreuse nhanh chóng bị bỏ quên bởi một đời sống mang tính cộng đoàn hơn, phải chăng là vì chưa đủ sự chín muồi để lập nên một cộng đoàn?

Nhưng Brunô để lại một tầm ảnh hưởng sâu sắc trên mọi người; chúng ta có thể xem ngài như một vị thầy thiêng liêng. Dù ít hay nhiều, ngài đều không để lại một bí quyết nào. Quy luật đời sống mà ngài đã sống với anh em đều có nguồn gốc từ truyền thống đan tu cổ điển: các tu viện được thành hình sau mẫu một Palestinian Lavra từ những thế kỷ trước, một sự cô tịch thực sự, nhưng một mặt được củng cố bởi một đời sống chung; mặt khác, cùng cử hành các giờ kinh phục vụ mỗi ngày. Lòng đạo đức của họ

được nuôi dưỡng bằng nguồn mạch chung của Giáo Hội: phụng vụ, các bí tích, Lời Thiên Chúa và Chúa Kitô. Sự thinh lặng của họ không phải để câm lặng nhưng là để đánh thức lời ca ngợi và tán dương Thiên Chúa.

Tất cả đời sống của Brunô cho thấy ngài là con người của Giáo Hội; ngài đã sống sự sống của Giáo Hội, ngài được thành hình trong bản chất của Giáo Hội và được thông chia một tương lai vô cùng. Sự phục vụ đối với việc giảng dạy trong thời điểm trước đó đi theo sau sự phục vụ cho sự cô tịch của một con người cầu nguyện. Cùng một lúc có cả sự tiếp nhận liên li và sự đoạn tuyệt. Trên giường chuẩn bị ra đi, ngài đã tuyên xưng đức tin Giáo Hội. Vì trung thành với Giáo Hội mà ngài đã chống đối với tổng giám mục gây ra ô nhục - nhưng đó là một cuộc khủng hoảng lương tâm thuộc về con người này, vì con người này đã quá chú trọng tới khía cạnh quyền lực của Giáo Hội!

Nếu hai lần ngài rút lui khỏi trách vụ cao trong Giáo Hội để vào sa mạc thì cũng chỉ vì muốn phục vụ tốt hơn, với những ý nghĩa khác - cầu nguyện, hy sinh, yêu mến chỉ một mình Thiên Chúa. Khi Đức Giáo Hoàng gọi ngài về phục vụ, ngài đã không ngần ngại hy sinh công việc riêng của mình, dù rằng công việc riêng ấy sẽ khó tồn tại được nếu thiếu vắng ngài.

Chính Giáo Hội đã dẫn ngài đến với Thiên Chúa và cũng chính Giáo Hội đã thiêu đốt ngài trong ngọn lửa khao khát chiêm ngưỡng nhan thánh Chúa. Trên cả dự phóng sâu thẳm nhất của thần trí ngài, của nhân cách toàn diện, tri thức, văn hóa, mỹ thuật, Giáo Hội đều chi phối trên ngài, Giáo Hội cũng cung cấp cho ngài bí ẩn cuối cùng của mình, khao khát Thiên Chúa, sự hiện diện của Chúa Thánh Thần và sự sống đời đời. “Mà sự sống đời đời đó là họ nhận biết Cha, Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và nhận biết Đấng Cha đã sai đến, là Đức Giêsu Kitô” (Ga17.3).

Sự khao khát này đang trưởng thành trong lòng của vị giáo sư và là giáo sĩ của Rheims trong suốt những năm đó. Một con người quân bình, có chiều sâu nội tâm, trung thực, không bao giờ bị sao nhãng. Thời gian qua đi để rồi khát vọng này sẽ là con đường huyền nhiệm của sự từ bỏ những giá trị mang tính con người, dù chúng có giá trị; con đường này để lại dấu ấn trên ngài giúp ngài bước đi. Chúa Kitô chỉ mặc khải những bí ẩn cách tiệm tiến. Ở tuổi 50, Brunô mới tìm thấy con đường đi vào mầu nhiệm vượt qua của Chúa Kitô.

Brunô hoàn toàn nhập vai giáo sư và viện trưởng danh dự đến nỗi nó chiếm lấy những hoàn cảnh đặc biệt trong cuộc chiến của ngài với tổng giám mục Manasseh và thoát khỏi lâu đài của Count Ebal de Ronci để thực hiện một sự chấm dứt cần thiết.

Sự cô tịch trong 4 năm đầu là một sự cô tịch mang tích ép buộc chứ không phải tự nguyện, sự nhàn rỗi của một người phóng túng. Mỗi dây ràng buộc danh dự và tài sản của ngài đều bị đổ vỡ một cách tàn nhẫn và bị phơi bày một cách phũ phàng. Trong hai lá thư của Brunô cho thấy ngài kiên nhẫn trình bày chủ đề về sự hư vô của thế gian đối nghịch với niềm vui đời đời. Thời gian mang tính quyết định ngay lúc chọn lựa, như ngài nói với chúng ta, là vì:

“Anh em hãy nhớ lại cái ngày chúng ta gặp nhau trong vườn nhỏ gần nhà của Adam, nơi mà tôi cùng với anh em và Fulxiô đã ở. Chúng ta sẽ nói về những lúc, nếu tôi nhớ không lầm, về những thú vui sai trái và những giàu sang giả tạo của thế gian này, đem so sánh chúng với niềm vui đời đời trên thiên đàng thì chẳng đáng chi. Anh em sẽ nhớ lại những gì chúng ta đã nói với nhau, lòng chúng ta đang bùng cháy ngọn lửa tình yêu thiêng liêng, và chúng ta đã hứa, ngay cả khấn để chúng ta nắm giữ tinh thần tu trì thánh thiện càng sớm càng tốt đồng thời chạy trốn tương lai đang phủ mờ thế gian này, để chỉ tìm kiếm những niềm vui bền vững của thiên đàng.”

“Brunô với tình yêu thiêng liêng...” Môi trường chỉ là chất xúc tác cho một nhận thức nhạy bén về nhiều giá trị trong ánh sáng của Thiên Thể duy nhất. Trực giác nền tảng của Brunô dường như chính là một nhận thức sâu sắc về bản chất lòng nhân hậu của Thiên Chúa (nhưng làm sao chúng ta có thể nói về điều này? Vũ trụ đang chứa đựng “sức nặng” của lời này “Thiên Chúa”) và sự thắm nhuần niềm hoan hỷ, tôn thờ và yêu mến mà nó đòi hỏi. “O Bonitas.”

Brunô đã bắt gặp một đời sống dâng hiến cho sự chiêm ngưỡng Thiên Chúa, không như một sự hy sinh để rồi tiêu hao suy nhược, nhưng như một thứ hữu ích nhất cho con người, một sự đáp ứng nhu cầu thực tế nhất và sâu xa nhất của chúng ta. (x. thư gửi Raoul).

“Tâm hồn chúng ta sẽ nao nức mãi tới khi được yên nghỉ trong Chúa.” (Augustinô).

Brunô đã diễn tả cho Raoul, người bạn của ngài về những niềm vui sâu xa của một đời sống do được tháp nối với sự thật của lòng người. Ngài đã viết những lá thư của mình vào cuối đời. Chúng tràn trề niềm vui an tĩnh, ánh sáng huy hoàng của sự bình an và sự khôn ngoan tinh tuyền. Đời sống chiêm niệm thực sự cho chúng ta một sự nếm trước hạnh phúc thiên đàng.

“Est, videt, amat:
In aeternitate Dei viget,
In veritate Dei lucet,
In bonitate Dei gaudet!”

“Chúng ta hiện hữu, chiêm ngưỡng và yêu mến:

Chúa vĩnh cửu là
sự sống của ta,
Chúa chân thật là
ánh sáng của ta,
Chúa thiện hảo là
niềm vui của ta.”¹



CHƯƠNG 2

TU LUẬT

Các khoản luật thánh này chứa đựng trong hình thức canh tân và thích hợp, luật đời sống các Linh Phụ chúng ta; đối với luật này chúng ta hãy chăm chú lắng nghe và hãy suy niệm liên li: chúng ta đừng rời bỏ luật và luật sẽ giữ gìn chúng ta, chúng ta hãy yêu mến luật và nó sẽ bảo vệ chúng ta. Vì nó vừa là hình thức, vừa là lễ vật thánh thiện mà Thiên Chúa đã tiền định cho mỗi người chúng ta” (Thánh Luật 4.53.1).²

¹ Augustinô, Thành Đô Thiên Chúa, XI, 24.

² Những đoạn luật trong cuốn này phù hợp với Tu Luật năm 1993.

Luật Thánh vạch ra một con đường, con đường ấy sẽ dẫn chúng ta tới Thiên Chúa. Chúng ta hãy học hỏi đào sâu luật và đem ra thực hành trong suốt năm tập nhất, bởi đó vừa là truyền thống đan tu Chartreuse nói riêng, vừa là truyền thống đan tu nói chung, để giúp chúng ta, những cuộc họp này sẽ triển khai nhiều chủ đề cần thiết nhất của Thánh Luật và phê bình một vài vấn đề của quyền lợi thực dụng.

Chúng ta không nghiên cứu Thánh Luật như các nhà khảo cổ học. Hiểu biết lịch sử Dòng chúng ta là điều hết sức quan trọng bởi nó giúp chúng ta thấm nhuần tinh thần Dòng nhưng chúng ta không chỉ dừng lại ở đó. Điều cần thiết là biết làm cho tinh thần ấy sống động nơi chúng ta ngay lúc này và tại đây. Bản chất của một quy luật đời tu hệ tại sự thật tận căn và hoa trái của nó. Trong sự phản tỉnh chính mình để lắng nghe Thần Khí Thiên Chúa, Đấng đã cuốn hút trong sự đáp trả của chúng ta, để kết hợp mật thiết với Người trong cô tịch, hầu chúng ta đọc ra được nội dung này. Nó sẽ giúp chúng ta biết tạo khoảng trống hấp dẫn đầy bí ẩn trong lòng chúng ta, và dạy chúng ta biết đáp trả xứng hợp trong thực tại của đời sống.

Chúng ta không nên suy đoán về sự hiểu biết này, trái lại chúng ta cần tự vấn mình về sự thật tận căn trong từng khía cạnh của đời sống chúng ta: Phải chăng chúng ta đang sống luật ấy trong lòng chúng ta một cách ý thức và tự do, và không bị cưỡng bức bên ngoài? Và hoa trái của nó: Phải chăng nó giúp chúng ta yêu mến Thiên Chúa và tha nhân? Chúng ta có thể kiên toàn chúng trong thực trạng của mỗi ngày sống không? Và kiên toàn như thế nào?

(Tu Luật 4,35,4).

Sau mỗi chương, chúng ta sẽ giải thích với nhau về những phản ứng của chúng ta đối với việc giữ luật trong vấn nạn: Luật có tương quan như thế nào với chúng ta và nó có thể giúp chúng ta sống đời sống ra sao?

MỘT TRUYỀN THỐNG SINH ĐỘNG

Đó không phải là nội dung của Thánh Luật khiến chúng ta phải quan tâm nhiều như kinh nghiệm tu trì từ đó phát sinh ra. Chúng ta đang uống trong một truyền thống, như Tin Mừng, là một thực tại sống động trước khi được đào đạt vào một bản văn. Chỉ có 43 năm (1084-1127), sau khi Bruno lập Chartreuse, Guigo, vị bề trên thứ năm đã để lại bản văn thói lệ hướng dẫn đời sống; và đây là sự nhấn mạnh các nền tảng khác nhưng cùng hình thức sống, và không phải vì đã có một nhu cầu để hệ thống hóa luật. Thói lệ của Guigo không hề đưa ra một học thuyết đời sống đan tu Chartreuse; mà đơn thuần ghi lại con đường sống cho các đan sĩ tiên khởi thực hành sự khôn ngoan trong đời sống thiêng liêng và huyền nhiệm. Trước khi yên nghỉ, Guigo đã để lại cho chúng ta một truyền thống đan tu.

Chúng ta là những người thừa hưởng một truyền thống sống động, truyền thống được chuyển giao từ thế hệ này tới thế hệ khác qua nhiều thế kỷ, tượng trưng cho thực tại của đời sống mà các đan sĩ đã sống chính tại nơi đây, thế hệ nối tiếp thế hệ. Họ được thông truyền bởi cùng một đức tin, họ tìm kiếm cùng một Thiên Chúa, họ cùng nhau cầu nguyện, họ hát cùng những giai điệu, và chắc chắn họ chịu đựng cùng những thử thách. Mỗi liên hệ sau cùng chính là thế hệ đi trước mà chúng ta là những người kế tục. Chúng ta nhìn thấy nơi họ sự quang tỏa truyền thống các Linh Phụ đi trước.

Sự tiếp cận này là rất quan trọng. Sự chuyển giao một truyền thống không đơn thuần bằng sự truyền lại cho hậu thế các đạo lý và những thực hành. Hẳn thật, nó được thực hiện ở nơi đầu tiên bằng một hình

thức “cộng sinh”. Đó là một loại đời sống được lưu truyền lại và Dòng sữa nuôi dưỡng các thành phần trẻ trong đời sống chung dựa trên bản chất của nó sẽ là môi trường cụ thể của cộng đoàn sống động này. Có nhiều điều được thông truyền bằng nhiều ý nghĩa khác nhau hơn là lời nói. Thực tại thì vĩ đại hơn nhiều so với điều được mô tả và những gì chúng ta có thể học được bằng cách đọc các văn bản. Do đó, chúng ta cần đề phòng việc coi đọc sách như một cách tiếp cận đời sống đan tu Chartreuse. Bởi lẽ đó là một đời sống để sống. Nó gần như mối liên hệ giữa Kinh Thánh với truyền thống sống động của Giáo Hội, đảm bảo cho sự giải thích đúng đắn của nó.

Hiển nhiên là vì trong một Giáo Hội rộng lớn, thì mỗi một thời đại ít nhiều có trung thành với truyền thống và ít nhiều có sự chọn lọc. Khía cạnh này hay khía cạnh khác được nhấn mạnh nhiều hơn; một luật nào đó ít hay nhiều được thực hành, theo hoàn cảnh thời đại và hoạt động của ân sủng. Trách nhiệm của mỗi thế hệ là thâm nhuần truyền thống đồng thời làm cho nó có chiều sâu hơn.

Đây cũng là trách nhiệm của chúng ta. Chúng ta hãy ý thức sâu xa rằng: chúng ta được cao hơn là nhờ đứng trên vai các vị Linh Phụ³. Chúng ta là những người khai tâm. Con đường các Linh Phụ chúng ta để lại đã được trải nghiệm trong nhiều thế kỷ. Chúng ta cảm nhận được sức sống của các ngài. Chúng ta hãy đi vào trường học của các ngài với lòng khiêm tốn và tuân phục.

Chúng ta đừng mong thỏa mãn sự thích nghi bên ngoài. Chúng ta đừng bao giờ thắc mắc rằng: chúng ta có phải là những con người cầu nguyện như các ngài không? Chúng ta có khó nghèo như các ngài không? Sự cô tịch của chúng ta có sinh hoa trái chăng?

NGUỒN GỐC CỦA TU LUẬT

Luật Dòng Chartreuse không tĩnh. Phương châm “*numquam reformata*” “không bao giờ sửa đổi” chúng ta nhấn mạnh như vậy không có ý muốn nói một luật được viết ra không bao giờ thay đổi từ khi mới hình thành. Đúng hơn, điều chúng ta thấy là một cơ cấu sống động luôn thích nghi với sự thay đổi của hoàn cảnh nội tại và ngoại tại. Thói lệ Guigo đã được bổ sung sáu lần trong 150 năm đầu, nhờ vậy mới có một tài liệu biên soạn vào những năm 1271, được đặt tên là “*Antigua Statuta*”⁴ (Luật Xưa). Những sự bổ sung này chứa đựng nhiều quyết định được hướng dẫn bởi Tổng Hội của Dòng thuộc về sự quan tâm chung. Phần lớn, đã có nhiều hoàn cảnh cụ thể được thích nghi với những nhu cầu của đời sống và sự phát triển của Dòng. Theo định kỳ và với nhu cầu, những tài liệu được soạn ra trong tầm nhìn xa hơn. Vào năm 1368 cuốn “*Luật Mới*” (*Nova Statula*), năm 1509 “*Tertia Compilatio*” (Tài Liệu Biên Soạn thứ ba), năm 1582 “*Nova Collection*” (Sưu Tầm Mới), sau Công Đồng Trento, tất cả các tài liệu trước đây được gom lại. Năm 1924 cuốn “*Statula*” (Tu Luật) được xuất bản. Tu Luật được xét duyệt lại dựa theo bộ Giáo Luật mới ban hành năm 1917. Bốn quyền đầu tiên vào năm 1971 và bốn quyền sau cùng vào năm 1975 thuộc “*Status Renovés*” (Tu Luật Canh Tân) quang toả ánh sáng của Công Đồng Vatican II.

VATICAN II

Sau Công Đồng, Dòng Chartreuse cùng với tất cả các Dòng Tu đảm nhận công việc canh tân Tu Luật, như được chỉ thị bởi các Sắc Lệnh của Công Đồng. Những gì không thích hợp đều bị lược bỏ. Vd: những áp lực mang tính pháp lý trong Dòng, phong phú hóa phụng tự, qua nhiều thế kỷ Tu Luật

³ Đây là kinh nghiệm phong phú của Bênađô, William hay Ivô Chartres, tất cả được lưu giữ trong những cửa bên hông phía nam của thánh đường Chartreuse.

⁴ Xem Tu Luật nguyên thủy (*The Fonty Statutorum*), pp.1-3, Dòng Chartreux (*L'Ordre des Chartreux*), PP.25 và 26, phụ lục ở cuối tổng hội này

nguyên thủy được tài bồi thêm. Sự thích nghi phụng vụ chắc chắn được thực hiện và được phong phú hóa trong nguồn mạch Kinh Thánh và các giáo phụ.

Văn phong của Tu Luật cũng một cách nào đó được đổi cho thích hợp. Nhìn chung, chúng sẵn sàng giới hạn mình vào cấp độ luật ngoại tại. Tu luật Canh Tân - dù rất dè dặt - vẫn mang tới ánh sáng Kinh Thánh và nhiều nền tảng thiêng liêng cho đời sống chúng ta, trên tất cả là sự phóng chiếu bản văn bằng những trích dẫn từ truyền thống Chatreux (Bruno, guigo...) và từ truyền thống đan tu, đặc biệt là từ truyền thống đan tu Đông Phương, nhờ sự du nhập này chúng ta mới có thể tiếp cận được với những nguồn mạch chính yếu của đời sống Chartreux.

Cần có gì đó mới hoặc xem xét lại những định hướng chung để có thể hội nhập. Vd: Quyền được áp dụng một cách chủ quan và sự thực hành đức tuân phục, tất cả đều chú trọng đến mối quan hệ giữa con người với con người; tình trạng pháp lý của Tu Luật đan tu sẽ được biết tới cách viên mãn nơi anh em, và tiến gần đến sự hiệp nhất giữa các linh mục trong tu viện với anh em; Giáo Hội luôn ý thức hơn nữa cũng thuộc chức năng của Dòng trong mầu nhiệm Thân Mình Chúa Kitô. Đồng thời Công Đồng cũng xác nhận ơn gọi chiêm niệm thuần túy của chúng ta một cách mạnh mẽ. Chúng ta cần phải đọc Tông Thư Optima Partem mà Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã gửi cho các linh mục để nói về sự canh tân⁵ vào năm 1971.

“Đời sống chiêm niệm là hiện thân của Giáo Hội... Chiêm niệm và cầu nguyện liên li cần được xem như những chức năng căn bản khả dĩ mang lại lợi ích cho toàn cầu”.

TRUNG THÀNH SÁNG TẠO

Thói lệ của Guigo được áp dụng cho một nhóm nhỏ những người nam. Ba thế kỷ kế tiếp được chứng kiến sự sinh sôi nảy nở một Dòng lớn. Thế kỷ XVI đã có 195 nhà được lập. Và đã làm nên những thay đổi đột ngột về xã hội và tôn giáo giữa những thế kỷ XII và XX! Bệnh Dịch Hạch, cuộc ly giáo lớn, Cải Cách Tin Lành, Phục Hưng Công Giáo (chống cải cách), cuộc Cách Mạng Pháp, áp lực của Dòng và sự ly khai của các đan sĩ, sự trở về nguồn và phục hưng Dòng vào năm 1817; sau cuộc xuất hành và lưu đầy lần thứ hai ở Italia, cuộc chiến tranh thế giới thứ I, năm 1940 Thế Chiến thứ II, Công Đồng Vatican II, thế giới đang khủng hoảng.

Không thể tránh khỏi nhiều thay đổi và thích nghi mang tính áp đặt. Nhưng điều lạ lùng thật sự là tính liên tục của truyền thống, sự trung thành của các thế hệ kế tiếp đối với một lý tưởng là bất biến và những yếu tố nền tảng của một con đường sống luôn giống nhau. Lý do hẳn là vì tính đơn sơ của đời sống chúng ta và một tinh thần linh động bền bỉ, còn những gì là phụ trội và chủ quan thì có thể thay đổi theo mỗi thời đại. Hơn nữa, đây là một hệ thống hoàn bị có lợi cho linh mục, các Tổng Hội Dòng và các vị tuấn viếng hầu giữ những nguyên tắc đời sống nguyên thủy vốn bị biến dạng. Sự canh tân liên tục này tránh được những cuộc cải cách thoát ly định kỳ đã để lại dấu ấn trên lịch sử của quá nhiều Dòng tu.

Lập đi lập lại một cách máy móc sẽ không duy trì được sự trung thành này, trong khi cần phải có một sự trung thành sáng tạo. Đó chính là vấn nạn của một thực tại thiêng liêng: tìm kiếm Thiên Chúa trong cô tịch và trong tình huynh đệ, mỗi thế hệ cần phải khám phá cho được tinh thần của ơn gọi. Mỗi thế hệ phải dám sống sự thật của ơn gọi (đối với chúng ta, cũng như mọi người thuộc thế kỷ XX) đồng

⁵ Xem La Grande Chartreux par Un Chatreux (xuất bản 1976), pp.150-156, và Sắc Lệnh Đức Ái Hoàn Hảo (Perfectae Caritatis), 2,3,7,9...

thời trở về nguồn⁶ cách sâu xa và liên tục hơn, hầu tiếp cận Brunô, Guigô, Chartreuse trong dự phóng tinh thần nguyên thủy, cũng như các thánh của Dòng qua các thời đại. Về nguồn là về với truyền thống đan tu vĩ đại, Đông cũng như Tây. Mọi sự đều bắt nguồn từ cuộc gặp gỡ sâu xa với Lời Thiên Chúa trong Kinh Thánh. Đời sống chúng ta chẳng qua cũng chỉ là một sự đáp trả đối với Lời sáng tạo này. Nhờ “Tin Mừng hướng dẫn” tận căn, chúng ta mới đến được với Chúa Cha. “Nhưng chính Thần Khí ban sự sống, Ngài không cho phép chúng ta bằng lòng dừng lại ở phạm vi chữ viết, Tu Luật chỉ được giữ vững trong nguồn mạch Tin Mừng, nhờ vậy chúng ta có thể bước đi trong đường lối Chúa và học hỏi sự quảng đại của tình yêu.”

(Tu Luật 4, 35, 1).

CHỮ VIẾT VÀ TINH THẦN

Chữ viết và tinh thần là một vấn đề phổ biến; không hẳn những mẫu hình thức quy định sẽ chống lại tinh thần và đời sống - nhưng quan trọng nhất vẫn là hoa trái của hình thức này. Phương tiện có thể làm mờ và thay đổi mục đích. Nhiều phương tiện được dùng để diễn tả một sự mạo hiểm, đầy táo bạo, khả dĩ trở thành bức tường bảo vệ trước những thách đố trong đức tin và đời sống.

Chúng ta hay bị cám dỗ dừng lại ở chữ viết trong Tu Luật. Đúng là chữ viết quan trọng nhưng chỉ trong lãnh vực đánh giá rồi từ đó phát sinh tinh thần gìn giữ và phát huy luật. Chúng ta cũng hãy tránh mức cực đoan. Có một cuộc đối thoại sâu sắc giữa chữ viết và tinh thần. Chúng không hề đối lập nhau. Mỗi một chiều kích có một sự cần thiết khác nhau. Tinh thần mà không có thân xác thì có nguy cơ rơi vào ảo tưởng. Ngôi nhà thì cần có một cái khung. Đôi khi chính chữ viết với nét riêng của nó lại giúp duy trì truyền thống và cho phép cởi mở đối với tinh thần trong một thời gian thuận tiện hơn. Đây là trường hợp ở thế kỷ XIX, sau cuộc Cách Mạng Pháp, Dòng gần như bị phá hủy hoàn toàn, nên phải bắt đầu lại một cách kiên quyết trong tinh thần đạo đức.

Giải pháp lý tưởng cho sự căng thẳng giữa chữ viết và tinh thần là nội tâm hóa những giá trị được luật nhìn nhận, như vậy mới có thể ôm ấp và làm nên những nét riêng trong ý thức và chuyên biệt hầu lập nên những quy luật của đời sống thiêng liêng một cách độc đáo. Bởi thế, những khó khăn của chữ viết - tinh thần và luật - tự do có thể làm thành vòng tròn, bởi lẽ luật là khuôn khổ và rường cột làm nên tự do của tôi. Không ai có thể ép buộc tôi làm điều tôi muốn làm. Đây là tinh huệ duy nhất nói về tự do Tin Mừng, thứ tự do này không loại trừ luật - mà thánh Phaolô xác quyết: “Chúa Kitô là luật của tôi” - những luật được nội tâm hóa, được khắc vào lòng chúng ta, như các ngôn sứ đã tiên báo (Jr 31.33). Đó là tự do của con cái Thiên Chúa trong Thần Khí: “Tự do xuất phát từ tình yêu, tự do giải thoát, giúp chúng ta yêu mến” (Tu Luật 4.35-37). Trái lại, nếu không có lòng mến thì mọi sự thành vô ích. “Vì nếu không sống với Chúa Kitô và không kết hợp mật thiết với Thiên Chúa trong tâm hồn, thì sự trung thành với nghi thức và luật lệ bên ngoài sẽ chẳng ích lợi gì, và đời sống chúng ta chỉ có thể sánh với một cái xác không hồn” (Tu Luật 1.9.5).

Dĩ nhiên ngay từ đầu, chúng ta phải đón nhận một số lệnh truyền chắc chắn không phù hợp với tính tự phát nội tâm của chúng ta. Điều này sẽ tạo nên một hiệu năng sáng tạo. Với thời gian và kinh nghiệm,

⁶ Thật không dễ dàng khi dùng các thuật ngữ thực hành. Các đan sĩ Dòng Chartreuse luôn luôn nhiệt tâm sống đời sống của họ hơn là viết nên lịch sử, cho nên thiếu đi tài liệu chứng minh. Một tác phẩm quan trọng về lịch sử uyên bác được viết trong thế kỷ này do Dom Maurice Laporte: *Aux Origines de la Vie Cartusienne*. Xem *Les Ephemerides* của Dom Le Conteulx, tất cả đều xuất phát từ thế kỷ XVII. Đây là những tác phẩm nghệ thuật sáng ngời của thời đại các ngài, còn chúng ta thì đi xa các suối nguồn ấy. Có nhiều công trình nghiên cứu uyên thâm thuộc về các nhà riêng của Chartreuse và các nhân vật nổi tiếng. Nhưng chúng ta thiếu đi một lịch sử thoá đáng của Dòng như một tổng thể.

chúng ta học biết đi sâu vào nội tại của luật hơn, cũng là mức độ cao nhất trong tinh thần tự do lành mạnh. Tự do làm cho triển nở. Nhưng trước hết nó cần phải được huấn luyện.

Luật nâng đỡ và giải thoát chúng ta khỏi những thúc ép của sự ích kỷ, của ham muốn nhục dục, của tính kiêu ngạo nơi chúng ta. Ai được Thần Khí Thiên Chúa, được tình yêu dẫn dắt mới thực sự là con cái Thiên Chúa.

PHỤ LỤC

-1084 lập Đan Viện ở Chartreuse.

-1090 lập Đan Viện ở Calabria.

-1127 Thói Lệ của Guigô (9 nhà).

- 1140 lập Dòng: Tổng Hội lần đầu tiên với 6 sự bổ sung cho Thói Lệ: 1140, 1170, 1180, 1222, 1248.

-1271 Luật Xưa (tài liệu của 6 sự bổ sung và thói lệ của Guigô).

-1349 Dịch Hạch (900 nạn nhân).

-1378 Đại Ly Giáo ở bên Tây:

Dòng chia rẽ, có hai vị Cha chung cho tới 1409; hai sự bổ sung (Luật Mới 1368, Biên Soạn Tài Liệu thứ ba 1509).

Trước cải cách Tin Lành: có 195 nhà

-1500-1600 các cuộc chiến tranh tôn giáo (40 không còn hoạt động).

-1582 một bản Tổng Hợp Mới (sau Công Đồng Trentô). Nhiều nhà nhỏ trực thuộc Đại Chartreuse: 12 nhà thuộc Chartreuse vào năm 1126, có 20 nhà vào năm 1324, có 24 vào năm 1338, có 35 vào năm 1595.

*Thế kỷ 17

Con số thành viên gia tăng (tổng 555 thành viên thuộc Đại Chartreuse, thì có 94,6% bền đỗ).

-1675 - 1703 Le Masson là cha đáng kính - lúc ấy Dòng cư ngụ ở: 16 địa phận; ở Pháp có 66 nhà trong tổng số 160 nhà.

*Thế kỷ 18

Joseph II nước Áo đã đình chỉ 24 nhà.

-1789 cuộc Cách Mạng Pháp, tịch thu tài sản của Giáo Hội.

-1792 đình chỉ nhiều Dòng tu, nhiều cuộc ly tán của các đan sĩ.

***Thế kỷ 19**

-1805 chỉ có một vài nhà Chartreuse tồn tại nhưng không có linh mục nào.

-1817 sự trở về với Đại Chartreuse.

-1831-1863 dưới thời cha đáng kính Dom Gioan Baptiste Mortaize: có nhiều ứng sinh trẻ (363 ứng sinh Tk XIX).

-1839 sau hai năm tập thì cho khẩn trọng thể.

-1851 một năm tập, bốn năm khẩn tạm, rồi khẩn trọng thể. Ở Pháp 10 nhà được khôi phục, ở Ý 9 nhà, ở Thụy Sĩ 1, ở Tây Ban Nha 3 nhà, ở Slovenia 1 nhà; đồng thời lập thêm nhiều nhà mới ở Anh và Đức.

***Thế kỷ 20**

-1903 bị trục xuất khỏi Pháp - Đại Chartreuse tới Farneta (Lucca) của Ý.

1924 Statuta Ordininis Cart (theo bộ Giáo Luật mới).

-1940 trở về với Đại Chartreuse (4 nhánh nam Chartreuse, 1 nữ Chartreuse được khôi phục).

-1949 hai năm tập, ba năm khẩn tạm, khẩn trọng thể. Gồm 19 nhà thuộc nhánh nam, 5 nhà thuộc nhánh nữ.

-1969 hai năm tập, ba năm khẩn tạm, kéo dài thêm hai năm để tập khẩn như khẩn trọng rồi mới khẩn trọng (19 nhà thuộc nhánh nam, 5 nhà thuộc nhánh nữ).

-1971 và 1975 Tu Luật canh tân (sau Công Đồng Vatican II).



CHƯƠNG 3

ÔN GỌI

“Hãy ngợi khen vinh quang Thiên Chúa, Chúa Kitô, Lời của Chúa Cha, trong Chúa Thánh Thần, Đấng đã tuyển chọn con người ngay từ lúc khởi đầu, và Ngài đã muốn dẫn đưa họ vào nơi cô tịch để họ kết hợp với Ngài trong tình yêu”. (Tu Luật 0.1.1).

Ôn gọi là một thực tại vô cùng huyền nhiệm. Lời mời gọi của Thiên Chúa không hệ tại những gì bên ngoài; nó hiện hữu nơi sâu xa nhất và trung tâm nhất của lòng người. Chúng ta có là gì cũng là do lời mời gọi này.

Muốn hiểu được thực tại này cách thấu đáo hơn, trên hết chúng ta hãy lắng nghe Kinh Thánh. Chúng ta sẽ được bất gặp nhiều ơn gọi vĩ đại mà Kinh Thánh muốn diễn tả⁷ và sẽ sinh động hóa cho chúng ta.

⁷ Abraham (St 12, 2 - 5); Môsê (Xh3 - 4); Samuel (1 Sml 3); David (1 Sml 16, 1 - 13); Isaia (Is 6); Giêrêmia (Gr1); Tôi Trung (Is 41, 8 - 14; 42, 1 - 9; 49, 1 - 6; 50, 4 - 9; 52, 13 - 53, 12); Maria (Lc 1,26-38); các môn đệ đầu tiên (Ga1,35-51); Phêrô (Ga21,15-19); người thanh niên (Mt 19,16-22); Phaolô (Gl1,15-16; Ác 9)...vv

Chúng sẽ dạy chúng ta nhiều về tâm lý của những con người được gọi và đường lối Thiên Chúa đã an bài, đồng thời tiếp tục hướng dẫn họ để rồi mặc khải cho họ ơn gọi mà chính họ là đối tượng.

Nhưng nếu chúng ta nhìn lại một chút, chúng ta có thể nhận thức và nắm bắt một cách toàn diện rằng: Kinh Thánh ghi lại lịch sử tính của một ơn gọi, ơn gọi của những người thuộc về Thiên Chúa. Mỗi người cần biết cứu mạng⁸, bảo tồn ơn gọi chung để ơn gọi riêng có những ý nghĩa đặc biệt của nó.

PHÁT TRIỂN Ý NIỆM ON GỌI TRONG KINH THÁNH

Chúng ta cần học biết đường lối mà Thiên Chúa đã làm nên ơn gọi này qua các thời đại và cách mà những người của Thiên Chúa đã biết ý thức liên li về ơn gọi mình: từng bước ngang qua các sự kiện có tính ảnh hưởng, họ bắt đầu hiểu cách sâu xa ơn gọi của họ nhờ đó ơn gọi đã bén rễ sâu trong họ. Họ học biết sống ơn gọi mình ngày một đúng đắn và trong sáng hơn. Điều này sẽ giúp chúng ta nhận ra điều Thiên Chúa đang nói với chúng ta: chúng ta hãy đổi mới mình bằng việc khám phá sự thật như chính Ngài đã tiền định cho chúng ta. Con đường mà nhờ đó Thiên Chúa dẫn dân Người từ vinh quang tới vinh quang và còn lại đó nơi chúng ta một con đường vô cùng vô tận cho sự hiện hữu một ơn gọi riêng huyền nhiệm của chúng ta.

CỰU ƯỚC ON GỌI CỦA ISRAEL

Israel được gọi xuyên qua các dấu chỉ mà tổ phụ Abraham được chọn và được dành riêng cho sứ vụ của ngài. Trải qua vô số những biến cố lịch sử, dân Chúa khởi* từ tổ phụ Abraham đã thấu hiểu chính ơn gọi ấy như là dân được Thiên Chúa tuyển chọn. Dù ngay từ đầu có thể họ chưa hiểu lắm nhưng rồi họ cũng nhận biết rằng họ được thông dự hoàn toàn vào tình bạn duy nhất với Thiên Chúa, rằng họ là những người được chia sẻ một cuộc diện kiến linh thiêng huyền nhiệm. Chính tình bạn này giúp họ nhận thức rõ về sự hiệp nhất và làm cho họ thành một dân tộc.

Trước hết cần nhớ những sự kiện vĩ đại trong thời Môsê, chúng đã để lại dấu ấn trên dân này và có thể nói đã phục hồi nhân phẩm của họ: từ cuộc xuất hành Ai Cập, giao ước Sinai và việc ban Lễ Luật, sa mạc, cho đến chinh phục đất hứa.

Ngôn sứ Êzêchiel sau này đã diễn tả tình bạn của Israel qua một hình ảnh độc đáo:

“Ta đi ngang qua chỗ người và thấy người giãy giụa trong máu. Thấy người mình đầy máu me, Ta đã phán với người: 'cứ việc sống!' Ta làm cho người nẩy nở như hoa ngoài đồng. Người đã nẩy nở, lớn lên và thành cô thiếu nữ với bộ ngực nở nang, mái tóc mượt mà, nhưng người vẫn trần truồng, không mảnh vải che thân.

Ta đi ngang qua chỗ và thấy người. Đây người đã đến tuổi, tuổi yêu đương. Ta đã lấy vạt áo của Ta phủ lên để che thân thể lỏa lồ của người. Ta đã thề nguyện và lập giao ước với người - sấm ngôn của Đức Chúa là Chúa Thượng - và người thuộc về Ta. Ta đã lấy nước tắm rửa, gột sạch máu me, rồi xức dầu thơm cho người.” (Ed16,6-9).

⁸ Ghi chú của dịch giả: vẻ đẹp trong sáng và sự tinh tế trong cuộc họp này cũng bị đánh mất do sự dịch thuật. Do đó tất cả các từ kí hiệu (*) là từ tiếng Pháp “Sein” có nghĩa là: ngực, tâm hồn, trái tim, trung tâm, lòng, vực thẳm, chiều sâu, và được dùng trong sự kết hợp cả Abraham và Đức Trinh Nữ Maria còn các từ kí hiệu (+) được dịch từ dessein của tiếng Pháp, có nghĩa là sắp đặt, dự phóng, đặt mục tiêu, quan niệm, hay phó thác cho Thiên Chúa, có một cái gì đó tiếp nối từ trái tim thiêng liêng.

Trong thời gian dài, đây là một sự nhắc nhở bên cạnh việc diễn tả ơn gọi của họ. Thiên Chúa “đã tìm thấy”, “đã bắt gặp”, “đã gọi”, “đã chọn”, “yêu thích” họ. Những lời này cho thấy rằng dân Chúa đã được Người tuyển chọn từ trước. Tóm lại không còn nhận thức nào cần thiết được đào sâu hơn nữa.

Sau cuộc xuất hành, mọi sự đã trở nên khác. Đã có một sự đổ vỡ trầm trọng. Sự đổ vỡ về con người và đất đai: số nhỏ còn sót lại đã để đất hứa mà họ đã tìm thấy ra hoang tàn, đã để mất vào tay chư dân xa lạ, đền thờ bị lấy mất, tuy nhiên chắc chắn một điều là chúng không thể lấy mất Thiên Chúa của họ được. (Ed11,16). Thiên Chúa cũng muốn tách biệt, không muốn dân Chúa lệ thuộc vào đất đai. Xuất hiện một ý thức lớn hơn về ơn cứu độ phổ quát, về tính siêu việt và duy nhất của Thiên Chúa. Những tượng thần không còn chỗ đứng, và có số phận tệ hại hơn nữa. Đức Chúa là Thiên Chúa của vũ hoàn, là Đấng sáng tạo toàn năng.

Dân Chúa suy nghĩ về ơn gọi của mình cách sâu xa hơn. Cho tới cuộc xuất hành thì việc sở hữu đất hứa vẫn còn là một phần thiết yếu của giao ước. Nhận thức về ơn gọi và thần học sáng tạo cần sâu hơn nữa đồng thời phải có sự hỗ tương.

Chúng ta hãy hết sức chú ý đến chiều kích sâu xa này. Bởi lẽ điều tương tự cũng sẽ xảy ra cho chúng ta. Ơn gọi cá nhân chúng ta ít nhiều mang tính ích kỷ và thiển cận. Nó chỉ xuất hiện sau khi phá vỡ “ngẫu tượng” và “lý tưởng” của chúng ta nhờ sự quan phòng của Thiên Chúa, hay bởi một vài ý nghĩa khác giúp chúng ta đụng chạm chỗ sâu nhất của lòng mình, nơi ấy Ngôi Lời kêu gọi chúng ta trở nên không.

TOLEDOT

Giữa thời điểm của cuộc xuất hành, Thiên Chúa hiện ra giữa dân Người với quyền năng vô biên và một nhà tư tưởng sâu sắc đã giới thiệu về một cuộc thần hiện kỳ diệu trong dự phóng thiêng liêng. Chúng ta không biết tên ông là gì. Nhưng hẳn ông là một tư tế, vì vậy chúng ta gọi tác phẩm của ông là, giống văn tư tế, bằng một chữ “p” đầu chữ. Công việc này định hình phần nào truyền thống khả dĩ cung cấp sườn cho việc biên soạn bộ Ngũ Kinh và do đó cung cấp ý nghĩa sau cùng cho tất cả các sự kiện mang tính lịch sử.

Xuyên qua một loạt trình thuật bắt đầu bằng chữ Hipri “Toledot”: “Đây là gia phả (một lịch sử) của...” (St5, 1; 6, 9...vv.). “P” nối kết sự sáng tạo vũ trụ với giao ước của tổ phụ Abraham và sự phát sinh dân Chúa, toàn bộ lịch sử của Môsê, cuộc Xuất Hành và giao ước Sinai. Bởi thế ngài đã thực thi dự phóng của Thiên Chúa, toàn bộ luật tự nhiên đều quy hướng về thiêng liêng, và toàn bộ công trình sáng tạo thế giới đều quy hướng về ơn gọi của Israel. Tác giả cho rằng nguồn gốc của mọi sự có liên quan trước hết với các gia phả. Còn Tin Mừng chính là sự liên hệ sau cùng, mặc khải sách gia phả Đức Giêsu Kitô, con vua David, con cái tổ phụ Abraham (Mt1,1), con ông Nô-ê, con ông tổ loài người Adam, con Thiên Chúa (Lc3, 23 - 38).

ISAIA II

Một tác giả vĩ đại khác xuất hiện cuối thời lưu đày, một con người hoàn toàn khác biệt, người có công tổng hợp những giáo lý cùng một giáo lý có tính khả thi hơn cho chúng ta. Một thi sĩ đầy đam mê, ông đã phổ nhạc những bài thơ thành những bài hát tuyệt hay, chúng ta không biết tên ông. Ông là một ngôn sứ kế thừa ngôn sứ Isaia và được gọi là Isaia thứ hai. Tác phẩm của ông có tựa đề là “Cuốn Sách An Ủi”. (Is40-55).

Lại một lần nữa, chúng ta tìm thấy ơn gọi Israel một cách minh nhiên và không thể chối cãi, hơn nữa có tính đồng nhất với việc hình thành ơn gọi Israel và đi xa hơn trong dự phóng thành hình ơn gọi phổ quát.

“Nhưng bây giờ, đây là Lời Đức Chúa phán, Lời của Đấng tạo thành người, hỡi Giacob, lời của Đấng nắn ra người, hỡi Israel: đừng sợ, vì Ta đã chuộc người về, đã gọi người bằng chính tên người: người là của riêng Ta!” (Is43,1).

“Đó là tất cả những người mang danh Ta, đã được Ta tạo dựng, nắn thành hình và làm nên, cho danh Ta rạng ngời vinh hiển.” (Is43,7).

LỜI

Sự kết nối này trong ý niệm ơn gọi đối với công cuộc sáng tạo; làm sáng tỏ tính chủ động hoàn toàn và nói lên quyền năng của Thiên Chúa, đặt nền tảng trên ý niệm sâu xa của Lời. Tác giả “P” đã chỉ cho chúng ta thấy thế giới được sáng tạo bởi Lời Thiên Chúa. (x. “Thiên Chúa phán” trong sách Sáng Thế 1). Isaia thứ hai đã khai thác theo hướng này một cách sâu xa: ông chiêm ngưỡng công trình sáng tạo như một lời mời gọi hiện hữu. Lời gọi ý này chỉ tìm thấy sự đúng đắn mang tính siêu hình trong sách Khôn Ngoan (“Cái gì có thể hiện hữu được khi người chưa gọi nó?” Kn11.25), nhưng cũng là một hình thức xuất hiện xuyên suốt trong sách An Ủi.

“Hãy nghe Ta, hỡi Jacob, hỡi Israel, kẻ Ta đã gọi! Ta vẫn là Ta, Ta là khởi nguyên, Ta cũng là cùng tận. Chính tay Ta đã thiết lập địa cầu, tay hữu Ta đã trải rộng trời cao. Ta gọi chúng, chúng cùng nhau trình diện.” (Is48,12-13).

Lời Chúa trước tiên tự thân mang tính sáng tạo: nó kêu gọi và con người hiện hữu; đây quả là một sự sáng tạo. Nó bày tỏ mình qua việc phân ra từng nhiệm vụ. Nó kêu gọi những con người mà nó đã tạo thành, đây là ý nghĩa ơn gọi của mỗi người. Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách Lời này đã được ban cho con người qua các ngôn sứ và luật lệ, nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa gọi đích danh mỗi người trong chúng ta dưới hình dáng một con người. (Dt1,1)

Bởi vậy, toàn bộ Kinh Thánh, từ công trình sáng tạo cho đến công trình nhập thể, có thể được nhìn nhận như một hiện thân của Lời bất diệt. Isaia II chính là ngôn sứ của Lời, cũng như thánh Gioan là tác giả Tin Mừng⁹. Lời Thiên Chúa mời gọi mọi người đi vào sự hiện hữu, mỗi thứ “tùy theo loại” (St1,11).

Mỗi sinh vật được dựng nên cho một mục đích nhất định nào đó: cây sinh hạt giống, hay đúng hơn được khắc sâu trong bản chất của nó.

Con người cũng vậy, được dựng nên cho một mục đích và vì chúng ta có lý trí cũng như tự do nên Thiên Chúa dùng Lời của Người mà thông tri kế hoạch+ của Mình cho chúng ta. “Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: 'Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất’” (St1,28). Nói chung đây là ơn gọi của chúng ta, là nguồn phát sinh mọi khả năng sáng tạo và hoạt động của chúng ta.

Nhưng mỗi người đã được tiền định một lối sống riêng phục vụ cho việc hiểu biết và yêu mến Thiên Chúa. Tình bạn giữa hai người mãi mãi là độc nhất và chính vì lý do này mà một lời mời gọi tầm

⁹ Coi như những con đường tương tự: Is 40,3,6-8 và Ga1,1; Is 52,6 và Ga1,14 ; Is 55,11 và Ga116,28; 17,26 và 19,30.

thường hiện hữu và hoạt động là không xứng đáng. Cần có một lời mời gọi cá biệt và điều này muốn nói đến ơn gọi trong ý nghĩa riêng dù vẫn ở trong một đường hướng chung.

Nhưng có một ý nghĩa đặc biệt hơn: một cách chắc chắn, Thiên Chúa tiền định cho mọi người thuộc về Ngài theo cách riêng, ngang qua việc tuyển chọn hay dùng vào một sứ vụ. Cũng vậy, dân Chúa đã được tuyển chọn, được nâng lên và được trao cho một sứ vụ đặc biệt, vì thế lời mời gọi sẽ nhắm đến ơn gọi của dân riêng mà Kinh Thánh đã bày tỏ cho chúng ta. Thiên Chúa cần, Thiên Chúa hạ mình xuống cần đến con người. Ngài hướng dẫn dân Ngài qua những con người cụ thể, Ngài khiển trách, dạy dỗ, đánh phạt và đã bày tỏ mình cho họ qua nhiều trung gian. Ơn gọi vĩ đại của Isaia được hình thành, trở nên đặc biệt trong nhiều ơn gọi khác nhau: trưởng lão, thủ lãnh, các vua, thẩm phán, ngôn sứ, sứ giả của Lời, những con người được xức dầu và các tư tế.

Những vắn nạn sai lầm được đặt ra là tại sao Thiên Chúa lại gọi người này kẻ kia: tại sao Người lại đặt người này kẻ kia vì mục đích này nọ. Nhưng một ngày kia, có người cũng sẽ được chọn, họ cũng sẽ nghe theo tiếng gọi. Đồng thời, họ khám phá ra mình được gọi - ít nhiều họ biết mờ mờ rằng tại sao họ được gọi: để phục vụ Thiên Chúa cách tinh tuyền và dưới hình thức này, sự mặc khải sẽ phát sinh ân sủng thiết yếu cho việc kiện toàn ơn gọi.

Một cách chắc chắn, ơn gọi đã được ghi khắc trong tâm khảm chúng ta rồi, nhưng không nhất thiết như một cây táo sinh ra quả táo và chỉ sinh ra quả táo mà thôi - nhưng bởi vì mọi sự lệ thuộc vào dự phóng+ của Thiên Chúa, của Lời độc nhất, Lời đã gọi chúng ta trong ánh sáng của ơn gọi này, Lời đã chuẩn bị chúng ta cho ơn gọi trong nguồn mạch của đời sống ngang qua những cách thế thường rất mờ nhiệm, và sau cùng chính Đấng ấy mời gọi chúng ta nên hoàn thiện giữa “lòng”* Vương Quốc của Người.

GIAO ƯỚC MỚI

Lời đã thành xác phàm trong “cung lòng”* Đức Trinh Nữ Maria. Lời Chúa được đón nhận qua sự đáp trả triệt để khả dĩ trở thành xác phàm. Tiếng “xin vâng” của Mẹ là hình ảnh tiên báo tiếng “xin vâng” của Hội Thánh và của tất cả các thánh. Con người sống là để nói lên tiếng “xin vâng” này, vượt trên mọi lời kinh của con người, có thể nói rằng nhờ vậy mà con người mới ý thức đầy đủ về phẩm giá của mình. Từ nay, nhờ Lời nhập thể mà Thiên Chúa sẽ kêu gọi chúng ta đến với Ngài. Cũng nhờ quyền này, Đức Giêsu đã gọi các môn đệ đầu tiên theo Người: “Hãy theo Thầy”. Sau khi về với Chúa Cha, Lời của Người lại nhờ Thánh Thần và Hội Thánh để đến với chúng ta qua các thời đại.

Phẩm giá bất khả nhượng của con người hệ tại ở việc được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa (St1,26-27) trong toàn bộ bản thể, lý trí, tự do và tình yêu của họ. Nhưng tự do này có giới hạn, đồng thời hình ảnh Thiên Chúa cũng bị tội lỗi làm lu mờ; hình ảnh này được mặc khải hoàn toàn khi Chúa Kitô đến. “Hãy chiêm ngưỡng hỡi con người!” Chính Đức Kitô bởi ý Thiên Chúa đã trở nên trưởng tử. Con người được tạo dựng theo hình ảnh Chúa Kitô. Chỉ có Chúa Kitô mới có khả năng mặc khải cho chúng ta biết chính mình. Chỉ có Chúa Kitô mới có thể chỉ cho chúng ta biết Chúa Cha.

“Thánh Tử là hình ảnh Thiên Chúa vô hình, là trưởng tử sinh ra trước mọi loài thụ tạo, vì trong Người, muôn vật được tạo thành trên trời cùng dưới đất... nhờ Người và cho Người.” (Cl 1,15-16).

Con người chỉ đạt tới sự hoàn thiện thực sự khi làm người viên mãn, là người trong sự tuân phục đối với Chúa Kitô, nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần, điều ấy chứng tỏ một người tội lỗi đã được biến đổi tận căn khả dĩ trở thành thụ tạo mới, như hình ảnh mà họ trở nên giống Lời nhập thể. (1Cr 15,49).

“Anh em phải để Thần Khí đổi mới tâm trí anh em, và phải mặc lấy con người mới, là con người đã được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa để thật sự sống công chính và thánh thiện.” (Ep 4,23-24).

“Vì những ai Người đã biết từ trước, thì Người đã tiền định cho họ nên đồng hình đồng dạng với Con của Người, để Con của Người làm trưởng tử giữa một đàn em đông đúc.” (Rm 8,29).

Điều này nghĩa là sao?

“Tất cả chúng ta, mặt không màn che, chúng ta phản chiếu vinh quang của Chúa như một bức gương; như vậy, chúng ta được biến đổi nên giống cũng một hình ảnh đó, ngày càng trở nên rực rỡ hơn, như do bởi tác động của Chúa là Thần Khí.” (2Cr 3,18).

Người kitô hữu không phải là một loại người tách biệt nhưng mỗi người sống cái mình là. Và đan sĩ cũng không phải là những kitô hữu dị thường. Họ chẳng qua sống đúng đắn hơn đời sống kitô hữu, trở về với bản chất đời kitô hữu. Tuân phục Đức Kitô trong đức tin, cậy, mến: đây là sự thánh thiện và mỗi người được mời gọi để đạt tới sự hoàn thiện này.

Tuy nhiên, con người không hiện hữu trên đời như những “ốc đảo”. Nhân loại là một, Thân Mình Chúa Kitô cũng chỉ là một. Nó được sinh động hóa bởi Thần Khí duy nhất, Đấng ban cho mỗi một vị trí và cùng với chức năng riêng biệt trong Hội Thánh. Cũng như trong Cựu Ước, dĩ nhiên dân Chúa được gọi để đóng vai trò đặc biệt cho lợi ích của toàn dân.

“Nhưng mỗi người chúng ta đã nhận được ân sủng tùy theo mức độ Đức Kitô ban cho...để xây dựng thân thể Chúa Kitô, cho đến khi tất cả chúng ta đạt tới sự hợp nhất trong đức tin và trong sự nhận biết Con Thiên Chúa, tới tình trạng con người trưởng thành, tới tầm vóc viên mãn của Đức Kitô...trong tình bác ái.” (Ep 4,7,12-13,16).

Chúng ta sẽ cố gắng đào sâu ơn gọi¹⁰ mình trong ánh sáng của những phần thưởng căn bản do đức tin chúng ta. Cần phải thêm rằng chỉ có tình yêu mới có khả năng làm thỏa mãn phần thưởng của tất cả con người chúng ta cũng như tất cả đời sống chúng ta. Tình yêu này có nguồn mạch vô biên nơi Chúa Cha; cách thức và việc thể hiện tình yêu thuộc về Chúa Con; sức mạnh thì thuộc về Chúa Thánh Thần; cùng đích của tình yêu quy hướng về sự thông hiệp trọn vẹn đời đời nơi Ba Ngôi Chí Thánh.

“Khi khấn hứa là lúc chúng ta nung nấu mình bằng tình yêu thánh thiêng.” (Brunô).

¹⁰ Ơn gọi riêng của chúng ta, có thể nói chung đối với các kitô hữu, nhưng cũng là đặt biệt qua lời mời gọi của chúng ta đối với đời sống đan tu Chartreux. Chúng ta không nên do dự trong việc phân biệt ơn gọi chung và ơn gọi riêng, cũng không nên phân biệt các lệnh truyền và các lời khuyên. Viễn cảnh của chúng ta sẽ trở nên thực tại cụ thể và hợp nhất.

CHƯƠNG 4

LỜI MỜI GỌI

Quan niệm về ơn gọi bao hàm trong đó một lời mời gọi do Thiên Chúa và một lời đáp trả từ phía con người. Điều này được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, nhất là trong một thế giới thực dụng. Cùng lúc có nhiều điều đảm bảo để chúng ta có thể suy tư.

SÁNG TẠO TUYỆT ĐỐI CỦA THIÊN CHÚA

Trước khi ơn gọi được hình thành như một ý niệm của chúng ta thì ơn gọi chúng ta đã là ý niệm của Thiên Chúa rồi, là một sự chọn lựa: “Không phải anh em đã chọn Thầy nhưng chính Thầy đã chọn anh em” (Ga15,16). Sự chọn lựa này có trước cả sự hiện hữu của người được gọi: “Trước khi người được thành hình trong dạ mẹ thì Ta đã biết người, và trước khi người được sinh ra, Ta đã chọn người” (Jr1, 5). Đó là hiệu năng của một quy luật vĩnh cửu ở một thời điểm hiện tại: “Trong Đức Kitô, Người đã chọn ta trước cả khi tạo thành vũ trụ, để trước thánh nhan Người, ta trở nên tinh tuyền thánh thiện, nhờ tình thương của Người ‘để ta hằng ngợi khen ân sủng rạng ngời’” (Ep1,4.6).

Đây là sự kết nối đầu tiên trong chuỗi những sự kiện đời sống chúng ta.

“Vì những ai Người đã biết từ trước, thì Người đã tiền định cho họ nên đồng hình đồng dạng với Con của Người, để Con của Người làm trưởng tử giữa một đàn em đông đúc. Những ai Thiên Chúa đã tiền định, thì Người cũng kêu gọi; những ai Người đã kêu gọi, thì Người cũng làm cho nên công chính; những ai Người đã làm cho nên công chính, thì Người cũng cho hưởng phúc vinh quang.” (Rm8.29-30).

Chúng ta biết rằng thánh Phaolô đã sử dụng thì quá khứ trong đoạn văn này để diễn tả xác tín của ngài rằng hành động sáng tạo của Thiên Chúa sẽ đưa đến cùng đích của ơn gọi trong sự tôn trọng tự do chúng ta.

Trong nguồn mạch, lời mời gọi tự bản chất hòa tan vào đời sống thiêng liêng. Chữ “gọi” (vocare) gọi cho chúng ta suy nghĩ về một sự chất vấn hoặc thách thức của Thiên Chúa đối với con người. Nhưng rõ ràng Lời Thiên Chúa đụng chạm đến chúng ta trong một cấp độ sâu và tinh tuyền hơn. Ngay khi Lời đi sâu vào chúng ta, làm cho chúng ta trở thành những con người, để việc kêu gọi mỗi người chúng ta được sáng tạo từ hư vô đi đến hiện hữu. Tuyệt nhiên không có gì ngoài Lời sáng tạo. Chúng ta hiện hữu là vì Thiên Chúa gọi chúng ta hiện hữu. Chúng ta là những con người vậy nên, một cách thân tình, Thiên Chúa đã ghi khắc vào chúng ta một lời riêng.

Đến trước Thiên Chúa trong mức độ tối thượng này, không có gì hơn, không phải những kiến thức cũng chẳng phải sự khốn cùng, không phải cái đẹp cũng chẳng phải cái xấu, mà thực sự có một năng lực thúc bách việc chọn lựa thiêng liêng đối với chúng ta. Một cách độc nhất vô nhị nơi Hữu Thể Thiên Chúa mà ngang qua đó chúng ta tìm ra nguồn mạch, tính cách duy nhất nơi Thiên Thể đã cho đi chính mình bằng “cái đức” của chính sự Thiện.

“Ta đã yêu người bằng mối tình muôn thuở, nên Ta vẫn dành cho người lòng xót thương” (Jr31,3)¹¹.

¹¹ Ghi chú của dịch giả: “nhờ lòng tin, mà Ta sẽ lôi cuốn người đến với Ta”.

“Thiên Chúa là” có nghĩa là “Thiên Chúa yêu”. Bởi Thiên Chúa là tình yêu (1Ga4,8). Không phải bằng một hành động mà bằng chính cả bản thân Ngài, vì mục đích cho chúng ta, nhưng đó là một hành động đời đời. Hành động ấy không gì khác hơn cũng chính là bản thân Ngài, tất cả con người của Ngài. Nguồn gốc của ơn gọi chúng ta là tình yêu. 'Đức Giêsu đưa mắt nhìn anh ta (người thanh niên giàu có) và đem lòng yêu mến, Người bảo: “Hãy theo Thầy” (Mc10,21). Sự thật Thiên Chúa là tình yêu nhưng không buộc Ngài phải yêu chúng ta như là một nhu cầu bất di bất dịch. Tự do của Thiên Chúa là tuyệt đối. Không có gì có thể ép buộc được tự do của Ngài. Nếu Thiên Chúa yêu, là bởi vì Ngài muốn yêu. Yêu không lý do. Tình yêu của Thiên Chúa đối với các thụ tạo của Ngài luôn luôn như chiếc cầu bắc qua vực thẳm vô đáy. Chúng ta không thể giam hãm được tình yêu. Mỗi người trong chúng ta chỉ có thể đón nhận với lòng khiêm hạ biết ơn, đầy sự thán phục. Chẳng phải đó là lý do để chúng ta giữ lại sự thán phục ấy, và đó cũng là đặc tính riêng của thánh Brunô: “O Bonitas!” hay sao? “Tình yêu cốt ở điều này, không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Người đã yêu thương chúng ta... phần chúng ta, chúng ta hãy yêu thương, vì Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta trước” (1 Ga4,10 và 19).

Israel cũng ý thức về ân huệ nhưng không này:

“Đức Chúa đã đem lòng quyến luyến và chọn anh em, không phải vì anh em đông hơn mọi dân, thật ra anh em là dân nhỏ nhất trong các dân. Nhưng chính là vì yêu thương anh em, và để giữ lời thề hứa với cha ông anh em, mà Đức Chúa đã ra tay uy quyền đưa anh em ra và giải thoát anh em khỏi cảnh nô lệ.” (Đnl 7,7-8).

Thánh Phaolô căn dặn chúng ta đề phòng tất cả những cám dỗ về sự kiêu ngạo:

“Thưa anh em, anh em thử nghĩ lại xem: ‘những gì thế gian cho là điên dại, thì Thiên Chúa đã chọn để hạ nhục những kẻ khôn ngoan, và những gì thế gian cho là yếu kém, thì Thiên Chúa đã chọn để hạ nhục những kẻ hùng mạnh; những gì thế gian cho là hèn mạt không đáng kể, là không có, thì Thiên Chúa đã chọn để hủy diệt những gì hiện có, hầu không một phàm nhân nào dám tự phụ trước mặt Người’ Ai tự hào thì hãy tự hào trong Chúa.” (1Cr1,26-29 và 31).

THIÊN CHÚA QUYẾN RŨ

“Bởi thế, này Ta sẽ quyến rũ nó, đưa nó vào sa mạc, để cùng nó thổ lộ tâm tình.” (Hs2,16).

Tình yêu tìm kiếm và làm nên sự thông hiệp riêng tư và thân tình. Tuy nhiên, để quyết định trao ban món quà tình yêu của Người hay đúng hơn là trao ban chính Người cho chúng ta, Thiên Chúa phải tôn trọng tự do của chúng ta. Tình yêu của chúng ta chỉ có thể là tự do. Thiên Chúa sẽ không ép buộc chúng ta. Người theo đuổi tán tỉnh chúng ta, người dẫn dắt chúng ta bằng “dây nhân nghĩa, bằng mối ân tình.” (Hs11,4)

Người mặc khải một chút vẻ đẹp của Người qua các thụ tạo của Người, nhất là trong Chúa Kitô. Người đánh thức trong lòng chúng ta những khát vọng mệnh mông và sâu thẳm mà chúng ta không thể kể xiết. Người làm cho chúng ta ý thức về sự nghèo nàn, tội lỗi và sự cô đơn nội tại trong chúng ta. Có thể chúng ta sợ phải đối mặt với những gì chưa biết hoặc từ những yêu sách của Chúa Kitô, điều mà chúng ta chỉ biết phần nào ít ỏi: chúng ta có thể lẫn trốn Người, chúng ta ẩn mình đi, nhưng một ngày nào đó đứng trước lời mời gọi của Người chúng ta phải trả lời “có” hoặc “không”, sự đáp trả này ứng với sự trao ban của tình yêu Thiên Chúa.

Nếu chúng ta thừa “có” thì chính nhờ hấp lực sâu thẳm mà Thiên Chúa sẽ huấn luyện trái tim chúng ta, một sự cuốn hút vô cùng mạnh mẽ bởi lẽ chúng ta không thể nói lên lý do¹² của sự cuốn hút ấy. Vì được tạo dựng giống hình ảnh của Thiên Chúa nên con người bị cuốn hút lại gần Đấng Tạo Hóa một cách mạnh mẽ không thể cưỡng lại được. Chúng ta cần phải yêu. Chúng ta có khả năng khao khát Đấng Thiện Hảo và yêu mến Đấng Tình Yêu. Chúng ta được tạo dựng nên là cho ánh sáng và cho sự kết hiệp. Ở mọi nơi, mọi lúc con người có thể cảm nghiệm sự cuốn hút của Thiên Chúa và tôi sẽ chấp nhận kiểu nói rằng mỗi người say mê Thiên Chúa, dù cho họ gọi Người là anti-God (Thiên Chúa đối nghịch) hoặc bằng vài cái tên khác. Những con người chiêm niệm thuộc mọi tôn giáo đều có một trực giác siêu nhiên rất lớn, Thiên Chúa gọi họ đến kết hợp mật thiết hơn với Người. Đây là những anh chị em của chúng ta.

Tuy nhiên, chúng ta sẽ không được nhìn thấy Đấng cuốn hút chúng ta. “Nhưng điều gì khiến tôi yêu Thiên Chúa?”¹³ đó là điều mà thánh Augustinô đã thốt lên. Cũng như thánh Augustinô, người được cuốn hút gặp phải một thách đố lớn trong việc đáp trả. Có lẽ vì vậy mà nó trở thành một yếu tố của sự cuốn hút: “Vực thẳm kêu gào vực thẳm” (Tv42,7). Khoảng thời gian giữa sự cuốn hút thực sự khiến cho người mới bắt đầu cảm nghiệm được và điều ấy nói lên rằng họ có thể cho đi chính cái tiếng tăm và đôi khi những điều bộ giả tạo cũng cho thấy nhiều vấn đề về khả năng phân định. Nhưng chắc chắn đối với một ơn gọi hướng về sự ẩn tu cô tịch thì lời cầu nguyện phải có một trực giác sâu thẳm về Thiên Chúa, về mầu nhiệm nguyên truyền của Người trong nơi không còn sự cô đơn nhờ những linh đạo ẩn mình nơi sa mạc. Chúng ta chỉ đạt được sự quên mình nhờ những con đường thâm lặng. Chỉ một mình Thiên Chúa độc nhất mới có khả năng dẫn tới Thiên Chúa. “Duy nhất” cụm từ này tác động trên người đan sĩ (moros) vừa như một sự ràng buộc không thể chịu nổi vừa như một lời hứa vô định đưa đến một sự hợp nhất hoàn hảo với Ngài trong tình yêu và sự thật. Sự cô tịch này là vô nghĩa, nó chỉ hiện hữu thật sự khi diễn tả sự thỏa mãn cơn khát nội tâm, đó chính là một lời đáp cho sự lôi kéo của tình yêu. Những người được yêu tìm vào nơi cô tịch để khám phá chính mình và để hợp nhất nên một. Tình Yêu thâm lặng là đủ rồi. Chỉ cần Tình Yêu là đủ.

Một kinh sư hỏi Chúa Giêsu:

“Thưa Thầy, trong mọi điều răn, điều răn nào đứng đầu?” Đức Giêsu trả lời: “điều răn đứng đầu là: nghe đây hỡi Israel, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Thiên Chúa duy nhất. Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức lực người. Điều răn thứ hai là: người phải yêu người thân cận như chính mình. Chẳng có điều răn nào khác lớn hơn điều răn đó.” (Mc12,28-31)

VẬT LỘN VỚI THIÊN CHÚA

Sự bình an của Đức Maria và tiếng thưa “vâng” dứt khoát nói lên tinh thần đơn sơ và một trái tim tinh tuyền của Mẹ. Điều thường xảy ra là lời mời gọi của Thiên Chúa ghi vào một tâm hồn hỗn độn, một tâm hồn tan vỡ và ít nhiều đang bị thương, những vết thương do tội lỗi, cũng tạo nên một lịch sử cá nhân rất rối ren. Đây là một sự thật trên hết trong thời đại của chúng ta. Sự theo đuổi của Thiên Chúa chạm trán với sự chống đối của xác thịt và trở thành một ngọn lửa vô cùng nóng.

¹² Mặc khải cung cấp cho chúng ta tất cả các lý do để yêu mến Thiên Chúa. Đây chính là một vấn nạn mang tính triết đề hơn, tương tự như hấp lực tự phát và không thể cưỡng lại được giữa một người với một người, ẩn dưới mọi lý do và biện minh. Một cách thiết yếu, đó là công việc của tình yêu Thiên Chúa đổ tràn vào lòng chúng ta (Rm 5,5); và nơi chúng ta, yêu thương không cần lý do.

¹³ Tựa Thuật, x, 6.

Người được gọi sẽ chống lại Thiên Chúa. Có nhiều lúc chúng ta như bị Chúa¹⁴ đánh rồi lại được chữa lành. Chúng ta biết đề tài vật lộn giữa Jacop với Thiên Chúa (St32,23-33) trong truyền thống đan tu là rất quan trọng. Cuộc vật lộn này nằm giữa bóng tối và ánh sáng, có thể trải qua nhiều năm tháng. Thỉnh thoảng người ấy có thể bị đánh trên thân xác của họ, như Jacop đi đứng khập khiễng.

Nhiều lúc đây cũng là dấu chỉ của một sứ vụ đặc biệt, vượt ra ngoài khả năng của người được gọi. Bởi vậy, Chúa như vị Thầy đã gọi ai thì dẫn đưa họ đến nơi mà họ không muốn như Phêrô (Ga21.18). Môsê chạy trốn trước sứ vụ của mình (Xh3 và4). Phaolô nói rằng đã được “Chúa Kitô chiếm đoạt.” (Pl3,12). Sau khi chịu nhiều đau khổ, ngài mới hiểu rằng sự yếu đuối của mình là sức mạnh của Chúa Kitô trong chính mình (2Cr12,7-20). Khó đường nào để có thể hiểu và sống sự thật này!

Đối với Giêrêmia, cuộc vật lộn với Thiên Chúa trong cuộc đời ngài là một kinh nghiệm đau đớn. Đây quả là một tình trạng cùng cực, nhưng cũng vì vậy mà nhiều tình trạng cùng cực khác đã thuyên giảm bớt, và hẳn những yếu tố ấy làm cho ơn gọi này trở thành riêng biệt hơn đối với ơn gọi khác.

“Lạy Đức Chúa, Ngài đã quyến rũ con, và con đã để cho Ngài quyến rũ. Ngài mạnh hơn con và Ngài đã thắng. Suốt ngày con đã nên trò cười cho thiên hạ, để họ nhạo báng con... Có lần con tự nhủ: “tôi sẽ không nghĩ đến Người, cũng chẳng nhân danh Người mà nói nữa.” Nhưng lời Ngài cứ như ngọn lửa bùng cháy trong tim, âm i trong xương cốt. Con nén chịu đến phải hao mòn, nhưng làm sao nén được!” (Gr20,7.9).

Không một chút tương xứng trong tình bạn này. Giêrêmia muốn chạy trốn ơn gọi của mình, nhưng lời đã được gieo vào ngài và như một ngọn lửa nội tâm, nhào nặn, thiêu đốt ngài. Chúng ta nên biết đoạn văn này là một lời độc thoại, cũng như tất cả các đoạn văn, đều được trình bày như những lời tự thuật, ở đó Giêrêmia trình bày cho chúng ta biết về nỗi khôn khổ¹⁵ của ngài. Thiên Chúa không trả lời và cũng chẳng giải thích. Giêrêmia cảm thấy bị Thiên Chúa bỏ rơi. Ngài không hiểu.

Làm sao có thể dứt bỏ được quá nhiều khó khăn đối với ơn gọi của người này, trong khi khó khăn ấy lại đối nghịch với độ nhạy cảm cực mạnh của người ấy, làm sao người ấy trung thành theo con đường này đến cùng, ngay như một siêu nhân biết từng phục một thể chế cũng phải tan vỡ? Đây là một bí ẩn ngay cả với Giêrêmia. Tại sao Thiên Chúa lại để cho đời sống của một vị sứ giả trung thành rơi vào một đêm tối kinh hoàng như vậy? Đây là một bí mật của Thiên Chúa. Con đường mà Giêrêmia đi chìm ngập trong đau khổ và không có bất cứ tác động gây xúc động nào, mọi sự cứ mất đi như nước trên bãi cát. Một con người được thông chia sự đau khổ của Thiên Chúa nơi tội lỗi của dân Người. Chỉ có thứ tự do trái khuấy đối với người ấy mới là thứ tự do để chịu đựng đau khổ.

Chúng ta đi quá xa trong những quan niệm này, một chút hơi quá về hiểu biết và ý thức về “cái đúng” của chúng ta, dựa trên một lập trường mà đôi khi chúng ta chấp nhận là con trong tương giao với Thiên Chúa mà quên rằng Ngài là Chúa. Trong điều kiện ấy, mặt thật của tự do chúng ta là rất huyền nhiệm. Chúng ta có chắc rằng mình biết nó là gì không? Chúng ta phải đặt tự do của chúng ta vào mức độ sâu nhất trong con người chúng ta, vượt xa tất cả những điều kiện bên trong và bên ngoài, vượt xa những xao xuyến của tình cảm. Ngay như Giêrêmia, con người ngoại lệ, cũng đã coi tự do như là nền tảng của ý chí để nói “có” hoặc “không”.

Và chúng ta phải hiểu những con người đã được thử thách. Những lời tự do của Giêrêmia đôi lúc đi đến thái độ báng bổ, nhưng không phải bất cứ cách nào cũng gây mâu thuẫn giữa tự do và sự quy phục

¹⁴ Xem bài thơ: “Săn Tim Thiên Đàng” của Francis Thomson.

¹⁵ Gr 11,18-23; 12, 1-6; 15,10; 15,20; 17, 14-18; 18,18-23; 20, 17-18.

sâu xa của ý muốn ngài. Trong trường hợp của Giêrêmia, sự thật luôn mang tính nghịch lý. Ngay cả cuộc nổi loạn của Giêrêmia, nó là bằng chứng cho tình yêu vĩ đại của ngài đối với Thiên Chúa.

TÔN TRỌNG TỰ DO CỦA CHÚNG TA

Việc nhận ra sự “nài ép” thiêng liêng là hết sức quan trọng, nó bó lại hoàn toàn cái tự do sâu thẳm nhất, và đây là loại “bắt buộc” tâm lý, bên trong hoặc bên ngoài, nhờ vậy có thể tự giảm bớt hoặc xua đuổi hoàn toàn được tính chất bắt buộc. (Tu Luật 1:9,3).

Hầu như tất cả các loại ảnh hưởng về xã hội, kinh tế, tri thức và nhiều ảnh hưởng khác nữa đều có tác động trên chúng ta. Cũng như hầu hết mỗi người trong chúng ta được thành hình do di truyền, có tuổi thơ, có lịch sử cá nhân làm nên một tổng thể phức tạp gồm nhiều yếu tố. Có thể do tội lỗi chúng ta và việc khước từ tình yêu nơi chúng ta làm cho chúng ta trở nên yếu nhược và mù lòa. Hay nhiều động cơ của chúng ta trở nên phức tạp hơn và ít mang tính vị kỷ¹⁶ hơn khi nó quay về ban sơ. Lòng con người sâu thẳm dường nào.

Trong khi đó, sự hình thành không phải là lực cản bất khả tiếp cận đối với hành động của Thiên Chúa. Người đón nhận chúng ta như chúng ta là. Nói đúng hơn, đôi khi phải nhờ đến nhiều ý nghĩa về những giới hạn và thương tích của chúng ta mà Người dẫn chúng ta đến với Người. Tuy nhiên, một đánh giá mang tính tâm lý đối với nhân cách chúng ta một cách tỉ mỉ và thấu đáo chỉ thích hợp ở mức độ thấp mắc của những chiếc máy tâm lý mà thôi. Việc đọc ra những đặc điểm con người một cách hoàn hảo hơn là tương đối khả thi, nó đi vào tự do nội tại mang tính sáng tạo và bất khả nhượng của chúng ta và thậm chí một cách hoàn hảo và thâm thúy hơn, đó sẽ là một chiều kích thiêng liêng. Ở đây có một sự biện phân khá tinh tế về các thần khí đi trong cuộc chiến.

Một ánh nhìn trong sáng và một nỗ lực hoàn toàn chân thành là không thể thiếu được. Tuy nhiên, chúng ta hãy xác tín rằng tự do thực sự của chúng ta hệ tại ở tiếng “xin vâng” trong cái nhìn của Thiên Chúa, Đấng đã ban cho chúng ta bản thể và sự hiện hữu. Việc đáp trả của chúng ta đối với ơn gọi lệ thuộc vào mức độ chúng ta thể hiện sự hoàn mỹ đó hay không. Không bao giờ có sự mâu thuẫn với lời mời gọi mà Thiên Chúa đã sáng tạo từ sự vô hạn đời đời và trong thời gian. Trái lại, theo ý định của Thiên Chúa, chúng ta được Thánh Thần dẫn dắt và uốn nắn để chúng ta được tự do, tự do thực sự của con cái Thiên Chúa, vì lý do đó mà Chúa Kitô đã muốn làm cho chúng ta được tự do. “Chúa là Thần Khí, và ở đâu có Thần Khí của Chúa, thì ở đó có tự do.” (2 Cr 3,17).

Chính nhờ sức mạnh của tình yêu và ánh sáng sự thật của Chúa Kitô mà một cách tiệm tiến chúng ta có quyền được hưởng tự do. “Nếu các ông ở lại trong lời của tôi, thì các ông thật là môn đệ tôi; các ông sẽ biết sự thật, và sự thật sẽ giải phóng các ông.” (Ga 8,31-32).

¹⁶ Bằng lòng với thực trạng của đời sống thường là do sức mạnh của sự trốn tránh (ngay cả trốn tránh mình) và nhiều động cơ ích kỷ. Một ơn gọi được thúc đẩy trôi vượt bởi loại tính toán con người này (danh tiếng ngoài xã hội, tự nhận thức bản thân, để rồi tìm một nơi trốn tránh khỏi một thực tại quá khắt khe...). Sẽ bị lay động khi và chỉ khi những tính toán này không được thực hiện.

CHƯƠNG 5

HÃY BÁN NHỮNG GÌ MÌNH CÓ

NGƯỜI THANH NIÊN GIÀU CÓ

Câu chuyện về người thanh niên giàu có (Mc 10,17-22; Mt 19,16-22; Lc 18,18-23) mang lại một ý nghĩa đặc biệt cho chúng ta. Vào một ngày nọ trong thế kỷ thứ ba, một người thanh niên Ai Cập tên là Antôn nghe lời này trong nhà nguyện: “Đức Giêsu nói: nếu anh muốn nên hoàn thiện, hãy đi bán hết những gì mình có và phân phát tiền cho người nghèo và anh sẽ được một kho tàng trên trời, rồi hãy đến theo tôi” (Mt 19,21). Anh hiểu những lời này của Chúa Kitô trực tiếp dành cho mình, lời ấy dẫn anh tiến lại gần Người. Không chần chừ, anh đem những lời đó ra thực hành. Anh bán hết những gì mình có và rút lui vào nơi cô tịch; Antôn đã trở thành tổ phụ của đời sống ẩn tu.

Lời Chúa sống động và như lưỡi gươm sắc bén. Chúa Thánh Thần linh động trong tâm hồn người nghe. Khía cạnh này thường xảy đến với nhóm đan sĩ tiên khởi khi họ đón nhận lời Kinh Thánh như thể Lời Chúa đang nói với họ bây giờ và ở đây, đồng thời họ áp dụng lời ấy vào thực tại đời sống của họ một cách đơn sơ và nghiêm túc.

Nhưng trong đoạn Kinh Thánh, người thanh niên đã không chối dậy đối với Lời. Tại sao vậy? Đi sâu vào đoạn trình thuật, giúp chúng ta được phong phú hơn về giáo huấn thiêng liêng. Trích đoạn trong Marcô chứa đựng những yếu tố có giá trị cụ thể. Trích đoạn này nói rõ: “Một người đàn ông chạy đến và sấp mặt trước mặt Người” (Mc 10,17). Đây là một người đàn ông đầy lòng sốt sắng và nhiệt thành. Và thiện chí của anh là đúng đắn. Anh muốn biết đường “đưa tới sự sống đời đời”. Câu trả lời của Chúa Kitô làm anh ta băng giá cõi lòng. Lửa nhiệt thành của người thanh niên trẻ có lẽ quá mang tính con người.

“Không ai là nhân lành ngoài một mình Thiên Chúa” (Mc 10,18). Mọi sự tốt lành được dựng nên đều là sự phản chiếu về tốt lành thiêng liêng và phải quy hướng về đó. Thiên Chúa đã mặc khải thánh ý Người trong luật của Người. “Nếu anh muốn vào cõi sống thì hãy giữ các điều răn” (Mt 19,17). Và Chúa Kitô nhắc lại mười điều răn.

Người thanh niên trả lời một cách hoàn toàn vô tư rằng: “Tôi đã giữ tất cả những điều này; tôi còn thiếu gì nữa” (Mt 19,20). Có lẽ anh ta nhiệt thành là do sự công chính và còn một cái gì đó làm cho anh ta phiền lòng. Anh ta thiếu một cái gì đó nhưng là cái gì đây?

Có hai câu đáp án cho vấn nạn này, cả hai đều được tìm thấy trong các Tin Mừng. Tin Mừng theo thánh Marcô và Luca không đủ để thấy rõ những trở ngại của mười điều răn; chúng ta cũng phải yêu mến người thân cận một cách tích cực đồng thời phải chia sẻ với họ sự giàu có của mình. Tin Mừng ngụy thư Do Thái đã chú thích lối văn tự thuật từ rất sớm, họ đã thêm vào những lời tự thú như sau: Đức Chúa phán: “sao người nói: tôi đã thực hành lề luật và các ngôn sứ? Vì trong luật có chép (Lv 19,18): và đây nhiều anh em người, con cháu Abraham, ăn mặc rách rưới, chết đói, trong khi nhà người lại đầy của cải mà lại không hề đếm xỉa tới họ...”

Bởi vậy, câu trả lời trước hết là do anh ta thiếu hiểu biết, một sự biện giải nông cạn và quá tiêu cực về tuân giữ lề luật của người thanh niên: anh ta không giết người, không trộm cướp... Anh ta giữ mình cho khỏi làm điều dữ nhưng anh ta cũng không yêu mến cho đủ. Vì tất cả lề luật đều tóm trong một điều răn duy nhất: “Người hãy yêu người thân cận như chính mình” (Gl 5,24). Nên biết rằng Chúa không nghi ngờ ý định tốt lành của người thanh niên. “Chúa Giêsu nhìn anh ta và đem lòng yêu mến”

(Mc 10,21). Ngang qua lòng mến mắt anh ta được mở ra và lòng mến chỉ cho anh ta con đường sống: “Anh chỉ thiếu một điều, là hãy đi bán những gì anh có và đem cho người nghèo, anh sẽ được kho tàng ở trên trời rồi hãy đến theo tôi”.

Mathêu trích dẫn lệnh truyền yêu người thân cận trong (Lv 19,18) giữa những người mà người thanh niên đã nói rằng anh đã tuân giữ (Mt 19,20). Như một hệ quả, phần thưởng những gì anh ta có cho người nghèo dường như không phải là một sự diễn tả lệnh truyền yêu mến người thân cận. Nó trở thành một hình thức “hoàn thiện” vượt trên cả lệnh truyền trong (Lv 19,18), được trang bị cùng hình thức như là lệnh truyền tiêu cực của 10 điều răn, và nó cũng trở thành một con đường siêu việt: phần thưởng những gì anh ta có cho người nghèo.

NẾU ANH MUỐN NÊN HOÀN THIỆN

Mathêu khởi đầu câu trả lời thứ hai của Chúa Giêsu bằng những lời này: “Nếu anh muốn nên hoàn thiện”. Sự hoàn thiện phải nói là luật mới mà Chúa Kitô đem đến, luật yêu thương. Sự hoàn thiện này được mỗi kitô hữu thực thi, bởi lẽ tất cả họ đều được mời gọi từ bài giảng trên núi là hãy nên hoàn thiện như Cha chúng ta trên trời là Đấng hoàn thiện (Mt5,48 - ở một đoạn khác nữa trong Mathêu từ “teleios” được trung dụng).

Ngang qua hành động duy nhất này, người thanh niên được mời gọi tiến xa hơn sự ràng buộc cứng nhắc của luật cũ để thi hành triệt để Tin Mừng. Nhờ của cải mà anh ta có thể làm việc thiện. Như vậy anh ta đã kiện toàn được luật. Thậm chí anh ta còn nhận ra rằng cần phải dâng hiến một cái gì đó; tuy nhiên anh ta vẫn không biết là cái gì. Chính là: “Hãy đi bán những gì anh có và đem tiền cho người nghèo”.

Thực chất, đây không phải là một giá trị đòi hỏi hy lễ, nhưng là một con đường hoàn thiện khác mà Chúa Kitô đề nghị cho anh ta, đó là nghèo khó, một sự từ bỏ triệt để, hầu được tự do yêu mến. Sự hoàn thiện của tình yêu là món quà tuyệt hảo.

Đây không phải là yêu sách về việc phân chia đời sống kitô hữu thành hai hình thức: đó là các kitô hữu tuân giữ lề luật một cách ép buộc. (vv. 18.19) và số khác là những kitô hữu “hoàn thiện” (v 21), họ đem tất cả những gì mình có cho người nghèo. Lời Chúa, trong khi từ bỏ mọi sự để đáp lại lời mời gọi tự do của con người - nếu bạn muốn - tuy nhiên lưu ý rằng chỉ có con đường sự thật mới đưa tới sự sống đời đời. (x.Mt 6,19-21; Lc12,33).

“Khi người thanh niên nghe lời này thì anh ta buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải”. Ngay cả cái nhìn triu mến mà Chúa Kitô dành cho anh cũng không thể khơi dậy một sự đáp trả. Tại sao? Vì anh đã bị đắm chìm trong của cải mình. Chúng là những sợi dây trói buộc anh, tước mất tự do trong Thần Khí của anh. Điều này cho phép chúng ta suy đoán rằng yếu đuối của người thanh niên giàu có không chỉ hệ tại ở của cải vật chất mà còn ở nhân đức, lương tâm ngay lành của anh nữa. Anh ta đã buồn rầu bỏ đi, đã tạo một hố sâu giữa yêu mến Chúa Kitô và yêu thích của cải, có thể nói chính xác hơn, vì anh ta đã yêu chính mình. Buồn phiền thường có liên quan đến sự yếu nhược, để rồi ‘tự quy’ về mình. Niềm vui là gia sản của những ai biết trở nên nghèo trước Thiên Chúa. Chúng ta có thể nhắc lại tính hài hước vui tươi của thánh Phanxicô Assisi khi ngài đặt cho đức khó nghèo một cái tên: “Bà Chúa Nghèo”.

PHÚC THAY AI NGHÈO KHÓ

Một vài người khó chấp nhận rằng: những người tội lỗi và gái điếm sẽ được vào Nước Trời trước những người “công chính” (kinh sư, biệt phái, người thanh niên giàu có, những người quyền thế) (Mt21,31)¹⁷.

Như vậy phải chăng phạm tội là điều kiện thiết yếu để đón nhận Tin Mừng? Phải chăng trung thành thực sự đối với lề luật là ngăn cản chúng ta đến với Chúa Kitô? Hẳn là không phải vậy. Thật sự trong số các môn đệ đầu tiên của Chúa Kitô phần lớn đã theo trường phái ăn chay và cầu nguyện của Gioan Baptist. Sau đó họ đã sống trung thành như vậy, Chúa Giêsu hiện diện giữa họ với một lời mời gọi họ bước lên mức độ cao hơn. Nhưng rồi họ cũng đã từ bỏ lối sống cũ. Các tông đồ có thể nói rằng: “Chúng con đã từ bỏ mọi sự mà theo Thầy” (Mt19,27). Còn những người khác như người thanh niên kia đã thất vọng bỏ đi.

Cả hai trường hợp đều là bậc khai tâm. Trong trường hợp thứ nhất, họ sẵn sàng đi theo. Còn trường hợp kia, họ quyết định, chỉ theo khi được ở “bên phải” Chúa. Nhưng một đời sống đã đóng băng như thế kể như đã chết rồi. Một đời sống công chính thật sự và do tập thành nhờ nỗ lực hoàn toàn đáng khen ngợi thì nhiều lúc còn có cạm bẫy dữ dội hơn. Lỗi lầm là để xác nhận nhân đức, để quy nó cho người. Trong trường hợp này, một là nhận biết mình vô tội, một nữa là không nhận biết mình yếu đuối. Ngay cả một đời sống không có gì đáng trách cũng có nguy cơ bùng nổ một tình yêu vị kỷ rất phức tạp và sự kiêu căng bên trong cứ bám dai dẳng. Một người tự cho mình ngon thì sớm muộn gì cũng sẽ đi đến kết quả cay nghiệt người khác. Cũng vậy, khi một sự hy sinh quá lớn được đặt ra, thì người ấy không thể thực hiện được.

Chỉ có đức khiêm nhường và một tinh thần nghèo khó triệt để mới có thể thắng vượt được cám dỗ. Hãy luôn ý thức rằng mọi sự là hồng ân Thiên Chúa. Một sự khước từ ngoan cố để chiếm hữu tất cả cho riêng mình. Một sự sẵn sàng liên li mở lòng ra để đi theo Chúa.

Một người luôn ý thức về tội lỗi và sự yếu đuối của mình thì một lần nữa người ấy đã quay trở lại với Thiên Chúa, sự quay trở lại ấy mang tính đáp trả nhiều hơn. Người ấy có rất ít hành trang. Trái lại người ấy mang lấy những vết thương và những yếu đuối. Nhưng điều quan trọng nhất trong đời sống thiêng liêng không lệ thuộc hoàn toàn vào chúng ta mà còn lệ thuộc vào ân sủng hoạt động trên chúng ta nữa.

“Rồi Chúa Giêsu nói với các môn đệ rằng: 'Thầy bảo thật anh em, người giàu có khó vào Nước Trời. Thầy còn nói cho anh em biết: con lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa.' Nghe nói thế, các môn đệ vô cùng sửng sốt và nói: 'Thế thì ai có thể được cứu?' (Hãy lắng nghe câu trả lời vì nó chứa đựng tất cả niềm hy vọng của chúng ta). Đức Giêsu nhìn thẳng vào các ông và nói: 'Đối với loài người, thì điều đó không thể được, nhưng đối với Thiên Chúa, thì mọi sự đều có thể được.'“ (Mt19,23-26).

HOÀN TOÀN TỪ BỎ

Con đường đi vào sự sống là tinh thần nghèo khó trong lòng, trong sự khôn ngoan Thánh Kinh. Luật này luôn luôn có tính khả thi. Trước hết, Abraham được mời gọi rời bỏ quê hương xứ sở mình. Phải

¹⁷ So sánh sự đáp trả của Giakêu, người tội lỗi giàu có, với lời mời gọi của Đức Kitô (Lc 19,1-10).

sẵn sàng dâng Isaac làm lễ vật hy sinh. Dân Thiên Chúa phải vượt qua một tiến trình mất mát từ nơi sa mạc trước khi được vào đất hứa (Tu Luật 1.4.1).

Chúa Kitô hiện lành đòi hỏi phải hy sinh, không phải cái này hay cái kia, nhưng là tất cả, triệt để.

“Ai yêu cha mẹ hơn Thầy, thì không xứng với Thầy. Ai yêu con trai con gái hơn Thầy, thì không xứng với Thầy. Ai không vác thập giá mình mà theo Thầy, thì không xứng với Thầy. Ai giữ lấy mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai liều mất mạng sống mình vì Thầy, thì sẽ tìm thấy được.” (Mt 10, 37-39).

Sự đáp trả của con người không được mặn mà và mau lẹ cho lắm:

“Đang khi Thầy trò đi đường thì có kẻ thưa Người rằng: thưa Thầy, Thầy đi đâu, tôi cũng xin đi theo. Người trả lời: con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu.

Đức Giêsu nói với một người khác: anh hãy theo tôi! Người ấy thưa: thưa Thầy, xin cho phép tôi về chôn cất cha tôi trước đã. Đức Giêsu bảo: cứ để kẻ chết chôn kẻ chết của họ. Còn anh, anh hãy đi loan báo Triều Đại Thiên Chúa.

Một người khác nữa lại nói: thưa Thầy, tôi xin theo Thầy, nhưng cho phép tôi từ biệt gia đình trước đã. Đức Giêsu bảo: Ai đã tra tay cầm cày mà còn ngoái lại đằng sau, thì không thích hợp với Nước Thiên Chúa”

(Lc 9,57-62).

Nếu một người không được gọi để đi hết con đường thì tốt nhất là đừng bước vào:

“Ai đến với tôi mà không dứt bỏ cha mẹ, vợ con, anh em, chị em và cả mạng sống mình nữa, thì không thể làm môn đệ tôi được. Quả thế, ai trong anh em muốn xây một cây tháp, mà trước tiên lại không ngồi xuống tính toán phí tổn, xem mình có đủ để hoàn thành không? Kéo lở ra, đặt móng rồi mà không có khả năng làm xong, thì mọi người thấy vậy sẽ lên tiếng chê cười mà bảo: anh ta đã khởi công xây, mà chẳng có sức làm cho xong việc.” “...Cũng vậy, ai trong anh em không từ bỏ hết những gì mình có, thì không thể làm môn đệ tôi được.” (Lc 14:26-28.33).

Một khía cạnh triệt để của đời sống đan tu là việc thực hành sự từ bỏ triệt để này. (x. Tu Luật 1.10.6 dựa trên việc tuyên khấn, chương 3, 28 dựa vào đức khó nghèo, chương 1,7 dựa vào đời sống khổ chế v...v....).

NẾU CHẾT ĐI

Tại sao lại có lệnh truyền khắc nghiệt này? Chúa Kitô dạy chúng ta một con đường để sống. Tại sao lại có sự o ép, giết chết thân xác như thế? Để từ bỏ tất cả tội lỗi, tất cả những gì thông đồng với tội lỗi trong tình trạng sa ngã và yếu đuối của chúng ta - đây cũng là điều dễ hiểu. Để giải thoát chúng ta nhờ vào tình yêu - “Kho tàng người ở đâu thì lòng người ở đó...” (Lc 12,34) - cần phải trải qua một con đường lâu dài. Nhưng dường như Tin Mừng còn đi xa hơn: anh phải ghét mạng sống của mình, mất mạng sống mình; tất một lời là để cho nó chết đi. Và điều này ám chỉ cái chết của Chúa Kitô.

“Đức Giêsu trả lời: 'đã đến giờ Con Người được tôn vinh! Thật, Thầy bảo thật anh em, nếu hạt lúa gieo vào lòng đất mà không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình, còn nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác. Ai yêu quý mạng sống mình thì sẽ mất; còn ai coi thường mạng sống mình ở đời này, thì sẽ

giữ lại được cho sự sống đời đời. Ai phục vụ Thầy, thì hãy theo Thầy; và Thầy ở đâu, kẻ phục vụ Thầy cũng sẽ ở đó. Ai phục vụ Thầy thì Cha Thầy sẽ quý trọng người ấy” (Ga12:23-26).

Thánh Phaolô đã sống điều này và trở thành mẫu mực. Ngài cho chúng ta thấy rõ:

“Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi, so với mối lợi tuyệt vời, là được biết Đức Kitô Giêsu, Chúa của tôi. Vì Người, tôi đành mất hết, và tôi coi tất cả như rác, để được Đức Kitô và được kết hợp với Người...”

Tôi muốn biết Đức Kitô và quyền năng phục sinh của Người đồng thời được thông phần những đau khổ của Người, nhờ nên đồng hình đồng dạng với Người trong cái chết của Người, với hy vọng có ngày cũng được sống lại từ trong cõi chết.” (Pl 3:8-9a.10-11).

Bởi thế, quan trọng nhất vẫn là được chết trong Chúa Kitô để được sống trong Đức Kitô: “Tôi sống nhưng không còn phải là tôi mà là Đức Kitô sống trong tôi” (Gl 2,20). Cái chết là một sự thay hình đổi dạng, một cửa ngõ đưa tới một đời sống cao hơn. Cái chết là luật của sự sống. Một mẫu nhiệm vượt qua được thực hiện nơi chúng ta.

Đây là sự thật của Kitô Giáo có thể áp dụng cho tất cả mọi người không trừ ai. Đan sĩ sống giây phút hiện tại bằng cách ý thức về sự chết nơi chính mình giữa lòng thế giới này, để được sự sống đời đời trong Thiên Chúa ngay ở đời này. Ân sủng của Người là cội rễ mọi sự. Để nhìn thấy rõ được sự thật, để dâng hiến chính mình một cách tuyệt đối trong một hành động yêu mến, hành động ấy gồm tóm tất cả con người chúng ta; hay vượt xa những tàn mạt rời rạc và bất lực của tất cả những hành động chúng ta - đây sẽ là những khát khao tuôn trào từ hình ảnh Thiên Chúa đã được ghi tạc vào con người chúng ta. Sự chết chính là đi sâu vào tình yêu.

Đời sống đan sĩ một cách đúng đắn chính là sự tiên báo về cái chết, hay đúng hơn sự sống được sinh ra từ cái chết trong Chúa Kitô, có thể nói, trong và nhờ tình yêu. Cái chết này, trong cấp độ tình cảm là sự mất mát to lớn (đây chính là hậu quả của tội lỗi), là sự giải thoát khỏi tất cả những đòi hỏi vốn trói buộc chúng ta, trên hết là loại bỏ sự suy nhược do tình yêu vị kỷ. Cái chết này tìm kiếm ánh sáng sự thật, sự triển nở con người chúng ta trong sự bình an, được sinh lại trong Chúa Kitô.

Sự tự do này không được tràn đầy bao lâu giờ chết¹⁸ của chúng ta chưa tới.

ĐỐI VỚI THIÊN CHÚA, MỌI SỰ ĐỀU CÓ THỂ

Trong đời sống chiêm niệm, sự hy sinh từ bỏ càng phải được thực hiện trong sâu thẳm của lòng chúng ta. Chỉ những ai có lòng trong sạch mới được nhìn thấy Thiên Chúa (Mt 5:8). Chúng ta càng muốn kết hợp mật thiết với Thiên Chúa thì càng đòi hỏi trái tim chúng ta phải trong sạch. Chỉ có sự khó nghèo đơn sơ và khiêm hạ mới có khả năng đón nhận mà không chiếm hữu nó. Chỉ có tình yêu tinh tuyền, không tìm kiếm sự đáp trả, mới có khả năng yêu Đáng là tình yêu được.

¹⁸ Theo một vài thần học gia, ngay giây phút này, chúng ta được ban cho khả năng hành động chọn lọc trong sự thuần khiết hoàn toàn trước Chúa Kitô được tôn vinh. Tất cả con người chúng ta được hợp nhất và sở hữu “cái giống hoàn toàn” và cuối cùng sẽ được biến đổi. Hành động này sẽ quyết định sự đời đời của chúng ta, bởi vì chúng ta chọn nên giống các thiên thần hoàn toàn trong sáng và mẫu mực thanh thoát, khả dĩ đón nhận hay khước từ tình yêu Thiên Chúa nơi Đức Kitô. Sự chọn lựa này sẽ là hoa trái của cả đời sống chúng ta. Con đường duy nhất là chuẩn mực cho chúng ta để rồi chúng ta sẽ chọn sự sống, tình yêu, Đức Kitô, là chọn ngay bây giờ đang khi đời sống chúng ta ở trong thế gian.

Tốt hơn hết là ngay từ đầu hãy ý thức về ơn gọi chúng ta: không phải là sự hoàn thiện hay lợi ích theo chuẩn mực của chúng ta, nhưng là bắt gặp Đấng Tình Yêu làm cho chúng ta gần như không thể chịu nổi, hao mòn đi để rồi loại bỏ và thiêu đốt tất cả những gì không thuộc về Người¹⁹.

Viễn cảnh này có thể làm cho chúng ta bối rối và ngã lòng. Nếu chúng ta chỉ cậy dựa vào tài năng riêng thì chúng ta có lý do khiến mình rơi vào tình trạng ngã lòng. Đây là điều thường xảy ra cho những người khai tâm, những người khởi đầu từ bỏ “cái tôi” bằng lòng nhiệt tâm vĩ đại. Họ không biết rằng chính nỗ lực cá nhân của họ lại là thức ăn nuôi dưỡng cái tôi và lòng kiêu ngạo của họ, như thánh Gioan Thánh Giá nhấn mạnh: “Tất cả những công việc tốt lành của những người khai tâm đều không đáng gì hay gần như là con số không vậy”.

Tuy nhiên, trong tất cả những điều ấy, người khai tâm không nên thất vọng. Không ai trong phạm nhân có thể hoàn thành công việc này. Chỉ một mình Thiên Chúa mới có thể thanh luyện lòng dạ con người và có thể ban cho chúng ta tình yêu trong sự thật. Dần dần khi nhìn thấy ý hướng tốt của chúng ta, Người sẽ nhận lấy công việc của chúng ta trong tay Người, không do sự thông biết của chúng ta, và Người sẽ đưa nó về một cùng đích hoàn mỹ. Sau hết, sống trong đức khó nghèo sâu thẳm hoàn toàn chính là bản chất mặc nhiên của chúng ta. Bởi lẽ, đích thực chúng ta đang ở trong tình trạng nghèo này. Nếu chúng ta đến với tình yêu thực sự chỉ được một ngày, ngay cả được một ít hay thậm chí rất ít, thì cũng là xứng đáng.

Đây thật sự là một bí ẩn. Tất cả ngôn ngữ mạnh của sự từ bỏ chỉ là khía cạnh tiêu cực của ngôn ngữ tình yêu mà thôi. Bởi lẽ một người khi yêu, thì tất cả trái tim đều dồn vào người mình yêu, chính xác phải như thế và điều này không đòi hỏi những nỗ lực liên li của ý chí. Đúng như lời thánh Augustinô quả quyết: “Amor meus, pondus meum”. Nhờ vào lực hấp dẫn, tình yêu kéo tất cả con người chúng ta hướng về phía người mình yêu. Chính vì vậy mà gánh của Chúa Kitô thì nhẹ nhàng, bởi lẽ tình yêu của Thiên Chúa đổ tràn vào lòng chúng ta nhờ Thánh Thần (Rm5:5). Hãy cởi bỏ xiềng xích của chính chúng ta, rồi từng bước chúng ta hãy hướng sự quan tâm cùng với lòng mình vào Đức Chúa, đồng thời không ngớt cầu xin Người ban cho món quà tình yêu. Ân sủng của Thiên Chúa sẽ cho chúng ta được yên nghỉ.

“Nghe nói vậy, các môn đệ vô cùng sửng sốt và nói: 'thế thì ai có thể được cứu?' Đức Giêsu nhìn thẳng vào các ông và nói: 'Đối với loài người thì điều đó không thể được, nhưng đối với Thiên Chúa thì mọi sự đều có thể được.'" (Mt19:25-26).

¹⁹ Có thể lượng định bất cứ sự thần bí nào cho mục tiêu này. Cụ thể, Gioan thánh giá: “muốn có được mọi sự, bạn cần biết từ bỏ mọi sự. Và khi bạn đã đạt được cái có tất cả, bạn cần phải đạt được cái ước muốn không là gì (là con số không). Bởi lẽ, nếu bạn muốn có mọi sự, thì kho tàng của bạn không còn là Thiên Chúa thuần khiết nữa”.

CHƯƠNG 6

HÃY THEO THẦY!

Rõ ràng chủ đề này được gợi hứng từ sách Xuất Hành khi Israel đi qua sa mạc, dân đã đi theo sự hướng dẫn của Chúa bằng cột mây và cột lửa (Xh13,21). Đối với chúng ta, đây chính là một thách đố trong việc theo Chúa Kitô. Bởi chúng ta chưa đến nỗi bị tước đoạt mọi sự. Một hữu thể không có tình yêu là một hữu thể trống rỗng và trở thành những thụ tạo rất đơn độc. Chúng ta hãy kết hợp với Chúa Kitô.

Người phán với chúng ta: “Hãy theo Thầy”, Thầy là “Đường, là Sự Thật và là Sự Sống”. Tất cả sự nghỉ ngơi đều được thực hiện trong tình yêu cá nhân đối với Chúa Kitô: để giữ các mệnh lệnh, để nghe lời giảng dạy của Người, để sống và chết như Người, để yêu như Người đã yêu.

Các môn đệ của các thầy dạy Do Thái thời Chúa Giêsu không đơn thuần được dạy dỗ bằng sách vở. Họ sống với thầy, họ xem thầy cất nghĩa giáo lý và áp dụng vào nhiều hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống, để có thể hiểu được thì phải nhờ đến các nguyên tắc sống động này.

Do đó, những hành động của Chúa Giêsu đã không mấy xa lạ. Tuy nhiên, Chúa Giêsu không bao giờ là một thầy dạy chính thức được công nhận - Người đã không học hỏi ở một trường do bất cứ thầy giáo nào. Người là một vị thầy sinh động - “tam”, “nghiep dư”, chúng ta có thể nói hoặc có lẽ nên nói là “đặc sùng” - mà nền tảng uy quyền của Ngài là chính con người Ngài và giáo huấn chân thật của Ngài. Trước khi gọi các môn đệ đầu tiên, Người vẫn chưa làm phép lạ nào. Để ràng buộc họ lại với Ngài, nghĩa là để họ chia sẻ cuộc đời và vận mệnh của Ngài - một vận mệnh không chắc chắn gì, nhưng là một vận mệnh giúp họ tăng thêm niềm hy vọng sâu xa nhất. Niềm hy vọng này đã đi đến thất vọng ít nhất trên phương diện vật chất, có thể nói cả trên cái nhìn chính trị và tương lai (Lc 24,21). Bởi vậy, niềm hy vọng này đã rơi vào ảo tưởng; họ chưa được thức tỉnh trước viễn cảnh thật của Nước Trời và như vậy một cách mù quáng, họ quyết định đi theo Người mà không biết mình đi tới đâu.

Chúa Giêsu loan báo Nước Thiên Chúa. Vì chính đây là giờ phán xét và ơn cứu độ. Lời mời gọi mang tính cấp thiết. Những người đã nghe Ngài trong một hình thức đặc biệt đều đã đi theo Người một cách vô điều kiện. Vì họ muốn kết hợp với Chúa Giêsu và nên một với Đấng mà Chúa Giêsu hằng kết hợp, để rồi có thể được mọi sự hoặc mất tất cả. Việc đi theo Chúa Giêsu đòi hỏi phải đi theo với tất cả bản thể chúng ta, tất cả sự hiện hữu của chúng ta.

Lưu ý rằng chính Chúa Giêsu đã quyết định đặt việc theo Người mọi lúc thành một vận nạn, để bất cứ ai cũng có thể từ chối (Lc 8:38). Người cũng nhận trách nhiệm đối với vận mệnh của những người mà Ngài đã nhận làm môn đệ.

Do đó, cùng với các môn đệ đầu tiên, chúng ta hãy theo Chúa Kitô. Chúng ta hãy chăm chú đến lời dạy của Người, bởi không ai đã từng nói như Ngài. Lời Ngài là sự sống đời đời (Ga 6:68). Chúng ta hãy chiêm ngắm bản chất con đường của Người: nghèo khó, khiết tịnh, siêu thoát với tất cả tội lỗi, hiền lành và khiêm nhường trong lòng; nhưng hãy quảng đại và công bình, đừng theo bất cứ ai khi sự thật đòi ta phải nói, đừng tìm kiếm vinh quang người phàm, nhưng chỉ lo thi hành ý Chúa Cha, như vậy Người mới đoái thương nhìn đến, hãy tiếp đón trẻ thơ, những bệnh nhân, người nghèo; có lòng thương xót đối với những người tội lỗi - biết tha thứ như Cha trên trời đã tha thứ - ngoài ra hãy đập tan mọi rào cản và thành kiến; đôi lúc cả sự toàn năng của một thiên thần thánh thiện; cứng rắn đối với hy lễ kiên cố và đạo đức giả của những người Phariseu; nhưng yêu thương những người không ai yêu thương;

ngay cả kẻ thù mà Ngài cũng yêu cho đến cùng; Ngài hướng các môn đệ về những ràng buộc của tình yêu, cũng nhờ vậy mà sự liên kết nhóm nhỏ môn đệ trở nên vững chắc bởi nhờ yêu thương mà họ được nhận biết là môn đệ Chúa Giêsu; Ngài chỉ quan tâm đến triều đại Thiên Chúa, những gì thuộc về Cha Ngài, vượt trên những gì hư hoại tầm thường của loài người. Người phó thác chính mình một cách trọn vẹn, tuyệt đối cho sự quan phòng của Chúa Cha; Người hoàn toàn trao ban trong sứ vụ của mình và không tìm kiếm chính mình.

Các môn đệ của Người nhìn thấy Người trừ quỷ và ngang qua quyền năng từ những phép lạ của Người mà triều đại Thiên Chúa được mở ra. Họ bắt đầu nhận ra những gì là huyền nhiệm từ con người của Ngài. Họ theo Ngài một cách hăng say đi khắp các nẻo đường Palestine. Chiến thắng như đã đến. Thế rồi, kết cục cho giáo huấn của Người là sự đối đầu chí tử ghê gớm của các nhà lãnh đạo tôn giáo Giêrusalem, sự bội phản, thập giá và cái chết. Còn các môn đệ thì sao? Phải nói gì về họ, những con người đã được bàn tay Ngài nắm đút, quan tâm? Đâu rồi những con người như Phêrô đã thề nguyện đi theo Người, thà chết chứ không chối Người (Mt 26,35)? “Bây giờ các môn đệ bỏ Người mà chạy trốn hết” (Mt 26,56)²⁰.

Có một cái gì đó phũ phàng mà ở câu cuối này lặp lại gần như là đúng nguyên văn của trình thuật về bối cảnh của ơn gọi đầu tiên. “Họ đã bỏ mọi sự mà theo Người” (Lc 5,11). Trong trình thuật của thánh Luca, sau khi cuốn hút những người theo Chúa Giêsu, họ không còn được gọi là “môn đệ” (Mathêtai) mà được gọi bằng một cái tên khác (nhóm 12 và đồng bạn), còn trong sách Công Vụ thì kiểu nói “Mathêtai” là thuộc về Giáo Hội.

Sự rối loạn của các môn đệ ngay trước mầu nhiệm vượt qua mang tính cách quyết định rất quan trọng. Giữa Chúa Kitô và các môn đệ đầu tiên của Người có một vực thẳm vô cùng của thập giá. Ở đó, các môn đệ không thể nào đi theo Người. Kết cục của Chúa Giêsu nơi con đường trần thế là thập giá và chính đó là ơn gọi đặc biệt của Người. Chỉ mình Chúa Giêsu mới có thể thần phục ơn gọi ấy, độc nhất, còn lại sẽ là gánh nặng mà thôi. Ý niệm về việc theo Chúa Giêsu không phải là để được hiểu như thể đó là một vấn đề mô phỏng một vĩ nhân. Chẳng hạn chúng ta có thể đem một mẫu mực nào đó vào đời sống cá nhân chúng ta như một Gandhi, một Socrates; đối với Chúa Kitô và các môn đệ của Người không thể có cùng một kiểu mẫu như trên được. Thập giá là độc nhất vô nhị. Ngay cả người tin ngày nay cũng có những cách thức khả thi để đi vào con đường mà Chúa Giêsu đã đi là thập giá, và phục sinh mãi mãi là lời tạ ơn đối với ân huệ của Đấng đã phục sinh đồng thời đã đi vào vinh quang. Chỉ sau khi phục sinh thì các môn đệ mới có thể theo Chúa Giêsu đến cùng, bởi lẽ Chúa Kitô mặc khải chính bản chất của việc theo Người một cách thâm sâu hơn nhiều so với một lời mời gọi đơn thuần mang tính luân lý hoặc chỉ là một cái gì đó ngoại tại.

THÁNH PHAOLÔ

Chẳng hạn như thánh Phaolô, người đã không theo Chúa Kitô, Đấng Cứu Chuộc mọi thời, mà có lẽ như một kẻ thù - không thể nói rằng bất cứ cái gì trong đời sống của ngài cũng là theo Chúa Giêsu từng bước. Đối với ngài, hình thức đặc biệt của sự hiện hữu này là đặc sủng dành cho những người sống gần gũi Chúa Giêsu, ơn ban này không thể có nếu không nhờ mầu nhiệm phục sinh. Thánh Phaolô đặt người tin vào vị trí trung tâm của mầu nhiệm phục sinh để họ sống mầu nhiệm ấy. Một lần nữa, ngài nhấn mạnh khoảng cách thiết yếu này mà nhờ đó sự trung thành giữa Chúa và các môn đệ

²⁰ Dừng lại nơi Tin Mừng một vài phút, chúng ta sẽ nhìn thấy câu chuyện của thánh Gioan sau đó.

được thành hình và thánh Phaolô đẩy người tin tiến lại rất gần Thiên Chúa, mà ngang qua đó chúng ta được chia sẻ đời sống cùng với những đau khổ của Người (Cl 1,24). Chúng ta được chịu đóng đinh với Chúa Kitô (Gl 2,19; 6,14) (Pl 3,10-21; Ep 2,6). Tình yêu đã được đổ tràn vào lòng chúng ta (Rm 5,5), nhờ đức tin và phép rửa chúng ta được hợp một lòng, một ý với Người; nhờ Chúa Kitô, Đấng hằng sống trong chúng ta. Đây chính là một sự kết hợp mầu nhiệm sâu thẳm chứ không phải là một tình trạng bất tất. Chính sự khép kín gây ra khoảng cách. Việc kết hợp mật thiết hơn đối với Chúa Kitô khiến cho người kitô hữu ngày càng nhận ra ân huệ không thể thấu hiểu được. Ngay cả sự cuốn hút vào cuộc vượt qua cứu độ của Chúa Kitô cũng không thể thực hiện từ một khiếm khuyết trong sự toàn vẹn của đau khổ, sự đau khổ mà Chúa Kitô lịch sử đã hoàn thành²¹. Nó có thể đến từ một ân huệ vượt trên trí hiểu con người nhờ chúng ta được phép thông phần sự toàn vẹn này.

Sự thánh thiện Kitô Giáo trong suốt nguồn lịch sử không gì khác hơn là sự quang toả của ân sủng Chúa Kitô, sức sống của thần khí Chúa Kitô đã sinh động hoá Giáo Hội và các thánh. Điều này giải thích tại sao đôi lúc một khía cạnh trong cuộc đời Chúa Kitô, hoặc một khía cạnh khác cũng soi sáng cho các thánh và các quy chế thường hằng của Giáo Hội, cũng từ đó các ơn đặc sủng khác nhau được thành hình. Mặt khác, mỗi kitô hữu với con người thật của mình cũng có thể tái hiện toàn bộ cuộc đời Chúa Kitô.

Theo công đồng Vatican II trong hiến chế Ánh Sáng Muôn Dân: “Các tu sĩ phải đem hết tâm lực làm cho Giáo Hội, qua con người của họ, thực sự biểu dương Chúa Kitô ngày một hoàn hảo hơn cho các tín hữu cũng như những người lương dân: biểu dương Chúa Kitô đang cầu nguyện trên núi, hoặc đang loan báo Nước Thiên Chúa cho dân chúng, hoặc chữa lành những kẻ đau yếu tàn tật, hay hoán cải các tội nhân để họ trở lại đời sống tốt lành... trong mọi sự luôn vâng phục thánh ý Chúa Cha, Đấng đã sai Người đến.” (LG 46). Chúng ta hãy chia sẻ: sự cảm dỗ nơi sa mạc, tình yêu và ngay cả cái chết và tính chất trung gian hoà giải của Người với Chúa Cha và sẽ không còn khó khăn trong việc phân ra các hình thức của tình yêu Chúa Kitô đối với Chúa Cha và đối với nhân loại mà chúng ta được mời gọi để sống điều ấy.

GIOAN

Thánh Gioan có thể giúp chúng ta đi sâu vào ơn gọi đặc biệt riêng tư của chúng ta, bởi vì Gioan đã dám vượt qua hố sâu ngăn cách được tạo trong Tin Mừng Nhất Lãm ngang qua hành động chạy trốn của các môn đệ và trong thánh Phaolô qua đức tin. Ngài sống triệt để tình yêu Chúa đến nỗi ngài biết rằng sẽ được đến nơi Chúa chịu treo trên thập giá. Cũng trong Tin Mừng Nhất Lãm, những người phụ nữ đứng xa xa nhìn Chúa Giêsu chịu đóng đinh. Điều mà những người phụ nữ này loan báo đã được hoàn tất nơi Đức Maria, mẹ Chúa Giêsu, một thực tại viên mãn: theo Chúa Kitô ngay cả trong hoàn cảnh vô cùng bế tắc, hoàn toàn không có sự trợ lực nào đến nỗi chúng ta phải bỏ lại như Chúa Con: “Đây là con bà”. Gioan là chỗ tựa cho người mẹ khốn cùng, đại diện cho Giáo Hội, vừa chỗi dậy từ giấc ngủ cô đơn của thập giá và từ đây trái tim mở ra, được rót vào phần thưởng vô cùng của máu và nước, dấu chỉ của các bí tích và Thánh Thần. Bởi vì các bí tích xuất phát từ nơi này, thập giá và vì các môn đệ bây giờ đã chạy trốn mầu nhiệm vượt qua, cho nên họ là những chi thể duy nhất của thân mình Chúa Kitô, dưới chân thánh giá và trên thánh giá, nếu như họ muốn hoặc không muốn.

²¹ Thánh Thomas Agustinô, Tổng Luận Thần Học III, 1, Q.48, a.5, ad.3.

Ở đó, với sự thấm nhuần sâu xa các sự kiện này dưới ánh sáng của mầu nhiệm phục sinh, Gioan thay vì nói các môn đệ chạy trốn thì nói chính Chúa Kitô đã giải tán họ: “Hãy để những người này đi” (Ga 18,8). Cũng có thể áp dụng cho lời hứa làm cho Phêrô muốn theo Thầy đến cùng: “Nơi Thầy đi, bây giờ anh không thể theo, nhưng sau này anh sẽ theo” (Ga 13,36). Trong quyền hạn của mình, Gioan mặc khải rằng, ngoài sự chạy trốn, vẫn có tính khả thi trong việc gần gũi Chúa Giêsu ngang qua đức tin và lòng mến bằng cách chiêm ngưỡng Lời đã trở thành xác phàm.

Gioan cũng vượt qua tiếng khóc than bị bỏ lại trong cô tịch, trong đêm Chúa Kitô chịu hiến tế. Nhờ Người, tình yêu đã tác động trên mọi sự, sự tác động này rõ ràng đến nỗi không có bất cứ sự ngờ vực nào về tính đồng nhất của nó. Thật chí lý khi sự tác động ấy giúp ta đi đến “cùng” (Ga 13,1) bởi thế nó chiếu sáng một cách rõ nét nhất nhờ tình yêu và cũng vì vậy mà nó tác động trên đức tin để phát sinh ra sự đáp trả trong ơn cứu chuộc con người, nơi mẹ Maria và Gioan. Thật là tốt khi có sự tương đồng cùng thời, giữa thời đại Chúa Kitô và Giáo Hội.

Trong giáo lý về ân sủng quang toả nơi Chúa Kitô được tôn vinh, cả trên thánh giá lẫn trong vinh quang - Giáo Hội, Maria và những người chiêm niệm, theo Chúa Giêsu vượt qua vực thẳm ngăn cách bởi thập giá, trong khi chờ đợi Người lại đến (Ga 13,36; 16,18-20; 17,11). Sau khi đã đi theo Chúa Giêsu, ngài chia sẻ với Gioan một đức tin được điều khiển bởi đức mến, sự khác biệt giữa thế hệ đầu tiên và những người đi theo trở nên thiếu tính rõ ràng đối với ngài. Đời sống mà các môn đệ đầu tiên theo Chúa Giêsu trở thành một mẫu mực lý tưởng cho tất cả những môn đệ sau này, đức tin của họ, cũng có thể là một sự bước theo gắn liền với Chúa Giêsu bởi vì đối với Gioan “câu trả lời” của các môn đệ đầu tiên đã là một sự đáp trả trong đức tin rồi.

Khởi đi từ Gioan, chúng ta quay trở lại với truyền thống thiêng liêng (chẳng hạn như: Ignatiô Loyola và phương pháp linh thao của ngài), ở đó việc theo Chúa Kitô được thể hiện một cách thiết yếu qua sự từ bỏ, lời mời gọi của Chúa Kitô và việc bước theo sau Người, ngang qua tất cả các chi tiết trong đời sống của Ngài trải dài cho đến thập giá, đồng thời cũng tiến tới mầu nhiệm phục sinh.

Trong tám mối phúc của Chúa Giêsu, Gioan liên kết những người không thể “nhìn thấy”, những người chỉ nhờ lòng tin với “những người đã nhìn thấy” (Ga 20,29). Ngài vươn bàn tay của Ngài tới những người đến sau và vượt qua “điều chúng tôi đã thấy tận mắt, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng và tay chúng tôi đã chạm đến, đó là Lời sự sống” (1 Ga 1,1), trong đường lối này mà “Dòng đã được lập cùng với Chúa Cha và với Con của Người là Chúa Giêsu Kitô” (V 3). Trong lời tiên báo của mình, Chúa Giêsu đã báo trước cuộc khổ nạn vì Giáo Hội (Ga 15,18-16.4), và đưa ra ánh sáng những ai đồng số phận với Chúa để họ tin và yêu mến. “Tôi tớ không lớn hơn chủ” (Ga 15,20). Chúng ta nên nhớ rằng sự tương đồng không phủ nhận một khoảng cách giữa Chúa Kitô và các môn đệ. Người là Thầy và là Chúa (13,14), là Vua duy nhất (28,37). Không ai có thể đứng trước ngai của Thiên Chúa Cha ngoại trừ Con Chiên đã bị sát tế (Kh 5,6). Không có nơi nào dạy cho các môn đệ phải tìm kiếm hoặc khích động bạo hành và đau khổ vì lợi ích của một sự đồng thuận lớn hơn đối với Chúa.

Hẳn thật, Ignatiô Loyola đụng chạm tới quan niệm chủ chốt khi ngài nghĩ về thiên hướng cao cả nhất của người môn đệ, mặc dù sự khao khát phù hợp với Chúa nhờ ân sủng ngay trong đau khổ, bao gồm việc để Thiên Chúa cô đơn ngang qua sự phân phối chọn lựa tự do các ơn chịu đau khổ thực sự mang tính Kitô (Linh Thao 58.147.167). Sự “nguội lạnh” nằm trong ý Thiên Chúa thì cao cả hơn bất cứ chương trình nên thánh thuộc ý riêng, điều này là cần thiết cho một sự kết hợp mật thiết với Chúa Kitô.

Một cách ngắn gọn, Gioan trình bày cho chúng ta thấy một mũi nhọn nơi đức tin và lòng mến đồng quy vào chiêm niệm một mặt nơi ngôi lời nhập thể, mặt khác nơi mầu nhiệm Chúa Kitô được hiện tại

hoá trong các bí tích, nơi hy lễ thánh lễ và quà tặng của Thánh Thần, vượt trên thời gian và không gian, chúng ta có thể hiệp thông với mẹ Maria và Gioan trong sự sống và cái chết của Chúa, trong một ý nghĩa mang tính huyền nhiệm chứ không phải thực tế. Nơi con đường này chúng ta được tràn ngập tình yêu cứu độ tuôn trào duy nhất từ thập giá, và cũng nhờ ân sủng mà sinh lòng mến.

Chúng ta sẽ trở lại với tư tưởng của thánh Gioan trong cuộc thảo luận tiếp theo. Để kết thúc ngày hôm nay, tôi muốn giúp anh chị em nhìn thấy rõ ý niệm và thực tại của việc theo Chúa Giêsu, Đấng đã để lại dấu ấn trên tất cả đời sống đan sĩ Dòng Chartreuse.

THEO CHÚA KITÔ TRONG TU LUẬT

Chính Chúa Kitô ngang qua Thánh Thần để chọn chúng ta và dẫn chúng ta vào cô tịch hầu chúng ta được nên một với Người trong tình yêu thâm mật. (Tu Luật 0.1.1).

Mục đích của đời sống chúng ta đã được trình bày cách chi tiết cho các ứng sinh như là “vinh quang mà chúng ta hy vọng sẽ được Thiên Chúa ban nhờ chia sẻ công cuộc cứu thế, trong niềm hoan hỷ và thiện hảo để từ bỏ mọi sự và nhanh chóng chiếm được Chúa Kitô”. Nếu ứng sinh không đi vào đời sống chúng ta bằng tinh thần khổ chế và “sẵn sàng khấn hứa vì lợi ích của Lời Chúa dạy, để có khả năng đi vào con đường hẹp hầu nung nấu lòng khao khát được sống chết với Chúa Kitô”, đáng mà chúng ta đã đón nhận (2.17.7).

Guigô hiện diện với Chúa Kitô như là mẫu mực của sự “thiện hảo” mà người đan sĩ cần bắt chước ‘... cũng như Chúa và là Đấng cứu độ nhân loại đã hạ mình sống như là mẫu gương trước hết của đời sống đan sĩ chúng ta, khi Ngài một mình rút lui vào sa mạc và hiến thân cho việc cầu nguyện, xây dựng đời sống nội tâm, ăn chay hãm mình, canh thức cầu nguyện và nhiều việc sám hối khác; đồng thời đánh bại Satan cùng các mưu chước của nó bằng nhiều mục đích thiêng liêng’ (0.2.10).

Cũng tương tự, tập sinh không thể tránh khỏi việc phải đương đầu với nhiều cám dỗ “luôn rình rập những người môn đệ Chúa Kitô trong sa mạc” (1.8.16). Với những đan sĩ trẻ chúng ta, “chúng ta đi theo Chúa Kitô là theo tinh thần chay tịnh của Người trong sa mạc” (1.7.1). Chúng ta vui chịu đau khổ và đón nhận những thử thách của đời sống chúng ta, “ôm ấp sự khó nghèo bằng tinh thần tự do của con cái Thiên Chúa và ngang qua việc tự nguyện từ bỏ ý riêng” (1.7.1), kể đến là mẫu gương của Chúa Kitô Đấng đã chịu đau khổ vì chúng ta để nhờ gương mẫu Ngài ban mà chúng ta bắt chước theo Người (1.7.1).

Mọi sự trong đời sống chúng ta đều mang dấu ấn Chúa Kitô ngay cả bệnh tật và già nua cũng giúp chúng ta hoàn thiện hơn trong Chúa Kitô, nếu chúng ta biết đón nhận chúng trong sự tin tưởng phó thác (3.27.1).

Tất cả đời sống khổ tu đều được nhìn từ góc độ này, vì “việc hành xác” xuất hiện đầu tiên từ lời hứa đi theo tiếng gọi của Chúa Kitô nơi chúng ta trước tất cả. Chúng ta nên thực hành nó “chủ yếu là để thoát khỏi những khuynh hướng tự nhiên thấp hèn của chúng ta và giúp chúng ta theo Chúa trong niềm hoan hỷ và trong tư thế sẵn sàng” (1.7.3). Và rồi có một cái gì đó rất quan trọng. Chúng ta không gán ghép một giá trị tuyệt đối cho những sự sám hối ăn năn. Chúng mang nhiều ý nghĩa nhưng cũng chỉ phục vụ cho một mục đích là: theo Chúa Kitô.

Do đó, Tu Luật viết tiếp: “nhưng nếu ở trong một trường hợp đặc biệt hoặc thời gian trôi qua, mà một người nào đó tìm thấy bất cứ sự tuân giữ nào trước đó vượt quá sức và cản trở hơn là giúp ích cho việc

theo Chúa Kitô, thì trong tinh thần con thảo, người ấy hãy bàn hỏi với bề trên sao cho thích hợp với mình, ít là được một thời gian. Nhưng nếu chú tâm vào Chúa Kitô Đáng đã mời gọi, thì hãy để cho người ấy được nhìn thấy điều họ có thể làm, cũng như điều họ không thể dâng cho Thiên Chúa qua việc giữ luật chung, hãy để cho họ được hiến dâng cho Thiên Chúa qua những cách khác, bỏ mình và vác thập giá mình mỗi ngày” (1.7.3).

Các tập sinh “hãy tập sống khiết tịnh nhờ chiến đấu với những thần khí xấu xa của xác thịt và mang vào thân mình cái chết của Chúa Giêsu để sự sống của Chúa Giêsu cũng được biểu lộ nơi thân xác của họ” (1.7.4). Tu Luật còn thêm: “tuy nhiên nhờ việc sám hối mà chúng ta được tham dự vào công trình cứu độ của Chúa Kitô, Đáng cứu thoát nhân loại khỏi ách nô lệ của tội lỗi, Đáng đã chiến thắng tất cả nhờ sức mạnh của sự cầu nguyện với Chúa Cha và nhờ hy lễ mà Người đã hiến dâng mình cho Chúa Cha. Còn chúng ta, cũng hãy thanh lọc những hoạt động bên ngoài để thực hiện một sứ vụ tông đồ xứng hợp với địa vị cao cả” (4.34.4).

“Vì sự cô tịch của căn phòng sẽ là nơi một tâm hồn, yêu mến sự thinh lặng đồng thời quên đi những chăm sóc của con người, để trở thành người chia sẻ sự toàn hảo của mầu nhiệm Chúa Kitô chịu đóng đinh, chối dậy từ cõi chết và trở về với cung lòng Chúa Cha” (6.41.4). Tất cả đời sống kín nhiệm nơi phòng riêng hệ tại ở việc một mình theo “Chúa Giêsu trong đời sống âm thầm và khiêm hạ của Nazareth, cả khi cầu nguyện với Chúa Cha trong thâm kín và phục tùng lao động trong hiện tại... Do đó, hoạt động của chúng ta cũng luôn luôn phát sinh từ một nguồn mạch nơi chúng ta, sau khi học gương Chúa Kitô Đáng hằng làm việc cùng với Chúa Cha mọi lúc cũng như Chúa Cha hằng ở lại trong Người và chính Người cũng làm việc liên li” (1.5.7)

“Cả nhiều người anh em cũng như nhiều người cha, nhờ sự phục tùng của họ đối với Đáng đã đến không phải để được phục vụ mà để phục vụ, mà họ đã bày tỏ nhiều cách khác nhau sự giàu sang của một đời sống đã tận hiến hoàn toàn cho Thiên Chúa trong nơi cô tịch” (2.11.5).

Việc tuyên khấn khó nghèo, vâng phục, và khiết tịnh được coi là một cách thức theo Chúa Kitô. “Người đan sĩ chọn theo Chúa Kitô trong đức khó nghèo của Người và nhờ sự khó nghèo này mà họ được nên giàu sang” (3.28.1). Khi khấn là đan sĩ từ bỏ tất cả mọi quyền sở hữu với mục đích theo Chúa Kitô (1.10.6).

Vâng phục là “một ơn của Thần Khí khơi dậy sự tự nguyện để họ có thể hoàn thiện hoá sự tuân phục của mình hơn theo gương vâng phục của Chúa Kitô trong tịch liêu” (3.23.9). “Để theo gương của Chúa Giêsu Kitô, Đáng đã đến để thực thi ý Cha Ngài và Đáng đã đến như là một tôi tớ, khi chịu đau khổ, Ngài đã học được vâng phục, cũng như nhờ việc tuyên khấn, người đan sĩ vâng phục bề trên như là đại diện của Thiên Chúa, và do vậy họ nỗ lực vươn tới tâm vóc viên mãn của Đức Kitô” (1.10.13).

Khiết tịnh là sự đáp trả của những trái tim muốn quy hướng về “để cho Chúa Kitô chiếm hữu” (2.13.14). Hoa trái của nó là một “tình trạng cô đơn mà tâm hồn đan sĩ trở nên như một chiếc hồ phẳng lặng, nước của nó thiện hảo bởi xuất phát từ những nguồn mạch thanh khiết nhất của Thần Khí và không xao xuyến trước mọi tin tức đến từ bên ngoài thế gian, như một tấm gương sáng phản chiếu một hình ảnh duy nhất, đó là Chúa Kitô” (2.13.15).

Sự kín nhiệm của cô tịch hệ tại ở nơi chốn “đã từng diễn ra mầu nhiệm lớn lao của Chúa Kitô và Giáo Hội của Người” trong tất cả chiều sâu của nó, trong một con đường được hiện tại hoá và được thực hiện một cách trọn vẹn nơi Đức Trinh Nữ Maria (0.2.1; 1.10.1).

Tập sự “sẽ chỉ chú tâm lo cho phận vụ yêu mến của mình đối với Chúa Kitô và Hội Thánh mỗi ngày” (1.9.4). Phần của chúng ta, giống như Maria ở Bethania, ngồi dưới chân Chúa để lắng nghe lời Người (1.3.9). “Nếu như sự sống trong Chúa Kitô và sự kết hợp mật thiết của linh hồn với Thiên Chúa mà thiếu đi, thì sự trung thành đối với những hình thức bên ngoài và việc tuân giữ luật sẽ là vô ích và sự sống của chúng ta chỉ còn là một cái xác không hồn” (1.9.5).

Vì chỉ trong sự kết hợp với Chúa Kitô đời sống tận hiến của đan sĩ mới đáng được Chúa thương chấp nhận. “Vào ngày đã định, tương lai của họ được quang toả nơi việc tuyên khấn của họ sau khi đọc Tin Mừng và sau Kinh Tin Kính trong thánh lễ (5.36.13-14); để rồi nhờ việc hiến dâng ấy, đương sự hướng tới sự kết hợp với Chúa Kitô, được Thiên Chúa đón nhận qua bàn tay của bề trên” (vị chủ tế) (1.10.8).

Người được thụ phong linh mục đi vào tiến trình đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô linh mục: “sau mẫu gương của Chúa Kitô, đan sĩ cũng đồng thời vừa là linh mục vừa là lễ hy sinh mang hương vị làm vui lòng Thiên Chúa; và nhờ liên kết với hy lễ của Chúa, đan sĩ chia sẻ sự giàu sang của thánh tâm Người nơi chính mình” (1.3.8).

Cộng đoàn được xây dựng như là “Giáo Hội đan sĩ” qua và trong hy lễ của Chúa Kitô.

“Nguồn mạch phát sinh và bổ dưỡng hoàn toàn được tìm thấy nơi bàn tiệc thánh thể, đó là dấu chỉ trọn vẹn của sự hiệp nhất. Đó cũng là trung tâm và là chót đỉnh của đời sống chúng ta, và cũng là lương thực thần thiêng dành cho cuộc xuất hành của chúng ta trong cô tịch, nhờ Đức Kitô mà chúng ta đến cùng Cha. Ngang qua toàn bộ thánh lễ, Chúa Kitô vừa cầu nguyện cho chúng ta với tư cách là thượng tế, vừa cầu nguyện trong chúng ta trong tư cách là Đầu; để từ đây chúng ta có thể nghe được tiếng nói của chúng ta nơi Người và tiếng của Người nơi chúng ta” (1.3.7).

Chúng ta là “những môn đệ đích thực của Chúa Kitô, không chỉ trên danh nghĩa mà còn trong thực chất nữa, để họ nhiệt thành yêu mến nhau, sống hoà hợp, chịu đựng nhau và nếu người này có gì phải trách móc người kia, thì hãy tha thứ cho nhau” (1.3.4).

Cuối cùng, vì để cho sự cô tịch này làm nền tảng của Tu Luật, nhờ Tin Mừng hướng dẫn, chúng ta hãy đi vào đường lối Thiên Chúa và học biết yêu mến không mức độ” (4.35.1).

THEO CHÚA KITÔ NƠI CÔNG ĐỒNG VATICAN II²²

Trong hiến pháp bắt đầu bằng cụm từ “ánh sáng thế gian”, chiều kích linh thiêng nhất này nơi Tin Mừng đã chỉ cho thấy phương pháp dạy dỗ và mẫu gương của vị Thầy Thiêng Liêng đặt nền tảng cho hiệu năng của đức ái hoàn hảo xuyên qua các lời khuyên Phúc Âm và hiệu năng phục vụ như một biểu tượng tỏ hiện của Nước Trời...

Từ thời sơ khai của Giáo Hội, đã có vô số người nam nữ nỗ lực theo Chúa Kitô một cách tự nguyện và sát hơn nhờ việc thực hành các lời khuyên Phúc Âm. Các tâm hồn này hướng tới một đời sống tận hiến cho Thiên Chúa, mỗi người theo cách riêng. Dưới tác động của Chúa Thánh Thần, nhiều người trong họ đã theo đuổi một đời sống ẩn tu hoặc đặt nền tảng cho các cộng đoàn tu trì mà Giáo Hội trong thẩm quyền của mình đã có ý định mời gọi và phê chuẩn cho họ.

²² Những đoạn trích từ hiến chế Canh Tân Và Thích Nghi Dòng Tu, (Đức Ái Hoàn Hảo), 1, 2. Xem W.M.Abbott S.J, Các Văn Kiện Của Công Đồng Vatican II (London: Geoffrey Chapman, 1967, PP. 466-468).

Và nhờ dự phóng thiêng liêng này phát sinh mà vô số các cộng đoàn tu trì đã trưởng thành. Sự đa dạng này góp phần rất lớn trong việc làm cho Giáo Hội thực sự cảm nghiệm được mọi việc thiện hảo (cf. 2Tm3,17) và sẵn sàng cho một tác vụ phục vụ để xây dựng thân mình Chúa Kitô (cf. Ep4,12). Không chỉ thế, mà còn được trang điểm nhờ nhiều phần thưởng khác nhau của con cái mình, nhờ vậy mà Giáo Hội trở nên rực rỡ như tân nương xinh đẹp đi đón Tân Lang (Kh 21,2); và để nhờ Hội Thánh, mọi quyền năng thượng giới được biết sự khôn ngoan thiên hình vạn trạng của Thiên Chúa (Ep3,10).

Nhưng bất cứ sự khác biệt nào về sự trao ban thiêng liêng mà tất cả những ai được Thiên Chúa mời gọi thực thi các lời khuyên Phúc Âm, và trung thành hiến thân cho Thiên Chúa trong đường lối riêng của Ngài. Họ bắt chước Chúa Kitô khiết tịnh và nghèo khó (Mt 8,20; Lc9,58), Đấng đã vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự (Pl 2,8), để cứu chuộc con người và làm cho họ nên thánh. Nhờ được thúc bách bởi một tình yêu mà Chúa Thánh Thần đã đổ tràn vào lòng của họ (Rm 5,5), các kitô hữu này đã tiêu hao chính mình vì lợi ích cho Chúa Kitô và cho thân thể Người là Hội Thánh (Cl1,24).

Từ đây họ càng bừng cháy lửa thông hiệp với Chúa Kitô qua việc từ bỏ chính mình bao gồm toàn bộ đời sống của họ, ngày càng trở nên sự sống mãnh liệt của Hội Thánh và ngày càng sinh nhiều hoa trái dồi dào qua hoạt động tông đồ của Giáo Hội.

... Vì quy tắc nền tảng của đời sống tu sĩ là đi theo Chúa Kitô ngang qua việc sống Tin Mừng, âu đó cũng là luật tối thượng mà tất cả các cộng đoàn tu trì quan tâm.



CHƯƠNG 7

ANH EM SẼ ĐƯỢC NHÌN THẤY

Gioan, nhà chiêm niệm, vén mở vài khía cạnh sâu xa trong lời mời gọi của Chúa Giêsu và vai trò của người môn đệ bối cảnh kêu gọi các môn đệ đầu tiên (Ga 1,35-51).

“Hôm sau, ông Gioan lại đang đứng với hai người trong nhóm môn đệ của ông. Thấy Đức Giêsu đi ngang qua, ông lên tiếng nói: “Đây là Chiên Thiên Chúa”. Hai môn đệ nghe ông nói, liền đi theo Đức Giêsu. Đức Giêsu quay lại, thấy các ông đi theo mình thì hỏi: “Các anh tìm gì thế?” Họ đáp: “Thưa Rabbi (nghĩa là thưa Thầy), Thầy ở đâu?” Người bảo họ: “Đến mà xem”. Họ đã đến xem chỗ Người ở, và ở lại với Người ngày hôm ấy. Lúc đó vào khoảng giờ thứ mười.” (4 giờ chiều) (Ga 1,35-39).

LỜI CHỨNG CỦA GIOAN TẨY GIẢ

Lời chứng của Gioan Tẩy Giả đã thu hút sự chú ý của hai môn đệ Chúa Giêsu. Cũng vậy, ngày hôm sau, Anrê đã giới thiệu Chúa Giêsu cho em mình là Simon Phêrô, rồi Philipphê giới thiệu cho Nathanael. Lời mời gọi được nhân lên như một vết dầu loang, sử dụng mối quan hệ chính trị và gia đình... đôi khi Thiên Chúa gọi trực tiếp (Abraham, Phaolô). Thường thường, chúng ta nghe tiếng

Người qua trung gian, những trung gian kết nối giữa Thiên Chúa và chúng ta có thể là: con người, sự kiện, đọc sách.

Samuel không biết Chúa đang gọi mình cho tới khi tư tế Êli phân biệt sự hiện diện của Thiên Chúa trong tiếng gọi huyền bí: “Hãy về ngủ đi, và nếu người ấy gọi con, thì con hãy trả lời: Lạy Chúa! Xin hãy phán vì tôi tớ Chúa đang lắng tai nghe” (1Sm 3,9). “Đó là Đức Chúa” (1Sm 3,18).

Đáp lại, Samuel đã kêu gọi David lên làm vua Israel và xúc dầu phong vương cho David. Tất cả các ngôn sứ là những người cuu mang Lời Thiên Chúa và chịu trách nhiệm về những việc thi hành thánh ý Ngài. Nhưng Thiên Chúa cũng giúp cho dân Ngài, dân vốn hay quên vai trò của mình ngay cả không tin vào Người, như trường hợp Kirô (Is 45,4-5).

Mỗi Tin Mừng, trừ Tin Mừng thánh Gioan đều làm chứng về những con người không được thấy kéo họ tin. Thật sự, mỗi con người chúng ta đã nhận được đức tin và cảm mến ơn gọi của mình một cách đặc biệt nhờ vào người khác, qua nhiều trung gian. Sự cần thiết này không thể bỏ quên ngay ở ngưỡng cửa của đan viện. Chúng ta đã nhận được di sản của một truyền thống. Chúng ta luôn cần đến một sự linh hướng và nâng đỡ của một người anh em hay một vị linh hướng.

ANH EM TÌM GÌ?

Đây là lời đầu tiên mà Chúa Giêsu đã nói trong Tin Mừng Gioan. Đó chính là vấn nạn đầu tiên Chúa Kitô đặt ra cho những người muốn đi theo Người.

Bề trên sẽ hỏi khi ứng sinh lãnh áo Dòng: “Con tìm gì?” Chúng ta nhớ lời thánh Bênêđô rằng: “Ad quid venisti?” (Hỡi Bênêđô! Ngươi đến đây để làm gì?). Đó là câu hỏi chúng ta cần đặt ra liên li suốt đời chúng ta.

Tu Luật mình định rõ ràng rằng khi một ứng sinh muốn trở thành một đan sĩ thì cần hỏi xem động cơ và mục đích của họ là gì. Đây là một tiêu chuẩn “người ấy thật sự tìm kiếm Thiên Chúa” (Tu Luật 1,8,6). Tại sao? Để cùng chết với Chúa Kitô và cùng sống lại với Người” (Tu Luật 1,8,7).

Còn mọi lý do khác đều là phụ: xuất thân, kinh nghiệm xã hội, sự thông minh...tất cả đều liên quan đến con người của ứng sinh; hoặc vì đó mà tất cả có liên hệ tới mục đích của người ấy: cơ hội để học, tiến thân, sức khỏe, một sự tìm kiếm cảm giác bên ngoài thế gian, bất thỏa với thế giới hiện đại hay Giáo Hội ghét bỏ thế gian, yêu thích cô tịch, hy sinh từ bỏ, bình an và cả cầu nguyện.

Tìm kiếm Thiên Chúa liên li có thể đem lại ý nghĩa cho cuộc sống chúng ta và làm cho chúng ta được an bình. Chính vì ý thức hay vô thức họ đang tìm kiếm một điều gì đó làm cho mình bất mãn, họ vốn đã thất bại trong việc tìm kiếm sự hòa hợp tâm lý hay cảm xúc trong các đan viện. Thường thường họ bận rộn với việc thay đổi cách hành xử trong một vài hành động hời hợt bên ngoài: học hành, một nghi thức canh tân của Dòng...v v.

Các môn đệ trong Tin Mừng đã cất công tìm kiếm. Họ đang ở trong trường phái của Gioan Tẩy Giả. Gioan chỉ là một con người nhưng ông đã chỉ cho họ thấy ánh sáng chân thật. Vì vậy trước chúng ta nhiều người đã có khát vọng nội tâm được đánh thức trước khi họ biết rõ về Chúa Kitô. Thường thì họ được chịu phép rửa nhưng lại không thực hành; Giáo Hội mà họ biết đã không nói rõ cho họ về những gì họ đang dò dẫm. Đôi khi tìm thấy ánh sáng trong triết lý, trong cái đẹp, trong những khoa học tự nhiên hay giáo huấn huyền bí, trong các tôn giáo Đông Phương, Phật Giáo... và tất cả điều này điều

giúp dẫn đưa họ đến với Đức Kitô bằng con đường mặc khải một vài tia sáng của mầu nhiệm Thiên Chúa. Gioan cho chúng ta thấy nguồn gốc của việc tìm kiếm này sẽ được tìm thấy trong Chúa Cha. “Tất cả những ai Chúa Cha ban cho Tôi đều sẽ đến với Tôi” (6,37). Và còn thêm: “Không ai có thể đến với Tôi nếu Chúa Cha không ban ơn ấy cho” (6,65).

Con đường này không phải lúc nào cũng mang lại kết quả. Vô số đạo lý, sự quyến luyến đối với tội lỗi hay sự kiêu ngạo tinh vi đều có thể phủ lấp khuôn mặt Chúa Kitô. Chúa Kitô có thể nói với “những người Do Thái”, trong mạch văn của Gioan, là loại môn đệ chống đối: “các ông sẽ tìm kiếm tôi, nhưng các ông sẽ không tìm thấy tôi, và nơi tôi đi, các ông sẽ không đến được” (7,34). Họ khước từ nhìn nhận Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa. Họ ra mù quáng.

Chúa Giêsu quyết định cho phép tình yêu của Ngài đến với chúng ta cũng giống như dự phóng của tình yêu này sẽ đến nhờ đáp trả trong sự tín thác vào tình yêu. Quyết định trái nghịch làm cho một người mù quáng trước ánh sáng và vì thế người ấy sẽ ở trong bóng tối của sự không tin và thiếu vắng tình yêu (1,5;3,19;12,35).

Đây là khả năng vô biên của chúng ta. Chúng ta có thể mở ra cho ánh sáng rực rỡ của tình yêu thúc đẩy khả năng yêu mến hoặc cũng có thể đóng mình trong hỏa ngục của một trái tim không muốn yêu. Muốn tìm thấy Chúa Giêsu, chúng ta cần phải theo Người, sống với Người, trong tất cả ý nghĩa của tình yêu và bám rễ sâu vào Người. Chúa Giêsu là mặc khải duy nhất và tuyệt đối của tình yêu và chỉ có tình yêu này mới có khả năng chiêm ngưỡng Người.

Có một sự kết hợp lớn lao nơi thánh Gioan. Dường như ngài chiêm niệm một thực tại duy nhất, thực tại mà chính ngài đã trình bày dưới nhiều thị kiến khác nhau, chúng ta không bao giờ thấu triệt hết được, tôi mãi nguyện với sự trình bày một cái nhìn dưới 3 góc độ của việc theo Chúa Kitô:

1. Thị kiến của Gioan; 2. Sự đồng nhất của Chúa Giêsu - Chúa Cha: môn đệ - Chúa Giêsu; 3. Hình ảnh các tông đồ những người Chúa yêu mến.

1. HÃY ĐẾN VÀ ANH EM SẼ NHÌN THẤY VIỄN CẢNH CON NGƯỜI

Chúng ta hãy nhìn lại một chút viễn cảnh con người. Trước hết, chúng ta hãy nhớ rằng trong việc mở rộng thị giác, con mắt được thiết định cho ánh sáng: nó không nhận thức được các đối tượng nhưng ánh sáng phản chiếu từ các đối tượng. Đối tượng được nhìn rõ nhờ ánh sáng làm cho nó trở nên rõ ràng. Điều chúng ta nhìn thấy là ánh sáng hợp với đối tượng, một loại giao thoa, ở đó ánh sáng chiếm hữu mô thức của đối tượng và làm cho nó sáng tỏ. Đây là cách mà ánh sáng làm cho mọi vật trở nên hữu dưng.

Nếu đó là một vấn đề của con người, thì ánh sáng ngoại tại vẫn không đủ. Bởi tự nó không thể làm cho chúng ta hiện diện với người khác ngoại trừ đối tượng. Chúng ta có thể mang lấy mặt nạ luôn lộ ra một trạng thái trốn tránh hay khước từ ít nhiều có ý thức. Để được hiện diện như một con người, để được nhìn nhận như một chủ thể, chúng ta cần thực hiện một món quà tự nguyện của chính mình đối với cái nhìn của người khác. Món quà này là một sự trao ban của tinh thần cảm thông, nói cho cùng chính là tình yêu, được đặt trên nền tảng một hành động tin tưởng vào người khác. Ánh sáng sẽ quang toả từ nội tại.

Dưới góc nhìn của con người thì thật là quan trọng khi chỉ cho thấy viễn cảnh con người hơn là một chức năng giác quan và sinh lý. Nó có thể nhận thức nơi những gì có thể cảm giác được, những mối

liên hệ thiêng liêng và liên kết chúng lại bằng sự ôm ấp. Trên hết, có thể thực hiện được điều này trong sự hiện diện của những dấu chỉ có thể thấy và nghe được của những người đang thể hiện mình một cách tự do và lời mời gọi của họ phản ánh một cách tích cực hay tiêu cực. Tất cả sự phong phú của trực giác và cảm giác con người đi vào lối cư xử nơi một cái nhìn thấu lòng dạ người khác, khi họ thể hiện ra ngoài. Muốn hoàn thiện thì cái nhìn này đòi hỏi một sự cởi mở rất uyển chuyển, một giá trị bền vững của sự ân cần, một sự tôn trọng sâu xa trước bí mật của người khác, và trên hết cần một sự cảm thông đối với sự thật của con người họ, nó được diễn tả trong sự đón nhận người khác thật sự như họ là: cái nhìn này cũng là một sự trao ban khiêm hạ của tình yêu và sự tin tưởng. Dưới góc độ khác thì có thể từ chối. Chỉ khi nào cả hai sự trao ban của tình yêu và sự tin tưởng gặp nhau để rồi mọi người nhìn thấy nhau trong sự thật.

Trong viễn cảnh con người, sẽ kéo theo con người toàn diện. Vì vậy mà chúng ta hiểu được rằng khả năng đón nhận anh em sẽ tỉ lệ thuận với việc đón nhận Thiên Chúa. “Ai không yêu thương anh em mà họ nhìn thấy thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà không nhìn thấy” (1 Ga 4,20). Vì ai có lòng trong sạch mới nhìn thấy Nước Thiên Chúa (Mt 5,8).

ĐỂ NHÌN THẤY THIÊN CHÚA

“Tận mắt” nhìn thấy Thiên Chúa, theo Isaia (52,8)²³ là khát vọng sâu thẳm nhất của Cựu Ước. Niềm nhung nhớ Thiên Đàng, trong toàn bộ Kinh Thánh, là ý thức về mất mát lớn nhất: tiếp xúc mật thiết và trực tiếp với Thiên Chúa. Tự bản chất con người hèn hạ không thể nhìn thấy Thiên Chúa và cũng không được sống. Đức Chúa là một Thiên Chúa ẩn mình, và cơn thịnh nộ của Người thật là đáng sợ. Tuy nhiên, con người vẫn không ngừng tìm kiếm nhan Ngài (Tv 24,6), và biết rằng không có hạnh phúc nào ngoài thực tại này. Lời cầu nguyện của Môsê trên núi Sinai là tiêu biểu: “Xin Ngài thương cho con được thấy vinh quang của Ngài” (Xh 33,18). Người phán: “Ta sẽ rút tay lại và người sẽ xem thấy lưng Ta, còn tôn nhan thì không được thấy” (Xh 33,23). Chỉ khi Chúa Kitô nhập thể, Thiên Chúa mới trao ban mình cho con người chiêm ngưỡng, đó là quà tặng lớn lao nhất của tình yêu Ngài. Hãy lắng nghe sự kính sợ trong lời chứng của Gioan: “điều vẫn có ngay từ lúc khởi đầu, điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã thấy tận mắt, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng và tay chúng tôi đã chạm đến, đó là Lời sự sống... Điều chúng tôi đã thấy và đã nghe, chúng tôi loan báo cho cả anh em nữa, để chính anh em cũng hiệp thông với chúng tôi, mà chúng tôi thì hiệp thông với Chúa Cha và Đức Giêsu Kitô, Con của Người (1Ga1,1.3).

Lời sự sống, sự sống đời đời có thể chiêm ngưỡng, có thể nghe, gần gũi và có thể chạm tới. Chính vì những ý nghĩa cảm nếm được này mà Thiên Chúa đã mặc khải mình cho con người, Ngài cho con người được thông dự vào sự sống thiêng liêng của Ngài. Chính vì những ý nghĩa cảm nghiệm này mà con người có thể tiếp đón Ngài.

Tuy nhiên, nhận thức cảm quan là điểm khởi đầu cho nhận thức và kết hợp thiêng liêng với Thiên Chúa, nó chứa đựng một thực tại vô cùng cao cả, có khả năng thẩm nhuận và biến đổi nó, và còn đòi hỏi đi xa hơn nữa trong sự thanh luyện triệt để.

²³ Ghi chú của dịch giả đây là cách người Pháp dịch tiếng Do Thái. Dịch nghĩa đen NIV là: “họ sẽ nhìn thấy tận mắt nên họ nhảy múa mừng Ngài”. Xem Gioan R. Kohlenberger III (ed), the NIV ấn bản Cựu Ước Do Thái - Anh ngữ (Grand Rapids, regency), p. 107.

MỨC ĐỘ NHÌN THẤY

Con người Đức Giêsu chính là trung tâm của thực tại. Mọi sự quy hướng về “chiêm ngưỡng Đức Giêsu” trong thực tại của thời khắc lịch sử. Nhưng “sự chiêm ngưỡng” này gồm nhiều cấp độ: nhận thức thị giác thô sơ, cái nhìn ân cần và kỹ lưỡng, chiêm ngưỡng thâm nhập sâu xa của đối tượng và thông hiệp với Ngài.

Tất cả những người đương thời của Đức Giêsu nhìn Ngài: các môn đệ, đám đông, những người Do Thái. Mọi người đều nhìn những dấu chỉ của Ngài. Trong cuộc thương khó, Philatô đã hai lần dẫn Ngài ra trước dân chúng “này là người ấy” (19,5). Binh lính đã nhìn lên “Đấng họ đã đâm thâu” (19,37). Lời chứng phục sinh của Gioan chắc chắn được tăng thêm trong hình thức này: “Chúng tôi đã nhìn thấy Chúa” (20,18,25).

Trong mỗi trường hợp, “nhìn thấy” còn ở một mức độ khác và không đi vào nội tại. Cấp độ tối thiểu, có một đám mây mờ che khuất tầm nhìn, không thấy được: đây là những người Galilê, dù nhiều dấu chỉ đã được thực hiện trước mắt họ, họ vẫn không thấy Đức Giêsu là bánh chân thật (6,36,40). Có một sự bất thị của những người Phariseu, họ nói: “chúng tôi thấy” (9,41). Thế gian khước từ nhìn thấy (15,24).

Ngay như con mắt của các môn đệ cũng không mở ra cho đủ trước màu nhiệm vượt qua (14,7-9). Đến giờ của Chúa Giêsu mới làm cho họ nhìn thấy, giờ con người được tôn vinh (Ga 12,23; 17,1). Nó quan tỏa một ánh sáng nhất định xuyên suốt quá trình của Ngài.

Trong sự viên mãn, “nhìn thấy” của Gioan thâm nhuần dưới bề mặt của những sự xuất hiện đối với cấp độ nền tảng của hiện hữu, đối với nguồn ánh sáng mà nó chứa đựng, đối với sự kín nhiệm của đời sống nội tâm.

ĐỐI TƯỢNG “CHIÊM NGẮM”

Đối tượng chiêm ngưỡng của Gioan ở nơi đầu tiên xuất hiện vinh quang của Chúa Kitô. “Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta. Chúng tôi đã được thấy vinh quang của Người, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người, là Con Một đầy tràn ân sủng và sự thật” (1,14). Vinh quang này là một thực tại mâu thuẫn nhưng nghịch lý. Đây là chiều kích thánh thiện khôn tả của Thiên Chúa trong sự bộc lộ²⁴ tự phát của nó.

Vinh quang tỏa chiếu và các môn đệ đã được chiêm ngưỡng nơi thân xác Giêsu, nơi một con người rất thật và cụ thể, nơi tất cả sự yếu đuối bẩm sinh của con người, bị khước từ cho đến chết. Đó là vinh quang của Con Một duy nhất, vinh quang xuất phát từ Chúa Cha và do đó cũng mặc khải Chúa Cha. “Ai nhìn thấy Thầy là nhìn thấy Chúa Cha” (14,9). Đây là mục đích tối thượng trong “chiêm ngắm” của Gioan: Chúa Cha.

Tất cả công việc của Gioan là một khoa sư phạm về “chiêm ngắm” thiêng liêng, quy hướng về “hình ảnh” Chúa Cha, đó là bản chất Con Một, hiện thân của Ngài rực rỡ trong ánh vinh quang của “giờ” đã định (13,31-32). “Chiêm ngắm” không phải là hệ quả của một sự khải trừ đức tin mà xuất phát từ khía cạnh thánh thiêng nhận thức trong Chúa Giêsu. Đó là một vấn đề, đúng hơn là sự chiêm ngắm chân

²⁴ Xem thêm thánh Phaolô: “quả thật, xưa Thiên Chúa đã phán: ánh sáng cũng bừng lên từ nơi tối tăm! Người cũng làm cho ánh sáng chiếu soi lòng trí chúng tôi, để tỏ bày cho thiên hạ được biết vinh quang của Thiên Chúa rạng ngời trên gương mặt Đức Kitô (2Cr 4,6) “...Người là hình ảnh Thiên Chúa vô hình...” (Cl 1, 15).

thật. “Nhìn thấy Chúa Cha” phải là một minh chứng thứ hai của sự chiêm ngắm cũng không ngụ ý một hình ảnh thị giác phụ (hay ở phía sau) con người Giêsu được thẩm nhuần mục đích đi tìm Chúa Cha. Chúa Cha chỉ được nhận thức nơi Chúa Giêsu mà thôi. Vinh quang của Chúa Cha quang tỏa nơi vinh quang Chúa Con. Người môn đệ mở mắt nhìn con người Chúa Giêsu trong điều kiện con người của mình, xác thịt của mình, mở mắt nhìn mầu nhiệm và nhìn thấy thật sự, tuy nhiên một cách gián tiếp nhìn thấy Cha. Không nên hiểu điều này như một cảm nhận bất ổn hay tĩnh. Chính trong sự tuân phục vô hạn của Chúa Con mà tình yêu vô bờ của Chúa Cha và con người thật của Ngài tỏ hiện.

Ở đây chúng ta được chạm tới trung tâm của sự chiêm niệm Kitô Giáo trong sự tối giản và riêng biệt, bởi vì nó được bồi đắp hoàn toàn mới của mầu nhiệm nhập thể, sự kết hợp của con người và thiêng liêng, xác thịt và thần khí.

TA SẼ TỎ CHO MÌNH RA CHO NÓ

Xác định của Gioan dựa trên bản chất cụ thể của “chiêm ngắm” nảy sinh một vấn đề. Chúng ta đang ở giữa những người “không thấy mà tin” (20,29); phải chăng chúng ta được mời gọi để sống một đức tin không thấy?

Hẳn thật, sự hiện diện gần gũi và cảm được Chúa Kitô trong thực tại lịch sử như được sống nhờ chứng nhân đặc biệt trải nghiệm công trình đức tin. Tuy nhiên, viễn cảnh này còn dang dở cho tới khi mầu nhiệm Phục Sinh được chiếu sáng trong sự tưởng nhớ quá khứ. Khi Chúa Giêsu còn sống trên mặt đất, các môn đệ gặp khó khăn trong việc “chiêm ngắm” Ngài, có thể nói họ khó khăn trong việc hiểu con người thật của Ngài và nhận ra tương quan duy nhất của Ngài với Chúa Cha. “Thầy ở với anh em bấy lâu mà Philipphê, anh vẫn không biết Thầy ư?” (14,9). Nhưng lúc mạc khải vinh quang của Ngài qua thập giá và phục sinh - “một ít nữa” - một kỷ nguyên mới được mở ra. “Một ít nữa thế gian sẽ không còn thấy Thầy, còn anh em sẽ nhìn thấy Thầy²⁵; bởi vì Thầy sống và anh em cũng sẽ sống. Một ngày nào đó, anh em sẽ biết rằng Thầy ở trong Cha Thầy, anh em ở trong Cha Thầy và Thầy ở trong anh em” (14,19-20).

Thế gian sẽ không thể hiểu được Chúa Giêsu sau khi Ngài tử nạn (7,34; 8,21) bởi nó sẽ không bao giờ nhìn thấy được bất cứ điều gì nơi Ngài ngoài những khía cạnh tạm bợ bên ngoài. Các môn đệ nhìn thấy Ngài và nhận ra rằng Ngài ở trong Chúa Cha. Họ đã hiểu được những gì sau cùng của câu được nói ra²⁶, đó là tử nạn và phục sinh. Điều kiện trước hết cho sự hiểu biết này, thật sự để chiêm ngắm Chúa Giêsu, là một sự vắng mặt: họ không thể nhìn thấy Đấng đã về cùng Chúa Cha (16,7), một ít nữa. Một ít nữa này cũng bằng Triduum Mortis, dành cho Giáo Hội, kỳ hạn của thế giới trong thời gian.

Nhờ một huyền nhiệm sâu thẳm của tình yêu, mà sự vắng mặt của Chúa Giêsu, thiếu vắng khả năng nhìn trong giác quan con người, có khả năng tạo nên một hình thức gặp gỡ²⁷ và “chiêm ngắm” sâu sắc hơn. Những lần hiện ra chỉ là sự mở đầu cho một sự tỏ mình sâu xa và phổ quát hơn của mầu nhiệm Chúa Giêsu trong Thánh Thần dành cho mỗi môn đệ giúp họ tin tưởng và yêu mến.

²⁵ Đây là dịch thuật hay nhất của cụm từ này - xem Boismard, Evagrius, Praktikos. des. Jean, P.358, chú ý Y trong TOB, P.332, và Anh ngữ NRSV.

²⁶ Cf. Con Đường Tình Yêu Thầm Lặng (The Way Of Silent Love), cuộc họp thứ sáu.

²⁷ Nhiều ví dụ về điều này trong những tương quan con người không bao giờ thiếu. Vd: liên hệ với nhau trong thinh lặng, chúng ta hiểu được mà không cần những dấu chỉ bên ngoài, hay hiệp nhất hoàn toàn trong sự vắng bóng hoặc vượt trên sự chết. Chú ý của dịch giả: xem bài thơ: “Người Con Hoang Đàng” của Áng-lô- xác-sôn để thấy một bản trình thuật sâu sắc và một bản tóm lược Kinh Thánh về chủ đề này, xem “Sự Hiện Diện Thoái Thác” của Samuel Terrien (New York: “Người Chơi Đàn Và Cuộc Du Thuyền”.1978).

“Ai có và giữ các điều răn của Thầy, người ấy mới là kẻ yêu mến Thầy; mà ai yêu mến Thầy, thì sẽ được Cha Thầy yêu mến, Thầy sẽ yêu mến và tỏ mình ra cho người ấy... Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy... nhưng Đấng bảo trợ là Thánh Thần Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy, Đấng đó sẽ dạy cho anh em mọi điều” (14,21.23.26).

CHIÊM NGẮM CUỘC BIẾN HÌNH

Sự hiện diện nội tại của Chúa Giêsu, tình yêu của Chúa Cha và hoạt động của Chúa Thánh Thần tạo nên một chiều sâu và một sự biến đổi khả dĩ hình thành sự chiêm ngắm để có thể nhìn thấy và không nhìn thấy ngay lúc đó. Chúng ta không còn được nhìn thấy Chúa Giêsu cách nhãn tiền như các môn đệ đầu tiên và chắc chắn chúng ta cũng không thể nhìn thấy Ngài như ngày xưa. “Chúng ta biết rằng khi Đức Kitô xuất hiện, chúng ta sẽ nên giống như Người, vì Người như thế nào, chúng ta sẽ thấy Người như vậy.” (1Ga3,2).

Hiện giờ là lúc chúng ta chỉ nhìn thấy Ngài gián tiếp, qua trình thuật con người Giêsu lịch sử và cũng nhờ Thần Khí sinh động hoá sự sống của Giáo Hội. Trong chiều kích thiêng liêng, sự khác biệt giữa những người nhìn thấy Chúa Kitô phục sinh và những người tin “mà không nhìn thấy” được nối dài trong đại phúc (“phúc lành”, “hạnh phúc”) của sự kết hợp mật thiết với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần của những người “chiêm ngắm” trong đức tin và đức mến, đồng thời biến con đường này thành thực tại siêu nhiên mà họ chiêm ngưỡng. Tình yêu chiêm ngưỡng sẽ đưa chúng ta đi vào thực tại²⁸. “Hiện giờ chúng ta là con Thiên Chúa” (1Ga3.2), hiện giờ Tình Yêu đang cư mang chúng ta để chúng ta biết yêu. “Phần chúng tôi, chúng tôi đã chiêm ngưỡng và chứng minh rằng: Chúa Cha đã sai Con của Người đến làm Đấng cứu độ thế gian... còn chúng ta, chúng ta đã biết tình yêu của Thiên Chúa nơi chúng ta, và đã tin vào tình yêu đó. Thiên Chúa là tình yêu: ai ở lại trong tình yêu thì ở lại trong Thiên Chúa và Thiên Chúa ở lại trong người ấy. Căn cứ vào điều này mà tình yêu đã nên hoàn hảo với chúng ta: đó là chúng ta được mạnh dạn trong ngày phán xét, vì Đức Giêsu thế nào thì chúng ta cũng như vậy ở thế gian này.” (1Ga 4,14.16.17).

“Ai yêu thương, thì đã được Thiên Chúa sinh ra, và người ấy biết Thiên Chúa. Ai không yêu thương, thì không biết Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là tình yêu”. (1 Ga 4.7-8).

Căn cứ vào điều này mà thánh Gioan đã trình bày chương trình cứu độ: nơi Thiên Chúa, yếu tính của sự sống là tình yêu, ánh sáng là sự quang toả của tình yêu này; nhân giới về sự sống được Ngôi Lời nhập thể ban cho chúng ta, Ngài đã tái sinh chúng ta trong tình yêu.

“Con không chỉ cầu nguyện cho những người này, mà cho những ai nhờ lời họ mà tin vào Con, để tất cả trở nên một như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha để họ cũng ở trong chúng ta. Như vậy, thế gian đã tin rằng Cha đã sai Con.” (17,21-22).

Lời kinh thực tế cho chúng ta một thoáng nhìn để nhờ kết hợp với Đức Kitô, người môn đệ một cách nào đó nhận được dấu ấn của sự sống Ba Ngôi. Hiện giờ chúng ta đang đi về một cùng đích.

²⁸ Xem thánh Phaolô: “tất cả chúng ta mặt không che mặt, chúng ta phản chiếu vinh quang của Chúa như một bức gương, như vậy chúng ta được biến đổi nên giống cũng một hình ảnh đó, ngày càng trở nên rực rỡ hơn, như do bởi tác động của Chúa là Thần Khí” (2Cr 3,18).

2. CHÚA GIÊSU VÀ CÁC MÔN ĐỆ: CHÚA CHA VÀ CHÚA GIÊSU

Chúa Giêsu là mục tử đoàn chiên. “Ngài gọi đích danh từng con chiên” (được khắc “lên hòn sỏi trắng... một tên mới mà không ai biết được ngoài người đã nhận nó” (kh 2,17) - ngay cả người biết cũng chỉ lơ mờ) “rồi anh dẫn chúng ra ngoài. Khi đã cho chiên ra hết, anh đi trước và chiên đi theo sau, vì chúng biết tiếng của anh” (10,3-4).

Lòng người tự nhiên đã có khả năng nhận biết tiếng của Đức Kitô. “Tôi biết chiên tôi và chiên tôi biết tôi cũng như Chúa Cha biết tôi và tôi biết Chúa Cha như vậy” (10,14-15).

Tương quan giữa Chúa Giêsu và những người theo Ngài giống tương quan giữa Chúa Cha và Chúa Giêsu. Bởi vậy, Chúa Giêsu là mẫu mực cho người môn đệ trong tương quan giữa Ngài với Chúa Cha. “Ai nói rằng: mình ở lại trong Người, thì phải đi trên con đường Đức Kitô đã đi” (1Ga 2,6).

Chúa Giêsu đã sống như thế nào? Trong sự kết hợp mật thiết nhất của tình yêu với Chúa Cha: một sự kết hợp 'tương tri' (x.Ga10,14-15); một sự kết hợp của sự hiện diện hỗ tương: “Ngày ấy anh em sẽ biết rằng Thầy ở trong Cha và anh em ở trong Thầy cũng như Thầy ở trong anh em” (14,20); “Để họ nên một như chúng ta là một, Con trong họ và Cha trong Con, để họ hoàn toàn nên một” (17,22-23); một sự kết hợp hoàn toàn của ý chí.

Người môn đệ không thể làm được gì ngoài Chúa Giêsu, cũng như Chúa Giêsu không thể làm được gì ngoài Chúa Cha.

“Người Con không thể làm bất cứ điều gì, ngoại trừ điều Người thấy Chúa Cha làm, vì điều gì Chúa Cha làm, thì Người Con cũng làm như vậy” (5,19).

“Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai ở lại trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy thì người ấy sinh nhiều hoa trái, vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được” (15,5).

Vì lương thực Chúa Giêsu là “thi hành ý muốn của Chúa Cha, Đấng đã sai Thầy và hoàn tất công trình của Người”, bởi vậy tình yêu của người môn đệ sẽ không thật nếu như không tuân giữ các lệnh truyền. “Căn cứ vào điều này, chúng ta nhận ra rằng chúng ta biết (yêu) Thiên Chúa: đó là chúng ta tuân giữ các điều răn của Người... còn hễ ai tuân giữ các lời Người dạy, nơi kẻ ấy tình yêu thực sự trở nên hoàn hảo. Căn cứ vào đó, chúng ta biết được mình đang ở trong Thiên Chúa” (1 Ga2,3-5).

Tuy nhiên các lệnh truyền của Chúa Giêsu được tóm lại trong luật yêu mến (15,12-14). Do đó nhờ vào tình yêu này mà người ta nhận biết chúng ta là môn đệ (13,34-35). Lòng mến làm cho người môn đệ đáng được Chúa Giêsu yêu (15,9-10).

Ở đây chúng ta có thể trích dẫn diễn từ ly biệt hoàn toàn trong bữa tiệc ly. Nhưng chúng ta hãy bằng lòng với nội dung trong (Ga 15,7-17), và hãy để cho ánh sáng những lời này thấm nhuần con tim chúng ta. Không cần phải thêm gì vào diễn từ này nữa. (Những chữ cái trái nghịch cho thấy nhiều đoạn cũng ở trong tình trạng đối nhau).

CẦU NGUYỆN A. Nếu anh em ở lại trong Thầy và lời Thầy ở lại trong anh em, thì muốn gì, anh em hãy xin, anh em sẽ được như ý.

HOA TRÁI B. Điều làm Chúa Cha được tôn vinh là: anh em sinh nhiều hoa trái.
C. và trở thành môn đệ Thầy.

LÒNG MẾN D. Chúa Cha đã yêu mến Thầy thế nào, Thầy cũng yêu mến anh em như vậy. Anh em hãy ở lại trong tình thương của Thầy. Nếu anh em giữ các điều răn của Thầy, anh em sẽ ở lại trong tình thương của Thầy, như Thầy đã giữ các điều răn của Cha Thầy và ở lại trong tình thương của Người.

NIỀM VUI E. Các điều ấy, Thầy đã nói với anh em để anh em được hưởng niềm vui của Thầy và niềm vui của anh em được nên trọn vẹn.

LÒNG MẾN D'. Đây là điều răn của Thầy: anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em. Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu của mình. Anh em là bạn hữu của Thầy, nếu anh em thực hiện những điều Thầy truyền dạy.

Tất cả những gì Thầy đã nghe được nơi Cha Thầy, Thầy đã cho anh em biết.

C'. Không phải anh em đã chọn Thầy nhưng chính Thầy đã chọn anh em.

HOA TRÁI B'. và cắt cử anh em để anh em ra đi, sinh được hoa trái và hoa trái anh em được tồn tại.

CẦU NGUYỆN A'. Tất cả những gì anh em xin cùng Chúa Cha nhân danh Thầy, thì Người ban cho anh em. Điều Thầy truyền dạy anh em là hãy yêu thương nhau.

CẦU NGUYỆN THẦY Ở ĐÂU?

Bởi thế, người môn đệ được Đức Giêsu thương mến cũng được mời gọi dâng hiến mạng sống mình bằng tình yêu như Chúa Giêsu đã làm (15,12-14;10,17-18). Nếu người môn đệ đi theo Người nơi cùng con đường để làm nên phần thưởng lớn lao nhất của đời sống mình, thì cuối cùng người ấy sẽ được đặc ân đến nơi Chúa Giêsu đang ở.

Chúa Giêsu sống ở đâu? “Ai phục vụ Thầy thì hãy theo Thầy, và Thầy ở đâu, kẻ phục vụ Thầy cũng ở đó. Ai phục vụ Thầy, Cha Thầy sẽ quý trọng người ấy” (12,26).

Ngài còn thêm: “nếu Thầy đi dọn chỗ cho anh em, thì Thầy lại đến và đem anh em đi với Thầy, để Thầy ở đâu, anh em cũng sẽ ở đó” (14,3).

Trong lời kinh thượng tế: “Lạy Cha, Con muốn rằng Con ở đâu, thì những người Cha đã ban cho Con cũng ở đó với Con, để họ chiêm ngưỡng vinh quang của Con, vinh quang mà Cha đã ban cho Con, vì Cha đã yêu thương Con trước khi thế gian được tạo thành” (17,24).

Muốn khám phá ra Chúa Giêsu sống ở đâu, thì phải đến nơi ở của Người. Nơi vinh quang của Người, đã có từ đời đời. Do đó chỉ ở câu kết thúc câu chuyện mời gọi các môn đệ đầu tiên mới thấy được ý nghĩa trọn vẹn của nó. “Ngài nói với họ: “Hãy đến mà xem”. Họ (tức các môn đệ) đã đến và thấy nơi ở của Người và đã ở lại với Người” (1,39).

Điều đáng chú ý ở đây là sự tương đồng trong tương quan trùng hợp giữa các môn đệ và Chúa Giêsu cũng như giữa Chúa Giêsu và Chúa Cha cùng một lúc được minh định. Người môn đệ “được Chúa Giêsu thương mến” đã “tựa đầu vào ngực” Đức Giêsu trong bữa tiệc ly.

3. MÔN ĐỆ ĐỨC GIÊSU THƯƠNG MẾN

Nhân vật²⁹ huyền bí này là mẫu mực của người môn đệ. Chúng ta thấy người môn đệ được định nghĩa rất rõ ràng trong thuật ngữ “thương mến” (15,8-10). Môn đệ hoàn thiện là người được Đức Kitô thương mến và phải trở vượt trong tình bác ái. Người ấy được đặt cho tên gọi “môn đệ Đức Giêsu thương mến”, và sẽ không còn tên nào hay hơn nữa. Tên này diễn tả toàn bộ con người môn đệ. Ngài không xuất hiện trong trình thuật cuộc đời công khai của Đức Kitô trong Tin Mừng. Ngài xuất hiện lần đầu tiên trong tiệc ly, như là người môn đệ Đức Giêsu thương mến, ngay nơi trung tâm của mẫu nhiệm tình yêu và hy sinh. Chính là người mà Đức Giêsu đã tiết lộ bí mật đau đớn về Giuđa; người đã kể cho Phêrô. Sau đó, nhờ ngài mà Phêrô có thể vào được đến sâu thượng tế (18,15-16). Môn đệ duy nhất ở dưới chân thập giá trong giờ phút bóng tối bao phủ chính là ngài. Ngài đã nhận Maria làm mẹ mình và kể từ ngày ấy ngài đã rước mẹ về nhà mình (19,25-27). Maria và người môn đệ một cách hiển nhiên là tiêu biểu cho một Giáo Hội đang tin tưởng và yêu mến. Khi Maria Madalena loan tin ngôi mộ trống, thì ngài chạy ra mồ cùng với Phêrô. Ngài đã đến trước Phêrô. Phêrô đã vào trong mồ trước và thấy những băng vải đã được xếp lại, người môn đệ được yêu cũng đi vào và ngài đã nói lên xác tín của riêng mình rằng: “ông đã thấy và đã tin” (20,8). Trục giác nhạy bén, khuynh hướng tự nhiên đối với tình yêu, hiện diện trong bối cảnh hiện ra ở Biển Hồ Tibêria sau khi phục sinh. Trên bờ biển Đức Giêsu gọi các môn đệ đang ở trên thuyền của mình. Chính “người môn đệ Đức Giêsu thương mến” đã nhận ra Chúa trước tiên khi các ngài đang bắt cá và người môn đệ kia đã nói với Phêrô: “Chúa đó!” (21,7). Đường như cuối cùng Đức Giêsu đã hứa ban cho ngài một số phận đặc biệt, khác biệt số phận của Phêrô. Chúa Giêsu phán với Phêrô: “Giả như Thầy muốn anh ấy còn ở lại cho tới khi Thầy đến thì việc gì đến anh?” Câu nói bí ẩn này không chỉ nói về người môn đệ được yêu còn tiếp tục hiện diện trong Giáo Hội qua lời chứng được lưu truyền trong Tin Mừng Gioan (19,35) mà còn một cách sâu xa hơn muốn nói lên rằng người môn đệ này tiêu biểu cho những con người chiêm niệm mà Giáo Hội không khi nào thiếu.

Người môn đệ được yêu được diễn tả bởi một tình yêu độc nhất và thâm nhuần đức tin, một thứ đức tin làm cho ngài biết quang toả Chúa trong lòng Giáo Hội (nơi con người Phêrô). Ngài ngụp sâu trong mẫu nhiệm Thánh Thể và Thập Giá. Ngài được Đức Kitô thương mến với một tình yêu tách biệt và riêng tư. Đáp lại, con tim của ngài hoàn toàn hướng về con người Giêsu. Ngài đã tin và đã được chiêm ngưỡng. Ngài sẽ ở lại cho tới khi Đức Kitô quang lâm. Ngài đón nhận Mẹ Chúa Giêsu về chăm sóc - người Mẹ đã sinh ra một Chúa Kitô toàn thể.



CHƯƠNG 8

XIN VẮNG TRONG THỜI ĐẠI

Lời mời gọi của Thiên Chúa không phải là cái gì rõ ràng để có thể nghe được trong chốc lát và nó hoàn toàn hiện hữu trong dĩ vãng. Trong một thời điểm của đặc sủng chắc chắn chúng ta sẽ sáng suốt trước lời mời gọi, nhưng bản chất lời mời gọi là một Lời sáng tạo của Thiên Chúa, lời có từ đời đời.

²⁹ Người viết chú thích không đồng ý với sự đồng hoá của ông. Có lẽ là Gioan, nhưng Ladarô cũng có những người bầu cử...vv.

Ngay lúc đầu chúng ta ý thức về lời thì sự ý thức cũng không bao giờ làm cho lời bị hao hụt đi. Lời tiếp tục vang vọng xuyên suốt cuộc đời chúng ta. Lời vén mở đầy đủ ý nghĩa chỉ khi ta đánh thức toàn bộ lịch sử tính của đời ta. Tiếng đáp trả của chúng ta dành riêng cho lời mời gọi này; do đó, nó mở ra một câu chuyện, mà hệ luận của nó ta không thể biết trước được.

Chúng ta không nên nghĩ về một lời mời gọi như một thực tại được định trước trong dự phóng, được lịch trình hoá, một tờ đơn được đóng mộc bằng lời đáp vắn tắt của chúng ta do máy tính thực hiện để rồi nó tiếp tục làm cho cuộc đời còn lại của ta trở nên cứng nhắc. Thay vì chúng ta được mời gọi mỗi lúc để cho Chúa Thánh Thần cuốn hút, rồi luôn tiến xa hơn về phía trước trên con đường vô định.

Chúng ta nên có thái độ của một người được kêu gọi theo Thầy trong sự khởi đầu mỗi ngày mới. Như người tôi trung của Đức Chúa: “Sáng sáng Người đánh thức, Người đánh thức tôi để tôi lắng nghe như một người môn đệ. Đức Chúa là Chúa Thượng đã mở tai tôi, còn tôi, tôi không cưỡng lại, cũng chẳng tháo lui” (Is 50,4-5).

Sự thuận phục của ta đối với Thánh Thần được khắc sâu trong thời gian thể hiện một đức tin mạnh mẽ, một tiếng vang dâng lên Thiên Chúa trong tinh thần phó thác, cởi mở và quảng đại. Ở đây một vấn đề nảy sinh: làm sao tôi có thể khấn được khi nhìn về một tương lai mà tôi không biết cũng không làm chủ được? Sự khấn hứa này có cản trở tác động của Thánh Thần, trì hoãn sự triển nở của đời sống ta hay không?

Chỉ có Thiên Chúa mới có khả năng trả lời vấn nạn này. Chính Người đã kêu gọi chúng ta bằng một lời chân thật, để ta trở nên quà tặng hoàn mỹ. “Anh em hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em hết lòng...” Thánh Thần là Đấng thúc bách ta. Vì Chúa mà chúng ta khấn, dù chúng ta không biết đích xác điều gì sẽ ràng buộc chúng ta. Vì vậy chúng ta chỉ có thể từ bỏ chính mình để thuộc về Thiên Chúa với sự tin tưởng tuyệt đối, biết rằng điều gì Người đã khởi sự thì Người cũng làm cho kết thúc tốt đẹp.

SỰ TRUNG THÀNH CỦA THIÊN CHÚA

Đó là khởi điểm Thiên Chúa kết ước với chúng ta. Và Ngài trung thành, một lòng chung thủy sắt son, đó cũng là nền tảng cho lòng trung thành của ta đối với Ngài. Đức Chúa là núi đá, là thành trì, là khiên che thuẫn đỡ. Sự trung tín của Người không lệ thuộc vào sự trung tín của chúng ta. Ngài không thể chối bỏ chính mình. Ngài vẫn trung tín dù ta bất trung bất tín (Rm 3,3). “Thiên Chúa là Đấng trung thành, Người đã kêu gọi anh em đến hiệp thông với Con của Người là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta” (1Cr 1,9). “Thiên Chúa là Đấng trung tín, Người sẽ không để anh em bị thử thách quá sức” (1Cr 10,13).

Trong Thánh Kinh, Thiên Chúa mặc khải Ngài là Thiên Chúa hằng sống, Đấng hằng hữu và ở với dân Người trong các lần giao tranh của họ, như thế Đấng tỏ mình ra là Đấng trung thành với lời hứa và giao ước của Người (x. Đnl 7,7-9). Sự trung thành của Người chính là lòng nhân hậu khôn lường, với tình yêu vô biên. Sức mạnh của Thiên Chúa hàn gắn sự yếu đuối con người nhờ lòng thủy chung. Người đặt tất cả lý lẽ trái ngược như thế vào trong trách nhiệm của mình. Thiên Chúa chấp nhận phiêu lưu để có thể hòa hợp cả danh người và bản thân với một người bạn hay thay lòng đổi dạ. Thiên Chúa là Đấng trung tín, sự trung tín của Người là đặc điểm không chỉ của bản thể bất di bất dịch của Ngài, mà còn ở sự chọn lựa không thay đổi của Ngài trong thời gian nữa (Is 45,23). Ngài bày tỏ lòng trung thành qua hành động của Ngài trong lịch sử, qua việc giữ lời hứa trong suốt cuộc đời và cái chết của

Con Ngài. Sự trung thành này, Ngài tuân đổ xuống từ đời đời và luôn mới. Cả bản thân Ngài cũng như lòng trung thành của Ngài đối với chúng ta là một mẫu nhiệm và dù chỉ một vài khía cạnh được quang toả đã đủ là nguồn sự thán phục rồi. Đôi khi xem ra đi lòng vòng và viết nên những con đường ngoằn ngoèo.

Từ quan niệm mang tính nhân loại, con người là đối tượng cho thời gian trong nhận thức, mà thời gian thì trải dài, tiến lên và không có kết thúc. Nhưng con người chiến thắng thời gian, có khả năng thoát ra khỏi tầm kiểm soát của nó và bằng ý nghĩ con người có thể nối kết quá khứ với tương lai đồng thời theo đó, họ có thể làm chủ tương lai. Nhân loại vượt quá mức biến đổi và mang lại cho nó ý nghĩa. Sự trung thành của một người mang lại sự liên đới và ý nghĩa cho giây phút hiện tại. Trong sự tự phát của giây phút hiện tại, thì sự trung tín một cách nào đó không cần thiết, nó được ấn định một cách chính xác khi nó được tách riêng ra, nhưng trong sự khởi đầu chọn lựa và cuộc chiến sâu thẳm nhất của hữu thể: một trận đánh toàn thắng trên thời gian và điều đó mang lại sự thống nhất và kết nối mỗi cuộc đời. Đó là sự vâng phục tuyệt đối của Mẹ Maria. Nó trưởng thành hoá Mẹ như chính Ngôi Lời trải qua những năm tháng sống ẩn dật và đơn điệu tại Nazaret, qua sự suy niệm của Mẹ về những sự kiện khó hiểu trong cuộc đời Chúa Giêsu (dâng mình trong đền thờ, Ngài ở lại nơi ấy ba ngày giữa các thầy thông luật), qua con người toàn diện, con người sẵn sàng vâng phục để soi sáng sự trưởng thành trong sứ vụ công khai của Con Mẹ; qua sự dâng hiến đầy tin tưởng dưới chân thập giá; qua địa vị của Mẹ trong lòng Giáo Hội đang khi chờ đợi Chúa Thánh Thần. Nó trở thành một thể thống nhất khi hoa trái hoàn toàn chín muồi mà Đức Chúa đặt bên Người trong vinh quang.

NÊN HOÀN THIỆN MỖI NGÀY

Đó không phải là những khoảnh khắc được đề cao, những kinh nghiệm tôn giáo, thậm chí những rung động có thể xảy ra với chúng ta; vậy mà đó lại là điều quan trọng nhất trong đời sống đan tu của chúng ta. Quan trọng nhất là kiên trì cầu nguyện hàng ngày, vâng phục mỗi ngày trên con đường chúng ta đã chọn, tiếp tục mang lại sức mạnh để chúng ta sống cho Chúa hôm nay, theo sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, tình yêu của Người suốt cả ngày sống. Một đôi khi sự liên tiếp này ẩn dấu mẫu nhiệm đau khổ và nghèo khó. Thật khó mà bỏ lại cái một thời đại để sống cho Chúa trong việc từ bỏ mọi toan tính riêng, lúc nào cũng có thể nhớ tới lời mời gọi ở lại trước nhan Chúa để bày tỏ cuộc đời chúng ta, vì cái gì đã hiện hữu thì ở mãi trong hiện hữu. Kiên trì trong sự phó thác cởi mở, không xao xuyến, không cần chính kiến, không gì cả. Đây có thể là một sự diễn tả riêng tư nhất mỗi dây ràng buộc tình yêu đối với Chúa Kitô, với một đức tin căn bản. Chúng ta phó thác hoàn toàn cho Ngài bản thân ta vốn không điều khiển cũng như không thể điều khiển được, để Ngài thực hiện nơi ta điều Ngài muốn. Bởi vậy, thái độ này khiến chúng ta có thể luôn luôn tăng thêm sự từ bỏ những hiệu năng riêng mình để tạo nên dấu vết bản thân nảy sinh từ dấu vết sâu xa qua sự từ bỏ của Chúa Con dành cho Chúa Cha, và điều đó cho phép nhân đức cứu thế thấm vào nhân tính. Tình yêu là sự sống linh thiêng của Thiên Chúa Ba Ngôi.

CÂY

“Phúc thay kẻ đặt niềm tin vào Đức Chúa,
Và có Đức Chúa làm chỗ nương thân.
Người ấy như cây trồng bên Dòng nước,

Đâm rễ sâu vào mạch suối trong,
Mùa nóng có đến cũng chẳng sợ gì,
Lá trên cành vẫn cứ xanh tươi,
Gặp năm hạn hán cũng chẳng ngại,
Và không ngừng trở sinh hoa trái” (Gr 17,7-8).

Trước khi hạt giống rơi xuống từ một cây, nó rất nhỏ và hình tròn, di chuyển theo đường xoắn ốc trong không khí, được mang đi nhờ sự vui nhộn của gió trong một điệu nhảy tùy tiện cùng với các hạt khác. Nó độc lập, tự do và lông bông dưới ánh mặt trời, đầy hứa hẹn và một chút gì vô trách nhiệm, chúng ta có thể nói như vậy. Từ đây, nó bay xa, nó nhìn thấy mọi sự bên ngoài, không kết nối với bất cứ điều gì trong chúng. Rồi đến một ngày, nó phải đảm nhận trách nhiệm về đời sống mà nó mang trong mình. Nó tìm được một nơi, nơi nó phải nảy mầm. Nó chôn vùi chính mình một cách đơn điệu trong lòng đất tối tăm. Nó ẩn mình đi. Dường như đã chết rồi. Nhưng không, nó đang trải qua một sự thay hình đổi dạng, lột xác. Nó lột bỏ vỏ bọc bên ngoài vẫn bao bọc nó thời thanh xuân, và bản chất sâu thẳm của nó được tỏ ra, không ánh sáng, dễ bị tổn thương, nhưng cũng vì đó mà nó có khả năng hấp thụ dinh dưỡng từ lòng đất bồi bổ cho sự sống của mình. Dần dần nó thích ứng được với hình thức tồn tại mới của mình. Bộ rễ được nảy nở đâm vào nguồn sự sống, nó tích lũy sức mạnh từ đó, bản thân nó nảy mầm, triển nở, đồng thời ánh sáng cuốn hút nó. Một chồi non yếu ớt vươn lên về phía mặt trời để được sưởi ấm. Nó mọc những cành lá mới dễ thương. Nó không cô đơn. Nó nhìn thấy những cây non khác, là anh chị em đang triển nở quanh nó. Nó hít thở niềm vui trong cầu nguyện. Miệng nó len lỏi trong đất để hút nước trong bản chất của nó. Cành lá của nó vươn ra trong bầu trời để đón nhận mưa, hơi ẩm và ánh sáng. Nó nối kết đất và trời trong một qui trình tổng hợp ánh sáng. Bản thân nó là lời nguyện cầu của chính nó.

Nó bám một cách vững chắc trong chỗ đứng của nó. Nó uốn cong mình trước gió nhưng có thể trở lại như trước. Nó thuận theo nhịp điệu của sự chết và sự sống, theo mùa màng một năm. Nó bị toi tả trong những cơn gió mùa đông và bị suy nhược bởi cái lạnh và băng giá. Những cành mềm yếu của nó được khắc ghi hoàn toàn và che kín bầu trời. Nó tồn tại lâu dài trong giấc ngủ mùa đông, tự huỷ sự sống của mình, chờ đợi trong kiên trì.

Khi trái đất bừng tỉnh thì nhựa sống cũng chỗi dậy trong thân cây. Cây đâm ra những chiếc lá mới trở thành nơi cho chim trú ẩn. Chồi của nó xuất hiện, triển nở, đơm hoa kết trái dưới ánh mặt trời. Nó đã nhận điều nó cho đi với tất cả sự yếu đuối tầm thường, không phân biệt tốt xấu. Nó cho đi sự che chở để mọi sự được ở dưới bóng mát của nó. Khi trái của nó chín thì việc đầu tiên là sự thu hoạch chúng. Nó không giữ lại gì cho mình. Qua sự đơn sơ của bản thân, nó trở nên mềm dẻo trước những vụ mùa tàn bạo. Nó làm cho mặt đất quanh nó trở nên mạnh mẽ, ngăn cản sự xói mòn. Bản thể thuần túy nhất của nó truyền vào các hạt mà nó sản sinh ra, rồi lại bắt đầu đi vào một đời sống mạo hiểm. Nó không chống lại sự khởi đầu của một mùa thu. Nó trang điểm cho mình những sắc màu hòa nhã. Những chiếc lá rụng của nó che phủ mặt đất như thể tắm thắm đẹp lộng lẫy. Lại một lần nữa nó đi vào mùa của sự chết, một cách thầm lặng, với lòng tin tưởng, với một lời tuyên chứng cho sự kiên định trong Dòng chảy của thời gian.

CHƯƠNG 9

TRƯỜNG HỌC CHÚA THÁNH THẦN

CHÚA THÁNH THẦN TRONG TU LUẬT CHÚNG TA

“Cầu chúc toàn thể anh em được đầy tràn ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, đầy tình thương của Thiên Chúa và ơn hiệp thông của Chúa Thánh Thần” (2Cr13,13).

Sự hiệp thông (koinonia, fellowship) của Thánh Thần: là sự thân tình, tình thương và đời sống trong Thánh Thần. Chúng ta hãy đọc đoạn văn đầu tiên của Tu Luật chú ý đến vai trò của Thánh Thần:

“Để ngợi khen vinh quang Thiên Chúa, Chúa Kitô, Ngôi Lời của Chúa Cha, trong Chúa Thánh Thần, từ lúc khởi đầu đã chọn một số người, Ngài muốn dẫn họ đi vào nơi cô tịch để rồi họ được kết hợp mật thiết với Ngài trong tình yêu. Vì vâng phục một tiếng gọi như vậy mà Linh Phụ Brunô cùng 6 anh em đã đi vào sa mạc Chartreuse vào năm của Chúa chúng ta, 1084 và kiên định ở đó; dưới tác động của Chúa Thánh Thần, các ngài và những con người tiếp nối các ngài đã được trải nghiệm, dần dần các ngài đã xây dựng được một hình thức đặc biệt của đời sống ẩn tu, rồi biết bao thế hệ tiếp nối, dù không một lời viết ra mà chỉ nhờ gương lành”

(Tu Luật 0,1,1).

Nhờ Thánh Thần mà Chúa Kitô đã chọn một số người, đưa họ vào nơi cô tịch hầu kết hợp mật thiết với họ trong tình yêu. Nhờ mau mắn đáp lại tiếng gọi này mà Thánh Thần đã kêu gọi họ, Người dẫn đưa Brunô cùng với 6 anh em vào sa mạc Chartreuse. Đó là sự sinh động trong trường học của Chúa Thánh Thần và từ kinh nghiệm ấy mà họ đã xây dựng và phát triển đời sống chúng ta.

Bên cạnh đó Tu Luật (Tu Luật 0,2,1) còn trình bày về Thánh Thần như là Đấng “đã ủy thác công việc biên soạn những khoản luật đầu tiên của Dòng chúng ta cho Guigô, viện phụ thứ 5 của Chartreuse.

Trong Tu Luật, chúng ta sẽ tìm thấy “cả hình thức lẫn nội dung của sự thánh thiện đã được Thiên Chúa chuẩn bị sẵn cho mỗi người chúng ta”, những người được gọi để sống ơn gọi này, và lại, không có Thần Khí thì họ không là gì cả, bởi vì “Thần Khí mới ban sự sống và Người không cho phép chúng ta chỉ dừng lại ở chữ viết” (Tu Luật 4,35-1).

Do đó, “thực sự chúng ta không thể vâng phục mệnh lệnh của các bề trên, và tuân giữ luật một cách trung thành trừ khi được Thần Khí thúc đẩy, lúc ấy chúng ta sẽ ném cảm những gì thuộc về Thần Khí”

(Tu Luật 4.33-2).

Nhưng hàng rào của đan viện phải là đặc sủng: “bề trên...không xét đoán theo tiêu chuẩn con người, nhưng cùng với anh em lắng nghe Thần Khí trong nỗ lực chung là tìm ý Thiên Chúa” (Tu Luật 3,23,8). “Người ấy không nên hành động như thể những gì tốt bên ngoài là do mình, nhưng đúng hơn là nhờ sự vâng phục đối với Thần Khí mà người ấy phản chiếu tất cả tình yêu của Chúa Kitô” (Tu luật 3,23,19).

MỘT ƠN GỌI ĐẶC SỦNG

Các bản văn³⁰ làm cho ta ý thức về bản chất đặc sủng của ơn gọi chúng ta. Từ “charismatic” ngày nay nhắm đến mối liên hệ với một hành động đặc biệt gọi là “đặc sủng” và với những mặc khải tôn giáo

³⁰ Sẽ có nhiều điều khác nữa: sau này chúng ta sẽ nhìn thấy.

mang tính chất phi thường. Tuy nhiên, charisma là một từ Hy Lạp để chỉ ân sủng. Có thể áp dụng cho tất cả ân sủng, như là mọi quà tặng của Chúa Thánh Thần được ban tặng cho những con người đặc biệt vì lợi ích của toàn thể. Chính hơi thở của Chúa Thánh Thần làm sinh động những thành phần của thân mình Chúa Kitô, và phát sinh những hoạt động cũng như những hình thức của đời sống thể hiện sức sống của Hội Thánh để rồi từ từ xây dựng Hội Thánh.

Tinh thần đan tu, đã có từ thế kỷ thứ 4, hình thành như một hành động mang tính đặc sủng. Dù hiện hữu lâu đời song vẫn luôn là thực tại sống động cả bên Đông lẫn Tây. Nó không xuất hiện như một cấu trúc có thứ bậc của Hội Thánh nhưng trong một thể hệ có sự sống thánh thiện như một ân huệ của Chúa Thánh Thần, Đấng đã dẫn dắt dân Người, để họ từ bỏ con người thế gian của mình, hầu thực hành sự hoàn thiện Kitô Giáo trong một con đường mới và mang tính triệt để. Điều này không bao hàm sự mâu thuẫn giữa nguyên tắc cấu tạo và sự thật về thứ bậc cũng như sự tồn tại cấu trúc trong thời đại. Trái lại, các giám mục như thánh Athanasiô đã khuyến khích và ủng hộ việc thực hành này. Sau này Hội Thánh luôn quan tâm và chú trọng đến đời sống đan tu.

Tuy nhiên, chúng ta có thể đặt vấn đề nếu đây là thực tế và nếu khuynh hướng tu trì này nhanh chóng phát triển, thì không thể thừa hưởng một thói lệ đan tu làm đánh mất đi một vài yếu tố nguyên thủy và đặc sủng của nó, khía cạnh mang tính sáng tạo và hỗn loạn. Các nhà thần học cho thấy rằng không nên có sự đối lập giữa khía cạnh trật tự và cấu trúc trong Hội Thánh và khía cạnh đặc sủng của nó, trong khi, giữa thế giới thực này lại luôn tồn tại một tình trạng căng thẳng giữa chúng. Đây không phải là điều đáng buồn. Đời sống được kéo dài bằng những áp lực mang tính sáng tạo.

Dòng chúng ta hiện giờ đáng kính nhờ có một lịch sử lâu dài, nhờ những cố gắng xây dựng và thực hành có tính quy mô lớn. Chúng ta đừng quên rằng tất cả sẽ là con số không, sẽ là một cái xác không hồn nếu chúng ta không nhờ Thánh Thần Thiên Chúa thúc đẩy bằng hơi thở của Ngài. Chúng ta đừng quên yếu tố mạo hiểm và táo bạo trong cuộc phiêu lưu của các vị Linh Phụ tiên khởi của chúng ta, mở đường cho những ai đi vào sa mạc Chartreuse muốn bỏ lại sau lưng những gì xem ra bền vững trong thời gian, đời sống danh dự và chức vị để đi vào một sự chôn mình không ai biết đến, đi vào một tình thần nghèo khó triệt để, không cần biết tất cả chúng sẽ chấm dứt ra sao.

Sự mạo hiểm và ẩn mình thiêng liêng cũng là thật đối với chúng ta, nhưng khía cạnh quý trọng và sự kiên định của luật Dòng quy hướng hoàn toàn vào sự dấu mình. Chúng ta đừng bao giờ quên tình trạng giới hạn của sa mạc, sự mất mát hoàn toàn mà đó là yêu sách của sa mạc, và một mình chúng ta kết hợp mật thiết với một mình Thiên Chúa, nhờ đó chúng ta có khả năng sống trong chiều kích sâu thẳm của tâm hồn chúng ta. Ôn gọi cá nhân chúng ta không thể bị giảm thiểu trước một thực tại xã hội có trước. Dù đôi khi có sự đan xen vào thực tại đó. Mỗi một người chúng ta cần lắng nghe Thánh Thần trong lòng mình và trung thành bước theo ân sủng của Người. Về phần Hội Thánh, mỗi một người chúng ta, có thể có một sức ép phát sinh - thế nhưng, đôi lúc sẽ là một sự bất hạnh - giữa ân sủng của chúng ta, đặc sủng của chúng ta, và việc lồng vào đó một truyền thống có trước của chúng ta. Chúng ta hãy tin cậy vào Thần Khí Chúa Kitô, Đấng hoạt động trong mọi hoàn cảnh. Sự thật chắc chắn sẽ được xác định trong sự giao thoa năng động giữa hình thức và tinh thần, giữa sự tiếp thu truyền thống trong quá khứ và sự thúc đẩy táo bạo hướng về tương lai. Nếu không có sức ép này thì hẳn không thể có đời sống.

GAJ DIỆU THIÊNG LIÊNG

Chúa Kitô là đường dẫn tới Chúa Cha. Chúng ta cần phải theo Người. Chúng ta muốn theo Người. Nhưng chúng ta giống như những người không biết âm nhạc để có thể nghe một bản nhạc giao hưởng cổ điển vĩ đại. Dầu sao chúng ta vẫn cảm thấy thích thú. Và dù cho tới bây giờ chúng ta không còn được nghe nữa nhưng các hợp âm ấy vẫn hòa âm trong chúng ta. Một khát vọng làm đẹp cứ quấy lầy chúng ta. Sẽ không có gì ngoài một sự tưởng tượng thoáng qua: chúng ta không biết sáng tác bởi lẽ quy luật âm nhạc vẫn còn là bí ẩn đối với chúng ta. Và dầu cho chúng ta có học được những quy luật hòa âm, thì chúng ta vẫn sẽ khám phá ra mình không phải là những nhạc sĩ; bởi lẽ chúng ta thiếu đi tính nhạy cảm trước nét đẹp của âm thanh và sự cảm âm khả dĩ làm nên nhạc sĩ.

Vì vậy chúng ta được tham dự vào giai điệu vô biên là Đức Kitô. Người phán: “Hãy theo Ta”, “hãy yêu thương như Thầy đã yêu”. Chúng ta muốn có Chúa là tất cả. Chúng ta đã bỏ mọi sự (ít nhất là thiện chí). Nhưng chúng ta không phải là Chúa. Chúng ta không có khiếu trở thành “nhạc sĩ”. Chúng ta chỉ là những tội nhân khốn cùng, là những người yếu đuối nhất trong những người yếu đuối. Và lại, những con người mạnh mẽ nhất cũng không thể đáp ứng được đòi hỏi: “nên hoàn thiện như Cha trên trời là Đấng hoàn thiện” (Mt5,48). Chúa mời gọi chúng ta thông dự vào thiên tính của Người (2Pr1,4), để được kết hợp mật thiết với Ba Ngôi Chí Thánh. Đó là một nỗi niềm trong bản thể con người. Chúng ta không bao giờ được phép kiêu ngạo, bất cứ loài thụ tạo nào, ngay cả các thiên thần là loài cao trọng nhất.

QUÀ TẶNG CỦA THÁNH THẦN

Nhưng đúng hơn vì Chúa biết rằng Ngài ban cho chúng ta phần thưởng đặc biệt của Thần Khí riêng của Ngài. Ngài ký thác công việc thánh hóa chúng ta cho Thánh Thần vì đó hoàn toàn là công việc của tình yêu. Ai có thể làm điều này tốt hơn Đấng phát sinh tình yêu bất diệt hằng kết hợp với Chúa Cha? Bởi đó, nhờ tác động của Thánh Thần, chúng ta được nên con Thiên Chúa, đồng thừa kế với Chúa Con, chúng ta đi vào cuộc trao đổi lớn về tri thức và tình yêu khả dĩ sinh động hóa những con người thuộc về Ba Ngôi Chí Thánh, là sự sống mật thiết với Thiên Chúa, là thực tại nền tảng của hữu thể. Để đạt đến mục tiêu này phải nhờ đến sự thánh hóa của ân sủng khả dĩ giúp chúng ta đạt tới một mức độ hữu thể thiêng liêng trong những chiều kích sâu xa của lòng chúng ta. Qua các nhân đức đối thần: tin, cậy, mến đã được thông ban cho chúng ta khi chịu phép rửa, chúng ta có khả năng thực sự để biết Thiên Chúa, nhận biết Thiên Chúa (dù là mờ mờ trong cuộc đời này), và để yêu mến Thiên Chúa bằng tình yêu mà Ngài đã yêu chúng ta. Chúng ta hãy cố gắng hiểu rằng đây là một vấn nạn không thuộc về cái gì là thể phẩm hay giả tạo nhưng thuộc về tri thức và tình yêu thiêng liêng. Tri thức và tình yêu này là một và duy nhất. Cuối cùng Thiên Chúa, Đấng thấu suốt và yêu mến Ngài nơi chúng ta; có thể nói, Thiên Chúa sống sự sống của riêng Ngài trong chúng ta. Và dù sao chính chúng ta cũng đã cảm nếm sự sống này rồi. Đây là phần thưởng không thể tin được mà Thiên Chúa ban tặng chúng ta. Tuy nhiên, phần thưởng này được đón nhận trong nhân tính của chúng ta, nhân tính này đã bị giới hạn và bị tổn thương do tội lỗi (2Cr 4,7). Chúng ta như những người con đưa đôi tay lên cao trong tác phẩm Tổng Luận của thánh Thomas Aquinô. Chúng ta chỉ biết đặt tên cho chữ viết hoặc đa phần là đọc từ ngữ. nỗ lực của chúng ta để sống đời sống thiêng liêng chỉ được sáng tỏ nhờ ánh sáng mờ mờ của đức tin (quá lớn lao dù hãy còn ẩn tàng bởi tính siêu nhiên của nó) và nhờ lý trí bất toàn. Và hơn nữa vì bản tính bị thương tổn của chúng ta vẫn còn, nó làm mù tâm trí chúng ta và đẩy chúng ta vào hàng ngàn cạm bẫy giữa ý chí và hành động chúng ta. Cuối cùng, chỉ một mình Thiên Chúa mới cao cả như Ngài hằng có.

Chỉ có Thánh Thần mới có khả năng chữa lành chúng ta và làm cho chúng ta sống sung mãn trong ân sủng mà chúng ta đã nhận được. Điều này không chỉ có ở trên thiên đàng mà còn có ở đây và ngay bây giờ. Chúng ta là con cái Thiên Chúa. Chúng ta muốn và chúng ta phải sống như con cái Thiên Chúa. Phải chăng đời sống hoàn thiện của chúng ta là một sự triển nở trường kỳ trong đời sống thiêng liêng? Một cuộc sáng tạo mới nhưng nó sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự cộng tác của chúng ta?

Vậy, đây sẽ là một vở kịch. Một mặt tự do giới hạn của chúng ta, tinh thần hỗn loạn của chúng ta sẽ bị làm cho điếc bởi sự ồn ào của giác quan và của thế gian. Mặt khác, đời sống phi thường mà chúng ta đang có nơi mình, là sự sống thiêng liêng, sự sống đời đời được Thánh Thần sinh động hóa, Thánh Thần không phải là cái gì đó thuộc về chúng ta một cách tiêu cực. Ngài là tình yêu, là sự sống, là ánh sáng, bởi vì Ngài là Thiên Chúa. Nơi chúng ta, Ngài chính là nguồn mạch của tình yêu và ánh sáng. Ngài không chỉ ban cho chúng ta để chúng ta thông dự vào bản tính thiêng liêng trong nhận thức phong phú của bản thể phi thường nhưng Ngài còn hoạt động thường xuyên trong chúng ta bằng cách thúc đẩy ý chí và khai sáng trí khôn, giúp chúng ta sống theo con người thật của mình. “Quả vậy, phàm ai được Thần Khí Thiên Chúa hướng dẫn, đều là con cái Thiên Chúa” (Rm8,14).

PHỤC TÙNG THẦN KHÍ

Đây là câu trả lời: hãy để Thần Khí dẫn dắt chúng ta (Gl 5,16), hãy để cho Thần Khí biến đổi chúng ta nên giống hình ảnh Chúa Kitô (2Cr 3,18), hãy sống theo Thần Khí một cách tự nguyện (Gl 5,25). Chúng ta có thể làm cản trở hoạt động của Thần Khí, làm phiền lòng Thánh Thần (Ep 4,30). Thần Khí không hành động như một bạo chúa. Ngài cũng không xử sự như một cái máy. Hoạt động của Người sâu thẳm mà kín đáo. Người mời gọi chứ không áp đặt. Người không lấy đi tự do của chúng ta, nhưng Người làm cho chúng ta được tự do.

Ở đây chúng ta thấy việc tuân phục Thánh Thần là hết sức quan trọng nhưng cũng là điều khó. Sự tuân phục có khả năng làm cho chúng ta đi vào một cấp độ mới của thực tại. Ngài không ép buộc. Việc học hỏi sẽ tiệm tiến ở một mức độ sâu xa liên li trong sự lắng nghe, đón nhận và đáp trả của chúng ta. Với phần thưởng của ân sủng thánh hóa để giúp chúng ta, chúng ta đã nhận được một nhận thức mới như phần thiết yếu của hành trang giúp chúng ta sống đời sống con cái Thiên Chúa: một cảm nghiệm trước hoạt động của Thánh Thần. Miễn là một họa sĩ, người có một cảm nhận đặc biệt đối với vẻ đẹp của con mắt dễ tiếp thu hình thức đẹp này một cách đặc biệt, cũng như con cái Thiên Chúa có một nhận thức, một sự tiếp thu đặc biệt đối với những tác động và ánh sáng của Thánh Thần.

Có tất cả các loại sóng điện từ chuyển động trong môi trường xung quanh chúng ta. Chúng ta không thấy được bởi vì chúng ta không có một cơ sở nào để phát hiện ra chúng. Chúng ta cần một chiếc máy nghe hay một chiếc máy vô tuyến truyền hình để xem các bước sóng này và để đón nhận những thông điệp mà chúng gửi tới. Cũng vậy, chúng ta cần hành trang đặc biệt để nhận ra tác động của Thần Khí, một đôi tai có khả năng nghe được bản nhạc đặc biệt. Các Linh Phụ nói về những cánh buồm của con thuyền nhỏ là linh hồn, khả dĩ làm cho nó bắt gặp được làn gió thổi lướt nhẹ của Thần Khí. Mọi hình ảnh ví von đều không thể diễn tả hết được. Không nên quá cụ thể hóa các thực tại này bởi chúng quá tinh tế và huyền nhiệm.

Các nhân đức con người là những khuynh hướng do tập thành hầu làm cho con người tuân phục đối với tiếng nói của lý trí. Có nhiều khuynh hướng tập thành làm cho chúng ta tuân phục Thánh Thần. Chúng có đó trong linh hồn chúng ta bởi lẽ chúng không do nỗ lực. Chúng được ban tặng cho chúng ta

qua Thần Khí, nhờ Thần Khí, chỉ khi nào Thần Khí được ban tặng cho chúng ta. Và do đó, chúng được gọi là phần thưởng của Thần Khí.

Chúng quy về nhiều hoạt động đặc trưng nhất của Thần Khí: khôn ngoan, minh mẫn, khéo léo, dũng mãnh, hiểu biết, đạo đức, kính sợ Đức Chúa (Is 11,2-3). Nhờ hoạt động của Người mà Thánh Thần sinh ra trong chúng ta những thuộc tính giống như Chúa Giêsu đã phác thảo một hình mẫu mang tính vĩ mô trong Tám Mối Phúc: tinh thần nghèo khó, đói khát sự công chính, hiền lành, thương xót, khóc lóc, tâm lòng trong sạch, bình an - đây là khuôn mặt của Chúa Kitô, của Tình Yêu một cách cụ thể.

Những gì liệt kê trên không phải là một tổng thể. Chúng chỉ nhắm đến những đặc tính quen thuộc chắc chắn của một yếu tố cần thiết có thể bày tỏ mình một cách khác biệt mà bền vững (hay ít là một cách chi tiết). Cũng với những nét đặc trưng chắc chắn ấy, một phần thưởng sẽ được trao ban có thể lúc này hay bất kỳ lúc nào. Thần Khí tác động trong một người sống đời hoạt động cũng một cách thức như tác động trong một người sống đời chiêm niệm và ngược lại một người sống đời hoạt động không được ơn Thần Khí thì cũng như một người sống đời chiêm niệm không được ơn Thần Khí vậy.

Điều gì là thiết yếu để mỗi người nghe theo tác động riêng mà Thần Khí đang hoạt động trong họ. Các hợp âm đang hòa âm trong họ nhờ sự tiếp xúc với Thần Khí khả dĩ nghe được một nội dung mà nội dung ấy sẽ thành yếu tố quan trọng trong sự hòa âm của giai điệu Thân Mình Chúa Kitô toàn thể. Nhưng chỉ có Thần Khí mới biết bản nhạc đó là gì, bởi chính Ngài là tác giả. Chắc chắn nếu chúng ta lắng nghe thì chúng ta có thể nhận thức được vẻ đẹp của nó trong một mức độ chính xác và chúng ta sẽ vui mừng trong sự hòa âm tuyệt đối của nó. Nhưng điều cần thiết đối với chúng ta là hãy làm tất cả những gì chúng ta có thể để tập trung tốt vào giai điệu nhờ đó chúng ta có thể hát được nội dung của riêng chúng ta chứ không phải của người khác.



CHƯƠNG 10

VỊ THẦY THIÊNG LIÊNG

ĐỜI SỐNG THIÊNG LIÊNG

Đời sống thiêng liêng là gì? Đời sống thiêng liêng không nguyên chỉ thuộc phạm trù tinh thần. Đó là đời sống của Chúa Thánh Thần được cụ thể hoá trong đời sống của một người, với tất cả tư cách con người của anh hay chị {vì “thân xác bởi Thiên Chúa” (1 Cr 6,13)}. Chúng ta là những con người thần thiêng với việc Kitô hóa nhờ lời nói của đức khôn ngoan, cùng với mức độ chúng ta sống theo Thần Khí và để Ngài sống trong ta. “Ai không có Thần Khí của Đức Kitô, thì không thuộc về Đức Kitô” (Rm 8,9). Tôi xin nhắc lại rằng chúng ta sẽ như thế nào còn tùy theo mức độ chúng ta sống trong Chúa Thánh Thần. Thánh Thần có khả năng làm cho chúng ta sống sự sống của Thiên Chúa. Thiên Chúa là thực tại: thực tại duy nhất chân thật và trọn vẹn. Làm sao có được một đời sống thiêng liêng không bị giới hạn bởi cái nhìn của ta về một phần của thực tại. Cần mở rộng tầm nhìn để nắm bắt toàn bộ thực tại ở mọi khía cạnh của nó.

Thường thì chúng ta hay có cái nhìn thiên cận. Chúng ta vẫn còn sống ở vị trí nông cạn nhất trong con người ta. Chúng ta hành động như thể chỉ duy cuộc đời ta mới ở trong tình trạng thức tỉnh. Bằng chứng là chúng ta làm cho đời sống mình ngày một phong phú hơn qua việc tạo nên một khái niệm với những thói quen cố hữu, chúng ta loại bỏ những gì không xác định được cả số lượng lẫn nội dung bằng việc duy lý hoá. Trong thực tế của nhân loại thuộc nhiều nền văn minh khác nhau cho ta thấy vô số lịch sử, hành động, hàng ngàn sự khôn ngoan. Để lấy một ví dụ³¹, không phải là quan trọng nhất nhưng là một ví dụ mà ngày hôm nay đang thịnh hành. Chiều sâu tâm lý cho chúng ta biết, chúng ta cũng có trong bản thân mình một đời sống ý thức và vô thức, phổ quát hơn và mạnh mẽ hơn như đời sống ý thức vậy. Cấu trúc luật lệ và sự logic của nó hoàn toàn khác với những điều liên quan đến đời sống ý thức. Tương tự cũng có một đời sống thiêng liêng trong ta. Một tư tưởng³², không tạo ra mức độ khác bên trong đời sống vô thức nhưng phải bao gồm toàn bộ hữu thể con người, ý thức cũng như vô thức. Nó phổ quát hơn mỗi ngày trong đời sống nhân loại và nó mở ra khung trời mệnh mông của đời sống thiêng liêng. Có quá nhiều cấu trúc và luật lệ, rất huyền bí đối với chúng ta. Tuy nhiên, kinh nghiệm của những người có đời sống thiêng liêng trải qua nhiều thế kỷ đã để lại một nhận thức sâu xa về những mối dây ràng buộc của đời sống này. Và trên hết, thần khí Chúa Kitô là đường đi của chúng ta và nó hé mở cho ta một vài tia sáng.

Đời sống thiêng liêng phải là môi trường bầm sinh của đời đan sĩ - của mọi người, về vấn đề đó, vì nó không gì khác chính là môi trường đức tin. Đời sống này phải đưa chúng ta tới một nơi thật xa, nơi mà chúng ta đặt lên hàng đầu theo quy luật vĩnh cửu: những phán đoán này phải được thực hiện trong ánh sáng của Thánh Thần. Có thể nói, đây là sự hợp lý của Thánh Thần, sự hợp lý của tình yêu đã hướng dẫn các thánh và đôi khi làm cho họ phải bận tâm về chúng ta, bởi chúng ta quá hay xét đoán theo tiêu chuẩn của cái nhìn thiên cận và độc đoán.

SỰ ĐIÊN RỒ CỦA ĐỨC TIN

Đôi mắt chúng ta nhận được hình ảnh của sự vật bị đảo lộn: ví như trần nhà ở dưới còn sàn nhà ở trên. Nhờ một phép tính xa hơn mà hình ảnh được đặt đúng và vì đó mà chúng ta nhìn thấy trần nhà ở trên, sàn nhà ở dưới. Cũng vậy, đức tin đảo ngược hình ảnh thực tại xảy ra trước mắt chúng ta. “Vì nghèo thì có phúc. Cái chết là cửa ngõ đi vào sự sống. Liều mất mạng sống mình vì người yêu thì sẽ tìm lại được”. Chúng ta cần tỉnh thức phân định liên li, nếu không chúng ta vẫn nhìn thấy sàn nhà ở trên và trần nhà lại ở dưới. Chúng ta bị đánh lừa bởi cả một thế giới vô tín ngưỡng và duy vật hay chỉ biết quy ngã. “Vì cái điên rồ của Thiên Chúa còn hơn cái khôn ngoan của loài người, và cái yếu đuối của Thiên Chúa còn hơn cái mạnh mẽ của loài người” (1Cr 1,25). Thánh Phaolô quả quyết: “Chúng tôi điên dại vì Đức Kitô” (1Cr 4,10). Chúng ta hãy trở nên điên với người điên (1Cr 3,18). Tất cả sự khôn ngoan của chúng ta được đặt nền tảng trên sự điên dại của thập giá, nó lật đổ sự khôn ngoan của người phàm (1Cr 1 và 2). Có lẽ chúng ta quá đề cao sự khôn ngoan tự nhiên trong đời sống chúng ta. Chúng ta quên rằng cần phải trở thành người điên thì mới có thể ôm ấp sự khôn ngoan! “Thầy đến ném lửa vào mặt đất” (Lc12,49).

³¹ Những cuộc thử nghiệm mới có một cái gì đó chưa chín muồi, dựa trên những kỹ thuật và những phương được tâm sinh lý hay lý trí ít nhất đã có lợi thế chứng tỏ sự hiện hữu các hình thức ý thức khác, được giữ kín nơi đa số người nhưng chúng vẫn sẵn sàng được thức tỉnh do nhiều tác nhân kích thích đúng lúc.

³² Ngay cả ở cấp độ tâm lý tự nhiên, thì hình ảnh này cũng là một sự đơn giản hoá hữu ích của một thực tại cực kỳ phức tạp.

THÁNH THẦN HƯỚNG DẪN

Hãy nhớ rằng Thánh Thần đã “thúc đẩy” Chúa Kitô vào hoang địa (Mc 1,12) “và Thánh Thần dẫn Người đi vào hoang địa 40 ngày, chịu quỷ cám dỗ” (Lc 4,1-2). Các khoản Tu Luật cho chúng ta hay rằng, nhờ khí cụ thiêng liêng mà Ngài đã chiến thắng ma quỷ và chước cám dỗ của nó (Tu Luật 0,2,10). Không thể có con đường khác cho chúng ta, những người theo Chúa. Cách sử dụng thử thách trong nơi cô tịch là công việc của Chúa Thánh Thần, thế nên chỉ nhờ khí giới của Thánh Thần chúng ta mới thắng được các chước cám dỗ nơi sa mạc (x.Ep 6,10-17).

Chắc chắn khôn ngoan tự nhiên thì không đủ để sống ơn gọi đan tu từ đầu đến cuối. Chỉ có ánh sáng Chúa Thánh Thần mới có thể làm cho đức tin sắc bén đủ. Chỉ có Thánh Thần tình yêu mới có thể làm cho chúng ta nhạy cảm trước sự cuốn hút của Thiên Chúa và ban sức mạnh cần thiết cho tình yêu của chúng ta đồng thời làm tăng cường một cách hiệu quả việc dâng hiến mọi sự cho Chúa Kitô để rồi theo Người đi vào sa mạc.

VỊ THẦY THIÊNG LIÊNG

“Sống trong trường học của Chúa Thánh Thần” là nền tảng nhờ đó các đáng tổ phụ dần dần đã khám phá ra hình thức của đời sống chúng ta. Vì “trường học” thì ghi dấu ấn của “thầy dạy”. Chúng ta nhắc nhớ về sự cần thiết của việc được Thánh Thần hướng dẫn - một mình Thiên Chúa biết nơi Ngài sẽ dẫn chúng ta tới để sống và cảm nếm những gì thuộc về Thánh Thần (Tu Luật 4,33,2). Trong bản văn của thánh Phaolô gửi tín hữu Roma 8,5, ngài trình bày: “Những ai sống theo Thần Khí thì hướng về những gì thuộc Thần Khí”. Nhưng đó là bản văn có lẽ gây cảm hứng cho các tác giả bộ luật thánh: sự sống thiêng liêng. Họ nếm được những gì là thiêng liêng. Nó diễn tả một sự liên kết chặt chẽ, một khả năng bẩm sinh của sự thống nhất hoàn toàn trong bản chất người, một con người thật sự trong nội tại với những gì thuộc về Thánh Thần, mô tả con người thiêng liêng, được hướng dẫn, được dạy dỗ bởi Chúa Thánh Thần.

Một hoa trái chắc chắn thuộc về đời sống thiêng liêng, thuộc về những gì xuất phát từ Thiên Chúa qua Chúa Thánh Thần ấy là kinh nghiệm trực tiếp được cảm nếm. Vị thầy này không dùng lời nói bên ngoài để dạy dỗ. Người nghĩ trong chúng ta (2Tm 1,14); trong đền thờ của thân xác chúng ta (1Cr 6,19), trong lòng chúng ta (Gl 4,6).

Từ đó Người dẫn chúng ta tới sự thật toàn vẹn (Ga 16,13), Người dẫn lối đưa đường, điều khiển, soi sáng và làm cho chúng ta cháy lửa yêu mến Người (Rm 5,5). “Phần anh em, anh em nhận được dầu, do từ Đấng Thánh, và tất cả anh em đều được ơn hiểu biết” (1Ga 2,20).

Chúng ta vào Dòng Chartreuse là để tìm kiếm Thiên Chúa, nhưng chỉ có Thánh Thần mới có thể mạc khải cho chúng ta “những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa” (1Cr 2,10). Vì Thánh Thần đã mạc khải sự khôn ngoan nhiệm mầu và ẩn kín nơi Thiên Chúa mà thánh Phaolô hứa hẹn cho những tín hữu trưởng thành, sự khôn ngoan hoàn toàn khác với sự khôn ngoan của thế gian.

Phần chúng ta, chúng ta đã không lãnh nhận thần trí của thế gian, nhưng là thần khí phát xuất từ Thiên Chúa, để nhận biết những ân huệ Thiên Chúa đã ban cho chúng ta, để nói về những điều đó, chúng tôi không dùng những lời lẽ đã học được nơi trí khôn ngoan của loài người, nhưng dùng những lời lẽ đã học được nơi thần khí; chúng tôi dùng những lời lẽ thần khí linh hứng để diễn tả thực tại thuộc về thần khí. Con người sống theo tính tự nhiên thì không đón nhận những gì của thần khí Thiên Chúa, vì cho đó là sự điên rồ; họ không thể biết được, bởi vì phải nhờ thần khí mới có thể xét đoán. Nhưng con người sống theo thần khí thì xét đoán được mọi sự, mà chẳng có ai xét đoán được người đó. Thật vậy,

“ai đã biết tư tưởng của Chúa, để chỉ vẽ cho Người? Còn chúng tôi, chúng tôi biết được tư tưởng của Đức Kitô” (1Cr 2,12-16).

Sự khôn ngoan của Thiên Chúa, tư tưởng của Đức Kitô - chính là Thánh Thần, Đấng là nguồn của các điều ấy. Chúng ta hãy nhìn lại mình một cách thành thật xem: Thần khí nào đang thúc đẩy chúng ta trong các hành động, chọn lựa, phán đoán và ước muốn? Thần khí của Chúa Kitô? Hay của những gì hư ảo, tính tự cao tự đại, tự ái, giận dữ, ấu trĩ; theo kiểu nói của thánh Phaolô là bởi xác thịt?

THINH LẶNG

Chúng ta tìm thấy trong các đoạn luật lời giáo huấn khôn ngoan và thực tế giúp chúng ta hướng về một đời sống được dẫn dắt bởi Chúa Thánh Thần. Chúng làm nổi bật tầm quan trọng của thính lặng.

Trước hết, là sự thính lặng ngoại tại. Chúng ta phải giữ gìn nó với mục đích dâng hiến cho Chúa Thánh Thần, Đấng hằng cư ngụ trong chúng ta - trong chính chúng ta và trong tha nhân. “Trò chuyện kéo dài vô ích thì hay làm phiền lòng Thánh Thần” (Tu Luật 2,14,4).

Nhưng quan trọng hơn vẫn là thính lặng nội tại. Chuẩn mực cho phán đoán chính là lắng nghe Thần Khí chứ không phải kiến thức thể tục. “Do đó, mỗi người hãy lắng nghe Thần Khí và xác tín hơn về điều mình nhận lãnh vào lòng, đồng thời không ước muốn gì hơn là được đàm đạo với Thiên Chúa trong đời sống nội tâm” (Tu Luật 1,6,6). Đây là một ví dụ về thái độ chăm chú lắng nghe, một thái độ của tinh thần dễ cảm thụ, mềm dẻo và linh động nội tâm dưới tác động của Vị Thầy thiêng liêng; Đấng đã đặt mọi sự qua một bên để có thể ẩn dấu tiếng nói của mình.

“Một người sống lâu trong lều, người ấy sẽ vui lòng sống như thế hơn nếu người ấy cầm giữ được mình một cách ích lợi trong sự tuân phục, đọc sách, viết lách, hát thánh vịnh, cầu nguyện, suy gẫm, chiêm ngưỡng và làm việc. Hãy để người ấy thực hành phương thế đó mọi lúc tới khi nào con tim có thể nghe được tiếng thính lặng, hầu Thiên Chúa có thể ngự vào lòng họ qua nhiều hướng” (Tu Luật 1,4,2).

Tất cả đạo lý của việc giữ lòng mình bao gồm ở đó. Điều này hết sức quan trọng để có thể tiến bước trên hành trình dài. Sự thính lặng của chúng ta không phải là cái gì tiêu cực nhưng là một hình thức chăm chú, một sự dễ cảm thụ trong tinh thần lạc quan. Điều này có thể so sánh một cách đúng đắn với nhân vật Maria ở Bêtanìa ngồi dưới chân Chúa Giêsu, dành tất cả sự chăm chú đối với lời Ngài. Trong thính lặng, đan sĩ mở lòng mình ra cho Lời Chúa qua việc đọc sách thiêng liêng (lectio divina), cầu nguyện, cái nhìn đơn sơ của đức tin tiếp nhận Chúa trong tất cả thụ tạo của Người.

Sẽ là bất thành³³ nếu một đời sống cầu nguyện mà không có sự thính lặng nội tâm. Sự thính lặng này làm cho chúng ta có khả năng hoàn toàn quên đi cuộc đàm đạo bên trong chúng ta, quên đi những mẫu mực lý tưởng và cả chính mình nữa, để có thể đi vào trong sự thính lặng của Thiên Chúa, Đấng là sự sống, ánh sáng và tình yêu hoàn hảo, nơi đó một lời độc nhất được thốt ra trong tình yêu, lời dẫn chúng ta tới ánh sáng bất khả tiếp cận của Chúa cha.

³³ Trong lãnh vực lý trí, có hai hình thức chủ yếu mâu thuẫn với ánh sáng Thần Khí: thứ nhất gắn bó thái quá với sự hiểu biết duy lý; lúc nào cũng duy lý, hoài nghi kết quả của mọi thứ ánh sáng không thuần lý; kiểu ngạo và tự mãn thuộc trí; thứ hai là sự hời hợt hoặc thiếu tập trung vào những thực tại thiêng liêng. Cả hai đều có thể tìm thấy trong hình thức ẩn mình của Chartreuse.

THÁNH THẦN ĐƯA CHÚNG TA VỀ ĐÂU?

“Người nào tiếp tục kiên định trong lều của mình và đặt bản thân trong khuôn khổ ấy thì dần dần sẽ tìm thấy được đời sống hoàn hảo của mình theo hướng trở thành con người cầu nguyện liên li... được thanh luyện trong đêm tối kiên nhẫn, được an ủi và nâng đỡ nhờ sự chuyên chăm suy niệm Thánh Kinh, được thúc đẩy bởi Chúa Thánh Thần trong sâu thẳm linh hồn mình, bấy giờ người ấy sẵn sàng, không chỉ để phục vụ Thiên Chúa, mà còn kết hợp với Người trong tình yêu” (1,3,2).

Lều huấn luyện chúng ta không phải là lều vật chất nhưng đúng hơn nó tạo nên một không gian cô tịch và thính lặng cho phép ta lắng nghe Thánh Thần và để cho Ngài dạy dỗ. Hệ luận của việc dạy dỗ này quan trọng bậc nhất trong việc cầu nguyện liên li đến nỗi các vị tổ phụ sa mạc đã phân ra như sau: một sự chăm chú triền miên vào Thiên Chúa và một sự biến đổi không ngừng của con tim hướng về Ngài.

Chúng ta biết rằng việc cầu nguyện vượt ra ngoài khả năng chúng ta. Trong thực tại sâu thẳm nhất vì nó là một tiếng rên xiết khôn tả của Thánh Thần ngay trong chúng ta mà chỉ một mình Thiên Chúa chân thật mới hiểu được (Rm 8, 26). Chúng ta chắc chắn rằng cầu nguyện là quà tặng của Thánh Thần. Không ai có thể nói Giêsu là Chúa ngoài Thánh Thần. Đây thật sự là mức độ cao nhất của lời cầu nguyện thanh khiết mà Tu Luật nói tới. Sự cầu nguyện này là hoa trái hoàn hảo nhất của đức tin và đức ái, đồng thời nó dẫn chúng ta tới sự kết hợp mật thiết nhất với Thiên Chúa ngay ở đời này.

Cụm từ cuối cùng trong đoạn trích nói lên thực tại huyền bí này khi nó quảng diễn hoa trái của tác động Thần Khí như là khả năng “không chỉ để phục vụ Thiên Chúa mà còn kết hợp với Người”. Trong tư tưởng của William Thierry³⁴, chúng ta tìm thấy lời ca ngợi tán dương này, đó là một vấn đề chiêm ngưỡng hòa điệu giống như sự vươn lên của một người hệ tại ở chỗ được nên một tinh thần với Chúa (1Cr 6, 17). Nó nói cho chúng ta biết một cái gì đó về hành trình thiêng liêng: nhờ ân sủng của Chúa Thánh Thần, đan sĩ được đưa vào sâu trong lòng mình, nơi ấy họ ở lại một mình với Thiên Chúa để gặp gỡ Ngài. Con đường dẫn tới Thiên Chúa thông qua một kinh nghiệm thâm thúy và một sự biến đổi cá nhân. Chúng ta biết rằng lòng ở đây có nghĩa là trung tâm của sự hợp nhất mọi năng lực riêng của con người.

Nguồn của tất cả sức sống con người cũng như thần thiêng. Là nơi diễn ra một cuộc chiến thiêng liêng. Để đi vào chiều sâu cõi lòng, nghĩa là con đường xuyên qua ý thức được giải thoát khỏi các ngẫu tượng của nó, lột bỏ các lớp vỏ tê liệt của sự vị kỷ, tính kiêu căng và hư ảo, để rồi hạ mình xuống tới chỗ cốt lõi của bản thể nó trong sự khiêm hạ, sự thật và sau cùng là tình yêu, để có thể tìm thấy nơi ở của Thiên Chúa; nơi phát sinh mạch nước thuần khiết của tình yêu sáng tạo Thiên Chúa.

“Ở đây, trong cô tịch và thính lặng, đã thành thói quen nhờ con mắt đó, bởi cái nhìn trong sáng mà vợ chồng bắt gặp được tình yêu; con mắt đó nhìn Thiên Chúa cách thanh khiết và trong sạch... Ở đây Thiên Chúa thưởng công cho những vận động viên hằng khao khát mong đợi phần thưởng: Bình an mà thế gian không hề nhận biết, cùng với niềm vui trong Chúa Thánh Thần” (Tu Luật 1,6,16). Niềm vui của tình yêu này “được đổ vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta” (Rm 5,5). Như thế, với sự trợ giúp của Thiên Chúa, chúng ta có thể đạt tới tình yêu tuyệt đối - đó là mục đích trong lời khấn của chúng ta và toàn bộ đời sống đan tu - và nhờ đó chúng ta đạt được hạnh phúc vĩnh cửu (Tu Luật 0,1,4).

³⁴ William Thierry “Lá Thư Mục Tử Quý Giá”, 16: “chính vì để người khác phụng sự Thiên Chúa, chính vì để bạn trung thành với Ngài, vì để người khác tin tưởng vào Thiên Chúa, biết Người, yêu Người và tôn thờ Người; chính vì muốn bạn nếm hưởng Người, hiểu Người, là người thân thuộc của Người, vui hưởng Người. Đây không phải là vấn đề đơn giản, cũng không phải là mục tiêu dễ dàng”. Theodore Berkeley Osco dịch (Kalama Zoo: Nhà Xuất Bản Xitô, 1976). P.

PHỤ LỤC:

LỜI VÀNG CỦA WILLIAM THIERRY³⁵

Về phần khao khát nền tảng, trước tiên là đối tượng khao khát được quan tâm, kể đến là phạm vi của lòng khao khát và cách thức khao khát. Nếu khao khát chính yếu của một người là Chúa thì người ấy nên xét xem mức độ mình khao khát Chúa như thế nào và bằng cách nào, cả hai việc từ bỏ mình và từ bỏ mọi sự, chúng tồn tại hoặc có thể tồn tại và điều này không chỉ phù hợp với phán đoán của lý trí mà còn là một khát vọng yêu của linh hồn, để bây giờ có một cái gì đó còn hơn cả ý chí: tình yêu, dilection, lòng nhân từ và sự hợp nhất thiêng liêng.

Vì các điều này là cấp độ của tình yêu Thiên Chúa. “Yêu” là một khuynh hướng mạnh của ý chí hướng về Thiên Chúa. “Dilection” là một sự bám rễ sâu vào Ngài hoặc một sự kết hợp với Ngài; “lòng nhân từ” là niềm vui của Ngài. Còn “sự kết hợp thiêng liêng” với Thiên Chúa, đối với người nào biết nâng lòng mình lên thì sự hoàn hảo của ý chí hệ tại ở việc hướng lòng lên Thiên Chúa: Không chỉ làm cho linh hồn muốn điều Chúa muốn mà còn khao khát yêu, ta có thể nói, sự hoàn hảo của lòng khao khát đối với linh hồn đó là không thể muốn bất cứ sự gì ngoài điều Thiên Chúa muốn.

Nên giống Thiên Chúa là tất cả sự hoàn thiện của các thánh. Khước từ nên hoàn thiện cũng là tội. Do đó, ý chí nên hoàn thiện phải luôn được nuôi dưỡng từ việc phát triển những dự phóng và tình thương. Ý chí không bị tiêu hao đây đó trên những vật thể ngoại tại, bởi tình yêu thắng vượt sự chết. Chỉ vì mục đích này mà chúng ta được dựng nên, chúng ta hãy sống và nên giống Thiên Chúa; vì chúng ta là hình ảnh của Ngài.

Tuy nhiên, có một hình thức giống Thiên Chúa mà con người đánh mất. Nó giống đến mức như một hữu thể sống động... nhưng có một hình thức giống khác đó là con người tiến lại gần Thiên Chúa hơn, đến mức nó được tự do khao khát và hệ tại ở nhân đức. Nó diễn ra khi thần trí rực cháy lên theo gương Đáng tối cao nhờ nhân đức đại đồng của nó và kiên định trong sự sống thiêng liêng vĩnh cửu nhờ luôn luôn bền lòng trong điều thiện hảo.

Ngoài ra, vẫn còn có một hình thức khác nữa, bao trùm hình ảnh giống đến nỗi nó không chỉ được gọi là một hình thức giống nữa mà còn nên một tinh thần. Nó làm cho con người nên một với Thiên Chúa, nên một thần trí, không chỉ nên một trong sự kết hợp đến từ ý muốn giống cái gì đó, vì tôi không biết quảng diễn chính xác hơn về một nhân đức không thể thực hành được như đã nói trên, mà còn ước muốn điều gì đó hơn nữa.

Được gọi là sự hợp nhất thiêng liêng không chỉ vì Thánh Thần ban cho hoặc khuynh hướng thiêng liêng của họ về sự hiệp nhất ấy mà còn vì chính hiệu năng của Thánh Thần, Đáng là tình yêu.

Sự hiệp nhất thiêng liêng xảy ra khi người ấy là tình yêu giữa Chúa Cha và Chúa Con, là sự kết hiệp, sự ngọt ngào, sự thiện hảo, nụ hôn, sự ôm ấp và còn hơn nữa mà họ có để góp chung trong sự thật duy nhất và duy nhất trong sự thật toàn vẹn, người ấy trở thành con người hướng về Thiên Chúa một cách xứng hợp, người ấy trở thành mục tiêu cho sự hướng về Chúa cha của Chúa con và sự hướng về Chúa con của Chúa Cha xuyên qua bản thể duy nhất. Linh hồn ngụp lặn trong hạnh phúc khi nó tìm thấy chỗ đứng của mình trong vòng tay và nụ hôn của Chúa Cha và Chúa Con. Trong một cách thức vượt ra ngoài sự diễn tả và suy thấu, người của Thiên Chúa tìm được xác tín của mình rằng họ không phải là

³⁵ Ibid, 256-263, một vài bản dịch lại.

Thiên Chúa nhưng ở trong Thiên Chúa, có thể nói người ấy ở trong ân sủng nhờ bản chất hằng hữu của Ngài.



CHƯƠNG 11

PHÂN ĐỊNH CÁC THẦN KHÍ

Nghệ thuật thiêng liêng bao gồm toàn bộ việc để cho Chúa Thánh Thần hướng dẫn bản thân chúng ta. Điều này đúng, vì nhờ đó chúng ta có khả năng nhận ra những hoạt động của Chúa Thánh Thần. Bởi lẽ không phải mọi thần khí đều xuất phát từ Thiên Chúa. Cho nên đòi hỏi cấp bách cần có sự phân định (1Ga 4,1). Đời sống của một đan sĩ độc thân đòi hỏi một sự khởi đầu liên li trong sự phân định. Điều này được hoàn thành trước hết nhờ sự trợ giúp của các linh phụ, đan sĩ trẻ có thể phân định các thần khí riêng một cách quân bình. Nhưng suy cho cùng thì vẫn phải nhờ tới sự suy xét của chính chúng ta.

PHÂN ĐỊNH CÁC THẦN KHÍ TRONG KINH THÁNH

Trên thực tế, con người là những chủ thể thụ động. Ở đây một phần của bản chất chúng ta được phơi bày: sinh lý, thể lý, tâm lý, tinh thần. Môi trường xã hội và gia đình là nơi chúng ta được chìm vào - có một tầm ảnh hưởng sâu rộng trên chúng ta và mặc dù không đồng tình nhưng chúng ta vẫn phải giữ lại những giá trị lớn để chính “một vài yếu tố đó” làm nên những nét gia đình và những đặc điểm mang tính họ hàng. Mỗi phút giây sống, chúng ta đều bị thu hút, kìm hãm và bị thúc ép bởi nhiều hình ảnh từ bên trong lẫn bên ngoài, tựa như sóng biển vỗ dòn vào chiếc thuyền. Chúng ta có tự do để trả lời nhưng quyết định của chúng ta luôn mang dấu ấn từ những ảnh hưởng này.

NGANG QUA CỤU ƯỚC

Những ảnh hưởng này không hoàn toàn rõ rệt. Những trang đầu của sách Sáng Thế đã cho thấy sự hiện hữu của quyền lực sự dữ, Satan, đã cám dỗ loài người chống lại lệnh truyền của Thiên Chúa (St3). Adam đã sa ngã. Tương quan giữa con người đổ vỡ. Mở ngõ cho sự thêm muốn, buông thả, xác thịt chống Thần Khí. Đời sống xã hội và chính trị, những cuộc đối đầu giữa ánh sáng và bóng tối bùng lên, trái tim con người tan nát.

Tuy nhiên Thiên Chúa cũng không để cho kẻ thù được toại nguyện. Thần Khí Thiên Chúa hằng tác động trên con người cách gián tiếp hoặc trực tiếp.

Xuyên qua Cựu Ước, tác động này thay đổi từ một ảnh hưởng ít nhiều mang tính ngoại tại (Vd: những quan án, những thủ lĩnh...) cho đến một tác động mang tính nội tâm dần dần. Niềm hy vọng căn bản nhất là Thần Khí sẽ viết lề luật của Thiên Chúa trong sâu thẳm lòng con người để hoàn tất trong tự do và viên mãn (Ga 31,33).

TIN MỪNG NHẤT LÂM

Chúa Kitô sinh bởi Đức Trinh nữ Maria nhờ Bóng Thánh Thần, là một dấu chỉ của sự nghịch lý làm sáng tỏ bí ẩn của nhiều tâm hồn. Sự hiện diện thuần khiết của Người gợi lên một sự phân định, đòi hỏi một chọn lựa.

Tác động đầu tiên của Chúa Thánh Thần đậu trên đầu Chúa Giêsu khi Ngài chịu phép rửa theo trình thuật của thánh Luca, hoặc “dẫn” Người vào sa mạc chịu ma quỷ cám dỗ trong trình thuật của Marcô.

Khởi đầu sứ vụ công khai, Chúa Giêsu phải đương đầu với kẻ thù dưới hình thức: tham ăn, danh vọng, quyền lực hầu cám dỗ Thiên Chúa. Cũng vậy, đường hướng của Thần Khí đương nhiên kết nối sự sống trong Con Thiên Chúa, phụ thuộc vào sự sáng tạo của Thiên Chúa, sự sống ấy được nuôi dưỡng nhờ sự lệ thuộc tuyệt đối này, hoàn toàn mời gọi sống nghèo khó, ẩn mình của Người, nhưng cũng phát sinh ơn cứu độ cho tất cả, đó là vai trò của Người Tôi Tớ Thiên Chúa. Tất cả công việc của Người sẽ là dẫn dắt dân Người đi tới sự nhận biết đường hướng của Thần Khí (x. Bài giảng trên núi, Mt 5) và để thực hành chọn lựa này.

Phần lớn “người Do Thái” đều không biết phân định tác động của Thần Khí ngay trong lời nói và phép lạ của Chúa Giêsu. Họ nhìn thấy tác động của Satan (Mt 12,24). Đó là tội chống lại Thánh Thần, chống lại chính ánh sáng (Mt 12,31-3).

Xét về hiệu năng thì những dấu chỉ Chúa Giêsu làm đều mang tính huyền nhiệm và ẩn kín. Họ không được nhìn thấy tỏ tường trừ người nghèo và người có lòng đơn sơ. Họ phạm tội kiêu ngạo và khước từ. Những dấu chỉ này không thay đổi được thế gian và họ không được vào thiên đàng ở đây và bây giờ.

Trong lời tuyên xưng của Phêrô ở Cézaré thì Chúa Giêsu là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa, và thế lực chống đối hiện nhiên là rất nhiều. Chính Chúa Cha cũng mặc khải cho Phêrô biết Ngài đồng bản tính với Chúa Con. Nhưng khi Chúa Giêsu nói về cuộc khổ nạn và cái chết đang đợi Người ở Giêrusalem thì Phêrô không thể chấp nhận ý tưởng này và bắt đầu quở trách Người. Lúc này Chúa Kitô vạch mặt sự hiện diện của kẻ thù nấp đằng sau lời nói của Phêrô. “Satan, lui lại đằng sau Thầy! Anh cản lối Thầy, vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người” (Mt 16,21-23). Ánh sáng Thiên Chúa và tư tưởng Satan theo sát nhau và gây chiến trong tâm tưởng Phêrô, thập giá Chúa Kitô hoàn toàn đúng đắn, nhưng đối với con người lại là điều ghê tởm và nghịch lý. Đây là tiêu chuẩn vô giá để phân biệt người môn đệ Chúa (Mt 16,24).

Tư tưởng của Thiên Chúa không phải là tư tưởng của chúng ta (Is 55,8-9). Cám dỗ của người môn đệ là muốn được thành công ở mức độ con người hoàn hảo, biết trước sự kiện xảy ra và dấu chỉ thời đại (Mc 13,4). Nhưng Nước Thiên Chúa thuộc về hoa trái của sự hy sinh. Mắt thịt không thể nhìn thấy rõ được (Lc 17,20). Ở giữa chúng ta (17,21) và phát triển cách tiệm tiến đồng thời bí mật như một hạt giống gieo vào lòng đất (Mc 4,26-29).

Chúa Giêsu đưa ra một quy tắc đơn giản để phân biệt giữa các ngôn sứ giả và những người được Thiên Chúa sai đến: “cứ xem họ sinh hoa quả nào, thì biết họ là ai...Nên hễ cây tốt thì sinh quả tốt, cây xấu thì sinh quả xấu” (Mt 17,16-17).

Dụ ngôn người đi gieo giống (Mt 13,3-23) cho chúng ta thấy đặc tính của người nhận Lời Chúa và sinh hoa kết quả: kết quả là không hiểu hoặc kiên trì chịu thử thách, hoặc Lời Thiên Chúa bị bóp nghẹt bởi trăm ngàn nỗi lo trần thế của bể vinh hoa.

Đôi lúc để phân định quả là rất khó; tốt xấu lẫn lộn khó mà gỡ ra. Chúng ta buộc phải để cỏ lùm giữa lúa mì cho tới mùa gặt (Mt 13,24-30).

Chúa Kitô bảo chúng ta hãy đề phòng các thần khí, bởi khi chúng trở lại ngôi nhà, chúng “thấy nhà để trống, lại được quét tước, dọn dẹp hăn hoi... Rốt cuộc, tình trạng của người ấy còn tệ hơn trước” (Mt 1,43-45).

Đây là một thực tại đời sống thiêng liêng, trên cả cô tịch. Trong khiếm khuyết của những dịp tốt thì một sự bình an giả tạo được duy trì nhờ một xử sự khôn khéo của kẻ thù hơn là nhân đức đích thực, một sự trả đũa dữ dội của những đam mê độc hại. Ngôi nhà không thể đứng vững trước bão tố nếu không được xây dựng trên nền đá Chúa Kitô, trên Lời Thiên Chúa và sống nhờ Thần Khí của Người, có thể nói là chính Tình Yêu của Người. Trên hết đối với người khai tâm, có một nguy cơ là sự trống rỗng, chỉ đơn giản là sự trống rỗng và không phải là một sự biểu lộ tình cảm cá nhân đối với Thiên Chúa và người đồng loại, được đặt trên nền tảng một đời sống khổ chế, đạo đức, chịu thử thách và khôn ngoan.

Một ngày kia, các môn đệ của Chúa Giêsu không thể chữa được một người bị thần ô uế dày vò. Chúa Giêsu đã trừ được quỷ, các môn đệ muốn biết tại sao mình lại không đuổi được quỷ ra ngoài. Chúa Giêsu đã trả lời các ngài: “tại anh em kém lòng tin. Quả thật, Thầy bảo thật anh em, nếu anh em có niềm tin lớn bằng hạt cải thôi, thì dù anh em có bảo núi này: rời khỏi đây, qua bên kia nó cũng sẽ qua, và cũng chẳng có gì mà anh em không làm được. Giống quỷ không ra, nếu người ta không ăn chay cầu nguyện” (Mt 1,20-21). Lòng tin, cầu nguyện và ăn chay.

Chúa Giêsu đã chữa được bệnh tật và trừ được quỷ. Sau khi ma quỷ nhập vào, thì thủ lĩnh thế gian này sẽ nô lệ hóa người ấy. Chúa Giêsu đến thế gian không chỉ để thi thố bác ái mà còn để chiến đấu với sự dữ. Marcô diễn tả lời trừ quỷ trong ngôn ngữ của cuộc chiến (Mc 1,23-27; 3,27). Chữa bệnh và trừ quỷ là những kiểu nói diễn tả thời đại của ơn cứu độ và là thời hủy diệt của vương quốc Satan (Lc 11,20). Chính nhờ niềm tin vào quyền năng này mà thánh Antôn và các đan sĩ tiên khởi đã nhất tâm chiến đấu với kẻ thù trong sa mạc.

HOẠT ĐỘNG

Chúng ta có thể bắt gặp tác động của Thần Khí trong Giáo Hội tông truyền. Thần Khí tỏ mình cách hiển nhiên qua sự sáng tạo, sức mạnh và nhiều dấu lạ. Sự phân định là tương đối dễ.

THÁNH PHAOLÔ

Bức tranh thánh Phaolô vẽ mang nhiều sắc thái. Đời sống kitô hữu là một cuộc phân định không ngừng, một sự tập trung xem xét liên li vừa chú ý chống lại tội lỗi vừa không ngừng tìm kiếm điều thiện. Đối với một người trong thế giới hiện tại, phân định thần khí là để nhận biết ý muốn của Thiên Chúa hầu xuyên suốt đời sống của họ là bài ca yêu mến (Rm 1,25; 2,18). Điều này đòi hỏi một sự biến đổi từ trong bản thể của chúng ta. Do đó, chúng ta sẽ hướng về cái gì “là”. “Thưa anh em, Thiên Chúa thương xót chúng ta, tôi khuyên nhủ anh em hãy hiến dâng thân mình làm của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa. Đó là cách thức xứng hợp để anh em thờ phượng Người. Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến tâm hồn anh em bằng cách đổi mới tâm thần, hầu có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa. cái gì là tốt cái gì đẹp lòng Thiên Chúa, cái gì hoàn hảo” (Rm 12,1-2).

Khả năng phân định sẽ lớn lên đồng thời với khả năng yêu mến. Chính nhờ sự “khéo léo” của lòng mến, chứ không dựa vào xét đoán “lạnh lùng” của lý trí. “Điều tôi khẩn khoản nài xin, là cho lòng mến của anh em ngày càng thêm dồi dào, khiến anh em được ơn hiểu biết và tài trực giác siêu nhiên, để nhận ra cái gì là tốt nhất” (Pl 1,9-10). Có một sự trưởng thành và viên mãn trong Đức Kitô (Ep 4,13). Sự trưởng thành và viên mãn này đi vào thực hành đức ái trong Hội Thánh. “Như vậy, chúng ta sẽ còn là những trẻ nhỏ, bị sóng đánh trôi dạt theo mọi chiều gió đạo lý, giữa những trò bịp bợm của những kẻ xảo quyệt khéo dùng mưu ma chước quỷ để làm cho kẻ khác lầm đường. Nhưng sống theo sự thật và tình bác ái, chúng ta sẽ lớn lên về mọi phương diện, vươn tới Đức Kitô vì Người là Đầu” (Ep 4,14-15). Tác giả thư Do thái cũng quảng diễn cùng tư tưởng: “thức ăn đặc thì dùng cho những người trưởng thành, những người nhờ thực hành mà rèn luyện được khả năng phân biệt điều lành điều dữ” (Dt 5,14).

Sự hoàn hảo thuộc về mức độ trưởng thành kitô giáo, nếu như nó bao hàm một sự dẫn dắt và tập luyện liên li tất cả tiềm năng riêng của chúng ta thì không hẳn phải là tài xoay xở của thế gian này mà là ơn khéo léo của Thần Khí, bởi lẽ nó chứa đựng sự thâm nhuần chiều kích thiêng liêng sâu xa “vậy ai trong loài người biết được những gì nơi con người, nếu không phải là thần trí của con người trong con người? Cũng thế, không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thần Khí của Thiên Chúa. Phần chúng ta, chúng ta đã không lãnh nhận thần trí của thế gian, nhưng là Thần Khí phát xuất từ Thiên Chúa, để nhận biết những ân huệ Thiên Chúa đã ban cho chúng ta” (1Cr 2,11-12).

Không phải các kitô hữu đã phân định các thần trí mà là những người thánh Phaolô gọi là “hoàn hảo” hay “thần thiêng”; không phải là họ cho mình đặc ân tìm thấy và làm nên sự “hoàn thiện” mà chính là vì có một cảm nghiệm thiêng liêng thật sự, họ biết phân định một lời mời gọi đi tới sự hoàn thiện trong những hoàn cảnh cụ thể của hiện hữu đời sống. Thêm vào đó, cảm nghiệm của họ không đơn thuần chỉ là ân sủng thường mà là hoa trái của một đặc sủng.

Đặc Sủng này không nhất thiết phải được mỗi người biết đến cách ngoạn mục. Nó có thể rất kín đáo nhưng hiệu quả nhờ tính sắc sảo, chắc chắn và viên mãn, không cần phải khác thường. Tính cách quan trọng của đặc sủng không hệ tại ở sự khác thường mà là ở khả năng sinh hoa trái và có tính xây dựng. Đối với thánh Phaolô, sự phân định có liên quan đến ơn nói tiên tri³⁶ và dường như nó tạo nên một nhóm riêng biệt tương tự phần thưởng của ngôn ngữ và ơn biện bác. Ơn tiên tri và sự phân định hé mở ý định lòng người đồng thời với thánh Phaolô, giá trị bí nhiệm là đây. Chống lại thói điên cuồng của người Côrintô về tặng ân ngôn ngữ, người đã lên án từ cái nhỏ nhất mà cộng đoàn thu được do tặng ân không thể truyền đạt này, hoa trái của ơn tiên tri và phân định sẽ là: “còn nếu mọi người đều nói tiên tri, mà có người không tin hoặc người ngoài cuộc đi vào, người ấy sẽ thấy mình bị mọi người khiển trách, mọi người xét xử. Những điều bí ẩn trong lòng người đó sẽ bị lộ, người đó sẽ sấp mình xuống mà thờ lạy Thiên Chúa, tuyên bố rằng: Hẳn thật, Thiên Chúa ở giữa anh em” (1Cr 14,24-25).

CHUẨN MỰC PHÂN ĐỊNH:

THÁNH PHAOLÔ

Theo thánh Phaolô thì sự phân định các thần khí được đặt trên nền tảng giáo huấn của Tin Mừng: xem quả thì biết cây. Tin Mừng cho nhiều ví dụ về hoa trái này. Tin Mừng quảng diễn đời sống hiện thực,

³⁶ Theo thánh Phaolô, dưới tác động của Chúa Thánh Thần, ơn nói tiên tri là món quà dưới sự trợ giúp của ơn giảng thuyết. Món quà này hoàn thiện và giúp phân định các thần khí. Từ mọi khía cạnh khác, nó được hoàn thiện nhờ sự phân định, bởi lẽ nó có thể xảy ra là ai đó lầm lẫn giữa những lời được Thần Khí linh hứng với những gì xuất phát từ con người riêng và bị tội lỗi làm hoen ố. Nhu cầu phân định phát sinh là để đáp ứng cho sự biện phân đầu là thiêng liêng và đầu là phàm tục.

vậy chúng ta không nên mong chờ một bản trình thuật có thứ tự logic. Hoạt động của Chúa Thánh Thần được nhận biết nơi việc làm với tất cả sự phức tạp của đời sống. Tuy nhiên, chúng ta có thể nhận biết giữa 3 nguyên tắc cơ bản của sự phân định là: sự thật, quyền năng và lòng mến.

1. Sự Thật

Tuyên xưng Chúa Kitô

Sự thật nền tảng chính là nhận biết Chúa Kitô. Tất cả niềm tin và sứ vụ của thánh Phaolô được đặt nền tảng trên sự bày tỏ vinh quang và sự đồng hóa với Giáo Hội trên đường Damas (Gl1,15-19; 1Cr15,3-8). Vì vậy đối với thánh Phaolô, quy luật tối thượng cho hoạt động của Thần Khí là thái độ sống với Chúa Kitô. “Chẳng có ai ở trong Thần Khí Thiên Chúa mà lại nói: “Giêsu là đồ khốn kiếp!” Cũng không ai có thể nói rằng: “Đức Giêsu là Chúa” nếu người ấy không ở trong Thần Khí.

Ánh sáng và Bình an

Cưu mang chân lý là công việc của Thần Khí, hoạt động này quang tỏa ánh sáng và bình an: “xưa ánh sáng là bóng tối, nhưng bây giờ, trong Chúa, ánh sáng lại là ánh sáng. Vậy anh em hãy ăn ở như con cái ánh sáng, mà ánh sáng đem lại tất cả những gì là lương thiện, công chính và chân thật. Anh em hãy xem điều gì đẹp lòng Thiên Chúa. Đừng cộng tác vào những vô ích của con cái bóng tối” (Ep 5,8-11).

“Và ngôn sứ thì làm chủ những cảm hứng tiên tri của mình, bởi vì Thiên Chúa không phải là Thiên Chúa gây hỗn loạn, nhưng là Thiên Chúa tạo bình an” (1Cr14,32-33).

“Hương đi của tính xác thịt là sự chết còn hương đi của Thần Khí là sự sống và bình an” (Rm8,6).

“Vì Nước Thiên Chúa không phải là chuyện ăn uống nhưng là sự công chính, bình an và niềm vui trong Chúa Thánh Thần” (Rm14,17).

2. Quyền Năng

Thánh Thần tỏ mình qua những dấu lạ quyền năng³⁷: những điềm thiêng dấu lạ, dựa vào ơn tái sinh của Lời Chúa, can đảm trước mọi gian truân (Tx1,4-5; Rm15,18-19). Tin Mừng không do sức người phạm nhưng do bởi quyền năng Chúa Thánh Thần (1Cr2,4-5).

3. Tình Yêu

“Những việc do tính xác thịt gây ra thì ai cũng rõ, đó là: dâm bôn, ô uế, phóng đảng, thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hòa, ghen tương, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè phái, ghen tị, say sưa, chè chén, và những điều khác giống như vậy. Tôi báo trước cho mà biết, như tôi đã từng bảo: những kẻ làm các điều đó sẽ không được thừa hưởng Nước Thiên Chúa.

Còn hoa quả của Thần Khí là: bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hòa, tiết độ. Không có luật nào chống lại những điều như thế. Những ai thuộc về Đức Kitô Giêsu thì đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá cùng với các dục vọng và đam mê. Nếu chúng ta sống nhờ Thần Khí, thì chúng ta hãy nhờ Thần Khí mà tiến bước” (Gl 5,19-25).

“Vì bao lâu giữa ánh sáng có sự ghen tương và cãi cọ, thì ánh sáng không phải là những con người sống theo tính xác thịt và sống theo thói người phạm sao?” (1Cr3,3).

³⁷ Quyền năng Chúa Thánh Thần được biểu lộ nơi những công việc ít được biết đến của con người: cầu nguyện, chịu thử thách đức tin nơi cô tịch...vv.

Thần Khí là quà tặng của tình yêu Thiên Chúa (Rm 5,5). Đó là tình yêu độc nhất. Nếu không có tình yêu thì dù có công việc vĩ đại nhất cũng vô ích.

“Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài người và các thiên thần đi nữa, mà không có đức mến, thì tôi chẳng khác gì thanh la phềng phềng, chũm chọe xoang xoảng.

Giả như tôi được ơn nói tiên tri, và được biết hết mọi điều bí nhiệm, mọi lẽ cao siêu, hay có được tất cả đức tin đến chuyển núi dời non, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng là gì. Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi mà chịu thiêu đốt, mà không có đức mến thì cũng chẳng ích gì cho tôi” (1Cr 13,1-3).

Tình yêu tự nguyện là một bản thể thiêng liêng đích thực.

“Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không tỵ hờn, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả” (1Cr13,4-7).

Luật của Tình Yêu là luật của Thần Khí. Nhờ Thánh Thần Tình yêu mà mọi thành phần được sống động và Ngài cũng là hồn của Thân Mình Chúa Kitô. Vì vậy, những ân huệ thật sự này giúp “cảm hóa” Giáo Hội và góp phần làm cho Chúa Kitô toàn diện được an bình và hiệp nhất (1Cr14,4.12.26: xem cả chương). Dù biết viễn cảnh của mình đang lẩn át nhưng thánh Phaolô vẫn nhận ra nó với một truyền thống quyền lực (1Cr15,3-8). Đức ái chính là Giáo Hội.

CHUẨN MỰC PHÂN ĐỊNH:

THÁNH GIOAN

Gioan nhà chiêm niệm cho chúng ta một viễn cảnh càng ngày càng hiệp nhất và tuyệt đối. Ngài chiêm ngắm vai trò cứu độ như một cuộc chiến giữa ánh sáng và bóng tối. Chọn lựa mang tính quyết định đối với mọi người là đón nhận hay khước từ ánh sáng nơi con người Giêsu Kitô, Lời Thiên Chúa, Đấng đã thành xác phàm. Trong Tin Mừng, chính sự hiện diện của Chúa Giêsu Kitô tạo nên sự chia rẽ. Trong lá thư của thánh Gioan, Giáo Hội đã sử dụng tiêu chuẩn này để phân biệt những người thuộc về Chúa Kitô.

1. Tin Mừng

Nhờ diện đối diện với Chúa Giêsu, sự phân biệt mang tính triệt để và gần như là trực diện; nguyên tắc cảm hóa tâm hồn được soi sáng nơi ánh sáng tràn đầy của ban ngày. “Ai thuộc về Thiên Chúa, thì nghe lời Thiên Chúa nói; còn các ông không chịu nghe, vì các ông không thuộc về Thiên Chúa” (Ga 8,47). Nhờ một sự thông tri huyền nhiệm, “con cái ánh sáng” (12,36) nghe tiếng nói Chúa Kitô và nhận ra tiếng nói ấy (10,27;18,37). Những người làm điều gian ác thì sợ ánh sáng (3,20), và không thể nghe được tiếng Người (8,43). Họ làm những việc thuộc về ma quỷ, cha của họ (8,41.44).

Lời trối sau bữa tiệc ly, hàm ý đầy tràn sự hứa hẹn của Thánh Thần, Đấng ban cho chúng ta nhiều ân huệ khả dĩ giúp chúng ta phân biệt được đâu là hoạt động của Người:

- Thần Khí không phải là sở hữu của cá nhân mà là nền tảng cho lời chứng, cho đức dũng mãnh và tinh thần chiến đấu (15,27;26,8).

- Thần Khí không mang đến một giáo lý mới cũng không mang đến một Tin Mừng mới mẽ mà Ngài mặc khải sự giàu sang của lời và con người lịch sử của Chúa Kitô.

“Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em đến sự thật toàn vẹn. Người sẽ không tự mình nói điều gì, nhưng tất cả những gì Người nghe Người sẽ nói lại, và loan báo cho anh em biết những điều sẽ xảy đến. Người sẽ tôn vinh Thầy, vì Người sẽ lấy những gì của Thầy mà loan báo cho anh em. Mọi sự Chúa Cha có đều là của Thầy” (16,13-15).

- Cứ dấu này người ta nhận ra chúng ta là môn đệ Chúa Giêsu là chúng ta yêu thương nhau (13,35).

Cuộc thương khó của Chúa làm lộ ra những toan tính và dạ tâm nham hiểm của Ma Quỷ và bè lũ của chúng. Cuộc thương khó cũng cho thấy tình yêu thập tự đã chiến thắng và đó là con đường mà Thánh Thần đã dẫn Chúa Giêsu đi. Gioan, đã chiêm ngưỡng một Chúa Kitô chịu đâm thâu, Đấng đã ban Thần Khí cho Hội Thánh (19,30), đã ý thức được rằng giờ phút này Hội Thánh được sinh ra, đã nhận lấy từ Thánh Thần bí nhiệm về sự phân định mà Chúa Giêsu đã có.

2. Thư Thứ Nhất Của Thánh Gioan

Lá thư này là một bản văn có tính phân định cao. Nó được viết ra để giúp cho sự phân định giữa đức tin thật sự và những giáo lý sai lạc. Nó làm cho chúng ta lưu tâm cách đặc biệt bởi lẽ nó nằm ở vị trí trung tâm của kinh nghiệm Kitô Giáo, một thứ kinh nghiệm mà chúng ta đang cố gắng sống: thông hiệp với Thiên Chúa và với anh chị em trong Chúa Giêsu.

Hiệp thông, hiện hữu, thuộc về: tất cả những thuật ngữ này đều quảng diễn màu nhiệm, màu nhiệm sự sống đời đời, đó chính là Thiên Chúa, sự sống đời đời nơi mà Thiên Chúa hằng hữu, nơi mà chúng ta được sống chiều sâu, huyền bí nhất trong chính hữu thể chúng ta. Gioan là một nhà chiêm niệm hiện thực vĩ đại. Thực tại Ngôi Lời Thiên Chúa thành xác phàm phải được đáp trả cụ thể nơi đời sống đức tin của những người tin. Đức tin không ngăn cản lý trí đến với chân lý. Đây là vấn đề “thực hành chân lý” (1,6), hay có thể nói, “yêu mến trong ánh sáng sự thật³⁸” và nhờ đạo lý của một nguyên lý ánh sáng và lòng mến: Chúa Thánh Thần, Đấng đang hoạt động trong chúng ta và là Đấng thông ban đời sống thiêng liêng.

Đối với thánh Gioan, tiêu chuẩn này thật đơn sơ. Nếu chúng ta là con cái Thiên Chúa thì chúng ta sẽ là và sẽ sống như Người. Thiên Chúa là công bình, là ánh sáng, là tình yêu. Tình yêu này, sự công bình này, ánh sáng này được quang tỏa nơi Chúa Kitô. Những ai sinh bởi Thiên Chúa thì đi trong tình yêu, trong sự công chính, trong ánh sáng và đi trên con đường Chúa Kitô đã đi qua. Những ai đi trong bóng tối và sự thù ghét đều cho thấy họ không được sinh ra bởi Thiên Chúa nhưng bởi ma quỷ.

Stt	Thiên Chúa	Dấu chỉ con cái Thiên Chúa	Dấu chỉ của ma quỷ
1.	Là ánh sáng (1,5); trong Lời Nhập Thể sự sống đời đời được mặc khải cho chúng ta. (1,2)	- Đức tin: tin vào Đức Kitô (5,1) và tuyên xưng Người (2,23). - Thành thật nhìn nhận mình tội lỗi (1,9). - Làm theo sự thật (1,6) trong tình yêu (1,7).	- Không tin (2,22). - Phán Kitô - Dối trá. - Sai trái.

³⁸ Ghi chú của dịch giả: từ “ánh sáng” xuất phát từ Tiếng Pháp và cần thiết cho sự giải thích; hầu hết bản dịch Tiếng Anh dùng từ “biết, tri thức” (knowledge).

2.	Là sự công chính (1,9), sự công chính của Người (trong sự khôn ngoan Kinh Thánh) được mặc khải trong công trình cứu chuộc của Đức Kitô (2,1-2).	- Thực thi công bình (2,21). - Tuân giữ lề luật (2,3-5). - Khiết tịnh như Chúa Kitô thanh khiết (3,3). - Sạch tội (3,9).	- Tội lỗi (3,9). - Ham muốn xác thịt, sự thèm muốn của con mắt, của thế gian (2,15-17).
3.	Là tình yêu (4,8.16) Quà tặng của tình yêu và sự hiệp thông. Tình yêu của Chúa Cha được mặc khải cho chúng ta trong sự hy sinh của Chúa Kitô (4,9-10) và được thông ban cho chúng ta nhờ Thánh Thần.	- Yêu mến Thiên Chúa - Giữ giới răn Người là yêu thương anh chị em mình (4,12-17), như là con cái Thiên Chúa (5,2) như Đức Kitô đã yêu (2,6;4,17) - Hoàn toàn tín thác vào Thiên Chúa trong cầu nguyện (3,21-22) Và cuộc phán xét của Người (2,28; 3,21).	- Thù ghét - Sát nhân - Sợ hãi

Thay vì nói về sự phân định, thì ngày hôm nay chúng ta sẽ cảm nghiệm về nó. Chúng ta sẽ đọc lá thư của Gioan và chúng ta sẽ để cho Lời Chúa xét đoán chúng ta. Phải chăng có sự tương hợp trong sự thật sâu thẳm nhất của chúng ta, giữa cách chúng ta tin, cách chúng ta động và hiện hữu? Mỗi người trong chúng ta, trong sự kín nhiệm của con tim mình, phải trả lời cho được vấn nạn này.

Lá thư gồm 3 kiểu nói loại suy. Thứ nhất (1,5-2,28), trên hết là kết hợp với Thiên Chúa, Đấng là ánh sáng. Thứ hai (2,29-4,6) là kết hợp với Thiên Chúa, Đấng là sự công chính. Thứ ba (4,7-5,12) kết hợp với Thiên Chúa, Đấng là tình yêu. Mỗi một kiểu nói đều quy về chủ đề công minh (hoặc công chính), tình yêu và đức tin, trong trật tự này và mỗi lúc ở một cấp độ sâu hơn, đạt tới đích điểm để rồi ở kiểu nói thứ ba mọi sự đều xuất phát từ tình yêu độc nhất.

Chúng ta hãy tạo ra khoảng trống thính lặng giữa việc đọc mỗi kiểu đã nói: chúng ta hãy để cho Lời Chúa cư mang chúng ta xuyên qua tình yêu (3,9)³⁹.

“Anh em thân mến, chúng ta hãy yêu thương nhau, vì tình yêu bắt nguồn từ Thiên Chúa. Phàm ai yêu thương, thì đã được Thiên Chúa sinh ra, và người ấy biết Thiên Chúa. Ai không yêu thương, thì không biết Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là tình yêu...Tình yêu cốt ở điều này: không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Người đã yêu thương chúng ta, và sai Con của Người đến làm của lễ đền tội thay cho chúng ta. Anh em thân mến, nếu Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta như thế, thì chúng ta cũng phải yêu thương nhau. Thiên Chúa chưa ai được chiêm ngưỡng bao giờ. Nếu chúng ta yêu thương nhau, thì Thiên Chúa ở lại trong chúng ta, và tình yêu của Người nơi chúng ta mới nên hoàn hảo. Căn cứ vào điều này, chúng ta biết được rằng chúng ta ở lại trong Người và Người ở lại trong chúng ta: đó là Người đã ban Thần Khí của Người cho chúng ta” (1Ga4,7.8.10-13).

Dầu Của Thần Khí

Trong Gioan, quà tặng của Thần Khí nói cho đúng thì không phải là một tiêu chuẩn phân định. Đúng hơn đó là một nguồn mạch của đức tin và đức mến.

³⁹ Ghi chú của dịch giả: Tiếng Pháp là “La Parole”.

Nhưng Gioan vẫn nhấn mạnh chiều kích nội tâm trong hoạt động của Thần Khí hơn Phaolô. Lý luận sau cùng sự thật không xuất phát từ nguồn gốc con người. Người tin thì được “Thiên Chúa dạy dỗ” (Ga 6,45), được dẫn vào sự thật nhờ thẩm nhuần hoạt động của Thần Khí, mà Gioan đã so sánh dầu thánh hóa với dầu thường, bao gồm tất cả những đặc tính: mềm dẻo, quyền năng, hiền lành và thẩm nhuần sâu xa. “Phần anh em, anh em nhận được dầu, do tự Đấng Thánh, và tất cả anh em đều được ơn hiểu biết” (1Ga 2,20) “...Dầu mà anh em đã lãnh nhận từ Đức Kitô ở lại trong anh em, và anh em chẳng cần ai dạy dỗ nữa”(1Ga 2,27).

Tuy nhiên, ánh sáng nội tâm không bao giờ phủ nhận mặc khải ngoại tại của Giáo Hội. Vì chỉ có một nguồn mạch duy nhất. “Ai biết Thiên Chúa thì nghe chúng ta. Ai không thuộc về Thiên Chúa thì không nghe chúng ta. Chúng ta cứ dựa vào đó mà nhận ra Thần Khí dẫn đến sự thật và Thần Khí làm cho sai lầm” (1Ga 4,6 hay 1Ga 5,6-9).

Một Viên Cảnh Toàn Diện

Cần nên ghi nhớ rằng đối với thánh Gioan sự phân định Thần Khí mang tính toàn thể và tổng hợp. Đó là một viên cảnh toàn diện ở đó mọi sự được ôm ấp và mỗi yếu tố được sắp xếp theo giá trị đích thực. Nếu tuyên xưng Lời Nhập Thể trong sự kết hợp với Hội Thánh, thì đức tin cũng là một kinh nghiệm nội tâm trong Thần Khí: một sự kết hợp trong tình yêu và gặp gỡ thân tình với những con người thiêng liêng, trao ban tình thương cho tha nhân bằng hành động và sự thật. Tất cả những quà tặng này đều được trao cho nhau: nếu nơi đó một trong những món quà bị thiếu đi thì chúng ta cũng có thể nắm lấy những món quà khác.

Những con người chiêm niệm, những con người cầu nguyện được nên một trong nguồn mạch nội tại của tình yêu và sự thật; đan sĩ trao ban và cụ thể hóa tình yêu này cho tha nhân và toàn thể giới.



CHƯƠNG 12

PHÂN ĐỊNH THẦN KHÍ TRONG TRUYỀN THỐNG ĐAN TU

Ở đây không thể thấu triệt toàn bộ sự phong phú chứa đựng nơi các vị Tổ Phụ sa mạc. Sự phân định các Thần Khí hình thành nên sự phân loại đời sống của mỗi kitô hữu và được thực hành trong bối cảnh lịch sử của mỗi thời đại.

CÁC TỔ PHỤ SA MẠC

Chúng ta sẽ giới hạn trong các bản văn có liên quan đến kinh nghiệm của các đan sĩ đầu tiên. Các Tổ Phụ sa mạc rất quan tâm đến sự phân định các Thần Khí⁴⁰. Nhờ vào đường lối này mà đan sĩ được gìn

⁴⁰ Xem L.Bouyer, *Đời Sống Thánh Anton*; Evagrius Ponticus, *The Praktikosi*; Cassian, “Những Cuộc Đối Thoại Đặc Biệt”, II,V và VII; Dict. Spir., “Con Quỷ Ban Trưa”, “Phân định các thần khí”...vv

giữ khỏi nhiều dịp tội bên ngoài. Bởi vậy, cuộc chiến trở nên nội tại hơn và diễn ra trong mức độ “tư tưởng”; có thể nói, những gợi ý, những động lực tự phát và những quan niệm đều nói lên sự quan tâm và cho phép sự đồng thuận tự nguyện. Nguồn gốc của những tư tưởng này có thể là Thiên Chúa (hay một thiên thần), con người tự nhiên chúng ta, hay là ma quỷ. Trích dẫn bản văn của thánh Phaolô, các vị niên trưởng đã nhận ra hoạt động của ma quỷ sau khi chịu thử thách. “Vì chúng ta chiến đấu không phải với phàm nhân, nhưng là với những quyền lực thần thiêng, với những bậc thống trị thế giới tối tăm này, với những thần linh quái ác chốn trời cao” (Ep 6,12).

Antôn đã đi vào cô tịch để chiến đấu chống lại ma quỷ trong sa mạc, nơi dành riêng cho ngài. Các đan sĩ sớm tạo nên một chốn khá quan trọng để có thể nhận diện ma quỷ, để biết tâm lý của họ, để biết các mối liên hệ đang tồn tại giữa họ...vv. Họ nói về mình một cách rất đơn sơ và đầy nhân tính (đối với họ, ma quỷ ít nhiều có một hiện thân mờ ảo). Chỉ có Evagrius mới có cách tiếp cận mang tính thần học hơn trong nhiều hướng tỉ mỉ. Tuy nhiên, họ đã có một kinh nghiệm thực tế về cuộc chiến thiêng liêng và rời bỏ những nhận xét thường nghiêm trọng và diễn biến của cám dỗ mà đan sĩ mọi thời đại đã sớm nhận ra.

THẬN TRỌNG

Giữa truyền thống đan tu chúng ta tìm thấy ý niệm được diễn tả bằng tiếng Hy Lạp “diakrisis” được dịch sang tiếng Anh là “discretion” (suy xét, thận trọng). Có 2 nghĩa: 1. Biện phân các Thần Khí; cẩn trọng trong việc hướng dẫn người khác và chính mình; 2. Khả năng phân định và khả năng cân nhắc thích đáng. Các đoạn văn đôi khi làm sáng tỏ ý nghĩa này, có lúc lại làm sáng tỏ ý nghĩa khác nhưng cả hai đều có mối liên hệ mật thiết.

Cassian đã mặc cho những nhận xét của viện phụ Môsê một sự cẩn trọng trong cuộc đối thoại thứ hai thuộc bộ sưu tầm của ngài, sau khi giải thích về mục tiêu mà người đan sĩ tìm kiếm, và ngay cả trước khi nói về một cuộc chiến thiêng liêng. Lý do về sự cẩn trọng này là một trong những đạo lý thiết yếu mang tính trọn vẹn đối với đan sĩ và đặc biệt đối với những người khai tâm.

Viện phụ Môsê đã đặt sự phân định các Thần Khí⁴¹ lên hàng đầu. Người đã diễn tả như một cuộc đối thoại của các vị niên trưởng mà chủ tọa là thánh Antôn (ngài đã chất vấn xem điều họ quan tâm là gì), nhân đức khả dĩ giúp đan sĩ thoát khỏi cám dỗ và những sự dối trá của ma quỷ và để họ đi trực tiếp lên đỉnh cao của sự hoàn thiện. Mỗi vị cao niên đều gợi ý một nhân đức: yêu thích chay tịnh, từ bỏ mọi sự, cô tịch và sự kín nhiệm của sa mạc, thực hành tình bác ái huynh đệ...vv.

Cuối cùng Antôn trả lời:

Tất cả các việc thực hành mà anh em vừa lưu ý đều hữu ích cho những ai khao khát Thiên Chúa và ước mong đến với Ngài. Nhưng khi phần thưởng có giá trị đến với họ thì những kinh nghiệm hiềm nghèo, và vô số thất bại của nhiều ẩn sĩ lại không còn xuất hiện nữa. Nhiều người trong họ mà chúng ta nhìn thấy được trao ban cho khả năng sống chay tịnh nhiệm nhặt nhất, khơi dậy niềm cảm mến đối với cô tịch, bỏ mình để đi vào tình trạng hoàn toàn trần trụi, để rồi họ không cho phép mình giữ lại thứ lương thực mà họ dự trữ dù là một ngày, ngay cả một đồng cắc, họ hăng say chu toàn với lòng yêu mến. Thế rồi, bỗng dưng họ bị rơi vào tình trạng ảo tưởng; họ không thể hoàn thành chương trình mà họ đã dự

⁴¹ Cassian, Đối Thoại, II, 2.

phóng; họ làm hao mòn lòng nhiệt thành tốt đẹp nhất và một đời sống đáng được ca tụng với một kết cục tồi tệ.

Nhưng có thể chúng ta sẽ rõ hơn khi nhận được nhân đức hiệu quả nhất đưa chúng ta đến với Thiên Chúa, nếu như chúng ta tìm ra nguyên nhân chính xác của ảo tưởng cũng như tình trạng sa sút của chúng ta. Giờ đây, các nhân đức mà chúng ta đã xác định đều đang ở trong chúng ta; chính vì thiếu đi đức cẩn trọng mà họ đã không thể kiên trì cho tới cùng. Đúng ra, chúng ta không thể thấy được một nguyên nhân khác trong sự suy nhược của họ nhưng vì họ không có cơ hội để được hướng dẫn bởi các vị niên trưởng và vì vậy họ không thể tập được nhân đức này, nhân đức vốn giúp chúng ta duy trì khỏi rơi vào hai thái cực (bất cập và thái quá) và dạy đan sĩ luôn đi con đường đáng quý và giúp họ không bị lạc đường, không bên phải trên con đường kiêu căng tự phụ một cách điên rồ và nhiệt thành thái quá đến nỗi vượt qua ngoài giới hạn cho phép, cũng không bên trái theo hướng lười biếng, trụy lạc, ẩn dưới lý do khổ chế thân xác, một tinh thần uể oải lãnh đạm.

Tin Mừng đã nhắc tới sự cẩn trọng như con mắt và cái đèn của thân thể: “Đèn thân thể anh chính là con mắt của anh. Nếu mắt anh sáng thì toàn thân anh sẽ đầy ánh sáng; nhưng nếu mắt anh mù tối thì toàn thân anh sẽ đầy bóng tối”. Đúng hơn, xem xét tất cả tư tưởng cũng như hành động của một người, sàng lọc và soi chiếu dưới ánh sáng tất cả chúng ta sẽ rõ. Nếu con mắt nội tâm bị bệnh; nói cách khác, nếu chúng ta thiếu cả tri thức khả năng phán đoán đáng tin cậy và chúng ta lừa dối mình bằng sự sai trái và kiêu căng tự phụ, thì toàn thân chúng ta sẽ đầy bóng tối; biết mình và mọi sự đồng thời khám phá mọi sự nơi mình, tư tưởng và hành động đều sẽ bị bóng tối tràn ngập; bởi vì thói trụy lạc sẽ làm chúng ta bị mù quáng và đam mê là mẹ của bóng tối. “Nếu ánh sáng trong anh mà tối đi”, Đấng Cứu Thế nhắc lại, “thì sẽ tối biết chừng nào!” không ai có thể nghi ngờ được rằng nếu chúng ta có một khả năng phán đoán sai và lệch lạc trong bóng tối của sự dốt nát thì tư tưởng chúng ta, việc làm chúng ta sẽ bắt nguồn từ chúng như là nguồn mạch để rồi chúng ta sẽ bị bao phủ bởi bóng tối của tội.

Tất cả đều theo nguyên tắc “cẩn trọng là mẹ và là trung tâm của mọi nhân đức”. Kết cục sẽ ra sao?

Sự cẩn trọng thật sự được dành tặng cho một đức khiêm hạ thật sự. Thử thách này sẽ rời xa phán đoán của các vị cao niên về tất cả những hành động và cả tư tưởng trong một thách thức mà người ấy không còn tin vào mình nữa...

Kỷ luật này không chỉ huấn luyện đan sĩ bước đi trên đường công chính nhờ con đường cẩn trọng đích thực; mà còn giúp người ấy đạt tới một sự miễn dịch trong cuộc đối đầu với mọi mưu chước cám dỗ của kẻ thù. Để khỏi rơi vào ảo tưởng, người ấy không cậy dựa vào sự phán đoán cá nhân mình nhưng để cho gương lành các vị cao niên thành luật sống của mình và mọi quỷ kế của kẻ thù sẽ bị vô hiệu hoá khi một người không giấu giếm những tư tưởng sai trái đáng hổ thẹn phát sinh trong lòng, nhưng sẵn sàng giao nộp chúng cho sự phân định chín chắn của các vị cao niên, để rồi khi đã biết, người ấy có thể tự do chọn lựa để chúng tiếp tục hoặc dứt khoát khước từ.

Khi chúng ta đưa một tư tưởng xấu xa ra ánh sáng ngay thì lập tức nọc độc của chúng bị tiêu diệt. Ngay cả trước khi sự cẩn trọng có thể ngăn cản nó, thì con rắn độc, có thể được lôi ra từ bóng tối của hang ổ, ẩn kín của người ấy, để đưa nó ra ánh sáng... nhanh chóng đánh tan sự trốn tránh; và gợi ý nguy hại của nó có thể làm cho chúng ta bị thống trị trong sự đánh giá rằng chúng sẽ cư ngụ một cách kín đáo trong sâu thẳm lòng chúng ta. Có thể sự sai trái đáng hổ thẹn sẽ không bao giờ kìm hãm được đan sĩ.

Có lẽ không một thói xấu nào có khả năng đưa đan sĩ đến tình trạng suy sụp nhanh hơn thái độ khinh miệt những lời khuyên của các vị cao niên và sự tự tin vào các phán đoán của ý riêng cũng như cái nhìn cá nhân. Mỗi ơn gọi ngay cả sự khổ hạnh nhất thì cũng cần một bậc thầy để hướng dẫn đúng đắn. Đó là tất cả lý do mà người môn đệ trong cuộc chiến thiêng liêng cần phải lưu ý đến các thể lực ẩn dấu và huyền bí.

ĐỨC CÂN TRỌNG TRONG TU LUẬT

Chúng ta thường ca ngợi sự khôn ngoan và cân nhắc kỹ lưỡng của luật Dòng Chartreux: thánh Bruno và Guigo dường như đã sở hữu những phẩm chất này ở một mức độ cao. Tu Luật mới theo truyền thống này tuyên dương đức cân trọng giữa những nhân đức nền tảng của đời sống chúng ta. “Ở giữa nhiều giá trị mà ứng sinh muốn dâng mình trong đời sống cô tịch thì nên ưu tiên đặc biệt, một phán đoán lành mạnh và cân nhắc kỹ lưỡng, có tính quan trọng hàng đầu” (TL1.8.2). Mọi thứ khuyết điểm đều ít nhiều có thể chữa được bằng ân sủng của Thiên Chúa. Thiếu sự phân định thì khó chữa được: không có sự biện phân thì không có nền móng để xây dựng - ít nhất, trong trường hợp cuối cùng khi một vấn nạn mang tính nghịch lý tự nhiên đối với luận lý và phê bình đúng đắn. Trung thành với quy tắc bên ngoài không thể làm nên nó⁴².

Thường thì truyền thống đan tu đòi hỏi ứng sinh đời sống cô tịch để trải qua một thử thách dài trong đời sống cộng đoàn. Đan sĩ phải đương đầu với kẻ thù, một đầu một phải được trải nghiệm. Đối với chúng ta thì nhiều điều xảy ra một cách khác biệt. Một đời sống cô tịch hoàn toàn cho đến cùng, cũng không phải là mục đích của chúng ta. Từ đầu đến cuối, đan sĩ có một sự hợp nhất giữa đời sống cộng đoàn và cô tịch trong sự quân bình khéo léo. Do vậy, đan sĩ trẻ “được đặt vào nơi cô tịch ngay từ đầu hành trình của người ấy và đã từ bỏ ý riêng” (4.33.2). Người ấy phải có khả năng biện phân ơn thúc đẩy của Thần Khí khả dĩ giúp mình tự linh hướng cho mình. Điều này bao gồm “một tâm hồn trưởng thành tự làm thầy cho mình và biết cách ôm ấp tất cả cách ngọt ngào để theo phần tuyệt hảo mình đã chọn lựa” (Tu Luật1.6.5).

Đan sĩ trẻ được coi như một người trưởng thành. “Bây giờ không còn là một đứa bé nữa mà là một người lớn, người ấy không bị hất tung lên mỗi khi đón nhận làn gió mới, nhưng đứng vững hơn hãy để người ấy học biết cách làm vui lòng Thiên Chúa và thực hiện với ý chí tự do của mình, yêu thích sự khôn ngoan đức độ để rồi những người con cái tự do của Thiên Chúa phải quan tâm đến điều mình sẽ phải trả lẽ trước Thiên Chúa” (4.33.2). Lưu ý là tự do con cái Thiên Chúa không phải là tình trạng hỗn loạn cũng không phải là tự do làm điều mình muốn (muốn làm gì thì làm); quan trọng là nhận ra điều gì làm đẹp lòng Thiên Chúa và thi hành ý chí tự do của mình. Nhờ vậy có thể có một sự kiên định chắc chắn mang tính đặc trưng, một khả năng để phân định các ý tưởng và dự phóng trong tâm trí như là một năng lực trong việc tuân giữ các nguyên tắc một cách xác tín và một ý chí có đầy tự do trước mọi sức ép để thực hành điều mình phải làm, đã thấy theo thánh ý Thiên Chúa.

Đan sĩ trẻ “không phải là một trẻ nhỏ nhưng là một người lớn”. Câu này diễn tả một tư tưởng. Hẳn thật phải có một sự trưởng thành cách chắc chắn để có thể vào lều, nhưng nhiều lần sự trưởng thành này ít nhiều bị thiếu hụt nơi những người trẻ trong một ngày (có lẽ là mỗi ngày, một mức độ chắc chắn). Thế giới và những mẫu hình lý tưởng của nó đang trải qua sự thay đổi nhanh chóng trong mớ hỗn độn, nền

⁴² Sự phán đoán không nhất thiết phải đi song song với “văn hoá”. Một nông phu không được đào tạo thì vẫn có thể có được phán đoán đúng ở một mức độ nào, nếu có ít nhất khả năng thực sự, thì có thể trải qua công việc sự phạm một cách tiệm tiến để có thể phán đoán tự phát trước những thói xấu nào đó, trên hết nếu chúng xuất phát từ sức ép cảm xúc thì trên nguyên tắc có thể chữa lành được.

tảng gia đình trở nên khan hiếm trong lý tưởng, kết cấu đời sống đơn tu thì không xứng hợp. Những người trẻ tìm đến với sự trưởng thành mang tính con người, đặc biệt là trưởng thành cảm xúc chậm hơn trước đây. Họ thường phải chịu đựng những vết thương sâu và nhiều khó khăn. Một ơn gọi tu sĩ không thay đổi được tất cả điều này với làn sóng của một cây gậy quyền lực. Nhưng kinh nghiệm về Thiên Chúa sẽ là trung tâm của ơn gọi, nó cung cấp một tâm điểm xoay quanh một nhân cách có thể hình thành hoặc biến đổi nhưng phải tiệm tiến, nhờ một lòng trung thành đau đớn để hình thành một phôi thai thiêng liêng, nhờ những thất bại và những thử thách, nhờ một sự khởi đầu lại liên li đã làm bùng cháy lòng tin tưởng phó thác. Và một điều gì đó có khả năng vực dậy một cây non yếu ớt dưới ánh mặt trời, đó là sức ấm của tình yêu Thiên Chúa, sức ấm này làm cho nó có sức sống mới và lôi cuốn nó đến với Ngài.

Nhưng đức ái thiêng liêng cần một khuôn mặt con người đều có khả năng đi sâu hơn vào mục đích của tập sinh. Điều này mặc khải tầm quan trọng của khía cạnh cộng đoàn trong đời sống chúng ta. Sự trưởng thành cảm xúc không thể có được nếu không có một lượng nhỏ sự tiếp xúc con người. Phẩm chất và sự chân thành trong mối tương quan giữa các tập sinh và cha thiêng liêng, cũng như giữa chính các tập sinh⁴³ với cộng đoàn sẽ quyết định cho sự trưởng thành này.

Nhưng trên hết hấp lực của cô tịch đã dẫn đưa các ứng sinh vào Dòng Chartreux, khi vào rồi họ khao khát một cảnh cô tịch triệt để hơn. Họ chịu đựng những sự gò bó của đời sống cộng đoàn với nhiều khó khăn, mà không cần biết sự cần thiết của nó như thế nào. Sự cô tịch có ích cho tâm hồn những ai thanh sạch, bình an, khiết tịnh và những người có khả năng an tĩnh trong chiêm niệm. Để tìm vào đó mà không hoàn tất công việc này - công việc thường là quá trình dài gian khổ - thì không khôn ngoan. Ngay cả những người có khởi đầu tốt đôi lúc cũng bị cám dỗ muốn thoát khỏi tiến trình hình thành và muốn độc lập cách vội vã.

Đây là một cám dỗ cổ điển mà Cassian nói rất đúng về những người muốn “một thứ tự do tự phụ và chết người”.

“Họ không muốn trả bất cứ giá nào cho sự từ bỏ các thói quen cũng như tội lỗi xấu xa của mình. Họ không thể chịu lâu hơn được cái ách của sự khiêm hạ và kiên nhẫn. Họ khinh miệt các chỉ dẫn của các vị cao niên. Họ tìm kiếm những chiếc lều hẻo lánh và muốn sống một mình để không ai có thể làm phiền họ, họ có thể được danh tiếng giữa mọi người nhờ sự kiên nhẫn quảng đại hay khiêm tốn. Nhưng... vẫn không đủ để cho thấy thói xấu của họ được sửa chữa; thậm chí họ còn tệ hại hơn⁴⁴”.

Các đan viện đầu tiên ở Ai Cập đã được khai sinh từ khao khát nồng cháy tìm kiếm Thiên Chúa, Đấng đã quy tụ họ quanh một người Cha thiêng liêng để được Ngài dẫn dắt và để sinh hoa trái nhờ sự trợ giúp thiết yếu mà đức vâng phục mang lại hầu chiến thắng kẻ thù dai dẳng nhất nhờ vào chính sự phán đoán và lòng mến.

Để đi vào sự trưởng thành trong tự do của một người con cái Thiên Chúa, thì đan sĩ trẻ cần tự nguyện đặt lên vai mình cái ách mang lại lợi ích. Nếu như người ấy quá kiêu căng tự phụ mà nghĩ rằng mình đã trưởng thành ngay từ đầu rồi, thì chắc chắn người ấy sẽ thất bại.

“Tuy nhiên, đừng ai tự cho mình là khôn ngoan; bởi chính sự sợ hãi làm cho người ấy bị sao nhãng việc mở rộng lòng mình trước một sự hướng dẫn giúp khai thông, để rồi người ấy đánh mất đi giá trị

⁴³ Dường như trong những hoàn cảnh thực tế nhiều tập sinh bắt đầu “canh tân” đức tin của mình mà không bám rễ sâu vào gia đình hoặc cộng đoàn; do đó một tầm quan trọng mới và một vai trò đặc biệt đặt trên vai cộng đoàn nhỏ các tập sinh, họ phải thấm nhuần và rồi một cách nào đó hình thành những thành viên mới trong cộng đoàn.

⁴⁴ Cassian, Đối Thoại, II, 4

của sự phân định và sẽ đi ít nhanh hơn mức cần thiết, hoặc quá nhanh và sẽ làm cho mệt mỏi, hoặc sẽ ngừng bước trên đường và sẽ rơi vào giấc ngủ im lìm” (Tu Luật 44.33-2).

Sự phân định đòi hỏi khả năng phán đoán và cân nhắc kỹ. Nhưng đó không phải là ý nghĩa định hướng cho một hạng người tầm thường trung lưu muốn chạy trốn mọi nỗ lực và sự hy sinh. Tinh thần khổ hạnh được khám phá trong ánh sáng đức tin, dựa vào sức mạnh của Phúc Âm chứ không dựa vào sự khôn ngoan thế gian (Mt5,29-30). Có nhiều môi trường đòi hỏi mức độ cao hơn. Nhưng cũng có nhiều ơn riêng.

Lầm lẫn tiêu biểu của một người khởi đầu một mặt là sự tự phụ để cho mình rơi vào tình trạng nỗ lực khổ hạnh bằng sức mạnh cá nhân. Người ấy không hiểu về sự yếu đuối của chính mình. Người ấy không biết chịu đựng các yếu đuối của người khác. Và vì vậy người ấy trở nên tự phụ, bất kiên nhẫn, hay xét đoán tha nhân, để rồi khi cộng rơm của lòng nhiệt thành bị đốt hết sạch, người ấy rơi vào tình trạng thất vọng, buông xuôi muốn bỏ lại những khởi sự khó khăn trước đó. Hoặc nữa là người ấy nhìn thấy người khác không nản lòng trước mọi sự. Trái lại, họ chỉ quá “suy luận” mà lười biếng. Ở đây thiếu sự phân định đích thực, sự phân định giúp nhìn thấy rõ nét sự cần thiết của một đời sống khắc khổ và một nỗ lực lạc quan để chiến đấu với các đam mê trước khi đi vào sự yên nghỉ trong Nước Thiên Chúa. Ai không leo lên một ngọn núi thì không thấy được sự gian lao đích thực.

“Do đó, chúng ta hãy chiến đấu với tất cả khả năng mình để đạt được ơn phúc của sự phân định nhờ đức khiêm hạ, nó sẽ giúp chúng ta thoát khỏi cơn đau đớn do hai tình trạng thái quá gây ra.

Vì có một câu nói xưa rằng: nhiều thái quá sẽ đến. Nhịn đói quá và ăn quá nhiều sẽ đưa đến một ngộ cụt. Thức khuya lâu dài sẽ đưa đến một kết cục tai hại như sự uể oải từ đó đẩy đan sĩ vào một giấc ngủ kinh niên. Từ bỏ mình thái quá thì làm cho yếu nhược và gây ra tình trạng tương tự như sự bất cẩn. Tôi đã gặp nhiều người không để cho mình bị cám dỗ bởi thói tham ăn, tuy nhiên, họ lại bị sự ăn chay thái quá làm cho suy sụp, rồi đi vào vết xấu mà họ vốn đã khắc phục. Thức khuya quá mức và khước từ nghỉ ngơi một cách ngu xuẩn đã khiến cho những người đó thiếp ngủ mà không thể chiến thắng. Do đó, như thánh Tông Đồ khẳng định: “chúng tôi lấy sự công chính làm vũ khí tấn công và tự vệ” (2Cr6,7), sự sống phải được thực hiện trong mức độ quân bình và trong sự định hướng giúp phân định, con đường phải được đi giữa hai loại thái cực để chúng ta không đi lệch đường về đích, không buông xuôi và không bị thất bại trước sự bất cẩn nguy hại, thâm thấu thành những thói xấu tham ăn và sự bê tha⁴⁵.



CHƯƠNG 13

THANH LUYỆN CÁC ĐAM MÊ

Đây là đan sĩ trẻ đang nỗ lực sống đời đan tu và muốn đạt tới sự khổ chế của cô tịch. Hãy báo cho người ấy biết trước về những cơn cám dỗ người ấy sẽ phải chịu và vị linh hướng phải làm một bảng liệt kê những thói xấu chính, để họ không bị bất cứ ảo tưởng nào về con người. Họ biết rằng bản chất

⁴⁵ Cassian, *Đối Thoại*, II, 40.

của con người đang bị thương tổn. Quyền lực sự dữ không ngừng tấn công vào chỗ yếu và chúng tìm nhiều đồng minh để cùng tấn công. Bình an tâm hồn phải được mua bằng cái giá của một cuộc chiến trường kỳ.

Đường hướng của các tổ phụ sa mạc chủ yếu là thực hành. Sự hiểu biết của họ về con người phát xuất từ kinh nghiệm của họ về đời sống thiêng liêng. Vì lẽ này mà chúng ta phải học hỏi nhiều từ trường học của họ, dù chúng ta biết ít nhiều khái niệm về con người của Platon đang ngấm ngấm ảnh hưởng trong đó. Ở cấp độ thực hành chủ yếu lệ thuộc vào thân xác. Đam mê bất trị chính là một căn bệnh. Con người sa ngã không thể lấy lại sức mạnh và sự quân bình mà không cần sự thanh luyện các đam mê, năng lực của nó thường được dùng để phục vụ cho sự thiện hảo và tình yêu; hoặc nó dùng một cách thức khác, năng lực chủ yếu của một người nằm trong bản chất thật sự của họ, trở nên hợp nhất một cách quân bình mọi cấp độ của hữu thể trong tình yêu và sự thật.

Chúng ta không nên lầm lẫn quan niệm này với quan niệm tâm lý hiện đại bắt gặp sự nở rộ sung mãn nhân cách duy nhất như là một năng lực hiện thể và tiềm thể của con người. Đức tin là điểm khởi đầu đối với các vị tổ phụ và là sự hợp nhất đối với Thiên Chúa trong cùng đích của họ. Nếu như họ phải xem xét tầm ảnh hưởng của một đam mê, thì họ cần xem xét kỹ lưỡng sự ảnh hưởng của nó trong đời sống cầu nguyện trước hết. Theo Evagrius, con người đan sĩ được quảng diễn như sau:

“Đức tin được tăng sức mạnh nhờ lòng kính sợ Thiên Chúa và trong sự đáp trả mạnh mẽ nhờ đức khiết tịnh; được củng cố nhờ ơn bền đỗ và đức trông cậy, đức này sinh ra “apatheia” (chúng ta hãy nói lên sự an bình hay thanh sạch trong lòng), có lòng thương trẻ thơ; và tình yêu là cửa ngõ đi vào tri thức (tri thức về mọi tạo vật), tri thức này được hoàn thiện nhờ nền thần học; kết thúc bằng ân phúc lớn lao⁴⁶”.

Từ được dịch ở đây là “continence” (enkrateia) là nhân đức khổ chế nền tảng của đời sống độc thân, là một hình thức đặc biệt; một cách phổ quát hơn nó đòi hỏi sự kiên trì chống lại mọi động lực của các đam mê. Điều này bao gồm cả một ý tưởng về sự quân bình bền bỉ trong việc sử dụng của cải trần gian mà không mê tưởng hay xao xuyến, hoàn toàn theo nhu cầu mà thôi. Bất cứ điều gì đi vào chúng ta trong sự bình an đều không có nguy cơ khơi dậy những đam mê trong tư tưởng, trong ký ức. Nhờ cách này mà những nền tảng của một bình an bền vững trong tâm hồn được thành hình.

Đối với các vị tổ phụ thì có 8 thói xấu cơ bản như sau⁴⁷: tham ăn, hẹp hòi, ham lợi, giận dữ, buồn phiền⁴⁸, thất vọng, kiêu căng và tự phụ. Nhưng trong những lý do đi kèm thì chúng ta triển khai đường hướng của các vị tổ phụ bao gồm cả những yếu tố đạo đức được xem là trung lập hoặc tốt của các đam mê trong thối nát, trong ánh sáng của tâm lý hiện đại (yếu hay mạnh tâm lý).

Trong mỗi trường hợp, tâm lý quan sát thái độ cư xử của con người bình thường hay bất bình thường để hòa nhập nhân cách và sự sống với các yếu tố khác. Cần hiểu rõ nguồn gốc của các trạng thái thường nhạy cảm vì lẽ đối lập với sự tự nguyện. Chúng không nói lên một ý muốn xấu xa, các thói xấu tự ý tiếp nhận trong truyền thống các đòi hỏi cấp bách đạo đức và thiêng liêng dù cho thấy sự ấu trĩ và tâm lý hoặc là một vết thương sâu xa vừa cũ vừa mới.

⁴⁶ Evagrius, Praktikos, Lời Mở, 8.

⁴⁷ Đường như chính Evagriô là người đã hệ thống lại những câu nói của các vị linh phụ tiền khởi dưới hình thức này. Cassian (cf. Đối Thoại Thứ Năm của ngài) và truyền thống sau này đều dựa vào sự liệt kê của ngài và đây sẽ là nguồn phát sinh ra danh sách chúng ta ngày nay về bảy mối tội đầu.

⁴⁸ Đôi lúc được dịch là “phiền muộn” (melancholy). Tác giả muốn phân biệt giữa một khuynh hướng thường xuyên hay tạo nên đối với sự buồn phiền, một tính khí u hoài, do bản chất nghiêng hẳn về đam mê này, cho nên tác giả mới hay dùng từ “sadness”

Những vấn đề phụ không khởi đầu mà vẫn thấu đáo; chúng ta phải giới hạn lại ở đây đối với các lý do thực hành mang tính con người bằng ánh mắt để giúp đan sĩ hiểu được mình, ngày càng làm chủ được mình và có cái nhìn sâu sắc toàn diện trong cách nhìn nhận về tha nhân.

Hiểu được nguyên nhân phức tạp và đa dạng vốn có thể ảnh hưởng trên nhân cách, đan sĩ trẻ giữ mình khỏi xét đoán người khác, và do đó, họ tuân theo lệnh truyền của Tin Mừng (Mt7,10). Chúa Kitô thường dạy chúng ta đừng xét đoán tha nhân nhưng hãy yêu thương họ với tất cả sự chân thành. Ở giữa nhiều máy móc có tính bảo vệ có thể đánh thức bởi một sự xem xét tỉ mỉ đến nỗi một người có khả năng nhìn thấy mọi sự nơi người khác (đó thực sự là Dom X!) mà không nhìn thấy gì nơi mình cả (Mt7,3).

A. THÓI XẤU LIÊN QUAN ĐẾN SỰ THÈM MUỐN

1. THAM LAM HAY PHẠM ĂN

Các Tư Tưởng⁴⁹

Tư tưởng phạm ăn sẽ gợi ý cho đan sĩ một mục tiêu khổ chế: nó cho người ấy thấy cái dạ dày đói, nguy cơ của một căn bệnh trường kỳ, sự khó khăn của hoàn cảnh...vv. Nó làm cho người đó nhớ lại những người anh em của mình đã phải chịu những kết cục thảm khốc do chay tịnh thái quá...vv.

Các Hình Thức

- Háo hức chuẩn bị một bữa ăn trước giờ định.
- Thích thú trong việc nhồi nhét vào bất cứ thức ăn⁵⁰ gì.
- Tìm kiếm những thức ăn ngon.

Hệ Quả

- Sinh ra buồn phiền và ác cảm với kỷ luật đan tu.
- Khuấy động sự thèm muốn dục tính.
- Tham lam quá độ nên thiếu khó nghèo.

Phương Dược

- Ăn chay, tỉnh thức và cầu nguyện.
- Đôi khi cần những yếu tố dễ cảm thụ giúp cho việc chữa lành.

2. SỰ Ô UẾ

Tư Tưởng

⁴⁹ Nhiều tư tưởng được con quỷ tham ăn gợi ra. Đây là điều Evagriô đã viết từ thế kỷ IV và vẫn còn thích hợp với ngày nay. “Dù linh hồn có bị xao xuyến hay không bị xao xuyến do các tư tưởng thì cũng không liên quan gì đến chúng ta. Bởi chúng có được hoan nghênh hay không được, hoặc các đam mê có được buông lỏng hay không - tất cả còn tùy ở chúng ta.”

⁵⁰ Một sự thèm ăn ngon có thể đi đến thoái quá (tham ăn) hoặc trái lại có thể rơi vào tình trạng bất cập (biếng ăn) do bệnh tâm lý: một trạng thái cảm xúc thất vọng kéo dài và âm ỉ.

- Tiết độ dục tính là vô nghĩa; nhiều ngôn từ và hình ảnh kêu gọi ra trong lòng và trong trí tưởng tượng...vv.

Hình Thức

- Nhiều mối quan hệ bất chính
- Thủ dâm
- Phạm tội trong tư tưởng và trong ước muốn

Phương Dược

Tham ăn và dâm ô là những thói xấu “tự nhiên”. Nhiều lúc chúng khuấy động bất cứ sự thèm khát nào trong ý muốn. Bởi sự thúc đẩy và xao động của tính xác thịt trong phần dục tính của nó. Chúng được kết nối lại: để chữa lành sự ô uế rồi chữa luôn cả thói háu ăn. Cả hai đều cần một đối tượng ngoại tại nếu chúng hoàn toàn được kiện toàn và chỉ có tác dụng nhờ một hành động thể lý. Do đó để kiểm chế được những kẻ thù này thì cần có một phương thuốc hai mặt: hữu hình và thiêng liêng. Hữu hình: hãm mình ép xác, tỉnh thức, ăn chay, làm việc, từ bỏ những cơn cám dỗ tự nhiên qua việc chạy trốn dịp tội và nhờ sự cô tịch⁵¹.

Thiêng liêng: thỏa mãn lòng mình bằng những tư tưởng tốt nhờ chuyên chăm suy niệm Kinh Thánh...vv.; nghĩ về những hình ảnh xứng hợp; cần cảnh giác một cách cẩn trọng ngăn chặn liền những hình ảnh hoặc những kêu gọi về dâm dục mà chúng⁵² đang bày ra; ở lại trong tình yêu riêng tư và sống động đối với Thiên Chúa, Chúa chúng ta và Đức Trinh Nữ rất thánh.

Có thể có một yếu tố dễ cảm trong những cơn cám dỗ này, chúng vẽ ra nơi một nhu cầu hoặc một sự thất vọng trong tình yêu. Đôi khi sự điều khiển sinh lý theo hệ thần kinh hay những phản ánh tâm lý hay những trở ngại có thể đi vào bức tranh, khi sự phát triển tình dục của một người có vấn đề. Trong trường hợp này, thì phải nhờ sự trưởng thành nhân bản của cá nhân và sự hợp nhất của hữu thể họ trong sự dung hòa khả dĩ mang lại hiệu năng. Điều này đòi hỏi phải có thời gian, lòng kiên nhẫn và khiêm tốn. Kết quả của đức ái vẹn toàn, sự quảng diễn một tình yêu hợp nhất toàn bộ con người, chỉ có thể hoàn tất cách tiệm tiến và rất chậm.

3. THAM LAM

Tư Tưởng

Nó gọi lên một tuổi tác già cả kéo dài, rồi những căn bệnh có thể đến, vị đắng của nghèo khó, xấu hổ khi nhận từ người khác điều mà mình cần...

Hình Thức

- Từ bỏ thế gian, nhưng lại sợ phải từ bỏ của cải.

⁵¹ Chú ý nhiều thói xấu khác không gây hại cho đời sống xã hội; trái lại còn giúp kiện toàn chúng. Chúng ngày càng bị vạch trần trong những mối liên hệ giữa con người và ngay khi chúng thường xuyên lộ diện, thì tương quan xã hội cũng được chữa lành nhanh hơn.

⁵² Chúng ta không nên thoả hiệp với những cám dỗ này, trên hết chúng đối nghịch với sự thuần khiết, nhưng không chiến đấu trực tiếp với chúng, bởi như vậy chỉ đưa đến kết quả giúp chúng được củng cố do sự chăm chú của chúng ta. Khi chúng ta ý thức về một tư tưởng vừa xuất hiện thì chúng ta nên bình tĩnh và cẩn trọng (không hoang mang hay sợ hãi) loại tư tưởng ấy ra và chuyển sự tập trung vào những tư tưởng hay hành động khác tốt và đáng chú ý hơn.

- Lấy lại, với sự hào hức lớn hơn, những gì đã từ bỏ.
- Thèm muốn hoặc thu vén những gì mình chẳng có gì trước đây.
- Đôi khi sự thèm muốn chồng chất thành tài sản (điều này cũng có thể áp dụng cho của cải tri thức) là một cách thức của sự cố gắng làm hài lòng, nhờ vào sự thay thế, thiếu đi một khả năng đảm bảo cá nhân hay cảm giác mình không được yêu. Trong trường hợp này, sự chữa lành rất khó, là yêu sách mà một người cần phải:
 - a. Chấp nhận sống khó nghèo triệt để.
 - b. Chân thành khi mở lòng ra với tha nhân và với Thiên Chúa. Sau đó có thể xảy ra trong quà tặng của tình yêu khi họ đến với tha nhân.

Phương Dược

- Hãy bằng lòng với những gì là cần thiết cho mỗi ngày sống, loại trừ những gì không cần thiết, phó thác mọi sự trong sự quan phòng của Thiên Chúa.
- Từ bỏ mọi của cải không tích trữ.
- Diệt trừ thói tham lam bằng lòng bác ái.

Đức bác ái không thể tồn tại song song với sự giàu sang do thu tích cho riêng mình. Chúng ta hãy sẵn sàng với tất cả lòng mình để phân phát tất cả những gì chúng ta có trong lều, nhu cầu sử dụng cá nhân chúng ta, tuy nhiên đây có thể là không quan trọng giữa anh em chúng ta cho bằng: thời gian, tư tưởng, quà tặng cũng như mọi sự.

4. BUỒN PHIỀN

Tư Tưởng

Những ký ức về thú vui đã qua sẽ đẩy tâm hồn vào sự buồn phiền, nó khơi lại nhiều thú vui, không bao lâu và có thể không bao giờ trở lại được, do đời sống hiện tại của người ấy.

Hình Thức

- Kéo theo thèm muốn trong bất lực.
- Một sự mất mát thật sự.
- Kiểm chế sự giận dữ.

Phương Dược

- Không quyến luyến các thú vui thế gian, thanh thoát đối với của cải thế gian bởi vì sự buồn phiền phát sinh từ sự vô hiệu hóa một ân ban hiện tại hoặc quá khứ.
- Cảnh giác với thói mơ mộng hảo huyền, để sống giây phút hiện tại, trong bốn bức tường của lều.

SỰ XAO XUYẾN

Cuối cùng có thể suy ra, tham lam và buồn phiền là hai chị em ruột, cả hai đều là căn bệnh của tâm hồn do dục vọng. Tuy nhiên, Casian nói tới một hình thức khác của sự buồn phiền “làm gia tăng xao xuyến và thất vọng một cách vô cơ”. Không mấy khó khăn trong việc nhận thức mà thể hệ chúng ta gọi là xao xuyến, cái mà tâm lý chiều sâu đã đồng hóa nó như là trung tâm của tất cả chứng loạn thần kinh chức năng. Nhiều trạng thái căn bản thuộc nền văn minh hiện đại mặc dù có một số người không bị lây nhiễm ở một mức độ nào đó (dù không phải là cấp độ dữ dội khiến kích thích thần kinh). Đối với tôi dường như có một loại bối rối của cô tịch ít là một sự bối rối khác thường đối với cô tịch, như một người đối mặt với sự hư vô trống rỗng của mình và sự thỉnh lặng hữu thể trong một cách thức trần trụi liên li. “Sự trống rỗng” thiêng liêng thường có một yếu tố này, giống như sự tuyệt vọng (acedia).

Hình thức tâm lý của nó như sau:

Sự xao xuyến là một trạng thái có ít nhiều dai dẳng và nghiêm trọng của sức ép tâm lý và sức lực hạn hẹp (một người luôn đồng hành với người khác), tình trạng này sẽ kéo dài do một bất an liên miên tới một sự sợ hãi thâm thấu để rồi nỗi đau buồn có thể bóp nghẹt và làm tê liệt khi một người khám phá hoặc tin vào chính mình đều ở lại trong tình trạng mất hết mục đích sống, dù ít nhiều chưa có nguy cơ bị đe dọa tới sự an toàn và cả mạng sống⁵³ người ấy.

Trong những trường hợp cuối cùng:

Họ có thể cảm thấy bị thúc bách nổi loạn hoặc phạm một tội vô phương cứu chữa. Trong trường hợp người ấy dường như bị bắt lại trong một “ước muốn chết” thì một sự cưỡng bách mù quáng và thù hận sẽ là một hành động của sự coi thường và phản kháng trực diện đối với vận mệnh và đối với Đấng đang điều khiển vận mệnh ấy. Nhưng trong thực tế sự xao xuyến và sức ép này cũng xuất phát từ cuộc xung đột nội tại và hành động tự vệ toàn bộ hữu thể chống lại sự đe dọa của sự chết do ngột ngạt; nó đòi hỏi một cuộc chiến và một nỗ lực khả dĩ thoát khỏi đau và vận mệnh đồng thời có thể dẫn dắt người ấy chiến thắng và tin rằng mình cũng là người chiến thắng⁵⁴.

Thường thì một giải pháp “khách quan” không tồn tại được; người ấy phải đón nhận sự nghèo khó trong tin tưởng và phó thác vào Thiên Chúa, trong một hành động từ bỏ đối với Chúa, Đấng chịu đóng đinh, Đấng duy nhất có khả năng thay đổi trong tình yêu. Đây là sự xao xuyến của mọi người, bởi vì ở một góc độ nào đó, mỗi người là chủ những giới hạn từ trong bản chất được sáng tạo nên của mình.

⁵³ P.Cruchon SJ, *Initiation à La psychologie Dynamique*, pp.55-56.

⁵⁴ Ibid.

CHƯƠNG 14

THANH LUYỆN CÁC ĐAM MÊ II

B. THÓI XẤU LIÊN QUAN ĐẾN NÓNG GIẬN

5. GIẬN DỮ

Tư Tưởng

Ký ức những người đã làm cho chúng ta đau khổ, sai trái mà họ đã làm cho chúng ta; sự ức chế đối với họ; lên kế hoạch trả thù.

Hình Thức

- Đột nhiên ngọn lửa giận hờn nổi lên, một sự thôi thúc chống lại những người đã làm hại chúng ta hoặc những người đã nhìn thấy chúng ta làm chuyện sai trái.
- Ánh sáng của ngọn lửa đang âm ỉ ở trong; hoặc chúng cũng phát lộ ra ngoài với những lời lẽ và hành động (tính hướng nội hoặc hướng ngoại).
- Kéo dài quá lâu hoặc không dậy nổi và gục ngã trở lại (mạng tính phụ hoặc chính).
- Khi nó xảy ra và chuyển thành tình trạng bức bối thì nó gây ra nhiều vấn đề ở thể lý, những cơn ác mộng (nhiều hình ảnh biểu hiện của hình ảnh báo thù...cơn giận dữ cứ thế thấm nhập vào vô thức).

Sự Công Kích

Ở đây chúng ta có thể lưu ý vài điểm công kích của cơn giận dữ, nó không ngoài một sự bộc lộ cảm tính. Có một sự phân biệt thiết yếu giữa sự công kích lành mạnh và sự công kích không lành mạnh. Sự công kích không lành mạnh khởi đầu làm cho nó thất bại trong một con đường thù hận và không chút xây dựng đối với người khác hoặc đối với chính nó (thông đồng). Điều này chất chứa lòng căm thù đối với đối tượng của nó. Trái lại, sự công kích lành mạnh đáng và lành mạnh có thể giúp một người đối diện với nhiều khó khăn và nguy hiểm của sự hiện hữu với lòng quảng đại hoặc can đảm: để dự phóng làm gì, không chắc thành công; khắc chế được tính xác thịt và mục đích để phục vụ lý tưởng cao thượng kiên trì cho tới cùng. Nếu không có sự thúc đẩy quan trọng này thì không ai có thể đáp trả được một cách đúng đắn ơn gọi của mình. Các đan sĩ tiên khởi đã hiểu được điều này: “lý trí hoạt động theo bản năng khi những điều kiện sau được thực tại hóa tính ham muốn nhục dục thì đòi hỏi phải tiết dục, tính nóng nảy chiến đấu cho nó; cuối cùng lý trí gắn liền với việc chiêm ngưỡng mọi tạo vật” (Evagrius, Praktikos 86, p.37).

Nếu như sự ham muốn nhục dục đòi hỏi và làm cho người ấy nản lòng, nếu nhu cầu đón nhận sự quý trọng và tình yêu không được thỏa mãn, nếu như môi trường xung quanh làm cho con người quá đau khổ thì sự công kích có thể tìm được lối thoát cho thái độ thù hận, hoặc chiếm giữ hình thức theo hướng cản trở, chán nản, làm tê liệt niềm hy vọng, tự quy hoặc trở lại với sự ức chế, mâu thuẫn hoặc chủ nghĩa hoàn thiện trong ước muốn.

Sự mất mát mang tính trầm trọng nhất là tính mầu tử do người con tiếp nhận những cường chế mang tính xã hội và đạo đức. Chính những khó khăn này nhằm để cứu chữa về sau này và nhờ vào nguồn mạch của nhiều thái độ nổi loạn cũng như tranh chấp,

Một ước muốn thái quá đối với quyền lực và thiết yếu trong việc đánh lừa chính mình, áp đặt trên người khác đôi khi ở bất cứ giá nào, với những người độc thân là một sự diễn tả sự thất bại tình dục.

Sự gây hấn thù nghịch có thể bộc lộ ra những hành động hay lời nói (những sự nhục mạ, nói xấu, vu khống), hay cách kín đáo, ví dụ qua sự châm biếm, được người Pháp xem (như khác với sự mỉa mai, chế nhạo, giễu cợt, vốn mang tính xúc phạm hơn và bông đùa), ít nhất là khi nó phát sinh trên người ta và không phải là ý tưởng, thường là do những tà tâm hoặc ác ý đối với người khác. Sự hài hước là một hình thức hết sức tế nhị của sự châm biếm. Khi người ta biết vận dụng một cách tốt lành trong việc điều khiển chính mình thì nó có thể trở thành một hình thức tinh tế trong tình bác ái huynh đệ, một thứ tình bác ái không làm cho người khác đau khổ nhưng đúng hơn là để chữa lành bằng việc giúp họ nắm giữ những lời nhắc nhở nhẹ nhàng trong thái độ hoặc ý kiến của họ xúc phạm đến người khác.

Có nhiều hình thức ẩn kín của sự thù hận vốn tồn tại và kéo dài âm ỉ, tập trung hoàn toàn vào một con người đặc biệt và hệ quả là có nhiều ác ý và làm tổn thương đối với tình yêu đồng loại. Đây là sự ghen tị, giận hờn và thù ghét.

Sự giận hờn và ghen tị xuất phát từ một vết thương của sự xúc phạm mà ai đó đã làm đối với chúng ta, lòng bác ái của chúng ta không đủ lớn để tha thứ, trong khi không nhất thiết phải thù ghét. Thù ghét, trái lại là một khuynh hướng gây hấn chứ không chỉ là cảm giác, ngoài ra do đã đồng tình, đã muốn và đã tự nguyện chấp nhận, như vậy có thể đang phạm tội sát nhân trong lòng rồi như thánh Gioan đã quả quyết với chúng ta (1Ga3,15).

Cũng có một thứ nhiệt tâm xấu đôi khi có họ hàng với sự ghen tị. Một người có lòng ghen tị thì không biết chia sẻ gì cả. Những nhu cầu của người có lòng ghen tị thường trái mùa và cổ chấp, nói chung họ khơi dậy một sự chống đối những gì họ gặp phải, bởi vậy càng cho thấy họ ít được thôi thúc bởi lòng mến thay vào đó là sự ham muốn hỗn tạp chất chứa oán hờn cố hữu để thi hành bốn phận cách bất buộc mà chẳng có chút lòng mến. Tóm lại, người có lòng ghen tị thì chỉ biết đặt sự công bằng lên trên tình thương.

Phương Dược

- Trước hết là quảng đại với chính mình rồi hãy quảng đại với người khác. Nếu một người nào đó tàn bạo với chính mình thì một cách minh nhiên họ cũng tàn bạo với người khác.
- Lòng thương. Thay vì trừng phạt ai đó, thì hãy cố gắng hiểu họ bằng chiều sâu con tim.
- “Đừng phạm tội: chớ để mặt trời lặn mà cơn giận vẫn còn” (Ep4,26). Hãy làm hòa với người anh em cả trong lẫn ngoài trước khi đi ngủ, mặt khác có nguy cơ cơn giận đó sẽ âm ỉ trong tiềm thức suốt đêm. Lời cầu nguyện của ngày hôm sau và sự bình an của tâm hồn sẽ bị suy giảm và bị vẩn đục⁵⁵.
- Khi anh giận người anh em, nhất là nếu người anh em giận anh: “thì hãy để của lễ lại đó trước bàn thờ, đi làm hoà với người anh em ấy đã, rồi trở lại dâng lễ vật của mình” (Mt5,23-24). Bằng không giờ cầu nguyện của bạn sẽ bị quấy rầy. Hãy cầu nguyện cho người anh em và yêu thương người anh em ấy (Mt5,44). Hãy làm những gì có thể làm được cho người ấy (Rm12,18-21). Nghĩa vụ đầu tiên của bác ái là để chữa lành sự gây hấn của người ấy đối với bạn.

⁵⁵ “Nếu người anh em của anh làm anh bức mình thì đừng do dự đến với người ấy và đừng do dự mời người ấy đến nhà anh và đồng bàn với người ấy, bởi làm như vậy linh hồn anh sẽ được tự do và anh sẽ không còn bất cứ cản trở nào khi anh cầu nguyện” (Evagriô, Các Đan Sĩ (Monks), 15).

“Khi dưới một vài sự kích động hoặc ở một nơi dễ cấu của tâm hồn chúng ta bị khuấy lên thì chính giây phút đó ma quỷ sẽ gợi ý cho chúng ta nhiều sự thuận lợi của cô tịch hòng ngăn cản chúng ta chấm dứt nguyên do sự buồn phiền và thoát phiền não. Chính khi sự ham muốn thể tục bùng cháy trong chúng ta thì nó khiến chúng ta một lần nữa phải tìm kiếm sự đồng hành thân thiện của những con người, đã gợi chúng ta một cách nhần tâm và bất lịch sự để đưa chúng ta vào trong sự tiếp xúc với những đối tượng của sự thèm muốn nơi chúng ta. Không giải bày những nỗi lòng riêng đang âm ỉ; trái lại, cứ theo tiến trình hoàn toàn trái ngược.

Hãy cẩn trọng đừng để những tư tưởng giận hờn đi vào hoặc trao mình cho chúng, bằng cuộc chiến nội tâm với những người đã làm phật ý bạn. Và lại không chỉ có những tư tưởng gian dối mà cả hình ảnh thú vui thể gian cũng rất sinh động. Một mặt làm cho tâm hồn ra tối tăm, mặt khác mời mọc đam mê bùng cháy. Cả hai làm cho lòng bạn ra dơ bẩn và bởi vậy bạn không thể dâng cho Thiên Chúa lời cầu nguyện thanh khiết được. Vì trở thành nạn nhân của sự ngã lòng nên bạn sẽ có nguy cơ nguội lạnh. (Evagrius, Praktikos, 22 và 23, p.22).

- Hãy sử dụng năng lực công kích một cách tích cực trong cuộc chiến chống lại các đam mê và cuộc chiến đấu trong cầu nguyện. Đừng nuông chiều cả thân xác lẫn tâm hồn.

6. NGUỘI LẠNH

Nguội lạnh là một từ Hy Lạp khó có thể chuyển tải hết sang Tiếng Anh: chán chường, mệt mỏi, vô dụng, ghê tởm, thất vọng... v.v. Đó chẳng qua chỉ là một vài thành tố của nó mà thôi. Là một trạng thái của tâm hồn sui generis và có liên quan tới sự cô tịch. Người đan sĩ sẽ không nhìn thấy bất cứ ý nghĩa gì trong đời sống của mình nữa. Đó là một cảm dỗ nặng nề nhất trong tất cả. Nó bủa vây tất cả con người đan sĩ và đặc biệt nó làm cho lý trí ra tối tăm. Đó là một căn bệnh nan giải của linh hồn. Đây là một phác họa cổ điển:

“Con quỷ “nguội lạnh” cũng được gọi là con quỷ ban trưa, là một loại gây nhức nhối nhất trong tất cả. Nó thúc dục một cuộc chiến trên người đan sĩ vào khoảng giờ thứ 4 và bao vây linh hồn cho tới giờ thứ 8 (khoảng từ 10g sáng tới 2g chiều). Trước tiên nó làm cho như thể mặt trời di chuyển quá lâu và một ngày kéo dài tới 50 giờ. Rồi nó làm cho người đan sĩ hay nhìn ra cửa sổ, đi ra khỏi căn phòng, siêng năng nhìn lên mặt trời để xem còn bao lâu nữa thì đến giờ thứ 9, nhìn đây đó xem có ai đến thăm mình không. Thế rồi nó truyền dần vào lòng người đan sĩ một sự thù ghét nơi ở, ghét chính đời sống của mình, ghét làm việc chân tay. Nó làm cho người đan sĩ nhớ lại tình bác ái đã đánh mất giữa anh em đồng loại, rằng không ai động viên cả. Nếu có ai đó ở giai đoạn này làm chướng tai gai mắt cách này, cách khác thì con quỷ này thường đưa người ấy đi xa hơn vào sự thù ghét. Con quỷ này dẫn người ấy đi vào sự thèm khát một nơi ở khác, để có thể dễ dàng tìm kiếm những nhu cầu cần thiết hơn cho đời sống, để làm việc hơn và có thể thực hiện được một thành công thực sự cho riêng mình. Sau đó, nó tiếp tục gợi ý rằng đây không phải là nơi để đặt cơ sở cho việc làm đẹp lòng Thiên Chúa. Thiên Chúa phải được thờ phượng mọi nơi. Nó nối kết những suy nghĩ hiện tại với những kỷ niệm về những con người đáng kính và những hình thức sống trước đây. Nó vẽ ra một đời sống quá sức con người với thời khắc dài đằng dặc và nó đem đến trước mắt tâm trí sự kéo lê của cuộc chiến khổ chế và như đã nói, nó dùng đủ mọi cách để xui khiến người đan sĩ rời bỏ phòng mình đồng thời rút lui khỏi cuộc chiến. Một khi người đan sĩ chiến đấu trong cuộc chiến này và thu hoạch được hoa trái bình an sâu xa và niềm vui bất diệt thì không một con quỷ nào có thể lại gần những bước chân của họ. (Evagrius, Praktikos, 12, pp.18-19).

Phương Dược

- Có thể nói: “khi nhận ra sự nguội lạnh (acedia) cũng là lúc đạt được bình an” (B.ward (dịch)), Giáo Huấn Của Các Vị Linh Phụ Sa Mạc (The Sayings of the Desert Father), 149 (London: Mowbray, 1975), P.158). Tuy nhiên, có một yếu tố của sự nguội lạnh vốn hay bị che khuất bởi tầm nhìn. Vị linh phụ hay một anh em có khả năng khai thông ánh sáng cho người đang chịu đau khổ.

- Nước mắt sám hối và niềm hy vọng được dưỡng nuôi bằng Lời Thiên Chúa:

“Khi chúng ta gặp con quỷ nguội lạnh thì hãy dùng nước mắt để tách tâm hồn mình thành hai. Một phần là quảng đại. Phần khác là đón nhận sự quảng đại. Bởi vậy chúng ta sẽ gieo hạt giống của niềm hy vọng bền vững nơi chính chúng ta trong khi cùng với thánh vương David, chúng ta hát lớn: “hồn tôi hỡi, có sao phiền muộn? Xót xa phận mình mãi làm chi? Hãy cậy trông Thiên Chúa. Tôi còn tán tụng Người, Người là Đấng cứu độ, là ánh sáng chỉ đường, là Thiên Chúa của tôi” (Tv41,6). (Evagrius, Praktikos, 27, p.23)⁵⁶.

- “Sự nguội lạnh được thẩm định bằng đức kiên nhẫn và nước mắt sám hối”

- Sự kiên định trong phòng: “Lúc cảm dỗ không phải là lúc rời bỏ căn phòng, tuy nhiên đó cũng là những cái cớ khéo léo mà người ta có thể tìm thấy. Hãy can đảm vứt bỏ tất cả những gì mà chú quỷ đã gây ra trên bạn, nhưng trên hết hãy đương đầu với con quỷ nguội lạnh, chính nó là đầu mối gây đau thương nhất và cũng vì đó mà nó sẽ tác động lớn nhất trên sự thanh luyện của tâm hồn. Tuy nhiên trên thực tế người ta thường chạy trốn và không muốn đối đầu một cách vững về, hèn nhát và sợ hãi với các loại thần dữ”. (Evagrius, Praktikos, 28, p.24).

- Hãy suy nghĩ về sự chết sắp xảy ra:

“Vị thầy thánh thiện và khổ hạnh nhất của chúng ta đã từng khẳng định rằng đan sĩ luôn sống như là ngày mai sẽ chết đi, tương tự đan sĩ cũng hãy coi như thân xác mình như thể còn sống nhiều năm và sẽ còn tiếp tục sống. Vì ngài đã nói rằng nhờ tình trạng thứ nhất mà người ấy có thể cắt đứt được mọi tư tưởng đến từ sự nguội lạnh và do đó sẽ sốt sắng nhiệt thành hơn trong những thực hành đời sống đan tu của mình, nhờ ý tưởng thứ hai người ấy sẽ duy trì được sức khỏe thân xác mình và bảo vệ được sự nguyên vẹn của đức khiết tịnh” (Evagrius, praktikos, 29, p.24).

“Quả thật, nếu mỗi ngày sống chúng ta cứ sống như là chúng ta sắp đến giờ chết thì chúng ta sẽ không dám phạm tội...mỗi ngày khi thức giấc chúng ta nghĩ rằng tối nay chúng ta sẽ không còn sống nữa và cứ như thế trước khi đi ngủ chúng ta nghĩ rằng ngày mai chúng ta sẽ không thức giấc nữa” (Thánh Athanasio, Đời Sống Thánh Antôn 19, p.36)⁵⁷.

- Hãy tiếp diễn một cách thư thái nhịp điệu khỏe mạnh của cầu nguyện và lao động để tạo thành kỷ luật đan tu. Trong thử thách này chính nhờ sự nâng đỡ lớn lao mà bạn có thể giữ được sự quân bình. Đừng bao giờ ngưng lại.

'Khi thánh Viện Phụ Antôn sống trong sa mạc, ngài đã bị thói lười biếng bủa vây và bị nhiều tư tưởng tội lỗi tấn công. Ngài thưa với Chúa: “Lạy Chúa! Con muốn được cứu độ nhưng những tư tưởng này không để con yên; con phải làm gì đây? Làm sao con mới được cứu độ?” Chỉ một lát sau, khi Antôn chỗi dậy đi ra ngoài, ngài đã nhìn thấy một người đàn ông giống mình đang ngồi làm việc, rồi lại

⁵⁶ Đây là phương pháp “Anti-rhetorical”, thay những tư tưởng xấu bằng một câu Kinh Thánh thích hợp.

⁵⁷ Trans. Robert T. Meyer (New york, Newman Press)

ngưng việc để cầu nguyện, rồi lại ngồi xuống và đan một dây thừng, rồi lại ngưng việc để cầu nguyện. Đó chính là một thiên thần của Thiên Chúa được sai đến để chỉ dẫn và an ủi ngài. Ngài nghe thiên thần bảo rằng: “hãy làm như vậy và người sẽ được cứu độ”. Khi nghe những lời đó, Antôn tràn ngập niềm vui và được thêm can đảm. Ngài đã làm như vậy và ngài đã được cứu độ' (Ward, Sayings, p.1).

Sự bình an đó đến ngay sau cuộc chiến đấu, sau sự khô khan (acedia) là hesychia. Đối với các đan sĩ xưa, nếu ai đó chỉ muốn tin tưởng vào Thiên Chúa, nương tựa vào Người, kết hợp với Người, duy trì sự tín thác nơi Người, sống đơn điệu, âm thầm lặng lẽ, (Lamentationcaical 3,27-28), chia sẻ đau khổ với Chúa Kitô, thì kết quả không còn nghi ngờ gì nữa là họ sẽ được chia sẻ niềm vui của Người và được đi vào Vương Quốc của Người.

“Đức tin của con đã cứu con. Hãy đi bình an!”



CHƯƠNG 15

THANH LUYỆN CÁC ĐAM MÊ III

THÓI XẤU LIÊN QUAN ĐẾN KIÊU CĂNG TỰ PHỤ

7. KIÊU CĂNG

Các đam mê kiêu căng và tự phụ có họ hàng gần gũi. Chúng tấn công linh hồn từ nhiều đam mê khác nhau như đã nói, bởi sau khi các thói xấu khác đến, chúng sẽ đi vào hình ảnh.

Tính khoe khoang nằm ở bề mặt nhiều hơn tính tự phụ, nhưng nó rất độc hại đồng thời là cửa ngõ cho những thói xấu nguy hiểm đi vào, đó là một tội thuộc tinh thần. Có một loại kết nối giữa hai đam mê này - rất khó để phân định chính xác giữa chúng, nhưng không quan trọng.

Vì chỉ được bộc lộ bằng lời phù phiếm, nên phải phô trương, cần có những vẻ bên ngoài được nhiều con mắt khác khâm phục, thường được nguy trang dưới sự thiếu thốn những giá trị sâu xa hơn rằng đó thực sự là khát vọng chính đáng. Sự khoe khoang là một loại “xông hương” ẩn trong một nội tâm trống rỗng và trong một con người tự đắc, vạch trần một nhu cầu để cho tư tưởng được sạch - ít nhất là ở mức độ bên ngoài - dù người ấy khó có thể phỉnh gạt bởi điều này.

Sự khoe khoang của con người được nuôi dưỡng bằng tất cả những gì dối trá. Nó hoạt động nơi một thách đố dễ dàng và một tâm hồn xảo quyệt, ở đó sự nhạo báng pha lẫn với thói khinh thị, nó tìm sự hậu thuẫn nhờ phô trương hơn là công trạng thực sự.

“Tin là điểm chung của người Pháp. Một người không muốn quan trọng hóa mình. Nhưng cũng là bình thường thôi; một nét riêng của người Pháp. Sự khoe khoang đại kờ này thuộc về riêng chúng ta,

người Tây Ban Nha ngoài kiêu căng, còn ồn ào nữa. Bởi vậy sự tự phụ của họ đối với tôi nằm ở một từ, đúng là dốt nhưng không đến nỗi là không có lý.”⁵⁸ (Bài thơ La Fontaine)

Tư Tưởng

“Thần khí kiêu căng là xảo quyết nhất vì nó luôn sẵn sàng đi vào những con người thực hành nhân đức. Nó dẫn họ đi vào khao khát thực hiện những chiến công hiển hách được mọi người biết đến, tìm kiếm lời khen ngợi của thiên hạ. Đến giờ nó dẫn đưa họ nổi lại mộng tưởng với những người phụ nữ, hoặc tới việc lắng nghe những âm thanh thích thú giống như tiếng la hét của quỷ hay hình ảnh đám đông dân chúng chạm vào tua áo của họ. Thần khí này còn hứa hẹn họ được làm thầy tu. Rằng có nhiều người đến gõ cửa, tìm gặp họ. Nếu đan sĩ không sẵn sàng thỏa hiệp với đòi hỏi của chúng thì người ấy bị hạn chế lại và bị tách biệt. Theo đó, người ấy đạt tới tầm mức cao nhờ niềm hy vọng hão huyền thì con quỷ ẩn mình vào đó và người ấy phải tháo lui để rồi bị con quỷ tự phụ hoặc con quỷ buồn phiền cảm dỗ, chúng đeo vào lòng người ấy những tư tưởng mâu thuẫn với niềm hy vọng của người ấy. Cũng xảy ra trong thời điểm này là có người trong thời gian ngắn trước đó là một thầy tu thánh thiện, nay lại khơi mào cho sự bất toàn rồi được giao nộp vào tay con quỷ ô uế, để mặc nó gieo rắc.” (Evagrius, Praktikos,13).

Hình Thức

- Sự khoe khoang về thể chất, những thuộc tính khả dĩ thấy được ví dụ như cái đẹp thể lý.
- Sự khoe khoang về những món quà thiêng liêng.
- Sự kiêu căng sinh ra từ nhân đức ngay như một người đã thoát khỏi nó.
- Sự khoe khoang đầu đầu cũng có. Nó cầm giữ nhiều hình thức, một số hình thức trong đó đã thâm nhập cách tinh vi (trên tất cả các nam nữ đan sĩ), đôi khi thật buồn cười (từ những ánh mắt của con người tự cao tự đại, tự đưa mình vào mức độ trầm trọng). Đây là một vài đoạn văn minh chứng điều ấy. Cassian đã chỉ trích về những tập sinh của các “Linh Phụ Sa Mạc”:

“Những người khai tâm và những ai chỉ thăng tiến một cách xoàng trong đạo lý và tri thức thì không thoát khỏi thói kiêu căng được. Giọng hát của họ có thể là một cái cơ để họ tự thổi phồng mình lên - giọng hát thánh ca của họ du dương chừng nào! - hay điều kiện xấu của họ hay hình dáng cao thượng của họ; hay sự giàu sang của cha mẹ họ, hay họ đã khước từ đời sống quân ngũ và những địa vị cao trọng.

Đôi lúc nó cũng thuyết phục họ rằng nếu như họ ở ngoài thế gian họ sẽ sớm được giàu sang và có chức quyền, mà sự thật chẳng bao giờ có được bảo đảm như thế. Họ trở nên tự mãn với niềm hy vọng hão huyền, niềm hy vọng này rơi vào những ước mơ phù du chóng tàn, và họ bắt đầu tự cao tự đại trên những gì họ chẳng bao giờ có được như thể là họ đã từ bỏ chúng.” (Institutes,XI,13).

⁵⁸ “Se croire un personnage est fort commun en France.
On y fait l’homme d’importance,
et l’on n’est souvent qu’un bourgeois:
c’est proprement le mal français.
La sottise vanite nous est particulière
Les Espagnols sont vains, mais d’une autre manière.
Leur orgueil me semble, en un mot,
Beaucoup plus fou, mais pas si sot.” (La fontaine)

Và hơn nữa:

“Nếu con quý (ban trưa) không thể làm cho người ấy tự đắc bằng lối ăn mặc đúng đắn và lịch sự thì nó cũng gợi ý để người ấy mặc áo Dòng thiết bản, lối thôi lếch thếch và kém giá trị; nếu như nó không thể chiếm đoạt người ấy bằng sự khoe khoang thì nó chiếm đoạt người ấy bằng sự khiêm tốn; nếu như nó không thể khiến người ấy vênh vang nhờ kiến thức và tài hùng biện thì nó sẽ đưa người ấy tới sự tiếc nuối cô tịch của mình. Nếu một người đàn sĩ ăn chay trước mặt người khác thì người ấy bị cảm dỗ phô trương sự hy sinh của mình; nếu người ấy ăn chay cách thầm kín và khinh miệt thói phô trương thì nó sẽ chống đối người ấy đủ mọi cách. Người ấy tránh xa việc kéo dài những giờ cầu nguyện của mình trước mặt anh em đồng tu trong Dòng để thoát khỏi tính phô trương; nhưng khi người ấy làm như thế trong thầm kín mà không ai nhìn thấy thì điều này cũng trở thành vũ khí chiến đấu của sự kiêu căng.” (Institutes, XI, 4).

Các Linh Phụ quả chí lý khi so sánh thói xấu này với một ý kiến:

“Mọi lúc bạn bóc đi một lớp thì lại có các lớp khác và khi bạn hủy bỏ cái tiếp theo, thì vẫn xuất hiện cái tiếp nữa.” (Institutes, XI, 5).

- Gần thời đại chúng ta (thế kỷ 20) có Hoàng tử nhỏ của thánh Exupéry, người đã du hành qua các vì sao. Khi đến hành tinh thứ hai ngài đã nhìn thấy một con người tự cao tự đại... Hành tinh thứ hai được một người đàn ông kiêu căng tự phụ sống.

“A! A! Tôi sẽ đón nhận một người ngưỡng mộ đến thăm tôi!” Từ xa người ấy reo lên khi lần đầu người ấy bắt gặp Hoàng tử nhỏ. Vì đối với những người kiêu căng tự phụ thì người khác đều là những người ngưỡng mộ họ. Hoàng tử nhỏ nói: “chào buổi sáng”. “Đó là một chiếc mũ ngài đang đội.”

Người kiêu căng tự phụ trả lời: “đó là chiếc mũ thay cho lời chào”. “Nó dùng để nâng lên trong cung cách chào khi người ta muốn hoan hô tôi. Đáng tiếc thay chẳng ai dùng cách này.” Không hiểu người kiêu căng đang nói gì, nên Hoàng tử nhỏ nói: “vậy sao?”

Người đàn ông kiêu căng giờ lại tự cho rằng “vỗ tay là khiêu khích người khác”. Hoàng tử nhỏ vỗ tay. Còn người đàn ông kiêu căng đã nâng mũ mình lên để chào.

Hoàng Tử nhỏ tự bảo rằng: “sự tiếp đón này hơn cả một vị vua”. Và hoàng tử bắt đầu vỗ tay một lần nữa, như một sự khiêu khích người khác. Người đàn ông lại nâng mũ lên để chào.

Sau năm phút của bài tập này hoàng tử nhỏ đâm ra mệt mỏi với trò chơi đơn điệu này.

Hoàng tử đặt vấn nạn: “vậy người ấy nên làm cái gì để chiếc mũ được hạ xuống?”

Nhưng người đàn ông đã không nghe theo. Những người kiêu căng không bao giờ nghe cái gì ngoài lời khen. Người ấy hỏi hoàng tử rằng: “ngài thực sự ngưỡng mộ tôi nhiều lắm phải không?”.

“Ngưỡng mộ” -nghĩa là sao?”

“Ngưỡng mộ có nghĩa là ngài coi tôi là người đàn ông đẹp nhất, phong độ nhất, giàu có nhất, thông minh nhất hành tinh này”.

“Nhưng ngài là người đàn ông duy nhất trên hành tinh của ngài”

“Hãy làm cho tôi điều thân ái này là chỉ ngưỡng mộ mình tôi.”

“Hoàng tử nhỏ nhún vai trả lời cách qua loa: “tôi ngưỡng mộ ngài”, “nhưng có gì để quan tâm ngài nhiều như thế?”

Và hoàng tử nhỏ đã bỏ đi.

Người ấy đang tự nói với mình đang khi vẫn tiếp tục hành trình⁵⁹ của mình: “sự trưởng thành chắc chắn là dư thừa”

Phương Dược

- “Tôi nhìn thấy con quỷ kiêu căng bị gần như tất cả các con quỷ khác xua đuổi và khi bị ngã xuống, thì một cách vô liêm xỉ, chúng kéo lại gần và mở ra một danh sách dài về các nhân đức của mình” (Evagrius, Praktikos, 31).

- Nguy hiểm là sự kiêu căng lớn dần theo nhân đức. Sự nỗ lực khổ chế không thể trục xuất nó, hơn nữa nhiều lúc còn gia tăng sự kiêu ngạo. Chỉ có ánh sáng chiêm niệm và kinh nghiệm bền vững về Thiên Chúa mới có thể giải thoát chúng ta khỏi những gì thuộc về thế gian và sự hư ảo của chúng. Chỉ có người đã được cảm nếm Thiên Chúa thì mới không tìm kiếm vinh quang nào ngoài vinh quang trong Ngài. Hơn nữa, người ấy còn có kinh nghiệm Chúa Kitô sống trong mình (Gl 2, 20) đồng thời nhân đức chỉ có trong Chúa Kitô.

- Chúng ta đừng bao giờ làm bất cứ điều gì để được người khác nhìn thấy và để cho người ta khen. Đó là điều mà người Phariseu đã làm (Mt 23, 5; 6, 1-6). Hãy làm mọi sự cho vinh quang và tình yêu của một mình Thiên Chúa trước nhan⁶⁰ Người.

- “Các ông tôn vinh lẫn nhau và không tìm kiếm vinh quang phát xuất từ Thiên Chúa duy nhất, thì làm sao các ông có thể tin được?” (Ga 5, 44).

- Đối với phương dược mang tính tổng hợp hơn thì thường dùng cho những người có tính tự phụ.

8. TỰ PHỤ

Tư Tưởng

“Con quỷ tự phụ là nguyên cớ độc hại nhất làm cho linh hồn sa ngã. Vì nó cám dỗ đan sĩ khước từ Thiên Chúa là Đấng phù trợ mình và xem chính mình là nguyên nhân của mọi hành động nhân đức. Xa hơn, người ấy có một cái đầu lớn trong cái nhìn về anh em đồng môn, người ấy xem mọi người là ngu dại bởi vì đã không có cùng ý kiến như người ấy.

Sự giận dữ và buồn phiền đi theo sát gót chân của con quỷ này và sau cùng nó đi vào chuỗi những tệ nạn lớn nhất - sự rối loạn tâm lý (ekstasis!), hợp với những lời lầm nhảm hoang dại và những ảo giác của cả tập thể quỷ ở dưới bầu trời.” (Evagrius, Praktikos, 14).

Hình Thức⁶¹

⁵⁹ A. de Saint-Exupéry, The Little Prince, Trans. Katherine Woods (London: Pan, 1974), PP.40-42.

⁶⁰ cf. George Herbert: “xin dạy con, lạy Thiên Chúa và là Vua của con!”

⁶¹ Có nhiều mô tả cụ thể về các tập sinh kiêu ngạo nơi Cassian (Institutes XII, 27) cho thấy bản tính con người không thay đổi bao nhiêu ngay từ thời đại của ngài. Suốt cuộc đối thoại tập sinh có lắng tai nghe là để chống đối lời thầy dạy, rồi cứ bồn chồn như thể mình đang ngồi trên đồng gai nhọn vậy.

Chúng ta cần phân biệt giữa sự kiêu căng theo bản năng của chúng ta, sự kiêu căng hống hách và sự kiêu căng thiêng liêng.

A. Sự Kiêu Căng Hống Hách:

Đây là một mục tiêu chắc chắn của nhiều khuynh hướng công kích vốn không tìm thấy điều gì để chống lại ai đó hay tài sản của họ, nhưng hơn thế nữa còn tạo ra một vị trí cao hơn đối với ai đó, áp đặt lên họ bằng sức mạnh nếu thấy cần thiết nhưng không hẳn nhất thiết phải nhờ đến sức mạnh. Đây sẽ là sức mạnh và là sự chi phối của người khác khiến lộ ra gốc rễ của sự kiêu căng, chính sự quan tâm của nó là tuyệt đối và nó ưu tiên chính nó trên hết. Bởi lẽ tính kiêu ngạo nằm trong sự tàn nhẫn của con người muốn thống trị người khác và cả thế giới.

Óc quyền lực được đặt trên bản năng thú tính của thứ bậc xã hội để rồi thúc ép một cá nhân trong tập thể tìm kiếm địa vị ban đầu bằng việc đe dọa sự yên ổn. Địa vị thống trị còn được tái thiết bao lâu nhờ vào sự phô trương cách tinh vi cũng như bằng sự xung đột trực diện, bằng ngôn ngữ thân thể thì một tiếng chọn lựa sẽ trấn áp sự đáp trả...

B. Sự Kiêu Căng Thiêng Liêng:

Sự kiêu ngạo đóng vai trong cuộc chiến dành sự thống trị phân biệt với ý muốn quyền lực, ngay cả sự khiêm tốn và mềm dẻo, đối nghịch với sự kiêu căng cũng khác với sự ngoan ngoãn và vâng phục. Sự kiêu ngạo là một tội thuộc về tinh thần hơn là một sự thúc đẩy bản năng. Một người nào đó có vẻ rất tự hào với lớp vỏ của sự khiêm hạ và không có ý muốn áp đặt ý muốn mình trên người khác - để lại trong trí tưởng tượng ngang qua sự bồi bổ những chứng hoang tưởng tự đại. Điều ấy đủ để nhiều người tin rằng mình hơn người khác trên hết, kiêu ngạo luôn có một ý tưởng tự thổi phồng mình lên.

Điều này không thể lẫn lộn sự tôn trọng khách quan, hay một sự ganh đua xứng hợp, bao gồm cả lòng khao khát sự trưởng thành của bản tính con người. Cũng không loại trừ lòng quảng đại tinh thần để rồi khao khát những gì lớn lao. Không loại trừ một sự làm cao⁶² do rối loạn thần kinh chức năng hướng về một mục đích có thể tha thứ được khi nó xuất phát từ một sự thất vọng trong tính dễ xúc động. Tự phụ là ý muốn một cách trái phép quy mọi công trạng dù thật hay không, cho chính mình. Trên thực tế, mọi ân ban của chúng ta - Lời Chúa nói - đều xuất phát từ Thiên Chúa. Chúng ta chỉ là những trung gian, có nhiệm vụ chuẩn bị cho tốt một sự đáp trả dựa trên số vốn chúng ta đã nhận được. Chúng ta không phải là những ông chủ. Sự tự phụ tự ti trong mọi sự hay coi mọi sự là xứng đáng thuộc về nó. Sau hết nó chiếm hữu vị trí Thiên Chúa. Đây là một cuộc nổi loạn của thần Prômêthê thuộc thuyết vô thần hiện đại. Nó được quảng diễn trong non serviam (không phục vụ) để khước từ vâng phục Thiên Chúa.

Ở một mức độ nào đó, những giá trị mà chúng ta có được không thể không nhờ đến sự trợ giúp của người khác, từ những môi trường xung quanh như xã hội, gia đình, chúng ta thác nối vào mình một sự phong phú của sự tiến bộ và văn hóa được các thế hệ đi trước tài bồi.

Sự kiêu căng là một loại mù quáng chỉ có thể nhìn thấy sự thềm muốn về cảm giác đã qua của nó về những lệnh truyền cao quý.

Nhưng chắc chắn sự kiêu căng nguy hiểm nhất đối với đan sĩ là sự kiêu căng thiêng liêng, nó làm cho đan sĩ thấy nguồn gốc của những hành động tốt lành, thực hay ảo, về chính mình. Nó làm cho đan sĩ đổ

⁶² Ở đó hình thức rối loạn tâm lý cũng chính là chứng hoang tưởng.

vỡ về nhân đức và sau cùng nó nói với các linh phụ về sự cuồng loạn (một gương xấu của Nietzsche xuất hiện trong tâm trí). Tự phụ là một sự lệch lạc nghiêm trọng trong suy nghĩ đúng đắn, một sự loại trừ trật tự mọi sự. Kinh nghiệm tối đa của nó chỉ có thể là sự cuồng loạn; trên thực tế, nó khó mà tiến xa hơn được.

Phương Dược

“Hãy nhớ lại đời sống trước đây và những tội trong quá khứ của bạn đồng thời dù bạn đã bị các đam mê trói buộc thì làm sao bạn lại thờ ơ với lòng nhân hậu của Chúa Kitô. Hãy nhớ rằng bạn đã rời bỏ thế gian hèn hạ và nhiều chuyện rắc rối đã kéo bạn xuống thấp. “Hãy phản tỉnh (như lời Chúa Kitô): Nơi sa mạc, ai sẽ bảo vệ bạn? Ai sẽ trừ con quỷ đang muốn nghiền nát bạn?” Chính những tư tưởng một cách tiệm tiến sẽ làm cho thâm nhuần sự khiêm tốn trong chúng ta và sẽ ngăn chặn con quỷ kiêu căng xâm nhập chúng ta”. (Evagrius, Praktikos,33).

- Kẻ thù của kiêu căng là khiêm nhường. Khiêm nhường là sự quân bình nhất và xua tan sự hư ảo vốn mở đường cho sự kiêu ngạo. Tính vị kỷ của nó thì không khốc liệt và tố cáo, nhưng quân bình và thực tế. Nó là một khả năng phán đoán về những khuynh hướng, là một khả năng phán đoán về những công bằng đích thực. Thấy được sự triển nở vô biên của Nước Trời và tình yêu chịu đóng đinh vào Thánh Giá, nó biết mình vô dụng và đang ở xa đích. Nó không đòi hỏi gì hay đeo mặt nạ, cả cho chính mình lẫn người khác. Nó sống như những gì mình có. Đó là sự thật.

- Bởi vì khiêm nhường không thể đạt được một cách trực tiếp nhờ sức mạnh khổ chế nên tốt nhất là tập chú sự nỗ lực của mình bằng cách sống thật và đạt được nhờ biết rõ về chính mình. Sự thật này sẽ cư ngụ trong chúng ta khi có một sự thấu hiểu chắc chắn về sự hư vô của chúng ta và lệ thuộc hoàn toàn vào Thiên Chúa, coi Người là tất cả trong ánh sáng đức tin và chiêm niệm. Chúng ta hãy sống và yêu trong sự thật này đồng thời điều này là khả thi khi chúng ta tin tưởng vào tình yêu Thiên Chúa.

- Mọi sự là ân ban của Thiên Chúa. Vì là ân huệ nhưng không nên nỗ lực cá nhân chúng ta không thể làm cho tâm hồn thanh khiết. Đó là một quà tặng của ân huệ thiêng liêng (Gc1,17). Dĩ nhiên ân sủng không thể làm được nếu không có sự cộng tác của chúng ta. Đúng hơn, nó làm cho sự cộng tác của chúng ta nên khả thi và mang lại hoa trái nhờ nỗ lực chúng ta. Thánh Phaolô, người luôn ở trong sự ngạc nhiên, đã phải thốt lên: “Không phải tôi nhưng là ân sủng của Thiên Chúa ở với tôi” (1Cr15,10; Pl2,13). Chúa Kitô cũng đã nói trong Tin Mừng Gioan: “không có Thầy anh em không làm gì được” (Ga15,5; Tv126,1-2; Rm9,16).

- Lời Thiên Chúa hứa lớn lao đến nỗi nỗ lực của chúng ta không thể sánh ví.

- Chúng ta không chỉ thắc mắc về sự khước từ ân huệ của Thiên Chúa mà còn về việc nhận biết nguồn mạch của chúng và ca ngợi Đấng đã làm ra chúng. “Có gì mà bạn đã không nhận lãnh? Nếu đã nhận lãnh, tại sao lại vênh vang như thể đã không nhận lãnh?” (1Cr4,7). Khiêm tốn không phải là một sự gièm pha bon chen (cũng như một sự dối trá thường xuyên), nhưng là hoạt động của ân sủng, đơn sơ và vui vẻ.

Người trộm lành, David sám hối và nhiều người khác trong Kinh Thánh cho chúng ta thấy được quyền năng của ân sủng và lòng thương xót. Tôi cùng với bạn đi vào việc đọc hiểu bản Kinh Thánh bằng yếu tố này.

- Khiêm nhường thật sự không phải là một sự thật trừu tượng. Nó xuất phát từ sự thật (của Thiên Chúa, thế gian và chính chúng ta), hiện hữu cách nhẹ nhàng và đơn sơ trong tâm hồn. Không ai có thể đạt

được mà không nhờ đến sự hy sinh triệt để các giá trị ở thế gian này. Đó là sự vâng phục các bề trên. Thậm chí là sự vâng phục anh chị em chúng ta nữa và bày tỏ một tình bác ái chân thành, không bao giờ làm tổn thương hay ngay cả làm phiền lòng họ. Nó kiên nhẫn chịu đựng mỗi khi gặp khó khăn và đau thương. Nó ngập lặn trong ánh sáng của Thiên Chúa và sự sống đời đời. Xuyên suốt truyền thống, nó sinh hoa trái trong tình mến, trong niềm vui và bình an⁶³.

- Thánh Augustinô nói lên kinh nghiệm của mình như sau: ích lợi biết bao cho người tự hào đang rơi vào tình trạng tội lỗi tởn tượng khi họ biết tìm một phương được chữa sự kiêu ngạo của mình. (Thành Đô Thiên Chúa, I, 14).

- Kiêu ngạo là một đam mê khó nhỏ nhất. Nhưng chúng ta hãy tin tưởng rằng: điều gì chúng ta không thể thì Thiên Chúa lại làm được, hãy để Người can thiệp vào mọi sự kiện của đời sống chúng ta, vì Người cũng là Chúa của lịch sử.

“Có một sự khiêm nhường đến từ lòng kính sợ Thiên Chúa, cũng có một sự khiêm nhường đến từ tình yêu nồng cháy đối với Thiên Chúa. Hình thức thứ nhất của lòng khiêm nhường giúp chúng ta kính sợ Thiên Chúa; hình thức thứ hai của lòng khiêm nhường là cội rễ của niềm vui. Hình thức thứ nhất giúp chúng ta khiêm tốn trong mọi sự, một sự đi vào trật tự đúng trong khả năng phán đoán và một tâm hồn ăn năn thống hối mọi lúc. Nhưng hình thức thứ hai xuất hiện trong tình trạng ít sôi nổi hơn; để rồi tâm hồn được nâng lên cao và không gì có thể điều khiển được nó” (Isaac Syria, hoặc cũng có thể là Isaac Nineveh)⁶⁴.

- Người kiêu ngạo không bao giờ muốn quy phục ai. Nó cho rằng mình luôn luôn hơn người khác. Nó chỉ muốn làm theo ý riêng của mình mà thôi. Khiêm nhường quy phục Thiên Chúa; trực tiếp qua các giới răn hay gián tiếp qua những người đại diện Thiên Chúa ở dưới đất.

Hình thức bên ngoài của sự tuân phục không ảnh hưởng tới cấp độ tinh thần, tinh thần là nơi sự kiêu căng bén rễ sâu. Trên hết, khi có mối nguy bị trừng phạt, thì hoặc là sẽ vâng phục thụ động hơn là đón nhận hoặc là rối loạn và loại bỏ mọi quyền bính. Chỉ có sự vâng phục của con cái, đón nhận với con người thật một cách tự nguyện và cái nhìn trong sáng, thì mới có khả năng biến đổi lòng con người. Thêm vào đó, nhiều người trở nên thấu hiểu nhân phẩm cũng như sự thật của chính mình và đạt được thành quả tu tập, chứ ít khi họ chịu đựng việc bị đối xử thiếu tôn trọng, họ nghĩ là do quan niệm hay cảm nhận của họ và không hiểu biết gì về vị trí được giao cho họ.

- Khiêm nhường là sự quy hướng hoàn toàn về tri thức của Thiên Chúa, Đấng đã đến với chúng ta, tri thức ấy được hấp thụ xuyên qua cầu nguyện và bác ái. Tri thức của vinh quang Thiên Chúa được quang tỏa nơi dung nhan Chúa Kitô (2Cr4,6). Sự khiêm nhường của chúng ta là dung nhan Chúa Kitô được Thánh Thần của Người khắc sâu vào lòng chúng ta. Đây là lý do tại sao sự khiêm nhường không thể hiểu được; đúng hơn nó là một mẫu nhiệm khôn ví. Chỉ có tình yêu Chúa Kitô nơi chúng ta mới có thể chữa được sự kiêu ngạo tự quy. Chúng ta hãy chiêm ngắm Chúa Kitô hầu chúng ta được nên giống Người: “hiền lành và khiêm nhường trong lòng”. Các linh phụ đáng kính đã đặt ra mẫu gương Chúa Kitô đối nghịch với Satan (Pl2,6-11)⁶⁵, khiêm nhường chống lại kiêu ngạo (Is14,13-14...). Vì thánh Augustinô đã quả quyết: “tình yêu Thiên Chúa thúc bách chúng ta coi thường chính mình” và “yêu mình thì chúng ta sẽ coi thường Thiên Chúa”

⁶³ Xem Tu Luật thánh phụ Biển Đức; 12 Bậc Kêu Ngạo của thánh Bênêđô, 4 bậc của thánh Grêgôriô trong “Moralia”.

⁶⁴ cf. The Ascetical Homilies of Isaac the Syrian, bản dịch Dana Miller (Boston: Holy Transfiguration Monastery), pp.244-245; Bedjan 346.

⁶⁵ Tìm những bản văn này trong Kinh Thánh. xem Cassian, Institutes, XI, 4.

“Đức Giêsu Kitô là một Thiên Chúa, chúng ta có thể đến gần mà không sợ sự kiêu ngạo và trước nhan Người chúng ta có thể hạ mình mà không sợ thất vọng” (Pascal)⁶⁶.

“Biết Thiên Chúa mà không biết tội lỗi mình thì chỉ làm cho kiêu ngạo. Biết tội lỗi mình mà không biết Thiên Chúa thì chỉ làm cho thất vọng. Biết Chúa Giêsu Kitô giúp chúng ta tìm được sự quân bình, bởi lẽ nơi Ngài chúng ta tìm thấy cả Thiên Chúa lẫn tội lỗi mình.” (Pascal)⁶⁷.

“Vì chiếc áo che khuất thiên tính là đức khiêm nhường. Ngôi Lời đã trở nên người phàm, mặc lấy thân xác con người và nhờ thân xác mà Ngài nên giống chúng ta. Mỗi người đều có thân xác như Ngài, Ngài đã trút bỏ sự cao sang của mình và dấu đi sự uy nghi rực rỡ của mình đồng thời lấy đức khiêm nhường che khuất vinh quang của mình, để sự sáng tạo khỏi bị tàn lụi hoàn toàn nhờ sự chiêm niệm của Ngài.” (Isaac Syria)⁶⁸.



CHƯƠNG 16

THANH LUYỆN CÁC ĐAM MÊ IV

“Đọc sách thiêng liêng, tỉnh thức và cầu nguyện - đây là những gì tài bồi vững chắc cho tâm hồn đang lạc lõng. Đói khát, nhọc nhằn và cô đơn là những ý nghĩa giúp dập tắt những ngọn lửa thêm muốn. Con giận dữ dày đặc sẽ được dịu xuống nhờ hát Thánh Vịnh, nhờ lòng kiên nhẫn và sự bố thí. Nhưng tất cả những hình thức thực hành này phải được sắp đặt đúng mức và áp dụng đúng lúc. Nếu thực hành không đúng lúc hoặc không đúng mức thì vẫn có thể tồn tại nhưng chỉ được một thời gian ngắn rồi tàn lụi. Và nếu nó tàn lụi mau lẹ như vậy thì cố nhiên sẽ có hại nhiều hơn là có lợi.” (Evagrius, Praktikos, 15, p.20).

“Mưa dầm thấm lâu, bão tố chóng tàn,

Người buông trước không bằng kẻ buông sau.

Tham ăn thì chết vì ăn” (Richard II).

“Vì thế mỗi người hãy nhận diện thói xấu nào đang ám ảnh mình nhất, để rồi ưu tiên chiến đấu với nó trước và tập trung tất cả sự quan tâm xem xét tỉ mỉ xem nó sẽ tấn công vào chỗ nào. Đồng thời nên dùng tất cả mọi nỗ lực khổ hạnh để chống lại nó - ăn chay hãm mình, tỉnh thức, suy niệm, cầu nguyện và những giọt lệ thống hối. Không thể chiến thắng một đam mê nếu chúng ta không hiểu được rằng sức và nỗ lực cá nhân chúng ta có hạn, vậy nên công việc thanh luyện đòi hỏi phải tỉnh thức liên liêi đêm ngày. Bởi vậy, chúng ta hãy nài xin Thiên Chúa để Ngài giúp chúng ta loại bỏ những cuộc tấn công của thói xấu này.” (Cassian, Conferences (đối thoại), V, 14).

⁶⁶ James Houston (ed.), *The Mind on Fire* (London: Hodder and Stoughton, 1991), p. 157, # 188.

⁶⁷ Ibid, p.151, #175.

⁶⁸ cf. *Ascetical Homilies*, p.381; Bedjan 574.

Khi được cứu thoát khỏi thói xấu này, chúng ta tiếp tục chống lại thói xấu kế tiếp trong chuỗi thói xấu, điều này sẽ làm chúng ta đau đớn nhất...vv.

Tung hỏa mù với những đam mê mạnh mẽ nhất để rồi một cách tiệm tiến trấn áp những đam mê yếu hơn.

Tuy nhiên các đam mê được kết nối với nhau có hệ thống. Thật là ảo tưởng khi muốn đánh tay đôi với thói xấu lỗi đức trong sạch trong khi chưa thắng được thói tham ăn; và cũng không đánh lại được thói tham ăn nếu chưa thắng được thói xấu lỗi đức trong sạch. Phải có nỗ lực toàn diện; có thể nói, chúng ta nên gạt bỏ bất cứ đam mê nào trong khi dồn sức làm việc gì.

Một cây cỏ thụ có thể bị chết nếu như bộ rễ bị chặt.

“Do đó muốn thắng được thói lười biếng thì trước tiên phải thắng được thói hay buồn phiền; muốn loại bỏ được sự phiền muộn thì phải diệt được thói giận dữ; muốn dập tắt được thói giận dữ thì phải xua trừ được thói tham lam; muốn diệt tận gốc thói tham lam, thì cần kiềm lại được thói xấu lỗi đức trong sạch; muốn diệt được thói xấu này thì cần phải loại trừ thói tham ăn.

Muốn chiến đấu một cách hiệu quả với những con quỷ thì chúng ta cần nhận ra chúng và hình thức hoạt động thường xuyên của chúng, những trạng thái tâm lý kết nối với hoạt động của các thể lực thần khí: hành động của một thần khí tốt lành sẽ cư mang bình an; còn một thần khí xấu thì khơi dậy sự lo âu phiền muộn. Hãy vạch mặt chúng rồi chúng ta sẽ thoát khỏi quyền lực của chúng” (Evagrius, Praktikos, 43).

“Các đam mê tựa như những con chó thường rình rập ở các quầy bán thịt, chúng sẽ bỏ chạy nếu có tiếng kêu lớn, nhưng nếu người ta lơ là chúng thì chúng sẽ tấn công như những mãnh hổ. Hãy tẩy trừ mọi thèm khát dù nhỏ, để bạn không bị ngọn lửa hung dữ bủa vây” (Isaac Syria)⁶⁹.

Hãy tỉnh thức. Chúng ta hãy canh giữ cửa lòng mình, xem xét mọi tư tưởng đang kéo đến.

Một đan sĩ cần phải chống lại ngay lập tức một tư tưởng xấu bằng những nhân đức tương đương, bởi vậy phải nhờ đến sự trợ giúp của nhân đức tốt lành để cắt đứt tư tưởng xấu.

Nhưng nếu đan sĩ không có nhân đức cho đủ, thì hãy chống lại một tư tưởng xấu bằng một cách khác chứ không thể thỏa hiệp với nó (ví dụ: sự kiêu căng và lỗi tỳ ố). Chiến lược tương tự: nếu chúng ta bị cám dỗ lỗi khiết tịnh thì nó sẽ bày ra một tư tưởng tự đắc, bởi “một ý tưởng sẽ tác động trên một ý tưởng khác”.

Phân tích và cụ thể hóa: xem xét tỉ mỉ lý trí đã nhận vào tư tưởng nào, chính tư tưởng, một đối tượng nhạy cảm tiếp xúc cho đam mê và tạo chỗ đứng cho tội lỗi. Tư tưởng sẽ tan chảy trong lửa phân định.

Chống lại cám dỗ thể lý bằng những ý nghĩa thể lý: ăn chay, mặc quần áo đơn sơ, tỉnh thức, hát thánh vịnh.

“Hãy đề phòng! Khi ma quỷ không kiếm chác được gì trong cuộc chiến chống lại một đan sĩ thì chúng sẽ tạm lánh đi và tiếp tục rình rập xem bất cứ lúc nào người ấy có sao nhãng các nhân đức hay không. Rồi ngay lập tức chúng dồn tất cả vào điểm yếu này để tấn công và tàn phá, cướp bóc làm cho người ấy nên vô cùng khốn đốn.” (Evagrius, Praktikos, 44, p.28).

⁶⁹ Isaac the Syrian, Ascetical homilies, p.154; Bedjan 214.

“Chúng ta đừng để con quỷ đó quật ngã, nó gieo vào tâm trí chúng ta sự phi báng và những tư tưởng kỳ quái làm cản bước tiến - quá hèn hạ không đáng nhắc tới. Chúng ta cũng không để nó làm cho chúng ta ra mù quáng bằng những cơn giận vô cớ. Hãy nhớ rằng “Thiên Chúa dò thấu tâm can”, và Người biết rõ rằng khi chúng ta sống trong thế gian, chúng ta không thể rơi vào cạm bẫy điên rồ này. Thực tế con quỷ này vẫn nuôi hy vọng khả dĩ khiến chúng ta không cầu nguyện nữa để chúng ta không còn sống trước sự hiện diện của Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, không dám giơ đôi tay cầu xin ơn giúp chúng ta chiến đấu với các tư tưởng” (Evagrius, Praktikos, 44, p.29).

Những chủ đề của các ước mơ chúng ta cho thấy đó là nơi đam mê rất mạnh.⁷⁰

“Sự tập chú tư tưởng liên li vào Thiên Chúa sẽ giúp diệt trừ được mọi đam mê và khiến chúng phải chạy trốn. Đây là vũ khí để chúng ta ra những đòn trí mạng đối với chúng” (Isaac Syria)⁷¹. Để kết, chúng ta có thể nhắc lại lời khuyên của thánh Gioan Thánh Giá. Ngài quả quyết rằng chúng ta có thể chiến thắng các thói xấu bằng một cách thức rất đơn giản mà hiệu quả và hay hơn là cách tấn công trực diện. Linh hồn đánh nhanh và thắng nhanh tất cả các cơn cám dỗ và quyền lực của chúng bằng một hành động yêu mến, hành động ấy khả dĩ trực tiếp nâng linh hồn lên kết hợp với Thiên Chúa. Do đó, linh hồn sẽ ở một nơi mà kẻ thù không thể tấn công và làm tổn thương được; bởi linh hồn đã được cứu thoát rồi.



CHƯƠNG 17

PHÂN ĐỊNH THẦN KHÍ TRONG TRUYỀN THỐNG SAU NÀY

Thời gian qua, các tác giả thiêng liêng và các vị linh hướng đã phát triển một số quy luật làm sáng tỏ vấn nạn về sự phân định. Chúng ta ngày càng ý thức về khó khăn do những nguồn gốc phân định các sự thúc đẩy của chúng ta với bất kỳ nền tảng nào (Thiên Chúa, ma quỷ, bản tính chúng ta). Vì điều này là sự cần thiết để có một tri thức cao quý về linh hồn con người, và chúng ta chắc chắn không có điều đó. Dần dần khi chúng ta biết nhiều hơn về tầm ảnh hưởng các ý thức, thì sự thận trọng lớn lao hơn đã trở nên cần thiết và vấn đề toàn diện sẽ nhận lấy một khía cạnh khác biệt. Cuối cùng, vấn đề không nằm ở một “tư tưởng” riêng mà là biết tốt xấu hay không, nếu như nó được chào đón và được theo đuổi hay không. Và tiêu chuẩn xác thực nhất chính là một quy luật mà Tin Mừng đưa ra: xem quả thì biết cây. Nếu quả tốt, thì cây cũng tốt.

Đối tượng của sự phân định là rất rõ ràng. Nếu chúng ta điều khiển mọi sự dưới luật của Thiên Chúa và Hội Thánh, và những nghĩa vụ của xã hội chúng ta, thì chắc chắn sẽ tốt. Còn nếu đi ngược lại thì chắc chắn sẽ tồi tệ. Nhưng trong nhiều hoàn cảnh khác, ý Thiên Chúa được thể hiện rõ. Tuy nhiên không phải lúc nào ý Thiên Chúa cũng là hiển nhiên: ví dụ, khi chúng ta có ý định làm cái gì đó tốt, nhưng chúng ta lại không biết làm sao thì chúng ta sẽ không thể hoạch định được cái gì tốt hơn và cần

⁷⁰ Tất cả điều này sẽ rất tế nhị và phức tạp đối những người khai tâm (mới bắt đầu). Trong thực tế, nói chung chỉ nên áp dụng một lời khuyên đặc biệt cho yếu đuối tương ứng nhằm đến lịch sử cá nhân. Vấn đề là biết lái một chiếc xe hơi mới, nhưng quan trọng hơn vẫn là biết lái một chiếc xe đã được sử dụng đồng thời biết sửa chữa nó.

⁷¹ Isaac the Syrian, Ascetical homilies, p. 85. Bài giảng này chỉ còn tiếng hy lap.

hơn, hay một trong hai hành động đầu tiên không thể lôi kéo chúng ta vào những hành động khác ít tốt hơn hay có thể xấu nữa là khác. Có vô số cám dỗ đối lốt điều tốt. Do đó, sự phân định sẽ phải đối đầu với “các thần khí”, có thể không tốt mà cũng không xấu.

Có 3 loại biến cố đòi hỏi sự phân định:

1. Các thị kiến, các mặc khải, các tiên báo...
2. Các linh hứng nội tâm vốn không thể phân biệt được do Dòng chảy thường thấy ở ý thức.
3. Các trạng thái chung của niềm an ủi hay buồn phiền có thể cho thấy ý Chúa như một sự chuẩn bị cho một dự phóng đặc biệt (x. Linh Thao, thánh Ignatiô Lôyôla).

Mỗi loại này có thể truy tìm về nguồn gốc bản chất của nó hoặc nhiều nguyên do khác. Ví dụ:

1. Những ảo giác bệnh hoạn.
2. Một sự thúc đẩy ngay lập tức xuất hiện trong ý thức mà không rõ nguyên do (đối với thánh Ignatiô, đây là một tội chắc chắn có nguồn gốc siêu nhiên) có thể chỗi dậy từ vô thức sau một thời gian ủ bệnh.
3. Tình trạng hưng-trầm cảm, tình trạng xen lẫn giữa trầm cảm hay hưng phấn.

Hơn nữa, bản tính tự nhiên không loại trừ các ảnh hưởng khác; không có gì tồn tại dưới dạng nguyên chất. Một mặt, siêu nhiên luôn luôn là sự thật về con người đặc biệt này, với tính khí này và lịch sử tính này. Mặt khác, chính với những lời tiên báo về một thế giới tự nhiên mà một cách thông thường nhất, Thiên Chúa đã viết lịch sử của hoạt động thiêng liêng với các biến cố về lịch sử “xúc phạm” (các ngôn sứ đọc ra chiều kích “thiên liêng” về các biến cố này), với lịch sử riêng tư của chúng ta, các tài năng, lệch lạc và ngay cả tội lỗi của chúng ta.

Chính xác hơn, chúng ta có thể nhìn thấy rằng Satan có thể dùng bất cứ hoạt động nào, hoặc bắt nguồn từ tự nhiên hoặc là siêu nhiên. Một cách quân bình của hoạt động ân sủng có thể tránh được một tác động xấu đối với lợi ích của chúng ta (ví dụ như khi chúng ta chiến đấu và thắng được một cơn cám dỗ).

Bởi thế sẽ có một tình trạng của những nguyên nhân rất phức tạp và để phân định chúng sẽ là công việc rất tinh tế. Thánh Thần ban tặng cho người nào đó một đặc sủng khả dĩ phân định, một loại khuynh hướng thiêng liêng nhận thức bằng trực giác hay những tư tưởng và những hấp lực có nguồn gốc thiêng liêng hay không. Sự viên mãn của phần thưởng này bao hàm cả sự thánh thiện mang tính đặc biệt, sự khiêm nhường sâu thẳm và sự tuân phục đối với huấn quyền của Giáo Hội. Lịch sử gần đây cung cấp một mẫu gương phi thường về hoạt động chữa lành (Cure à D'Ars).

Dù sao đi nữa thì phần thưởng này cũng mang lấy đặc tính vô ngộ. Lúc nào cũng không thể sai lầm được trong khi áp dụng.

Phần thưởng này hiếm khi đạt tới sự viên mãn, và thánh thiêng. Thường thường xuyên qua ánh sáng nội tâm đặc biệt Thần Khí làm nổi bật một phần thưởng của đức cẩn trọng đòi hỏi phải trải qua học hỏi, kinh nghiệm và khôn ngoan trong việc áp dụng các quy luật truyền thống về sự phân định. Các quy luật này sẽ được áp dụng cách rất khôn ngoan bởi vì không có luật nào (nói chung) mà không có sai lầm khi mới đem áp dụng.

Đây là một danh sách thường thấy về các dấu hiệu của các thần khí tốt và xấu⁷²:

Thần Khí Tốt		Thần Khí Xấu
Cho Lý Trí		
1	- Sự thật.	- Dối trá.
2	- Không có gì là vô ích.	- Phù phiếm, vô ích, những gì hão huyền.
3	- Hiểu biết rõ ràng (dù đôi khi tư tưởng như đám mây che phủ).	- Nhiều bóng tối hoặc ánh sáng lệch lạc trong tư tưởng.
4	- Sự ngoan ngoãn của lý trí.	- Bảo thủ ý kiến của mình.
5	- Thân trọng	- Thối phong, thái quá.
6	- Những tư tưởng khiêm hạ.	- Kiêu ngạo, phù hoa.
Cho Ý Chí		
1	- Bình an nội tâm.	- Lo lắng, bất an.
2	- Sự thật, khiêm nhường thật.	- Kiêu ngạo, khiêm nhường giả dối (nói mà không làm).
3	- Tin tưởng vào Thiên Chúa, không cậy mình.	- Tự cho mình đúng, thất vọng.
4	- Một ý chí mềm dẻo, dễ biết mình.	- Cứng rắn, một trái tim cộc cằn và khép kín.
5	- Ý hướng ngay lành khi hành động.	- Ý hướng quanh co.
6	- Kiên nhẫn khi đau thể lý cũng như thiêng liêng.	- Không kiên nhẫn khi chịu thử thách.
7	- Chiến đấu nội tâm.	- Nổi loạn của các đam mê.
8	- Đơn sơ, thật thà.	- Hai lòng, dối trá.
9	- Tự do thiêng liêng.	- Một trái tim bị nô lệ bởi những gì là thế gian.
10	- Tỉnh thức theo gương Chúa Kitô.	- Ác cảm với Chúa Kitô.
11	- Đức ái hoàn hảo, sự thiện hảo, hy sinh.	- Nhiệt tâm lệch lạc, sự cay đắng, đạo đức giả.

Dấu Chỉ Của Một Thần Khí⁷³

Do Dự Và Đáng Ngờ:

1. Dứt khoát chọn một đời sống, rồi mơ tưởng một đời sống khác (“Đứng núi này trông núi nọ”).
2. Có xu hướng chạy theo những gì bất thường, lập dị không phù hợp với đời sống của một người.
3. Thích phi thường trong việc thực hành các nhân đức.
4. Nhiều lúc hay tìm kiếm những việc hành xác sám hối bề ngoài.
5. Quá nhiều an ủi và khoái cảm nơi giác quan không được cắt đứt.
6. Những giọt lệ tự nó không đáng tin.
7. Mặc khải thường đến với con người dưới hình thức thiện hảo tầm thường.

Chúng ta cần nhấn mạnh rằng không một dấu chỉ nào trong số này là một chuẩn mực tuyệt đối. Chúng bộc lộ một khả năng chắc chắn về điều tốt hoặc điều xấu trong một hành động. Sự hội tụ của chúng có

⁷² De Guilbert, Lecons De Théologie Spirituelle, p.307.

⁷³ Hiểu một cách đúng đắn chính là khi áp dụng luật này đối với cách sống riêng của chúng ta thì sự thận trọng cơ bản nhất đòi hỏi phải nhờ đến lời khuyên của những vị linh hướng kinh nghiệm ở một vài trường hợp, tất cả các dấu chỉ của một tinh thần “hoài nghi” có thể là một tinh thần tốt.

sẽ dẫn tới tình trạng chắc chắn về luân lý. Do đó, đem áp dụng những chỉ thị này với nhau luôn luôn là điều quan trọng.

CÁI NHÌN TỔNG QUÁT

Một bản tóm lược có tính giản lược, đối với một phạm vi chắc chắn nào đó, nhược điểm của phương pháp phân tích, nó sẽ dang dở khi đem áp dụng sự phân định. Vì rốt cuộc nó luôn là một hành động cá nhân dưới sự cân nhắc và ý nghĩa thực sự của hành động này chỉ có thể thấu triệt khi được nhìn thấu hoàn cảnh và ý hướng thường thấy nơi người ấy. Cùng một hành động giống nhau sẽ có một giá trị khác nhau nơi một người khai tâm và nơi một người đã được trải nghiệm trong đời sống thiêng liêng. Bác sĩ có thể chẩn đoán dựa trên tình trạng sức khỏe toàn diện của một người. Từ cái tổng thể cho ra ý nghĩa đối với từng phần.

Quan trọng là cung cấp đầy đủ những khía cạnh cả về lịch sử tính lẫn hiện sinh trong hành động cá nhân. Đây là sự thật tối thượng khi nó là một vấn đề sự lượng định một người hay một quyết định căn bản như ơn gọi. Vài nét phác họa quy mô về một đời sống và trên hết là chọn lựa căn bản làm nên một định hướng của một người hướng về những giá trị cao cả bền vững - Tất cả chỉ mang tính tự quyết, ngay cả khi một người chưa thể, có lẽ sẽ không bao giờ có thể, chuyển những giá trị này vào hoạt động trong đời sống của người ấy⁷⁴. Tự do và nhân đức sẽ được nhận ra cách tiệm tiến. Một hành động bất toàn nhưng nó sẽ đi về sự hoàn thiện lớn lao hơn, đó là một dấu chỉ tốt đẹp của sức mạnh thiêng liêng hơn là một hành động hoàn hảo mang tính khách quan, trái lại là tĩnh lặng và có lẽ là tự mãn.

Không khía cạnh đơn điệu nào của một người được loại trừ: thể lý, tâm lý, tâm linh. Con người là những hữu thể tại thế. Họ diễn tả những chọn lựa thiêng liêng của mình qua con người riêng tư của mình. Đó sẽ là con đường thể hiện việc hiện hữu và hoạt động của họ. Cái được xem là toàn diện được thành hình nhờ sự hài hòa và hiệp nhất tất cả các yếu tố của một con người, sự hòa hợp duy nhất này làm nên nét riêng. Bởi vậy, dựa trên yếu tố của người quan sát sẽ có một nhận thức tức thời và toàn diện - thường là sự tiếp xúc trực tiếp lần đầu tiên với người ấy - nó sẽ nắm chắc cái gì đó của ghi chú duy nhất làm nên nét riêng biệt không phải hữu thể của nó có thể phân tích hay có thể đưa vào ý thức tất cả yếu tố của sự phân định này. Đây là lý do tại sao, trong thực tại cụ thể, sự phân tích là một tác động phụ, nó minh định một điều được nhận thức bằng trực giác và có khả năng làm nên một định hướng tổng hợp rõ ràng hơn.

⁷⁴ Cũng vậy, chúng ta phân biệt giữa sự thánh thiện chủ quan và sự thánh thiện khách quan (tác động ngoại tại của một người). Sự tuân phục nội tại của ý chí đối với ân sủng nhờ đức mến.

CHƯƠNG 18

PHÂN ĐỊNH THẦN KHÍ II

TÂM LÝ HIỆN ĐẠI

Ân sủng xây dựng trên tự nhiên. Có sự liên tục giữa phát triển tâm lý con người và sự sống ân sủng. Dầu vậy vẫn có sự phân biệt, bởi lẽ hoạt động Thánh Thần sẽ nâng cao và sẽ biến đổi khuynh hướng và cảm xúc con người một cách sâu xa. Bây giờ chúng ta hãy cố gắng đến với một cái nhìn tổng thể của thực tại con người, bằng cách sử dụng dữ liệu căn bản nhất của tâm lý tự nhiên và siêu nhiên. Điều này sẽ giúp chúng ta sắp xếp mọi sự vào trật tự đúng đắn hơn và hiểu được công việc biến đổi kỳ diệu đang diễn ra liên li trong chúng ta nếu chúng ta trở thành môn đệ Chúa Kitô thực sự và trở thành những đan sĩ.

CON NGƯỜI

Tâm lý hiện đại dựa vào khả năng nhận định sắc sảo và phân tích sâu xa, khả dĩ có thể hiểu được nhiều khía cạnh trong ứng xử cá nhân của con người. Tuy nhiên, nó không diễn tả được một tư tưởng độc lập của con người toàn diện mà chỉ một vài tàn mảnh. Phần lớn nó được xác định nhờ những bù đắp của triết lý, sự đảm nhận những lập trường vượt xa những hiểu biết được hậu thuẫn của tâm lý.

Mục tiêu của chúng ta ở đây là thực hành tình trạng cần quan tâm của chúng ta, chính là đức tin của chúng ta. Chúng ta không chấp nhận quan niệm định mệnh và bi quan của nhà tâm lý học Freud: Một con người hơn là một “tâm thần” con người, dù nam hay nữ cũng là một tinh thần và có thể ảnh hưởng trên tâm thần và những điều kiện khác bằng sự đón nhận hay từ chối chúng, hay ít nhiều kìm hãm chúng bằng cách dùng sự tự do của con người để tìm kiếm những giá trị thiêng liêng.

Chúng ta cũng không chấp nhận quan niệm chủ quan và lạc quan của Rogers, Maslow và một vài triết gia hiện sinh để rồi đặt mục tiêu của con người là phát triển khả năng riêng, hoàn thiện hóa mọi tiềm năng. Điều này phủ lấp con người và hạn chế tính siêu việt, có thể nói, khả năng vượt xa hơn chính chúng để đạt tới những giá trị khách quan trên cả chúng. Như hạnh phúc, khả năng tự nó không phải là cùng đích để rồi một con người cứ ảo tưởng như một cái gì tuyệt đối. Đúng hơn đó là kết quả một chiều, một loại thiện hảo, sự vực dậy từ thực hành những giá trị cao thượng hơn (tình yêu Thiên Chúa, phục vụ người khác, công bình bác ái...) những gì một người đã hiến dâng. Đón nhận mẫu gương của một người như là duy nhất được kiện toàn qua sự đáp trả của tất cả khát vọng là trở về với ý tưởng “quý tộc tàn bạo” thế kỷ XVIII.

Nhiều người hơn là một người. Họ được kiện toàn nhờ tự làm cho mình trỗi vượt. Nhưng con người là một tạo vật được đánh dấu bởi sự rối loạn của tội. Nó đòi hỏi một cuộc chiến trường kỳ và kiên định để lấy lại trật tự do dục vọng hỗn loạn, và làm nên sự thống nhất trong việc theo đuổi một lý tưởng cao thượng được nhận thức bởi lý trí. Đối với chúng, lý tưởng này thuộc về Tin Mừng được nhìn nhận trong ánh sáng đức tin. Lý tưởng tình yêu và sự thật trong Chúa Kitô trong hy vọng và sự sống đời đời nơi Thiên Chúa.

CÁC CẤP ĐỘ BIẾN ĐỔI CỦA ĐỜI SỐNG

Dù phức tạp nhưng muốn hợp nhất thực tại con người thì có nhiều cấp độ khác nhau trong đời sống. Những cấp độ này xuất hiện lần lượt trong thời gian. Khi một cấp độ cao xuất hiện thì một cấp độ thấp hơn không biến mất; nó đi vào một cấp độ cao được biến đổi nhờ tiếp xúc với nó, trong khi vẫn giữ được bản chất riêng của nó. Cũng vậy các đam mê và động cơ của chúng ta có thể có nguồn gốc nơi một hay nhiều trong các cấp độ này hay trong tất cả chúng ngay lúc này và thậm chí có thể trong sự mâu thuẫn giữa chúng. Để chúng ta có thể hiểu được mình, thật cần thiết để có được một vài ý tưởng trong cấu trúc hữu thể chúng ta.

1. Cấp Độ Sinh Lý Và Bản Năng

Chúng ta hãy nói về tâm sinh lý. Đó là vấn đề về những tình trạng sinh lý của một cơ thể sống, kết nối với hoạt động nền tảng nhất của tâm lý được kích thích bởi một phản ứng về sự thiếu thốn hay như một sự bày tỏ nhu cầu của hữu thể, ở cấp độ này chúng ta khó có thể nói về một đời sống cá nhân dù cơ thể sống là một cá thể.

2. Cấp Độ Tâm Lý Xã Hội

Đây là phạm vi kinh nghiệm riêng hoạt động trên thế gian, trên mọi sự và trên mọi người. Cái tôi tìm kiếm một cấu trúc bằng việc khẳng định mình theo những khuynh hướng tự nhiên và bằng việc trở về với sự khuyến khích thực tại cụ thể của nó bây giờ và ở đây. Trong cấp độ này, vũ trụ ở trong cả một đời sống được khuyếch trương rất nhiều nhưng tác động của cái tôi chủ yếu mang tính vị kỷ: nó muốn mọi sự qui về nó. Cá sinh tự nhận thức về mình và có một đời sống cá nhân mới.

Nét đặc trưng của cấp độ này là sự phân định ngay ở cấp độ ý thức về đối tượng được diễn tả đối với cái tôi. Qua một tiến trình lượng định trực tiếp, ngay tức khắc và bằng trực giác, đối tượng được hiểu như sự thèm khát hay không, đối với tôi, ngay lúc này và tại đây, bởi nó là nguồn mạch của thú vui tức thời, về phương diện nó có thể làm thỏa mãn một nhu cầu hay hiện thực hóa một tiềm năng. Cảm nhận bằng cảm xúc một cách tự nguyện theo tiến trình lượng định này, ngay cả sự thỏa mãn. Cảm nhận của hấp lực đối với một đối tượng vừa ý; hay sự bất thỏa (ghen ghét, thù địch, sợ hãi...): một khuynh hướng cảm giác của sự ghê tởm đối với đối tượng không vừa ý. Cảm xúc là một sự thúc đẩy cụ thể hướng về hành động cần thiết để lại gần hoặc trốn tránh một đối tượng. Lặp lại một cảm xúc và sự thỏa mãn của nó sẽ phát sinh một trạng thái cảm xúc: một khuynh hướng thường xuyên hướng về đối tượng và hoạt động.

Nơi các sinh vật, chúng ta tìm thấy một định hướng tương tự, một bản năng được khơi lên bằng một trạng thái sinh lý đưa đến kết quả là sẽ có một sự đáp trả rập khuôn. Những cảm xúc đầu tiên nơi con người cũng thuộc về bản chất này, nhưng chúng có thể thuộc về một sự đáp trả cao cả hơn.

3. Cấp Độ Đời Sống Thiêng Liêng

a. Phạm Vi Đời Sống Riêng Của Con Người:

Tinh thần con người có quyền năng nhờ sự trỗi xuất để đi xa hơn tri thức của dữ liệu giác quan nhận thức tức thời đối với sự hiểu biết bản chất của mọi sự và những nguyên tắc chung của thế giới. Nó cũng có thể đi vào thế giới thiêng liêng của những thực tại siêu hình, vừa không riêng biệt vừa không ở trong không gian vừa không ở trong thời gian. Nó có thể xây dựng và hiểu được ngôn ngữ biểu tượng. Có thể tự mở cửa cho những giá trị thiêng liêng vượt trên vật chất và đời sống tạm bợ. Không được xác định bởi kích thích cảm giác và có thể chọn lựa những giá trị hằng khao khát theo đuổi. Cái tôi có thể

vượt trên chính mình trong khát vọng hướng về những giá trị và lý tưởng mà nó đang hiến. Đây là lãnh vực tự do của con người, là lãnh vực đời sống con người mà các sinh vật không thể có được.

Nét đặc trưng của cấp độ đời sống này là đối tượng của sự phân định lý trí phản tỉnh, là một tiến trình toàn diện (gồm cả cảm xúc) của phân định cảm giác, không chỉ dưới góc độ dễ chịu hay khó chịu mà còn là mức độ tốt xấu đối với tôi ngay lúc này. Sự phân định này không được đặt nền tảng trên những cảm xúc trong cấp độ cảm giác (trong khi đó nó có thể tham dự vào hình thức phân định và trên hết trong sự kiên định của nó) nhưng dựa trên sự phản tỉnh thuyết phục của người ấy vượt trên những giới hạn kinh nghiệm riêng, ảnh hưởng bởi sự kích thích cảm giác ở đây và lúc này đồng thời người ấy rộng mở cho những giá trị thiêng liêng và đời đời. Nó có thể phù hợp hoặc mâu thuẫn với phân định cảm tính (tất cả là dễ chịu và không tốt cho tôi).

Do vậy có thể xảy ra cuộc chiến nội tâm giữa một khuynh hướng xúc cảm hướng về điều nó thêm khát và một khuynh hướng ý chí hướng về điều được phân định bằng một hành động tự do của ý chí như là một điều thiện hảo và mang lại lợi ích (ví dụ: chọn lựa sống độc thân, vâng phục...). Khát vọng mang tính lý trí này chỉ có thể theo sau những cảm xúc con người, có thể nói, một khuynh hướng cảm nhận và tự phát theo điều đã được xét là tốt cho tôi. Cảm xúc tự phát này có những ảnh hưởng trên những cảm xúc ở cấp độ giác quan khá dĩ ít nhiều chuyển động và quy hướng về cùng hướng (không phải lúc nào cũng xảy ra; trong mọi lúc cần có thời gian, đôi lúc cần có nhiều thời gian trước khi xảy ra).

Việc thực hành sự phân định lý trí dẫn tới một trạng thái mang tính lý trí: thường hay sử dụng phán đoán lý trí. Những trạng thái này khơi lên những cảm xúc mạnh nhưng chúng không có nền tảng.

b. Phạm Vi Đời Sống Thiêng Liêng,

Đời Sống Thần Khí Chúa Kitô:

Người kitô hữu nhờ kết hợp với Chúa Kitô trong phép rửa và ơn công chính hóa, họ tham dự vào đời sống Chúa Kitô. Chúng ta nhận vào mình một nguyên lý sự sống mới, đó là Thánh Thần, những khả năng mới để biết bằng cái biết của Thiên Chúa và yêu mến bằng tình yêu của Thiên Chúa. Ánh sáng đức tin mở rộng đi tới huyền nhiệm của con người và Thiên Chúa. Rộng mở sự sống này vừa cưu mang vừa vượt trên sự sống con người tự nhiên; ở đây chúng ta bắt gặp khát vọng sâu xa nhất của chúng ta được kiện toàn mặc dù nó ẩn dấu và không thể nhận ra được bằng những khả năng tự nhiên.

Vừa có sự liên tục vừa có sự ngắt quãng triệt để. Trong thực tại sâu xa nhất của khuôn mặt con người được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa, nhờ ngày càng kết hợp sâu xa với Chúa Kitô, được Thần Khí thực hiện trong nội tâm (2Cr3,18). Phù hợp với mục tiêu này, cái tôi chiến đấu cho sự biết mình trong tất cả sự giàu sang của riêng nó. Tin Mừng đòi chúng ta hãy để mất mạng sống mình hầu đòi lại được, để giờ đây “không còn phải là tôi mà là Đức Kitô sống trong tôi”.

CẤP ĐỘ BIẾN ĐỔI ĐỜI SỐNG

Stt	Cấp Độ Đời Sống	Nhu Cầu	Thúc Đẩy Trái Ngược	Thúc Đẩy Cảm Xúc Nhục Dục
1	Tâm sinh lý, đời sống sinh lý và bản năng	- Nguồn gốc: đói, khát, ngủ, hành động, tỉnh thức, nuôi	- Bảo vệ mình chống những đe dọa. - Bắt tay vào sự tự mãn	- Tìm kiếm mọi sự thoả mãn cảm xúc mà không phân biệt được đâu là chủ thể và đối

		duỡng, bài tiết, hô hấp		tượng như là nguồn của sự thỏa mãn
2	Phạm vi tâm lý xã hội của cái tôi kinh nghiệm đổ vỡ trong một con đường ích kỷ đối với thế giới, vạn vật và con người, trong thực tại này, ở đây và lúc này	- Phát triển cái tôi trong tương quan với thế giới và những người sống quanh tôi. - Căn nguyên, Cảm xúc, kính trọng, thành công, phát triển năng khiếu bản thân bằng cái tôi cho cái tôi.	- Xác định cái tôi trong nét riêng của nó. - Chiến đấu cho sự tự chủ và quyền lực trên mọi sự và trên con người. - Sự thù nghịch hủy hoại tất cả, chống lại những khát vọng của cái tôi.	- Tìm kiếm thỏa mãn lý trí và khổ chế, danh dự - Tìm kiếm tình yêu để nên một với người khác hay trong một nhóm.
3	Thiên thiêng a. Phạm vi tinh thần nhân loại, con người, cái tôi vượt trên chính nó và mở ra cho những giá trị siêu hình và thiêng liêng trong một con đường ít nhiều có sự hy sinh quên mình. b. Phạm vi Thần Khí, thiêng liêng - Quy hướng về Chúa Kitô, trong Hội Thánh và quy hướng về Chúa Cha.	- Mở rộng cái tôi ra với chân, mỹ (siêu nghiệm), sự thiện luân lý, công bằng và tình yêu vô vị lợi. - Để biết và sáng tạo. - Yêu bằng hành động và sự thật - Hãy mở ra cho sự sống Chúa Kitô nơi chúng ta trong sự sống Thần Khí. - Hiệp thông, cầu nguyện, tôn thờ.	- Những trạng thái tinh xảo của danh vọng và kiêu căng. - Quyền hành của kẻ bề trên, hạ thấp các đam mê thuộc lý trí, tự do ý chí con người. - Nỗ lực tạo sự công bình trong thế gian. - Hạ thấp những thể lực tự nhiên dành cho hoạt động biến đổi của Thần Khí. - Hy sinh quên mình, tiết độ, vâng phục. - Quảng đại, khiêm tốn, phục vụ tha nhân. - Cố gắng làm mọi sự vì Đức Kitô, chịu đựng mọi thử thách, thay đau khổ bằng tình yêu. - Kiên trì trong đức tin, sự trung thành.	- Tìm kiếm tình yêu và tình bạn thanh khiết. - Khao khát thông giao và chia sẻ với người khác theo mức độ cao hơn của sự cảm thông và trong sự thân mật dạt dào hơn. - Muốn hiểu biết và giải thích mọi sự. - Khó nghèo tự nguyện, từ bỏ tất cả để được ý Chúa. - Khao khát những gì là đời đời - Yêu mến Thiên Chúa. - Yêu thương tha nhân trong Chúa, hiệp thông với Ngài trong sự thật tận căn của Ngài, có thể nói trong Chúa Kitô và như Chúa Kitô, sẵn sàng hy sinh chính mình. - Yêu kẻ thù. - Mở rộng lòng yêu thương mọi người. - Tỉnh lặng trước mầu nhiệm, cô tịch trong đời sống cộng đoàn. - Tình yêu thuần khiết, món quà của cái tôi.

Trung tâm hữu thể chúng ta từ nay được xác định là Chúa Kitô chứ không phải là cái tôi chúng ta.

Ở từng cấp độ có sự siêu việt triệt để. Chúng ta hãy xem lại danh sách liệt kê từ trên xuống dưới. Sức mạnh vĩ đại của sự quả quyết và công kích được tìm thấy nơi chúng ta ảnh hưởng tới sự kiện toàn nghịch lý của nó trong sự hy sinh quên mình, vâng phục, quảng đại, khiêm tốn và kiên nhẫn chịu đựng. Sự thèm khát của cải sẽ chấm dứt trong tự do của đức khó nghèo tự nguyện, khao khát tri thức trong thinh lặng trước mầu nhiệm, khao khát sự thông hiệp tình yêu trong món quà thuần khiết toàn diện của bản thân đối với người khác.

Đó là mục đích để rồi chúng ta đi theo phục vụ đời sống chúng ta. Sự mở rộng của đời sống thiêng liêng không ngăn cản những nhu cầu của các cấp độ khác trong đời sống chúng ta. Chúng ta phải ăn uống để có thể ca ngợi vinh quang Thiên Chúa.

Trong thực tế, đời sống chúng ta là một sự tổng hợp tất cả các yếu tố này, những gì thấp kém hơn sẽ lệ thuộc những gì cao hơn. Bởi vậy, đây không phải là sự cản trở các nhu cầu tự nhiên. Tính tình và nhân cách chúng ta là chất liệu thô cho công việc thánh hóa nơi chúng ta. Đây là vấn đề hiểu biết mạch lạc và mang trách nhiệm về nó để rồi có thể sinh hoa trái. Không có gì là xấu trong dự phóng này. Ngay cả những vết thương sâu nhất cũng có khả năng được ân sủng đụng tới. Ngay nhiều vị thánh lúc đầu cũng đã có nhiều nhu cầu (vd: nơi thánh Bênadô, sự công kích - nhu cầu tìm ảnh hưởng) đã được thanh luyện cách tiệm tiến và đặt mục tiêu phục vụ những giá trị cao cả hơn của tình yêu thiêng liêng, được chọn lựa một cách cẩn trọng.

Điều thiết yếu đối với mỗi một người chúng ta là biết các nhu cầu chúng ta (chúng thay đổi từ người này sang người khác) và tìm được một cách thức để nhận ra chúng hay một con đường thanh luyện hợp với những giá trị và tình trạng của đời sống mà chúng ta đã chọn. Hình thức sẽ khác đối với mỗi người và sẽ là dịp để nhìn lại toàn bộ đời sống. Điều cần tránh là không thừa nhận và kìm hãm các nhu cầu để tìm thỏa mãn dưới những chiêu bài giả dối trái với những giá trị Tin Mừng mà chúng ta muốn dẫn thân.

Một trong những lý do khó tìm ra và duy trì sự quân bình sức khỏe trong đời sống chúng ta là phạm vi giới hạn của khả năng để rồi nó bộc lộ thực trạng nhu cầu con người. Đời sống cô tịch thiết yếu được đặt dưới dấu thánh giá, dấu chỉ của một sự siêu việt tuyệt đối, không thể sinh hoa trái trừ khi nó được đặt dưới ảnh hưởng của tình yêu vĩ đại. Điều này đòi hỏi một đời sống thiêng liêng mãnh liệt và một sự trưởng thành nhân bản được triển nở đầy đủ. Chúng ta không thể mang những vết thương dù nhỏ mà không bị thiệt hại. Chúng ta có thể từ bỏ duy điều chúng ta sở hữu cách này hay cách khác.

Nắm chắc hơn thực tại phức tạp của con người (và trong mức độ lặp lại) chúng ta sẽ chiếm giữ trước hết một cái nhìn tổng hợp (hãy nhìn những bảng bên cạnh và cố gắng hiểu hoạt động biến đổi để thực hiện từ trên xuống dưới trong mỗi cột). Rồi chúng ta sẽ nhìn thấy được quan niệm trưởng thành tâm lý.

Đây là một cách thức để phân tích hai tác động nền tảng:

TÁC ĐỘNG CÔNG KÍCH	
Lành Mạnh	Không Lành Mạnh
- Khiêm tốn nhất là biết mình. - Đương đầu với nguy hiểm bằng lòng can đảm và sức mạnh. - Tự chủ, tự do ý chí con người. - Cố gắng vượt qua những gì khó khăn.	- Thối phồng khả năng bản thân (thường do thiếu sự kính trọng và cảm thấy hèn kém). - Thống trị, độc đoán và những thái độ ngạo mạn.

- Thắng vượt trở ngại bản thân và kinh nghiệm bằng sự nhiệt thành với những lý tưởng cao thượng, công bình, tình huynh đệ... - Kiên trì trong nỗ lực - Chiến đấu trong tinh thần đạo đức. - Biền đau khổ thành tình yêu. - Hy sinh quên mình - Quảng đại, khiêm tốn, vâng phục. - Sự sống của Thần Khí.	- Thái độ thù ghét, chống đối mọi người gây ra sự thất vọng, còn tình yêu thì vượt trên tất cả. - “Khát vọng tiêu tan”, người phá hoại.
---	--

THỨC ĐẨY NHỤC DỤC			
Tham Lam và Chiếm Hữu		Thú Vui và Nhục Dục	
Lành mạnh	Không lành mạnh	Lành mạnh	Không lành mạnh
- Những cảm giác và khao khát thường. - Ham thấy và biết. - Tìm kiếm những giá trị tinh thần và cái đẹp. - Khao khát những gì đời đời. - Khó nghèo tự nguyện. - Từ bỏ để theo thánh ý Chúa. - Thinh lặng trước mẫu nhiệm.	- Quá tham ăn và uống. - Tham của cải trong sự đói khát được kính trọng (khoe khoang), nịnh hót...	- Tình yêu thể lý và giới tính. - Bác ái chung và riêng. - Tình bạn, thông hiệp sâu xa và cao cả với tha nhân. - Yêu thương kẻ thù, tất cả mọi người trong Đức Kitô. - Yêu mến Thiên Chúa - Cô tịch trong sự hiệp thông - Phần thưởng của bản thân. - Khiết tịnh, tình yêu thanh khiết.	- Tình yêu nhục dục và ấu trĩ: Sự ấu trĩ, dâm dật, cuồng dâm, tình dục tự phát, lệch lạc trong tình dục, khổ dâm, thông dâm.



CHƯƠNG 19

TRƯỞNG THÀNH TÂM LÝ

Vì quan tâm xem xét những trạng thái này mà tâm lý (không làm nên sự phân định luân lý) có thể xem xét không thích hợp hoặc thích hợp, cách độc nhất từ dự phóng của sự hòa hợp giữa trưởng thành nhân bản và cá tính. Điều này được hiểu là một người kitô hữu được mời gọi giàu thêm - chứ không phải ngày càng nghèo đi. Thật không phải khi chúng ta sao nhãng cấp độ khiêm nhường này trong thực tại con người; thường thường đời sống thiêng liêng bị suy yếu là do thiếu nền tảng trong cấp độ con người.

TRẠNG THÁI BẤT XỨNG⁷⁵

1. Những trạng thái mâu thuẫn và do dự bắt đầu hình thành nơi trẻ thơ và chúng thể hiện dưới hình thức nói áp úng, nghi ngờ, đắn đo, ép buộc và những nỗi sợ hãi ám ảnh, cũng trong những hình thức chắc chắn của sự hoài nghi và chủ nghĩa hoài nghi tôn giáo, trong những hình thức của nhị nguyên có liên quan đến chứng cuồng loạn.
2. Những trạng thái thù địch phát xuất từ sự công kích tự phát của một người và cũng xuất phát từ những yếu tố khác thể hiện dưới hình thức giận dữ, hung dữ với người khác và chính mình, những lời lẽ sắc sảo và vu khống, chứng hoang tưởng bực bội, thù ghét.
3. Những trạng thái ngạo mạn là một hình thức khác của sự công kích phục vụ cho việc thống trị người khác và tự tin vào sự vượt trội của mình. Chúng thể hiện qua bạo lực, bất phục, khinh miệt và tự tung tự tác.
4. Trạng thái tham lam và độc chiếm qua việc cá nhân tìm kiếm thỏa mãn đồ ăn thức uống, thường bù trừ cho những mất mát khác, hay qua việc người ấy muốn chiếm đoạt của người khác, bằng sự lừa dối hoặc trộm cắp, không phải lúc nào cũng được áp dụng, tuy nhiên đúng là có thú thêm khát chiếm hữu của cải.
5. Tình trạng ham mê khoái lạc và cảm xúc tìm kiếm sự thỏa mãn chính đáng nhưng cũng là sự lạm dụng thú vui nhục dục và dễ bị lệch lạc.
6. Ở những trạng thái bảo vệ, con người không thể giữ được đời sống của mình khỏi những giới hạn mà chỉ bảo vệ cho khỏi nhiều hình thức của sự dối trá, cuồng loạn, nhị nguyên, đạo đức giả, những sự tha thứ giả tạo (ý thức hay vô ý thức), hình thành định kiến⁷⁶.
7. Ở những trạng thái nghịch lý thì một cá nhân không giữ được sự bảo vệ sinh động nhưng sẽ rơi vào trì trệ, với những cảm xúc hạ đẳng, kèm theo sự nhút nhát, buồn phiền, hành xử rập khuôn, rối loạn thần kinh và những tâm trạng chán nản nói chung.
8. Những trạng thái của sự thoái thác và bù trừ, vì đó mà nhiều người không tìm thấy được sự hài hòa nội tâm, trên một mặt phẳng khác và đôi khi trong thế giới ảo, chúng không thể có được những thỏa mãn trong thực hành lẫn trong thế giới thực.

TRẠNG THÁI XỨNG HỢP

A. Hướng Về Chính Mình

1. Tự chủ cảm xúc mà không cứng rắn hoặc quá khích. Nhờ nỗ lực tiệm tiến để nắm giữ những cảm xúc bằng việc tránh xa những tình huống gây sốc và bằng cách thuyết phục mình rằng một cố gắng nỗ lực dài sẽ được sinh động hóa nhờ một lý tưởng cao cả, khả dĩ phát triển mau lẹ hơn là sự luân phiên giữa đối đầu quá khích với mình và sự thờ ơ lãnh đạm.

⁷⁵ xem G. Cruchon SJ, *Intiation à une Psychologie Dynamique*, t.2, pp.94 và 95.

⁷⁶ Thái độ “sai quấy” lo kiềm chế những thúc đẩy mù quáng hoặc quá dữ dội, những thúc bách này không được thừa nhận ở cấp độ ý thức. Vd: Xao huyền thái qua là nơi ẩn núp của sự công kích mạnh.

2. Sự kiên định trong việc theo đuổi những mục đích đã được xác định nhờ sự phản tỉnh, khôn ngoan, cẩn trọng và chọn lựa một cách tự nguyện. Biết cách điều khiển năng lực của mình trong sự phục vụ các mục đích này mà không cảm thấy bị chúng lấn át.
3. Khả năng mở rộng quan niệm của một người nhờ vào sự gặp gỡ tiếp xúc chân thành với người khác, mà không có đam mê hoặc sự bất tri chi phối, và nếu nó thích hợp, để tiếp nhận yêu sách hầu từ bỏ một quan niệm đã hình thành từ trước.
4. Sự khách quan trong phân định, có thể nói, là biết cách đánh giá theo giá trị thật của chúng về những nhân tố, lý do và động cơ bất xứng khác nhau để rồi đi vào sự phân định đúng đắn (trái với phân định là hấp tấp, linh hướng một cách vội vàng, quá sốt sắng).
5. Biết chịu trách nhiệm về những hành động của mình, chấp nhận hậu quả của nó mà không dùng người khác hoặc bất cứ cái gì làm bia đỡ đạn.
6. Biết dùng ý chí khám phá năng lực riêng với lòng can đảm, ở mức độ sung mãn nhất có thể làm được, khi gặp khó khăn không nên từ chối sự giúp đỡ của người khác.

B. Hướng Về Thế Giới Và Tha Nhân

7. Xây dựng một sự quân bình lành mạnh giữa hướng nội và hướng ngoại. Không quá lẩn tránh, cô lập khỏi thực tại cụ thể; hoặc hời hợt không có đời sống nội tâm, bất an và hay thay đổi. Sự quân bình giữa hai trạng thái khác nhau này theo tính tình và hoàn cảnh sống. Đối với đời sống chiêm niệm, chiều kích hướng nội thường được đề cao hơn.

Chúng ta cần biết ra khỏi mình để đến với tha nhân và vũ trụ, đồng thời cũng biết trở về với chính mình. Chúng ta cần biết đến với tha nhân mà không bị mất hút trong họ. Sự hiện diện đích thực đối với tha nhân bao hàm một sự hiện diện thực sự với chính mình để từ đó hiểu được tha nhân muốn gì hầu có thể cảm thông với họ.

8. Chấp nhận tha nhân là điều kiện của bất cứ đời sống xã hội nào. Hầu hết tất cả các chứng loạn thần kinh là do một hình thức của sự bất khoan nhượng của tha nhân và gây ra những phản ứng công kích, sợ hãi, ích kỷ, dối trá... vv. Chúng ta cần biết chấp nhận người khác với tất cả giới hạn cũng như khuyết điểm của họ. Bởi lẽ chúng ta cũng mang lấy kiếp người như họ.

9. Chúng ta hãy đón nhận những lời phê bình và góp ý của tha nhân.

10. Có khả năng đối mặt với những hoàn cảnh bất ngờ xảy đến và cả những bất hạnh; vượt thắng một trở ngại nhờ cố gắng “bắt đầu lại”. Bắt đầu lại mà không ngoái lại đằng sau cũng không tái phạm một cách can đảm và mang tính xây dựng.

NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA TRƯỞNG THÀNH KITÔ GIÁO

Chúng ta hãy kéo dài lăng kính tâm lý đối với một tiêu điểm Kitô Giáo chuẩn mực. Luật Chúa Kitô được tóm gọn trong tình yêu đối với Thiên Chúa và tha nhân. Điều này đã bao hàm những giá trị nêu trên nhưng còn đi xa hơn trong khả năng yêu mến ngày càng phổ quát và chân thật hơn. Nhân đức mà Chúa Kitô đòi hỏi hoàn toàn trái nghịch với sự ích kỷ của con người đang khác các nhân đức ấy thúc đẩy sự hiệp nhất giữa con người.

- Chống lại sự lôi cuốn của lạc thú, Chúa Kitô nêu cao mẫu gương khiết tịnh có sức nối kết mọi người trong một cấp độ vừa chung nhất lại vừa riêng nhất và mời gọi trở thành một món quà tuyệt hảo của bản thân trong tình yêu.
- Chống lại xu hướng bạo lực, Chúa Kitô nêu cao tính hiền lành, nhu mì, tha thứ cho nhau và yêu kẻ thù, là nền tảng của tất cả sự bình an chân thật.
- Chống lại cơn đói khát giàu có và tự mãn đang bùng phát trong sự hao mòn hoặc trong sự khinh miệt của người khác, Chúa Kitô nêu cao đức khó nghèo tự nguyện, tự do thoát khỏi sự tham lam (tự do để yêu mến), đức vâng phục khiêm hạ, đồng cảm và chia sẻ với người nghèo, người yếu đuối thấp hèn.
- Chống lại sự dối trá dưới mọi hình thức, thói đạo đức giả, Chúa Kitô nêu cao tính đơn sơ trong sự tin tưởng cởi mở đối với mọi người và Thiên Chúa, trong sáng dưới ánh sáng của sự chân thành để chấp nhận rằng chúng ta là những người tội lỗi và biết chấp nhận người khác.

TRƯỞNG THÀNH TÂM LÝ TRONG ĐỜI SỐNG TU TRÌ

Chúng ta hãy cố gắng áp dụng nền tảng của những món quà này cho một người đan sĩ trong cấu trúc riêng của đời sống người ấy. Nhưng phải nói rằng đây sẽ là một đan sĩ rất lý tưởng.

Thái Độ Đối Với Bản Thân

Điều căn bản là có được một sự chấp nhận chính mình một cách lành mạnh như nó thực sự như thế, để có được sự tin tưởng và khả năng của mình hầu đối diện với cuộc sống để có một sự bảo đảm riêng tư chắc chắn. Điều này ít nhiều được thuận tiện hóa nhờ khả năng riêng và kinh nghiệm sống tuy nhiên giải thích cuối cùng ở mỗi trường hợp cần phải dựa trên tình yêu mà Thiên Chúa dành cho mỗi người chúng ta trong Chúa Kitô, và dựa vào quyền năng của Chúa Thánh Thần biến đổi chúng ta.

Đan sĩ trưởng thành sống trong thế gian là vì: người ấy không cần bóp méo nhận thức của mình như một lá chắn bảo vệ khỏi những cuộc chiến nội tâm còn dang dở. Người ấy đón nhận những nhu cầu chính đáng được nhận thức rõ ràng trong bản chất và tính tình của mình đồng thời hợp nhất với các giá trị của ơn gọi mình. Người ấy phải là mình với tất cả sự đơn sơ.

Bởi lẽ năng lực của người ấy không được tiếp sức bằng cuộc chiến đấu giải quyết những xung đột nội tâm, thế nên người ấy có thể đối phó với những căng thẳng phát sinh từ sự hy sinh từ bỏ trong đời sống tu trì, thiếu đi sự suy xét sâu sắc trong cô tịch và thiếu sự phản tỉnh đối với bản thân nhờ một người khác mà sự cô tịch đòi hỏi. Người ấy cũng có thể đối phó với những hoàn cảnh bất ngờ xảy ra và những thử thách khó tránh khỏi. Người ấy chứng tỏ một sự kiên định bền bỉ trong tư thế mở ra cho kinh nghiệm sâu xa.

Thái Độ Đối Với Người Khác

Muốn có lòng tin đan sĩ cần có sự tin tưởng vững vàng vào người khác. Tương quan của đan sĩ với người khác hàm chứa một chút bối rối và mâu thuẫn (khi người khác được hiểu như một mối đe dọa). Đan sĩ yêu thương mọi người trong Chúa Kitô không chút vị kỷ, không vì họ là ai, họ có gì, cũng không vì phần thưởng cá nhân.

Tương quan giữa đan sĩ với người khác được mô tả vừa không phải bằng sự lệ thuộc mà cũng không bằng sự tự lập nhưng bằng sự tin tưởng và trách nhiệm. Đan sĩ đảm nhận những yêu sách của đức vâng phục mà không cảm thấy bị làm nhục đồng thời cũng không giảm bớt trách nhiệm và sáng kiến.

Với Những Giá Trị Của Ôn Gọi

Một cách tự nguyện và riêng tư, đan sĩ chọn lựa các giá trị và đảm nhận nghĩa vụ của ơn gọi mình bởi vì các giá trị chung ấy có sự hài hòa với các giá trị căn bản của đan sĩ, với những gì mà đan sĩ quy tụ trong hệ thống đức tin riêng của mình. Đan sĩ không chống lại nguyên tắc đạo đức mà cũng không tuân theo luật lệ đã thiết định trong đời sống một cách mù quáng và bối rối. (Cả hai phản ứng trên đều xuất phát từ cùng một tâm lý máy móc. Cả hai một cách vô thức đều viện cớ mình là một thành viên của Dòng chứ không thực hiện các giá trị thiêng liêng của một lý tưởng riêng đáng tin, nhưng như rào chắn chống lại các nhu cầu xung khắc (vô thức) và như một quyết định thiên vị trong sự thất vọng sâu xa nhất của mình).

Đan sĩ không đồng hóa sự bảo đảm riêng mình với những hình thức và luật lệ ngoại tại, và cũng không cảm thấy bị đe dọa khi những yếu tố trên được xem xét lại hay được thay đổi.

Đan sĩ phân biệt giữa cái chính và tùy, giữa sự dung hòa ở cấp độ hành động cụ thể. Đan sĩ tôn trọng sự đa dạng của các đặc sủng.

Đan sĩ cho thấy sự linh động và thực tế trong cách thể hiện cụ thể những giá trị của ơn gọi mình, tránh được sự cầu kì cũng như quá cứng rắn.

Đan sĩ biết chấp nhận giới hạn của tự do cá nhân mình nghĩa là thuộc về một cộng đoàn. Đan sĩ đặt mình trong trường học truyền thống trong khi vẫn trung thành với đặc sủng của mình.

Thái Độ Đối Với Thiên Chúa

Đan sĩ biết vượt trên tình phụ mẫu và những mẫu gương khác của Thiên Chúa để lao mình vào huyền nhiệm tình yêu Thiên Chúa được mặc khải trong Đức Kitô. Cho phép mình được yêu và trao ban khả năng yêu thương trong sự đáp trả, một tình yêu không chút sợ hãi nhưng tôn trọng, tự nguyện, tin tưởng và thánh hiến.

Cầu nguyện là một nhu cầu sống còn đối với đan sĩ; tôn thờ là tác động tự phát của đan sĩ; vâng phục là một phận vụ của tình yêu; niềm vui của đan sĩ là mở lòng ra cho ánh sáng.

Sự thật, bình an, tự do và tình yêu.

PHỤ LỤC

Cửa “Johari”

	Tự biết mình	Thiếu tự biết mình
Người khác biết đến	Công khai mình	Cái tôi mù quáng
Không được người khác biết đến	Ẩn mình	Không biết hoặc khả năng tiềm ẩn

LỜI NHẮN NHỦ

Chúng ta đừng ngã lòng nếu chúng ta phải nhìn nhận sự thiếu trưởng thành của mình ở bất cứ điểm nhấn nào và nhận ra rằng chúng ta còn xa mới đạt được lý tưởng. Như chúng tôi đã nói, những trạng thái không xứng hợp không nhất thiết là những khuyết điểm trong cái nhìn luân lý. Chúng là một sự diễn tả xa hơn những vết thương và sự yếu đuối của chúng ta. Chúng ta muốn là và muốn làm mọi sự để nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô trong tình yêu.

Con người chỉ trưởng thành được trong nỗ lực bền bỉ thường kéo dài suốt cuộc đời. Đôi khi có những vết thương và mất mát nào đó trong lịch sử đời chúng ta, từ tuổi thơ, những yếu tố ấy đã hình thành dần cấu trúc con người chúng ta và có thể không bao giờ được chữa lành triệt để mà chỉ được đón nhận mà thôi.

Cũng có những trạng thái được thuyên giảm nhờ một chương trình giáo dục thích hợp. Nỗ lực này cần phải thận trọng, thăng tiến và bền bỉ. Ngay từ đầu cần phải có một sự hiểu biết rõ ràng về nhân đức được tìm kiếm hoặc trạng thái khiêm khuyết được sửa đổi. Nó đòi hỏi một ý chí kiên cường để hoàn thành ý hướng thanh khiết. Tuy nhiên như vậy vẫn chưa đủ. Không có một nỗ lực thăng tiến và bền bỉ để hoà hợp đời sống bản năng và cảm xúc với những kỷ luật tinh thần, thì sẽ có một nguy cơ trong những đáp trả của người ấy để rồi còn lại dư âm tư tưởng thêm muốn. Cần có sự rèn luyện đặc biệt, có thể nói lặp lại những thực hành khổ chế, tạo thành những thói quen tốt lành, nối những thói quen thực hành ấy với lý trí, khả dĩ kiểm soát được mọi sự thúc đẩy và sức lực, làm thuận tiện hóa trạng thái và ý chí. Cần có thời gian và lòng kiên nhẫn để hoàn thiện hoá thực hành này.

Tuy nhiên cũng có một nguy hiểm thực sự. Một chủ nghĩa khổ hạnh và chỉ dựa vào ý chí để tạo nên một chuỗi đáp trả cứng rắn mang tính máy móc để tạo ra được cách cư xử và ngăn cản cá nhân thích ứng với những hoàn cảnh mới trong cuộc sống và đan sĩ sẽ phải đối chiếu với những thay đổi. Hơn nữa, cảm dỗ rất lớn dành cho vị thầy cũng như dành cho cá nhân được đẩy nhanh tiến độ bằng thái độ thách thức với những đe dọa thêm vào, những tổn thương và sự sỉ nhục, những hình phạt, những gì làm cho xa lánh nhiều hơn là những thói quen thường đạt được - đặc biệt trong nội dung đời sống tu trì, ở đó các luật thánh có một đặc tính “thiên lệch”.

Trong hình thức này, những đáp trả đạt được một cách thận trọng (và cần thiết) có nguy cơ giam hãm và xa lánh tinh thần, thay vì phục vụ nó. Loại bỏ điều này thật quan trọng để dàn xếp quá trình nhờ cảm xúc, nó thêm vào ý chí tốt lành, khuynh hướng tích cực của giác quan hướng về những quy luật của tinh thần. Nó phải đưa trái tim vào sự cân nhắc nhờ vào hoặc là chống đối hoặc hợp tác, có thể cản trở hoặc làm thuận tiện nỗ lực đạo đức bằng việc huy động khả năng của con người toàn diện.

Khai thông một cảm xúc thất vọng hay tổn thương để có thể huy động nỗ lực mà lý trí thực hiện trên bản năng và vì vậy có thể thu phục được các thói quen dục vọng.

Đan sĩ nên cố gắng để mình được quyền rũ bỏ vẻ đẹp của ơn gọi mình. Trên hết tất cả là vẻ đẹp của Thiên Chúa, nhưng cũng là vẻ đẹp của đời sống hằng ngày trong mọi chiều kích của nó, con người và óc thẩm mỹ. Đan sĩ nên yêu mến phận vụ của mình. Tình yêu thì có hiệu lực hơn thứ luật lệ cứng rắn và nghiêm khắc được thực thi một cách nguyên tắc bằng những cấm đoán và áp đặt từ “bên ngoài”. Tình yêu làm cho chúng ta vui vẻ hơn, nhân từ hơn và uyển chuyển hơn trước những luật lệ khả dĩ giúp chúng ta dễ đến với người khác và thay đổi nhiều tình huống.

Xa hơn, trái tim sẽ được động viên nhờ sự phục vụ điều chúng ta muốn yêu mến. Đồng nhất cảm xúc chúng ta là cần thiết cho sự hợp nhất của con người. Không có nó, chúng ta có một nguy cơ duy trì sự

đổi trá nào đó trong hành xử của mình, những mâu thuẫn trong tư tưởng, những chống đối; sử dụng sức mạnh ý chí chỉ làm cho những cố gắng khổ chế ra vô ích mà thôi.

Tóm lại, chúng ta không nên có bất cứ ảo tưởng nào. Chỉ có cảm nhận ý thức “cao” mới có thể dạy bảo và có thể giáo dục ở một cấp độ bền bỉ được. Cảm xúc “hèn hạ hơn”, vô ý thức không lệ thuộc vào lý do và không thể hiểu được trong mức độ rộng.



CHƯƠNG 20

HÀNH TRÌNH VĨ ĐẠI

Hai người trong anh em sẽ nắm bắt được thói lệ. Cả hai đều tiến xa trong việc tìm kiếm Thiên Chúa. Từ góc độ này, chúng ta có thể nhìn thấy bước kế tiếp của họ. Chúng ta hãy nói về hành trình vĩ đại đang mở ra trước mắt họ.

Một lần nữa chúng ta hãy đi vào một vài giải pháp của thánh Luca (9,51-52): cách này trình bày phần chính yếu trong sứ vụ công khai của Chúa Giêsu như một hành trình vĩ đại hướng về Giêrusalem. Vì vậy trước hết chúng ta hãy lần theo chủ đề này trong toàn bộ Tin Mừng.

Phần thứ nhất của Tin Mừng theo thánh Luca trình bày cuộc giảng sinh và giảng lâm của Chúa Giêsu, Lời của ân sủng trong Thánh Thần, rồi quy tụ các môn đệ quanh Chúa Giêsu (1,5-4,44). Đáng ít nhiều được nhận biết như là Đấng Mêssia qua dấu chỉ quyền năng và lời giảng dạy của Người (4,45-9,17). Mọi cái nhìn đều đổ dồn vào Người trong niềm hy vọng khao khát mong chờ ơn cứu độ.

Thế rồi một thời đại mới được mở ra (9,18-17,10). Từ nay về sau con người Giêsu không còn được ưu đãi đặc biệt, Người trở nên như con người dần dần bị tước đoạt hết những gì riêng tư, thực hiện con đường của mình theo ý Cha như lần Ngài lên Giêrusalem. Chính Ngài ngày càng “làm nhiệm vụ giới thiệu Chúa Cha”, “mặc khải Chúa Cha”, “lời hứa của Thánh Thần”. Hành trình của Ngài và của chúng ta không có tính chất không gian, đúng hơn là thiêng liêng.

Cầu nguyện, sống nội tâm, nắm giữ một không gian ngày càng vĩ đại, thậm chí như mẫu nhiệm thân tình của Chúa Giêsu đã được mặc khải cho những ai bước theo Người. Đó là vấn đề của sự nhận biết Ngài là Thần Khí, và Ngài đã vâng phục Chúa Cha trên con đường lên Giêrusalem, và của lời mời gọi các môn đệ Người cùng đi với Người, đi theo Người, trong một sự vâng phục phản chiếu chính con người của Người.

Bởi vậy, Chúa Giêsu mở ra cho chúng ta mẫu nhiệm Nước Thiên Chúa (chs. 9-13) và phần thưởng (chs.14-17). Việc đính hôn giữa con người với Chúa Giêsu không phải là công việc mang tính con người bên ngoài: nó chỉ có thể được đón nhận như một ân huệ: chúng ta hãy xem tiến trình này.

Trước hết chúng ta hãy lắng nghe Chúa Kitô:

“Hôm ấy, Đức Giêsu cầu nguyện một mình. Các môn đệ đang ở đó với Người và Người hỏi các ông rằng: 'dân chúng nói Thầy là ai?' Các ông thưa: 'Họ bảo Thầy là ông Gioan Tẩy Giả, nhưng có kẻ thì

bảo là ông Êlia, kẻ khác thì cho là một trong các ngôn sứ thời xưa đã sống lại'. Người lại hỏi: 'còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?' Ông Phêrô thưa: 'Thầy là Đấng Kitô của Thiên Chúa'. Nhưng Người nghiêm giọng truyền các ông không được nói điều ấy với ai.

Người còn nói: 'Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kì mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết và ngày thứ ba sẽ trỗi dậy.'

Rồi Đức Giêsu nói với mọi người: 'ai muốn theo Tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo. Quả vậy, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất, còn ai liều mất mạng sống mình vì Tôi, thì sẽ cứu được mạng sống ấy.'

Vì người được cả thế gian mà phải đánh mất chính mình hay là thiệt thân, thì nào có lợi ích gì? Ai xấu hổ vì Tôi và những lời của Tôi thì Con Người cũng sẽ xấu hổ vì kẻ ấy, khi Người ngự đến trong vinh quang của mình, của Cha và các thánh thiên thần'. Nhưng Thầy bảo thật anh em: 'trong số người có mặt ở đây, có những kẻ sẽ không phải chết, trước khi thấy Nước Thiên Chúa'" (Lc 9,18-27).

“Trong khi Đức Giêsu đang cầu nguyện” (9,18). Chiều kích nội tại của con người Ngài được quang toả. Đối với dân chúng, đối với các môn đệ: “Thầy là ai?” Sự cầu nguyện của Ngài đặt trong sự hiện diện của Chúa Cha, đó chính là sự hiện hữu với và vì Chúa Cha. Danh xưng là Con được hình thành trong tương quan với Thiên Chúa Cha và chúng ta không thể nhìn thấy chính xác góc độ đó.

Phêrô tuyên xưng Ngài là “Đấng Kitô của Thiên Chúa”, Mêssia. Nhưng để đi tới đỉnh cao của hành động đức tin của Ngài thì chỉ hiểu được trong cầu nguyện, để tiếp tục “thực hiện con đường của mình” đối với Chúa Cha.

Việc đi vào mâu nhiệm của con người Giêsu khởi đầu với mặc khải số phận dành cho Ngài: vượt qua và phục sinh. Định mệnh này được đặt dưới dấu chỉ cầu nguyện (v.18); do đó việc nhấn mạnh ở đây là con đường của Chúa Cha hơn là nhu cầu của cái chết. Đối mặt với nhu cầu này (“ngài phải”), ngay cả thái độ của các môn đệ cũng muốn thay đổi. Đây không đơn thuần là một cách mạng đối với Chúa Giêsu. Đó là lời cam kết đi theo Ngài để đến với Chúa Cha: “Hãy đến với tôi” (9,23). Con đường này (Phục sinh) dẫn đến Chúa Cha là một thách đố đối với mỗi người, một sự siêu việt triệt để.

Muốn chia sẻ thân phận của Đức Giêsu trong việc đến với Chúa Cha đòi hỏi một sự hãm mình, vác thập giá mình mỗi ngày. Sự hãm mình không phải là từ bỏ hay chối bỏ không còn là mình; nhưng chính là đón nhận đời sống mình như là ân huệ mà chúng ta cần rộng mở đôi tay của mình và mỗi ngày kéo dài cuộc chiến với khả năng mòng dòn của lòng mền và tự nguyện chống lại thế lực nguy hại trong và quanh chúng ta. Chúng ta không thể cứu được đời sống chúng ta vì cái chúng ta cứu chỉ là lớp vỏ bên ngoài bằng việc tự quy hướng về mình hay trốn tránh đau khổ và sự chết với bất cứ giá nào. Thà rằng đi ra ngoài đối diện với chúng. Đó là vấn đề từ bỏ tất cả sự tự mãn để rồi tìm thấy trong Đức Giêsu lý do duy nhất để sống, niềm hy vọng duy nhất cho sự công chính, cho tình yêu, cho sự sống.

Nó phục vụ cho mục đích nào nếu chúng ta chinh phục thành công hay quyền lực, nếu đó là hoa trái của thành công hay tham vọng cá nhân, một sự nô lệ tai hại và hèn hạ? Chính vì người môn đệ đi theo Thầy nhờ chịu thử thách trong cám dỗ và tìm thấy ơn cứu độ trong Ngài, nên người môn đệ từ bỏ mọi nỗ lực phi thường. Sự thật đời đời mà chúng ta sống ở đây sẽ được vén mở nơi khuôn mặt Con Người và Chúa Cha cùng với các thánh thiên thần.

Và lời hứa huyền nhiệm này như sau: “Trong số người có mặt ở đây, có những kẻ sẽ không phải chết, trước khi thấy Nước Thiên Chúa” (v.27): điều này không có ý muốn nói rằng họ sẽ thoát khỏi cái chết

thể lý, nhưng đúng hơn trong sự đau khổ hiện tại họ được nối kết với Đức Giêsu, họ sẽ được nếm quyền năng phục sinh của Người. Động từ “nhìn thấy” gợi ý sự thông dự kín nhiệm trong sự sống phục sinh, đó là chiêm niệm thần bí. Ít nhất một số người sẽ được nhận thức lời hứa này, họ được mời gọi sống đời chiêm niệm. “Hãy nếm và nhìn coi Chúa thiện hảo dường bao!”

Chi tiết của cuộc biến hình vén lên một góc của bức màn che mầu nhiệm “Đấng Kitô của Thiên Chúa”. Phêrô, Giacôbê và Gioan được bao bọc bởi lời cầu nguyện của Đức Giêsu để rồi có thể nhìn thấy Ngài trong vinh quang cùng với Môsê và Êlia. Hai vị này nói với Đức Giêsu về “cuộc xuất hành”⁷⁷ của Người và Người sẽ hoàn tất ở Giêrusalem. Thuật ngữ “xuất hành” gợi lại một cuộc giải phóng khỏi Ai Cập dưới sự dẫn dắt của Môsê, và đó là lý do tại sao Người hiện ra. Sau đó (v.51), bản văn nói về con người “được nâng cao” của Ngài, như cuộc thăng thiên của Êlia sẽ lặp lại trong những ngày của Đấng Kitô (2v2,9-11) và đó là lý do tại sao ngôn sứ cũng xuất hiện ở đây.

Giêrusalem được tiên định là nơi phải đến. Từ nay trở đi nó là nơi quy tụ của mọi khía cạnh của cuộc đời Đức Giêsu: Ngài tới đó để được ở với Cha Ngài.

Trong tư cách là người con, Ngài biết rằng Ngài sẽ ở với Cha Ngài (2,49). Ngài được Chúa Cha yêu thương từ đời đời. Ý nghĩa của việc “thực thi con đường của Ngài” ở trần gian là để lên cùng Cha - Đây là sự hoán chuyển lời cầu nguyện của Ngài đi vào lịch sử, khuôn mặt của Ngài, con người thảo hiếu của Ngài quy hướng tuyệt đối về Cha.

Mầu nhiệm của con đường này vượt trên sự hiểu biết của con người, và Phêrô muốn làm ba cái lều ở đó. Đó không phải là việc của con người, đó cũng không phải là việc của chúng ta khi muốn xây dựng cho Thiên Chúa một nơi cư ngụ bằng nỗ lực của “nhân đức” chúng ta hay bằng những sáng kiến của lý trí chúng ta. Chính Thiên Chúa phủ bóng trên chúng ta bằng sự hiện diện của Người, như Người đã phủ bóng trên Mẹ Maria trong cuộc truyền tin (1,35). Một cách tự nhiên, vì e ngại, sợ hãi nên chúng ta không có chiều sâu. Chúng ta biết rằng muốn thấy Thiên Chúa thì phải chết (Tl6,22-23). Nhưng đây là mặc khải: con người mà Đức Giêsu mang theo với Người đi vào đám mây và đón nhận một sự chia sẻ trong chiều kích thiêng liêng mật thiết. Do đó, chúng ta hãy đi với Người, cùng Người lên Giêrusalem, đi lên cùng Tôi Tớ Thiên Chúa để cùng đối diện với con hấp hối của Người.

Rời đi xa hơn cùng với Đức Giêsu quyết đi một cách dứt khoát: “khi tới ngày Đức Giêsu được rước lên Nước Trời, Người nhất quyết đi lên Giêrusalem” (9,51). Từ “nhất quyết” cho thấy một là quyết định của con người Ngài hai là con người của Ngài hướng về mục đích, đó là Chúa Cha.

Về phía chúng ta, chúng ta hãy có những sự nhất quyết riêng của mình. Con đường đi sẽ khó khăn nhưng chúng ta đừng để mình bị lạc hướng vì những khó khăn ấy. Chúng ta cần có một quyết định dứt khoát. Chúng ta không được phép từ bỏ, vì cái gì cũng có thể đến được. Như tôi thường nói: “muốn kiên trì ở Chartreuse thì sự tự nguyện này phải kiên quyết; đối với mỗi người chúng ta ở thời điểm này hay thời điểm kia luôn có một lúc nào đó cho thấy lý lẽ hợp lý và chính đáng để từ bỏ con đường này...”

Sự hiện diện của Đức Giêsu làm cho con đường của Người lên Giêrusalem được thực hiện bằng một sự phân định của những tâm lòng. Người Samari xa lánh Người chỉ vì định hướng của Ngài. Cũng đã xảy ra tương tự như vậy xuyên suốt lịch sử. Đây sẽ là số phận dành cho chúng ta, nhưng chúng ta không nên sợ hãi. Cuộc phán xét của Chúa Giêsu không phải là sự kết án. Giacôbê và Gioan muốn gọi lửa từ trời xuống nhưng đã bị Chúa khiển trách (9,54-56). Thay vào đó, Đức Giêsu mang đến cuộc

⁷⁷ Trong bản văn Hy Lạp.

phán xét của sự tha thứ và xót thương (23,24). Ngài muốn kiện toàn chứ không phải huỷ bỏ; muốn cứu độ chứ không để hư mất.

Chúng ta hãy nhìn ba cảnh tượng ngắn có nghĩa cụ thể: Muốn cùng Đức Giêsu đến với Chúa Cha: “khi họ đang đi đường thì có người nói: “Thầy đi đâu tôi cũng đi theo Thầy” nhưng Đức Giêsu bảo người ấy: “con chồn có hang, chim trời có tổ; nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu” (9,57-58). Sau khi sinh ra ở Bêlem và cho đến bây giờ, Đức Giêsu vẫn đang sống như một người xa lạ, một người tạm trú. Các môn đệ sẽ bị bỏ rơi trong sự mạo hiểm tương tự của khó nghèo và tình trạng bấp bênh.

“Người nói với một kẻ khác 'hãy theo tôi' nhưng người ấy bảo: 'thưa Thầy, xin cho tôi về chôn cất cha tôi trước đã'. Nhưng Chúa Giêsu nói với người ấy: 'hãy để kẻ chết chôn kẻ chết của họ; phần anh, hãy đi loan báo Nước Trời’” (9,59-60). Lần này thì Đức Giêsu đã đi bước trước. Ngài đã nhìn thấy gì nơi lòng người thanh niên này? Có thiện chí nhưng lại e ngại. Hẳn là Ngài đã tác động nơi anh ta. Người đàn ông xin hoãn lại; đúng là, một người Do Thái trong phận làm con thảo hiếu phải có nghĩa vụ chôn cất cha mẹ mình (St 50,5...). Câu trả lời của Đức Giêsu là bất khoan nhượng. Nước Trời cần được ưu tiên trên cả nghĩa vụ này, dù nó có thiêng liêng (Lc14,26). Sự sống đến trước cái chết. Ngoài ra, quyền lực của cái chết thì không quan trọng bằng ánh sáng của lời hứa sống đời đời.

Câu chuyện thứ ba như câu chuyện thứ nhất, nói về một người tuyên bố: “tôi sẽ theo Thầy nhưng cho tôi về từ biệt người thân trước đã”. Đức Giêsu trả lời: “ai đã tra tay cầm cày mà ngoái lại đằng sau⁷⁸ thì không thích hợp với Nước Thiên Chúa” (9,61-62). Người ấy chỉ đưa ra một điều kiện và có vẻ rất hợp lý: trong một hoàn cảnh tương tự, Êlisa đã được Êlia gọi làm môn đệ, Êlia đã ném áo choàng của mình trên môn đệ; Êlisa xin phép: “xin cho phép con về chôn cha mẹ con rồi con sẽ theo thầy” (1V19,20). Và Êlia đã cho phép ông về nhà mình. Nhưng Chúa Giêsu thì không cho phép. Những ngày sau cùng đã đến nên cũng sẽ có một lần quyết định sau cùng, kairos. Việc đi vào Nước Trời sẽ không cho phép trì hoãn. Ai có thể biết rằng ơn ban của Ngài hôm nay sẽ tiếp tục trong ngày mai? Bởi vậy trên hết nó không cho phép bất cứ ai ngoái lại đằng sau.

Ở tuổi 12, Chúa Giêsu đã quy hướng sự quan tâm của cha mẹ mình về Chúa Cha khi họ tìm kiếm Người trong đền thờ (Lc2,49). Tâm trạng của Ngài vẫn không thay đổi, thậm chí còn có tính cấp bách hơn cho những ai muốn theo Người trong “cuộc xuất hành - nâng lên” của Ngài. Người môn đệ Chúa Giêsu chỉ có một bận tâm là: “quên đi chặng đường đã qua, để lao mình về phía trước... tôi chạy thẳng tới đích, để chiếm được phần thưởng từ trời cao⁷⁹ Thiên Chúa dành cho kẻ được Người kêu gọi trong Đức Kitô Giêsu” (Pl3,13-14).

Hẳn một bài học tâm lý có thể được trình bày trong sự hy sinh ba lần này, sự đổ vỡ trong hình ảnh người mẹ (dấu chỉ của sự bảo vệ bên ngoài, an ủi gia đình) với hình ảnh của người cha (tiêu biểu cho tôn giáo của bốn phận bạn phải làm điều này và bạn sẽ được ở trong hàng ngũ, trong sự bảo đảm, trước những lệnh truyền của Thiên Chúa, của tình yêu), với những mối quan hệ họ hàng và gánh nặng áp lực, và tất cả điều này đều phục vụ cho mục đích đáng tin, trưởng thành, tự nguyện theo Đức Kitô trong sự mạo hiểm của tình yêu nhưng không.

Mỗi một con đường, lời mời gọi gợi hứng để người môn đệ mời Ngài đi vào lời cầu nguyện của Chúa Con, để trở thành một người con, để quy hướng tất cả con người Ngài về với Chúa Cha, tại đây và lúc này hầu bẻ gãy gông cùng đang ràng buộc cái tôi của Ngài. Ngài được mời lên cùng Cha, từ bỏ mọi sự

⁷⁸ Từ Tiếng Pháp dùng thêm: “unleashingly” (miễn trừ), (chú ý của dịch giả).

⁷⁹ Tiếng Hy Lạp là: “upward” (hướng lên, đi lên), (chú ý của dịch giả).

để tìm thấy sự sống đời đời, cung lòng Chúa Cha. “Vấn đề là được biết chính Đức Kitô, nhất là biết Người quyền năng thế nào nhờ đã phục sinh, cùng được thông phần những đau khổ của Người, nhờ nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô trong cái chết của Người, với hy vọng có ngày cũng được sống lại từ trong cõi chết” (Pl3,10-11).

Chúa Giêsu đã hoàn tất hành trình riêng của mình và Ngài được đặt ngồi bên hữu Chúa Cha. Tuy nhiên, Ngài không để chúng ta mò côi. Ngài đang hiện diện một cách sống động với chúng ta. Câu chuyện Emmau là minh chứng sống động cho sự hiện diện của Ngài (Lc 24,13-32).

Sau cuộc tử nạn của Ngài, hai môn đệ đã trở về một làng tên là Emmau. Họ từ Giêrusalem trở về. Họ buồn phiền, thất vọng và không hiểu những gì đang xảy ra. Tất cả niềm hy vọng của họ đều tan theo mây khói. Tuy nhiên, họ nói về những gì họ đã nhìn thấy và quả thực, họ đã tìm lại mình nhờ chất liệu của việc loan báo cuộc phục sinh của Đức Kitô trong ngày thứ ba: câu chuyện của những người đàn bà, thân xác bị lấy mất, nhìn thấy các thiên thần, lời chứng của những người đồng môn. Nhưng họ không thể móc nối các sự kiện ấy lại với nhau được. Họ không nhìn thấy. Chìa khoá không thuộc về họ. Một vị khách lạ đến gần và cùng đi với họ. Trước hết, Ngài lắng nghe trong thinh lặng, sau đó Ngài dẫn họ đến với Lời Chúa; Ngài làm cho họ hiểu được tất cả những gì xảy ra. Dự phóng của Ngài hiện ra trước mắt họ một cách sống động. “Không biết rằng...” lời này tóm lại lời đầu tiên của con trẻ Giêsu trong đền thờ (Lc2,49). Cuối cùng thì các môn đệ đã hiểu được. Lòng họ bùng cháy lên nhờ lời Chúa Giêsu chứa đựng Thần Khí, lửa mà Ngài mang đến là để cho nó bùng lên trên mặt đất (Lc 12,49). Ngài chữa lành trái tim họ, Ngài đánh thức đức tin trong những cõi lòng “chậm tin” (Lc 24,25).

Vì vậy đôi lúc cũng xảy ra cho chúng ta, chúng ta không hiểu được ý nghĩa của những gì chúng ta sống, ý nghĩa của con đường chúng ta đi. Thế rồi một ngày nào đó, ánh sáng sẽ toả rạng nhờ Thần Khí và Lời. Thật cần thiết biết bao... Chúa Giêsu Kitô chịu đau khổ thật là cần thiết - chính Đức Kitô chịu đau khổ, Ngài đã đi con đường của Ngài cùng với chúng ta tới chỗ rốt cùng của thế gian để rồi đi vào vinh quang.

Họ đã tiến lại gần làng và Đức Giêsu làm như còn phải đi nữa. Quả thực Ngài sẽ làm cho chúng ta thấm nhuần đức tin một cách sâu xa hơn. Đức tin không chỉ được nuôi dưỡng bằng lời lẽ suông mà còn nhờ một sự hiện diện. “Ở với chúng ta...” Rồi Ngài đã đi vào và ở lại với họ. “Ngài cầm lấy bánh dâng lời chúc tụng, bẻ ra và trao cho họ” (Lc24,36). Bánh hấp dẫn nơi sa mạc, bánh Cha ban, bánh mà Chúa Giêsu đã chia sẻ với những tội nhân, với những người Pharisêu, với các bạn hữu của Người, là bánh Thánh Thể của Ngài trao ban có khả năng làm cho sự sống chúng ta được thông phần với sự sống của Người, bởi lẽ Người đã chọn ngồi đồng bàn với chúng ta.

“Mắt họ được mở ra và họ đã nhận ra Ngài” (Lc24,31). Sự hiện diện của Chúa Giêsu được nhận ra một cách hoàn toàn trong giây phút này. “Người đã biến mất”. Ngài đã biến mất như một sự hiện diện có thể chạm tới, có thể nhìn thấy để có thể trở thành một hình ảnh của điều chúng ta đang sống. Bánh chia sẻ với một người anh em, nghi thức tưởng niệm hy lễ của Ngài làm cho Ngài hiện diện. Đáng phục sinh đang ở đó, sống động nhưng không nhìn thấy được, trong những yếu tố của tấm bánh bẻ ra nhưng cũng trong tấm bánh với những yếu tố và sự xuất hiện rất bình thường. Khi chúng ta vượt qua những yếu tố ấy, thì hẳn Chúa Giêsu cũng rất gần gũi, Ngài nhìn thấy chúng ta. Nhưng bây giờ để đức tin của chúng ta được sáng hơn, Ngài dẫn đưa chúng ta vào một sự hiện diện nội tâm hơn của đức tin: sự hiện diện của con người Ngài nơi Thánh Thể và các bí tích khác, hiện diện nơi Giáo Hội, nơi tấm bánh bẻ ra của một đời sống chia sẻ hằng ngày với anh em chúng ta. Bởi lẽ chúng ta cùng đi về một hướng, về với Chúa Cha.

Có hai người trong các bạn; hãy cùng đi với chúng tôi, và chúc các bạn thượng lộ bình an!

“Khi Chúa dẫn tù nhân Sion trở về,
Ta tưởng mình như giữa giấc mơ.
Vang vang ngoài miệng câu cười nói,
Rộn rã trên môi khúc nhạc mừng.
Bấy giờ trong dân ngoại, người ta bàn tán:
“Việc Chúa làm cho họ, vĩ đại thay!”
Việc Chúa làm cho ta, ôi vĩ đại!
Ta thấy mình chan chứa một niềm vui.

Lạy Chúa, xin dẫn tù nhân chúng con trở về,
Như mưa dẫn nước về suối cạn miền nam.
Ai nghẹn ngào ra đi gieo giống,
Mùa gặt mai sau khắp khởi mừng.
Họ ra đi, đi mà nức nở, mang hạt giống vãi gieo;
Lúc trở về, về reo hớn hờ, vai nặng gánh lúa vàng”.
(Tv125)⁸⁰ (Thuật Lại Cuộc Ly Biệt, bản Vulgata).

⁸⁰ Các Thánh Vịnh Giờ Nhỏ của ngày thứ ba cho đến thứ bảy là những Thánh Vịnh của những người hành hương lên Giêrusalem.